

THƯ QUÁN BẢN THẢO

SỐ 70 THÁNG 6- 2016

Chủ đề PHẠM NGỌC LƯU - BIÊN CƯƠNG HÀNH

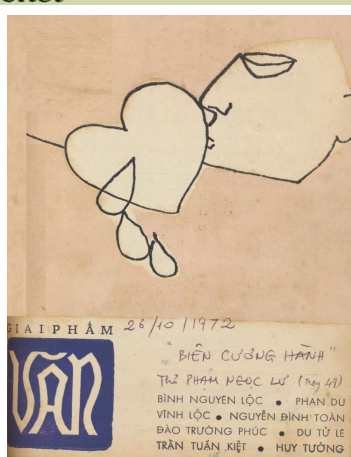


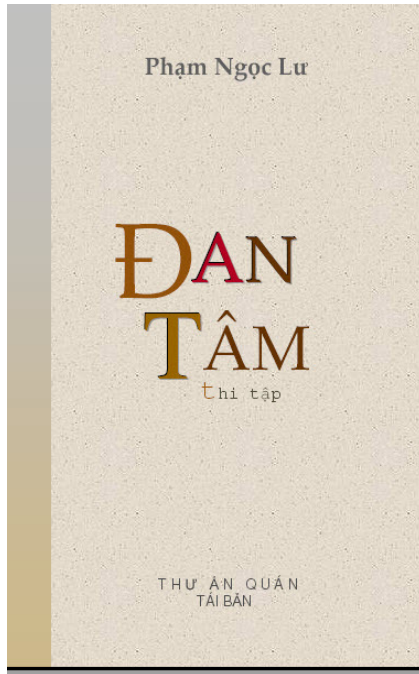
phạm ngọc lưu

thơ

biên cương hành

Biên cương, biên cương, chào biên cương
Chào núi cao rừng thâm nhiều nương
Máu đã nuôi rừng xanh xanh ngắt
Núi chập chùng như dãy mỡ chôn
Gồm, gió Lào tanh mùi đất chết
Thổi lấp rừng già bạt núi r
Mùa khô tới theo chân thù
Ta về theo cho rậm chiến
Chiến trường ném binh nh
Đoàn quân ma bay khắp b
Lớp lớp chồm lên đê bẹp n
Núi mang cao điểm ngút o
Đá mang dáng đắp hồn ch
Trơ vơ chóp núi đứng bằng
Khu chiến ngày tràn lan l
Đá Vọng Phu mọc khắp bi
Biên cương biên cương đi
Chưa hết thanh xuân đã c
Trông núi có khi lăm bốn
Ôm đá mà mơ chuyện yêu
Thôi em, sá chi ta mà đợi
Sá chi hạt cát giữa sa trường





Thi phẩm Đan Tâm, Thư Ấn Quán tái bản năm 2010
Sách dành tặng biếu khi có yêu cầu.

*Một tiếng "Vô thanh" thôi mà sóng âm dập dờn lay động
mọi trái tim. Sự sống mỗi chúng ta rồi sẽ có ngày kết
thúc, nhưng cái tiếng chùng như điệu âm vô thanh kia sẽ
mở ra một chân trời..., mà nỗi khát khao hay là giấc mơ
của thơ hướng mọi ý niệm về cái đẹp và sự vĩnh hằng!
Anh đã ký gởi vào đời sống này một cung bậc như thế, tôi
tin tiếng thơ linh thiêng ấy sẽ là gương mặt thi sĩ của anh
lung linh trong tâm hồn của tất cả những người yêu thơ
trên cuộc đời này!*
Vô Biên

Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật

TẬP 70, THÁNG 6 NĂM 2016

Chủ đề: Phạm Ngọc Lư

MỤC LỤC

Thư Tòa Soạn / 3

Sống và viết

- Thư Quán bản thảo (5), Phạm Văn Nhân (6,22), Phạm Cao Hoàng (16), Nguyễn thị Thanh Bình (19), Lâm Thúy (21), Huyền văn Thanh & Diễm Phụng (25), Trần Hoài Thư (27)

Chủ đề: Phạm Ngọc Lư

kỷ niệm về PNL

- THT : Tiểu sử & Hành trình văn chương (33)
- Trần Hoài Thư : Viết về một người bạn cũ (37)
- NG~ : Cà kê với bạn bè (43)
- Mang Viên Long : Một thuở Tuy Hòa (49)
- Viêm Tịnh : Đứng ở một góc đời (52)
- Hoàng Xuân Sơn : thơ (56)
- Cái Trọng Ty : thơ (57)
- Phan Ni Tấn : thơ (59)
- Phạm Cao Hoàng : Phạm Ngọc Lư, một đời tài hoa (60)
- Huyền Chiêu : Gặp Lư ở Tuy Hòa (62)
- Phan Xuân Sinh : PNL, người đi trước vận mệnh (67)
- Phạm văn Nhân : PNL, cuộc đời cuối cùng đã xô anh ngã (71)
- Vô Biên : Một nẻo quê chung (78)

nhận định văn thơ PNL

- Thư quán bản thảo : Những bài viết về PNL trên NET (82)
- Trần Hoài Thư : Lưu biệt và tính phổ quát trong thơ PNL (83)
- Nguyễn Vy Khanh : Vài cảm nghĩ về thơ và truyện của PNL (90)
- Tô Thẩm Huy : Đọc Đan Tâm, thơ PNL (106)
- Nguyễn Âu Hồng: Đọc truyện ngắn Tàn Đông (111)
- Lâm Thúy : Muốn đời còn mãi tấm lòng son (116)

Những sáng tác của Phạm Ngọc Lư:

Truyện ngắn

Cây ngọc lan trong vườn (126), Mộng thấy mình đã chết (137), Một chuyện tình phải quên đi (142), Tàn Đông (156), Sợi khói bay vòng (166), Nhà hẻm (178), Tình Hoài (191), Hà Châu (205)

Thơ

Giã từ thế kỷ (48), Nhỏ nhoi hạt bụi (55), Hoa ổi (70), Đề thơ trước mộ thanh xuân (75), Lưu biệt (83), Biên cương hành (91) Thâu đêm trần trọc nghe mưa (93), Cố lý hành (94), Bên sông (95), Sóng vỗ (110), Bâng khuâng mùa rụng (115), Sân ga (136), Ngày xưa An Cựu (155), Nhớ làng (190), Huế ngày về (217), Bụi đỏ (219), Trên đèo Bình Đê (220), Bên vườn hương ngọc lan (224)

Di sản văn chương miền Nam :

- Lê Huy Oanh: Thế Lữ, Vũ Hoàng Chương, Hàn Mặc Tử... (225)

Giới thiệu sách (282)

Giữa tòa soạn & thân hữu (285)

Trình bày bìa: THT

In tại cơ sở Thư Ấn Quán

Liên lạc

Trần Hoài Thư

719 Coolidge st

Plainfield, NJ 07062 USA

Email: tranhoaithu16@gmail.com

Cell: (908)9308743

THƯ TÒA SOẠN

Lại thêm một lần, từ một basement của một căn nhà 719 Coolidge, những tập báo được phát hành và được gửi đến bạn đọc.

Số báo này ra sớm hơn dự trù một tháng. Lý do :Nhà thơ Phạm Ngọc Lư đang bị cơn bệnh ngặt nghèo là ung thư ừa chụp, phải nằm bệnh viện Ung Bướu Đà Nẵng.

Chúng tôi muốn số báo này như là một món quà ý nghĩa bao gồm văn chương và tinh thần của chúng tôi và của thân hữu gửi về một người đã đóng góp trong việc bồi đắp một nền văn học thời chiến miền Nam cũng như nói lên lòng khâm phục về cái tiết tháo của kẻ sĩ sau năm 1975 mà anh đã thể hiện:

Không thèm ăn thóc nhà Chu

Bỏ về quê ăn cỏ

....

Dám chê rượu nhà Tần

Thứ rượu cung đình của phường hiển vinh phú tộc

Tuổi mới ba mươi

Có ai ngờ ta uống hèn nuốt nhục

Lấy giẻ rách che tai

Cắm chông gai rào miệng

Nhặt nhanh gia tư ít đồ tế nhuyễn

Trèo lên xe trâu

Lui về quê kiểng...

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn những bằng hữu xa gần đã đóng góp bài vở - mặc dù trong thời gian ngắn - hầu giúp số báo này được dồi dào phong phú.

Riêng về mục Di sản văn chương miền Nam, kỳ này chúng tôi đăng lại một thiên khảo luận của nhà phê bình nhận định văn học Lê Huy Oanh về ba tác giả lớn của nền thi ca tiền chiến: Thế Lữ, Vũ Hoàng Chương và Hàn Mặc Tử. Bài này

được đăng trên giai phẩm Văn tháng 8-1974.

Về phần Sống và Viết, kỳ này, TQBT dành nhiều trang cho những tình cảm của bạn bè trong lần viếng thăm chị Nguyễn Ngọc Yến ở Nursing Home Ashbrook NJ. Chị Yến đã góp phần lớn trong việc thực hiện và duy trì tạp chí Thư Quán Bản Thảo cũng như nhà xuất bản Thư Ấn Quán bằng cách cùng anh THT lái xe lên các thư viện đại học như Yale, Cornell để sưu tầm bài vở, tiếp tay trong việc phát hành, dán tem, bỏ báo vào phong bì, hoặc có khi hì hục cùng chồng khiêng những thùng giấy nặng trĩu mua với giá rẻ giữa bãi tuyết ngập chân.

Mất cánh tay của chị là cả một sự thiệt thòi rất lớn cho tòa soạn TQBT !

Cuối cùng, xin gửi đến quý bạn đọc những lời chúc chân thành của chúng tôi: may mắn, bình an, sức khỏe.

(Phạm văn Nhân và Trần Hoài Thư)

Chủ trương TQBT

SỐNG VÀ VIẾT

Thư quán bản thảo Về bìa của một số báo

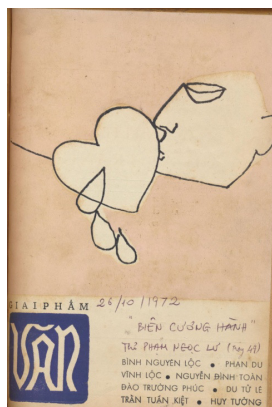
Cách đây rất lâu, dễ chừng trên 10 năm có lẽ, một bạn đọc Thư Quán Bản Thảo nhờ chúng tôi sưu tập giùm anh bài thơ *Biên Cương Hành* của Phạm Ngọc Lư. Anh cho biết là anh đã đọc nó trên đài Thường Đức, Quảng Nam trong khi chờ trực thăng đến để tải thương... Thời gian anh cho biết là năm 1972.

Chúng tôi đã giúp anh tìm được bài *Biên Cương Hành* trên Văn qua thư viện đại học Cornell. Sau đó bài thơ được phổ biến trên TQBT, trên NET, và được nhiều người biết, cũng như viết về nó. Đa số người viết đều nhận định nó là bài hành hay nhất trong văn chương thời chiến.

Tuy nhiên có một sự ngưỡng mộ rất đặc biệt. Đó là việc một bạn đọc đã "redesign" (tái trình bày) giùm cái bìa số Văn có bài *Biên Cương Hành*. Và anh tặng lại TQBT số báo này... Đây là hình scan cái bìa giai phẩm Văn phát hành ngày 26-10-1972:

Trên bìa, anh ghi thêm :
26/10/1972
Biên Cương Hành
Thơ Phạm Ngọc Lư (trang 49)

Điều này chứng tỏ là sự ngưỡng mộ của người đọc giả dành cho *Biên Cương Hành* là to lớn đến dường nào. Và anh muốn người cầm cuốn báo mà anh tặng là nên tìm đọc nó, chú tâm đến nó trước hết, mặc dù bút hiệu của tác giả *Biên Cương Hành* không được ghi ở ngoài trang bìa.



Vâng, thưa anh, chúng tôi đã đọc nó trước hết. Và sẽ chụp in và đóng lại in hết như tờ báo, với cái bìa mà anh "redesign" để gửi đến những bạn nào cần muốn đọc. Xin nhắc lại muốn đọc như chủ trương: Sách in theo yêu cầu (Book on demand).



Phạm văn Nhân

Gặp anh Đặng Tiến tại Houston

Vào ngày 16 tháng 4 năm 2016, đang ngồi uống cà phê tại Nguyễn Ngọc, Houston, nhà thơ Phan Xuân Sinh nói với tôi là anh chị Đặng Tiến từ bên Pháp mới qua. Tôi hỏi anh có số điện thoại của anh Đặng Tiến không, cho tôi xin? Khi về nhà anh Phan Xuân Sinh gọi cho tôi nói là đã cho số điện thoại của tôi cho anh Đặng Tiến rồi.

Đêm đó, anh ĐT gọi cho tôi. Hai anh em nói chuyện thật vui. Ngay từ lúc đầu, anh rất ủng hộ việc làm của anh Trần Hoài Thư, và cũng ngay từ ngày đầu đó cho mãi đến hôm nay anh vẫn trân quý việc làm của nhóm chủ trương Thư Quán Bản Thảo. Từ đó, tình cảm giữa chúng tôi có một cái gì đó rất thân tình trên tinh thần của người cầm bút biết trân quý nhau. Qua những cuốn sách mà Thư Quán Bản Thảo đã xuất bản. Qua những lần giới thiệu với bạn bè của anh, cũng như qua những bài viết mà anh đã dành cho TQBT.

Ngày 20/4/2016 nhà thơ Tô Thắm Huy mời anh Đặng Tiến và những người mà anh quen, trong đó có tôi, Phan Xuân Sinh, Cái Trọng Ty, Lương Thư Trung, vợ chồng anh Tô Thùy Yên

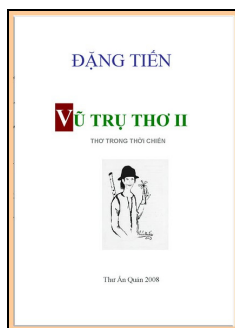
đi uống cà phê tại một cửa tiệm cà phê mang tên Pháp " la madeleine " rồi sau đó đi ăn tối. Ngồi uống cà phê buổi chiều thật vui và đầm ấm. Một buổi uống cà phê mà tôi nhớ mãi . Bên ngoài trời như muốn đổ mưa. Ngồi trước hiên của ngôi quán những câu chuyện văn nghệ văn gừng của một thời miền nam cũ được khơi lại qua sự hiểu biết của anh Đặng Tiến và anh Tô Thùy Yên kể cho anh em nghe. Một nền văn học không thể chối bỏ được đây tính nhân bản từ năm 1954 đến 1975. Khi nói chuyện, tôi có cho anh Tô Thùy Yên xem bài viết của anh Nguyễn Đạt viết về một quán cà phê ở Sài Gòn có tên: Chiêu Anh Quán nằm trên đường Hoàng Sa bên bờ kinh Nhiêu Lộc có viết một đoạn thơ trong bài *Ta Về* của anh Tô Thùy Yên trên vách. Bài *Ta về*, được anh Cái Trọng Ty hỏi anh TTY trong trường hợp nào anh sáng tác bài thơ này. Chúng tôi được biết thêm sau một lời giải thích của nhà thơ thật thú vị khi anh còn ở trong trại cải tạo.

Bên cạnh đó , qua bài viết của Nguyễn Đạt có thấy trên kệ sách của quán Chiêu Anh còn có những tập sách do Thư Ấn Quán của hai anh Trần Hoài Thư và Phạm Văn Nhân bên Mỹ in và phát hành. Xin trích một đoạn:

Chúng tôi xúc động khi thấy những quyển sách của Thư Ấn Quán do nhà văn Trần Hoài Thư và nhà văn Phạm Văn Nhân chủ trương thực hiện tại Hoa Kỳ. Những quyển sách này là công trình lưu giữ di sản văn hóa văn nghệ của miền Nam tự do, trong đó bao gồm 2 Tuyển Tập Thơ Miền Nam Thời Chiến; 1 tuyển tập thơ lục bát; 1 tuyển tập truyện ngắn...

Anh Nguyễn Đạt khi thấy những ấn phẩm của Thư Ấn Quán in , anh xúc động. Còn Trần Hoài Thư, anh rất vui khi đọc bài viết này trên Người Việt online, gởi ngay bài viết của Nguyễn Đạt qua cho tôi để chia sẻ. Vui. Quả thật tôi rất vui khi thấy những tác phẩm sau một thời lưu lạc được chúng tôi tìm lại và đánh máy in ra trong tủ sách di sản văn chương Miền Nam , không biết sao những tập sách này lại có ở quán cà phê của cô Chiêu Anh. Và, cũng vui lắm, khi có người bạn cùng quê với tôi, anh Hữu Định, đang định cư tại Dallas cũng gởi bài viết của anh Nguyễn Đạt đến tôi để chia sẻ cùng với tôi.

Vâng, như anh Đặng Tiến đã viết vào năm 2008 cho tập “*Thơ Miền nam Trong Thời Chiến*”, đi lại trên Vũ Trụ Thơ tập II của anh, cũng do Thư Án Quán xuất bản. Anh viết: ...*tham vọng của sách Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến là ghi lại những tác phẩm đang xiêu lạc, của một số tác giả ít được biết đến, mai kia sẽ chìm trong quên lãng. Nó là " nguồn tài liệu cho những nhà phê bình, những người nghiên cứu "....." tham vọng cũng là tâm vọng của người biên tập "* suốt cả mấy trăm trang với trên 220 tác giả, ngồi đánh lại như gõ ngay chính tim mình những điều đau buốt lẫn bồi hồi. Tội tình cho cả một thế hệ. Chiến tranh nào có gì vui... (hết trích)



Vũ Trụ Thơ tập I & II của Đặng Tiến, Thư Án Quán xuất bản 2008



(Tô Thẩm Huy, Cái Trọng Ty, vợ chồng Phan Xuân Sinh, vợ chồng Tô Thùy Yên, Anh Đặng Tiến - Ảnh PVN) chụp tại quán cà phê : la Madeleine.

Chiều Anh Quán ở ngay Sài Gòn, tôi chưa ghé đến một lần. Nhưng đọc bài viết của Nguyễn Đạt, những lời động viên của anh Đặng Tiến như một thôi thúc cho anh Trần Hoài Thư và tôi vẫn phải làm cái gì đó cho những tác giả và những tác phẩm đã một thời lưu lạc.

...ngồi đánh lại như gõ ngay chính tim mình những điều đau buốt lẫn bồi hồi. Câu viết của anh THT mà anh Đặng Tiến trích lại như hiểu thấu cái tâm của những người chủ trương tủ sách di sản văn chương miền nam.

Cũng như ngày gặp anh ở Houston, cũng là ngày **Thư Quán Bản Thảo 69 phát hành với chủ đề MAI**. Một bán nguyệt san sống tới 6 năm. 6 năm đã sản sinh ra nhiều cây viết tên tuổi sau này ở miền nam, do ông Hoàng Minh Tuynh chủ trương. Được biết anh Đặng Tiến là người cộng tác cho MAI và là người bạn rất thân với ông Hoàng Minh Tuynh cho nên tôi gọi điện thoại cho Trần Hoài Thư đề Thư và anh Đặng Tiến nói chuyện với nhau. Tôi ngồi nghe. Vui lắm, những câu chuyện văn nghệ đời thường làm cho tôi vui lây, sống lại ở cái

tuổi đôi mươi khi mới bắt đầu tập tễnh cầm bút.

Những ngày anh ở Houston, anh hỏi tôi về anh Trần Bang Thạch. Tôi nói anh cũng ở Houston. Anh Đặng Tiến muốn gặp cho biết. Và, hai anh gặp nhau, cũng chỉ là những câu chuyện vui "văn nghệ" và hỏi thăm về sức khỏe. Cái hay trong tình văn nghệ, dù ở đâu, anh em bốn biển cũng là nhà không phân biệt người đi trước người đi sau. Cái tình văn nghệ ấy đầm thắm và chứa chan tình người. Cho nên anh ĐT lúc nào cũng nói và muốn gởi cho THT một ít tiền để Thư làm văn học. Dù ít, chỉ 100 đô thôi. Tôi với anh Trần Bang Thạch không nhận. Tôi phải nói láo cho anh yên tâm(xin lỗi anh ĐT) là anh Cái Trọng Ty đã gởi cho anh Trần Hoài Thư 400 đô vừa rồi để ủng hộ TQBT. Nhưng lần nào gặp anh, anh cũng trách tôi là sao không nhận tiền của anh để gởi cho Trần Hoài Thư. Anh nói: Thư ngớ vậy mà tội. Suốt đời chỉ lo cho văn chương chữ nghĩa, mà còn phải lo cho vợ bị bệnh nữa. Tôi nói với anh : Thư là con một sách mà. Không có chữ nghĩa con một nó chết khô.

Nói láo với anh ĐT Cái Trọng Ty gởi cho 400 Đô (Tôi quan niệm nói láo mà không hại ai là không mang trọng tội với bạn bè). Nói lại cho Ty nghe. Ty cười. Như vậy là tôi được tiếng thơm lây. Nhưng dù gì Cái Trọng Ty cũng gởi ủng hộ THT 100 đô cho TQBT. Tôi nhận. Tấm lòng của những anh bạn cầm bút sao mà cao quý quá...

Một Đêm Không Ngủ Đi Thăm Trần Hoài Thư

Chân tôi mới mổ. Còn chống gậy. Tôi hay nói chơi : chiếc gậy Trường Sơn. Đi đâu cũng phải chống nó. Đi ra chợ mua món hàng gì đó cũng phải chống nó. Đi đứng còn khó khăn. Muốn đi thăm Trần Hoài Thư và chị Ngọc Yến đang nằm trong nursing home mà đi không được. Muốn lắm. Vợ tôi cứ nhắc hoài. Làm sao mà đi.

Gọi điện tâm sự với anh Trần Bang Thạch, một người bạn văn

ở Houston với tôi, anh cũng rất thân với THT và chị Ngọc Yến vì cùng quê ở Cần Thơ. May quá, anh đồng ý ngay. Anh Thạch rủ anh Lê Cần Thơ và anh Phạm Quang Tân. Hai anh này chủ trương tạp chí Văn Học Việt Nam ở Houston. Thế là chúng tôi gồm bốn người qua thăm anh Trần Hoài Thư và chị Ngọc Yến. Đi thứ bảy (7/5/2016) về ngày chủ nhật 8/5/2016. Chỉ một ngày thôi vì tôi còn phải chăm sóc cho bà xã tôi. Bà cũng không được khỏe. Một ngày đối với tôi là hạnh phúc lắm rồi vì lâu quá tôi không qua thăm gia đình người bạn tôi.

Không ngờ chiều thứ sáu (6/5/2016) nhà thơ Phạm Cao Hoàng từ bang Virginia gọi điện cho tôi nói là ngày thứ bảy hai vợ chồng Phạm Cao Hoàng và Cúc Hoa, cùng với nhà thơ Lãm Thúy và nhà văn Nguyễn Thị Thanh Bình cũng muốn lên thăm anh Trần Hoài Thư và chị Yến kết hợp thăm tôi luôn thể, khi nghe tin tôi qua . Nghe PCH nói tôi mừng và vui quá đôi. Đêm thứ sáu tôi thức cả đêm, trần trọc không sao ngủ được, trông mau tới sáng chờ anh Trần bang Thạch đem xe tới chờ lên phi trường.

Tội cho ba người bạn; vì chân tôi đi chưa bình thường, phải chống gậy. Cho nên các anh mang giùm cái xách tay, và dìu tôi đi. Từ phi trường về nhà THT khoảng hơn 25 phút (?) thì phải . Trời New Jersey đêm qua mưa. Nước mưa còn đọng trên đường đi và bầu trời âm ỉ. Nhưng, ngồi trên taxi lòng tôi vui, một nỗi vui khó nói lắm. Đường về nhà của người bạn tôi hai bên đường cây cao bóng cả. Những con phố xe chạy qua buồn tênh. Tôi không gọi điện báo trước cho Thư. Khi xe taxi đậu trước nhà , tôi gọi điện. THT cứ nghĩ tôi gọi từ Houston. Tôi bảo ra mở cửa: tôi đang đứng trước nhà bạn đây. Cánh cửa mở, Thư la lên khi thấy 4 anh em chúng tôi đứng trước nhà. Tiếng la của Thư òa vỡ. Nụ cười sáng khoải ngày nào của Thư khi chúng tôi còn trong quân ngũ. Tôi ôm choàng lấy Thư, như thuở nào. Lâu lắm rồi , hằng mấy mươi năm mới gặp lại.



PVN, THT (Tuy Hòa - 1968)



(Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhàn 7/5/16)

Vào nhà , nhà anh THT đông vì có những người bạn anh đến thăm (hình như đột xuất) cho nên anh Thư cũng không biết trước là có tôi qua. Những người ấy tôi không quen, cho nên phải nói thật là mất tự nhiên đối với tôi.

Thăm anh chị, nhưng lòng tôi muốn xem cơ ngơi in ấn của Thư Ấn Quán ra sao mà tôi với anh chủ trương : Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam. Nói là hai người, nhưng thật sự công việc làm đều do một tay anh THT chăm sóc. Từ in ấn, đóng, cắt xén đều do anh làm cả. THT đưa tôi với anh Trần Bang Thạch, Lê Cần Thơ, Phạm Quang Tân xuống hầm nhà (basement) để giới thiệu chúng tôi cơ ngơi in ấn của Thư Ấn Quán.

Một cầu thang nhỏ để xuống basement và từ nơi đây tôi nhìn bao quát thấy những máy móc in , cắt, đóng bìa hoàn toàn bằng thủ công do anh tự tìm kiếm, sáng chế ra để tạo nên những đầu sách có giá trị trong văn học miền Nam.

Tôi nhìn qua cái máy cắt rất cũ xử dụng bằng tay, rồi nhìn lại anh. Với thân hình gầy còm như thế. Thế mà làm sao những cuốn sách dày 700, 800 trang mà anh cắt được. Nói thật tôi phục anh. Cái ý chí của một người lính thám kích năm xưa chưa biết bỏ cuộc, thì hôm nay anh đã bộc lộ được cái bản năng sinh tồn của một đầu óc thông minh không bao giờ chịu khuất

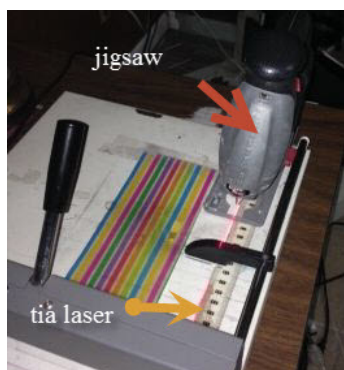


phục trước một nghịch cảnh. Nhất là hiện nay. Một mình phải lo chăm sóc chị Yến ở Nursing Home. Tôi nhìn lại một người bạn của tôi, anh Nguyễn Minh tạp chí Ý Thức ngày xưa và nay là Quán Văn đang sinh hoạt ở VN. Giữa cái khung nhà in chật chội của Thư Ấn Quán và nhà in của anh Nguyễn Minh ở Sài Gòn (dù nhà anh Nguyễn Minh cũng rất nhỏ hẹp) khác



xa. Khác xa lắm. Bỗng dưng tôi có cái so sánh vì THT và Nguyễn Minh đều là những người bạn thân của tôi. Hai người đều đam mê chữ nghĩa. Hai người đều đam mê in ấn. Những máy của NM hiện đại bao nhiêu thì của Thư Ấn Quán chỉ

hoàn toàn là thủ công bấy nhiêu. Thủ công đúng nghĩa.



(máy xếp gáy bìa - dùng tia laser từ máy cưa Jigsaw để điều chỉnh những bìa sách in không cân đối - Ảnh PVN)

Từ cái cưa (Jig Saw) một loại cưa gỗ nhỏ để xẻ những miếng gỗ mỏng (xẻ thẳng hay tròn cũng được, vì là nghề của tôi) nhưng với THT anh đã biến nó thành một cái máy laser phát ra tia sáng màu đỏ ngay thẳng để dùng trong việc xếp gáy sách đến cái chảo điện (fried pan) đóng 9, 10 tập sách một lần. Sự mày mò, óc sáng tạo trí thông minh của THT phải nói là tuyệt vời. Những đầu sách anh gợi qua cho tôi, dù dán keo hay khâu chỉ đều làm chẳng khác nào như một nhà in công nghiệp, hiện đại. Rất đẹp mà còn làm nhanh nữa. Đến nỗi anh Đặng Tiến ca ngợi THT hết mình về công nghệ đóng sách của THT.

Buổi chiều THT đưa chúng tôi vào thăm chị Yến. Anh Thư hỏi chị có nhớ ai không? Chỉ nói vách vách từng tên. Nào Danh, nào Viện, nào Tân , nào Hạ Uyên, và chị quên tôi. Sau anh Thư nói tên chị à lên một tiếng và nói PVN. Nhìn anh mập quá. Anh em chúng tôi cười, chị cười rất vui. Sau đó chị còn hát cho chúng tôi nghe bài Ngậm Ngùi mà Phạm Duy phổ nhạc qua thơ của Huy Cận, qua bắt giọng của cô Hạ Uyên. Tiếng hát của chị không thanh lắm nhưng chị rất nhớ từng con chữ , từng lời.

Vào khoảng 5 giờ chiều, anh em từ Virginia tới: Phạm Cao Hoàng, Cúc Hoa, Lâm Thúy, Nguyễn Thị Thanh Bình ,và quay quanh giường chị nằm. Cúc Hoa khóc nhiều khi nhìn thấy chị. Ai cũng thương và quý mến.

Tôi về lại nhà anh THT, chúng tôi ngồi ăn chung một bàn do các em như Lâm Thúy, Thanh Bình và Cúc Hoa làm bữa ăn gia đình mang theo. Chúng tôi ngồi lại với nhau, nói đủ chuyện, về bạn bè, về văn chương. Vui quá, tôi ăn ít, thấy no. Tôi nghe PCH nói là hai vợ chồng phải đi làm ngày thứ bảy. Nghe tin tôi qua thăm anh chị THT. Hai cô em Lâm Thúy và Thanh Bình nói là phải đi kết hợp một cuộc thăm và gặp mặt. Do đó mà PCH và Cúc Hoa (vợ PCH) phải xin hăng nghỉ, về sớm để đi. Tấm lòng ấy làm cho tôi cảm động quá. Cảm ơn những người bạn tuyệt vời. Tôi vui lắm khi gặp lại bạn tôi (THT) . Và tôi cũng vui lắm khi gặp lại PCH. 45 năm hơn rồi phải không? Từ khi bạn không còn dạy học ở Duồng nữa.

Trong ngôi nhà 719 của anh Trần Hoài Thư. Với tôi là quá tuyệt vời, dù chỉ là một đêm ngắn ngủi, nhưng trong đêm hôm ấy, tôi đã có được những đóa HOA QUỲNH nở trong đêm tặng tôi. Quỳnh Hoa thơm ngát trong đêm. Để rồi 11 giờ đêm hôm ấy những người bạn của tôi lại từ giã anh THT và chúng tôi trở lại nhà. Nhưng với tôi gặp lại gia đình Phạm Cao Hoàng, Gia đình Trần Hoài Thư, Lâm Thúy, Nguyễn Thị Thanh Bình là tôi vui lắm. Hương Quỳnh hoa vẫn còn động mãi trong tôi. Tuyệt đẹp và trắng ngần. Đêm từ giã bạn tôi, phải trở lại Houston. Cũng như đêm tôi đi qua thăm bạn. Tôi không ngủ được, ngồi nơi phòng khách mà đọc tập thơ: **Trón Vào Giấc Mơ Em** của Nguyễn Thị Thanh Bình . Một bài hát tôi nghe đã lâu. Không ngờ là của Nguyễn Thị Thanh Bình do Phạm Duy phổ. Cô Khánh ly hát. Bài **Thuyền Say**. Tôi nói với Lê Cận Thơ như vậy.

Những câu hát trong **Thuyền Say** thật lãng mạn. Thật nhẹ nhàng. Có phải đây cũng là món quà vô tình tôi có được trong đêm nay, tại ngôi nhà của bạn tôi. Ngôi nhà mang con số 719 này khi tôi gặp lại những người bạn mà tôi hằng yêu mến. Thật vậy. Chuyến đi thật kỳ thú. Cho mãi tới hôm nay, ngồi viết bài này, trong tôi vẫn còn ngập niềm vui.
(Houston, 12/5/2016)



Ảnh PCH – New Jersey, May 7.2016

Phạm Văn Nhân ở Texas điện thoại cho tôi: “*Thứ bảy tới, 7 tháng 5, Phạm Quang Tân, Trần Bang Thạch, Lê Cần Thơ và tôi sẽ qua New Jersey thăm vợ chồng Trần Hoài Thư. Nghe đâu chị Yến yếu lắm. Ông sắp xếp qua New Jersey thăm chị Yến sẵn dịp anh em mình gặp nhau luôn. Mấy mươi năm rồi chưa gặp nhau*”.

Từ hôm Trần Hoài Thư sang Virginia tiễn đưa anh Đinh Cường đến nay cũng đã hơn 4 tháng. Chúng tôi có bàn với nhau sẽ cùng sang thăm chị Yến nhưng chưa kịp đi thì bữa nay Phạm Văn Nhân rủ. Một công hai chuyện, thực hiện chuyến đi vào cuối tuần này quả là cần thiết nhưng lại nhằm vào ngày Mother’s Day nên số người tham dự không thể đông đủ như đã dự định, và chúng tôi quyết định đi nhưng phải quay về ngay trong đêm để kịp sáng hôm sau tham gia các sinh hoạt của gia đình nhân ngày Mother’s Day. Một giờ chiều, bốn người chúng tôi (Thanh Bình, Lãm Thúy, Cúc Hoa, Phạm Cao Hoàng) khởi hành. Lãm Thúy, người lái xe đường trường giỏi, cầm lái trong chuyến đi này. Có dịp đi xa cùng với Thanh Bình và Lãm Thúy là điều chúng tôi rất vui vì đây là những người bạn rất mực tài hoa và tốt bụng.

Gần 6 giờ chiều, chúng tôi đến New Jersey. Khi đến nơi, ngoài nhóm bạn 4 người từ Texas đến, chúng tôi bất ngờ gặp ba nhóm nữa cũng đến thăm vợ chồng Trần Hoài Thư;

gồm luật sư Cù Huy Hà Vũ và luật sư Dương Hà từ Chicago, anh Hoàng Long và chị Hạ Uyên từ Boston và vợ chồng anh Nguyễn Quang Khánh từ Pennsylvania. Cùng trong một ngày, không hẹn trước mà 5 nhóm bạn từ 5 tiểu bang xa xôi – người thì đi máy bay, người thì lái xe đường trường – tụ hội về đây thăm Trần Hoài Thư và Nguyễn Ngọc Yến.

Còn gì vui hơn!

Việc đầu tiên là vào nursing home ngay để thăm chị Yến. Chị ở trong một căn phòng được ngăn làm đôi bằng một bức màn, phía trong dành cho chị, phía ngoài dành cho một cụ bà người Mỹ trắng. Không còn nữa những ngày cùng Trần Hoài Thư xuôi ngược rong ruổi vào các thư viện Mỹ tìm kiếm các tác phẩm văn học miền nam 1954-1975. Đã hơn 3 năm rồi chị nằm một chỗ, chỉ còn bàn tay phải là cử động được. Chị bật khóc khi nhìn thấy chúng tôi. Cả Thanh Bình, Lâm Thúy và Cúc Hoa đều đến ôm lấy chị. Chị vẫn còn tỉnh táo, nhớ rõ tên từng người. Ở đây, dịch vụ chăm sóc được thực hiện 24/24. Ngày cũng như đêm, bất cứ lúc nào, cần gì, chị chỉ cần bấm chuông là y tá đến ngay. Mỗi ngày Trần Hoài Thư vào thăm chị hai hoặc ba lần, giúp chị ăn uống và một số công việc. Thật ra, nursing home có đầy đủ các bữa ăn cho chị nhưng chị không quen với thức ăn Mỹ nên Trần Hoài Thư phải làm thức ăn Việt Nam mang vào. *Đời là bể khổ*, điều này chắc chắn là quá đúng đối với chị. Một thời chiến tranh chồng gian nan ngoài mặt trận. Một thời hòa bình chồng phải nhọc nhằn tù tội. Những ngày Trần Hoài Thư đi bán cà rem ở Cần Thơ. Rồi vượt biên suýt mất mạng vì hải tặc Thái Lan. Mấy chục năm vất vả nơi xứ lạ quê người, đời chưa yên vui thì bây giờ nằm đó cùng với nỗi buồn bất tận. Biết bao lần tôi tự hỏi tại sao có những người ở hiền nhưng không gặp lành, và chị Yến nằm trong số đó.

Rời nursing home, chúng tôi về nhà Trần Hoài Thư dùng bữa ăn tối đã chiến với thức ăn do Thanh Bình, Lâm Thúy và Cúc Hoa mang từ Virginia sang. Phạm Văn Nhân nói với tôi anh rất xúc động khi nhìn thấy hình ảnh các cô vui vẻ xào nấu thức ăn trong bếp và mang ra phục vụ cho mọi người. Chúng tôi

cộng ly chúc mừng một tình bạn lâu dài và bền vững gần 50 năm kể từ thời ở Khu 6 Qui Nhơn. Chúng tôi có dịp hàn huyên với anh Trần Bang Thạch – trong nhóm chủ trương tạp chí Thư Quán Bản Thảo giai đoạn đầu và các anh Phạm Quang Tân, Lê Cần Thơ – những người chủ trương tạp chí Văn Hóa Việt Nam, một tạp chí đã có mặt ở Texas 19 năm qua. Gác nỗi buồn một bên, Trần Hoài Thư kể lại cho mọi người nghe thời mới quen chị Yến. Chị có cảm tình với anh qua một truyện ngắn của anh đăng trên tạp chí Văn rồi qua sự giúp đỡ của tòa soạn tạp chí này, chị liên lạc được với anh, quen nhau, yêu nhau, chia sẻ với nhau giấc mộng văn chương, rồi se tơ kết tóc sống với nhau cho đến bây giờ. Anh say sưa nói về những công trình anh và chị Yến đã thực hiện được trong tủ sách *di sản văn chương miền nam* và tạp chí Thư Quán Bản Thảo. Rất nhiều người ở hải ngoại cũng như trong nước yêu mến Trần Hoài Thư và Nguyễn Ngọc Yến vì công lao của anh chị trong việc sưu tầm, in ấn và phổ biến các tác phẩm văn học miền nam 1954-1975.

Câu chuyện có thể kéo dài đến hết đêm nay vẫn chưa dứt nhưng đã đến giờ chúng tôi phải chia tay để trở về Virginia. Rồi New Jersey lúc 10 giờ đêm trong cái lạnh se se của thành phố Plainfield, chúng tôi không khỏi ngậm ngùi khi nhớ lại hình ảnh chị Yến trong nursing home chiều nay. Trên đường về chúng tôi cảm thấy rất vui vì đã thực hiện được một chuyến đi đáng nhớ trong điều kiện thời gian gấp gáp và eo hẹp. Xe chạy suốt đêm, câu chuyện trên đường xa vẫn giòn giã, và đến 3 giờ sáng thì về đến nơi. Thời tiết hôm nay thật đẹp. Những người đi chung chuyến xe với tôi cùng những người bạn mà chúng tôi gặp lại ở New Jersey cũng đều thật đẹp.

Phạm Cao Hoàng

Virginia, May 8, 2016



Phía trước Ashbrook Nursing Home (New Jersey) - Ảnh NQK, May 7, 2016

Từ trái: Trần Bang Thạch Cúc Hoa Thanh Bình Trần Hoài Thư Lâm Thúy Phạm Văn nhàn Phạm Cao Hoàng Lê Cần Thơ Phạm Quang Tân

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH *ĐỪNG HỎI NỮA*

(Viết cho những hạt lệ của chị Yến ở nursing home NJ)

Đừng hỏi nữa em giấu nỗi buồn nơi đâu
Vì ngay cả nỗi buồn cũng chẳng còn tên gọi
Tên gọi nào cho mấy nỗi đơn côi
Em chỉ biết có bao điều không nói

Điều không nói là tình si cầm nín
Bủa sương mù lấp kín những hoài nghi
Trái đất này nối tiếp những điều chi
Mà điệp khúc xoay cuộc đời không ngưng nghỉ

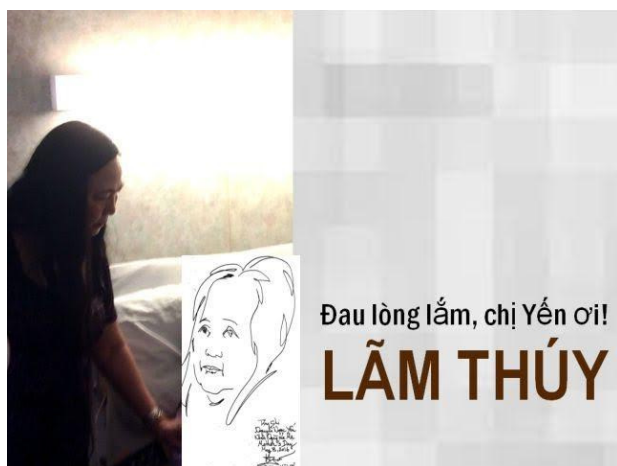
Đừng hỏi nữa sao bốn bề thình lặng
Một lời kêu còn nguyện tới sao băng
Mưa đã tạnh và hồn đang tới hẳn
Những đổi giăng chờ nắng tới được chẳng

Đừng hỏi nữa khi ngoài đời chưa xong được
Mà bên trong em mọi chuyện đã an bài
Ngày nơi đây những chiếc giường bãi hoải
Ghé qua làm chi rồi tội bước chia tay

Là thi sĩ anh đâu thể nào không viết
Phải mất bao nhiêu điều cho những bài thơ mang tên Trần
Hoài Thư
Những trang đời có máu đạn anh em trên những chiến trận
nhớ nhà sâu da diết
Đừng hỏi nữa chỉ trời thấu hiểu sao em còn khóc những giọt
ưu tư
Sao trắng xứ người không cất giữ giùm em mấy nỗi long
lạnh
Ôi Cần Thơ... cho một loài chim lạc đã vỡ cánh.

Nguyễn Thị Thanh Bình

Virginia, May 9, 2016



Lãm Thúy – Ashbrook Nursing Home (Ảnh PCH – May 7, 2016)

Tặng anh Trần Hoài Thư và chị Nguyễn Ngọc Yến

Chỉ là yêu một bài văn
Mà tay chị lật một trang sử đời
Đến khi yêu dấu một người
Là yêu người của một thời chiến chinh
Là bao gian khổ hy sinh
Chia ly, tù ngục, điêu linh, nhọc nhằn
Là năm và tháng gian nan
Âm thầm, son sắt, táo tợn, thủy chung
Nắng mưa bão tuyết chia cùng
Chị - người chiến hữu của Trần Hoài Thư

Từng trang sách cũ, dường như
Chứa bao tâm huyết chảy từ nguồn thơ
Một ngày kia, có ai ngờ
Con tai biến đẩy vào bờ đau thương
Bước đi trong cõi vô thường
Đời người tàn tạ vô phương phục hồi
Đau lòng lắm, chị Yến ơi!

Em cầu nguyện, em mong Trời Phật thương
Buổi chiều nơi nursing home
Em ra về với nỗi buồn mênh mang

Lâm Thúy
May 8, 2016



Phạm Văn Nhân

Những đóa hoa trong tôi



Trời Plainfield buồn
Những cơn mưa hôm qua còn sót lại
Như những giọt sương đọng trên lá
Không gian buồn
Nhưng lòng tôi vui quá đỗi
Vui như có tiếng chim hót trong lòng

Với Chị Ngọc Yến

Vào thăm chị lòng tôi vui òa vỡ
Khi nhìn thấy chị như đóa hướng dương
Rạng rỡ dưới ánh mặt trời Phương Đông
Thơm mùi lúa mới
Lúa trổ đồng đồng thơm mùi da con gái
Trên cánh đồng bát ngát phương Nam
Như ngày nào chị hát cho nghe : Buồn tàn thu
" Ai lướt đi ngoài sương gió "
Thì hôm nay
Trên giường bệnh
Chị hát cho nghe bài ca năm cũ
Của một thời còn rất trẻ.
*" Nắng chia nửa bãi chiều rồi
Vườn hoa trinh nữ khép đôi lá rầu "*
Tiếng hát ấy tôi nghe vui mà muốn khóc
Tiếng hát ấy vẫn còn xanh màu tóc
Chị Yến ơi
Sao chị không đi ra ngoài với Thư?
Để thấy khóm hoa vừa nở rộ
Trong sương một sáng yên bình

Với Cúc Hoa

Nhìn em như một nữ tu
Gương mặt hiền dịu dưới trời phương Nam
Nụ cười sũng ái
Đôi mắt ấy chứa đầy sương Đà Lạt
Làm tôi nhớ đến một người xưa
Trước cổng trường Bùi Thị Xuân năm nào
Gặp em,
Một Cúc Hoa hiền quá đỗi
Rạng ngời như những cánh dã quỳ
Và đôi mắt ấy làm bạn tôi ngây ngất
Cho mãi đến bây giờ có những bài thơ hay

Với Lãm Thúy

Những con chữ trong tập thơ
Không còn mang nỗi ngậm ngùi trong tôi
Vui biết mấy khi gặp em
Có nét dịu hiền trời phương Nam
Bát ngát phù sa Sông Hậu
Gặp em để vui hết những dòng thơ
Vui trong khóe mắt nụ cười
Cho đời bớt nỗi nhọc nhằn bon chen

Với Thanh Bình

Gương mặt thơ làm tôi nhớ mãi
Rắn chắc nhưng lòng mềm như tơ
Có mềm như thể thơ mới tu
Và đậu trong em những con chữ tuyệt vời
Đêm không ngủ trong ngôi nhà 719
Những con chữ : " *Trốn vào giấc mơ em* "
Đánh thức lòng tôi rồi bởi tâm sự
Chị Yến trong nursing home
Người bạn tôi già thêm trên gương mặt
Thôi thì: đọc thơ Thanh Bình
Để thấy em không là giọt sương sa
Mà.
*Hay em thà như con nước nhỏ
Dâng ngập thuyền anh, ngập ánh trăng
Một bài hát xưa của em tôi đã nghe
Do Phạm Duy phổ nhạc
Những lời thơ man mác một nỗi buồn*

Với Phạm Cao Hoàng

Mấy mươi năm không gặp
Cũng gương mặt ấy không già

Của một thời khu 6 cũ
Vui lắm Hoàng ơi !
Làm tuổi già tôi òa vỡ

Với Trần Hoài Thu

Cũng vẫn nụ cười ấy
Nghe sáng khoái làm sao
Cười lên cho nỗi buồn tan biến
Cười lên khi gặp lại bạn bè
Thư ơi, tôi ôm bạn muốn khóc
Cái tình đồng đội khi xưa
Hôm nay chúng mình còn sống
Gặp nhau trong buổi xế chiều
Nhìn tóc bạn trắng như mây trời viễn xứ
Mà sao tôi *nghe có sóng ở trong lòng*
Chiến trường xưa như gọi lại hình bóng cũ
Ai còn ai mất hơi bạn ta!

Phạm Văn Nhân

Houston, May 9, 2016

HUYỀN VÂN THANH & DIỄM PHƯỢNG

(Về Nguồn - Tây Đô)

GIỌT LỆ THÂM TÌNH

* Viết tặng anh Trần Hoài Thu và Chị Ngọc Yến

*Cố dần lòng tôi hỏi "còn nhớ em không?"
Chị nhanh miệng gọi đúng tên rồi òa lên khóc*

*Không nén được cảm hoài, lệ tôi trào khoé mắt
Hai chị em cùng thồn thức bên nhau.*

*Lần gặp gỡ này chưa biết có lần sau?
Nên tôi gắng nói những lời an ủi
Bạn bè hôm nay ai cũng lộ vẻ vui mừng xởi lời
Dù biết trong lòng đang xúc cảm niềm riêng.*

*Nhớ trước chị thường nhắc "Nhơn Ái - Phong Điền"
Là quê hương chung của một thời chớm lớn
Mỗi năm đại hội trường xưa Phan Thanh Giản
Chị rất vui, kể nhiều kỷ niệm, thương tiếc, ngậm ngùi...*

*Làm sao tôi quên hình ảnh chị trong **"Yến và Tôi"** (*)
Mà Thu Hương - người cháu gái xưng hô "Tôi - Bà" duyên
dáng
Nhớ lần gặp chị về quê ghé thăm vợ chồng Mùng Mán
(**)
Ôm bờ vai buồn, khoé mắt chị rung rung.*

*Giọt lệ năm xưa, giọt lệ vui mừng
Giọt lệ hôm nay... sao lòng tôi ngậm ngùi đứt đoạn
Vẫn biết đời người đâu vượt qua giới hạn
Nhưng còn có bên nhau hạnh phúc vẫn chan đầy.*

*Tôi cứ mong mình còn gặp nhau hoài
Còn thấy anh Thư "nhổ tóc sâu cho vợ"
Còn thấy anh Thư miệt mài bên **"Ô Cửa"**
Để biết vì sao anh xa miền Trung "trở lại đồng bằng".*

*Để biết vì sao mái tóc anh trắng như bông
Có phải trong khối óc đó chứa đầy nhân nghĩa?
Gìn giữ "Văn Học Miền Nam"- giữ yêu thương cho vợ
Giữ cả hai nên luôn thức trắng đêm dài.*

*Tôi vẫn miên man hình ảnh kỷ niệm này
Ngồi trên máy bay trở về Houston miền tây xa cách
Gởi lại nursing home - gởi lại ngôi nhà Plainfield vùng
đông bắc*

Giọt lệ thâm tình tặng chị Yến - anh Thư...

Houston, 11 tháng 5-2016

(*) "YẾN VÀ TÔI" của Nguyễn Thu Hương (CHS. PTG 1957-1961 ở Mesa-Arizona) in trang 55-60 giai phẩm PTGĐTĐ số 2 kỷ niệm 80 năm thành lập trường (1917-1997). **"tuy vai Cô - , tôi vẫn quen miệng kêu Yến bằng Bà"**. Trong khi Yến nói **"mày là con quỉ, mày hại tao bị phạt ăn bớt hai hột cơm chiều..."**.

(**) Chị Yến về thăm quê hương khi tôi còn ở trong nước, gặp được chị trên lầu 2 nhà số 4 Lý Tự Trọng (đường Tự Đức cũ) Cần Thơ, nơi vợ chồng Mừng Mán - chi Bình đang ở. Đây là lần đầu tiên gặp lại chị sau ngày ra mắt tập truyện Một Nơi Nào Để Nhớ của Trần Hoài Thư (Con Đường xb năm 1974), mà Văn Nghệ Về Nguồn chúng tôi tổ chức tại quán Thăng Cuội đường Pateur Cần Thơ.

TRẦN HOÀI THƯ

CỬA MỞ

Suốt bốn năm nay, đây là lần đầu tiên Y. bật lên tiếng hát, lời thơ. Bốn năm trên giường bệnh, với ba năm ở nhà và một năm ở nursing home. Tôi mới hiểu về sức mạnh của liều thuốc tinh thần. Bốn năm. Với biết bao nhiêu khổ nạn. Với bao nhiêu viên thuốc. Với bao nhiêu những cơn đau trầm luân triền miên không dứt. Hết biến chứng này đến biến chứng khác. Và gần nhất là những lời nói không còn là từ một con người bình

thường mà từ một trí não của những ngăn tủ quá khư đóng bụi, hay từ một bên bờ nào đó, như dấu hiệu của ngày tận cùng... Tôi đã giấu mặt. Tôi đã chùi mắt. Đôi chân tôi lê trên hành lang nặng nề như mang hai cái gông cùm... Vậy mà cách đây hai ngày, khi đám bạn bè vây quanh giường của Y., đôi mắt Y. sáng rực. Từng người hỏi Y. Chị nhớ ai không? Chị nhớ tôi không? Đôi mắt ấy càng sáng hơn và miệng thì mếu máo: Anh Danh, anh Viên, Hạ Uyên! Còn ai đây? - Phạm Văn Nhân hỏi. Y. ngần ngừ... Phạm Văn Nhân đây. Trời ơi anh Nhân... Y. bật khóc... Hạ Uyên giới thiệu thêm một người bạn đi theo. Đây là Dương Hà, vợ của luật sư Cù Huy Hà Vũ, đến từ Chicago....

Y. càng mếu máo:

- Có phải Cù Huy Hà Vũ là con của Huy Cận? Phải. Trời ơi, bài Ngâm Ngùi của Huy Cận là một bài thơ tuyệt vời...

Đám bạn vây quanh giường. Một chùm hoa hồng thắm do Phạm Quang Tân trao, và tôi nhận giùm. Nguyễn Công Danh (tức nhà văn Trần Bang Thạch), Lê Hoàng Viên chuyển những lời hỏi thăm và món quà của bạn bè Y. ở Houston. Y. nằm trên giường. Căn phòng chật chội nay lại càng chật nức vì những tấm lòng quá lớn.

Tôi như kẻ mộng du. Tôi không hiểu. Thật sự không hiểu. Cái căn nhà 719 Coolidge này từ mấy năm nay, nhất là từ ngày Y. vào nursing home cách đây một năm, nó không còn là mái nhà theo đúng nghĩa của một gia đình nữa. Ngược lại nó trở thành một cõi mờ không hơn không kém. Không TV. Không cửa khóa. Không dọn dẹp. Bốn phòng ngủ mà chỉ có cái sofa cho một chỗ đặt lưng. Và những chén bát ly tách nằm im lặng không còn reo vui. Đời đã khánh tận rồi còn gì mà chăm mà sóc mà ly tách reo vui. *Nhà ta cửa nẻo không hề khép/ Sao có cô liêu cứ mọc đầy....* Vậy mà tự nhiên một cú điện thoại từ tiểu bang xa: “Em là Hạ Uyên. Em báo cho anh ngày thứ bảy bọn em sẽ đến thăm anh chị... Hiện tại em ở New York...”

“Cám ơn em. Em cứ đến. Xem nhà anh như nhà em...” “Ừ. Em biết...” Đó là cú điện thoại đầu tiên cho một ngày thứ bảy. Cho một ngày hội ngộ trùng phùng. Cho một ngày mà những đám mây từ bốn phương trời bay qua núi qua rừng qua biển qua những lục địa, những sa mạc, và tự nhiên đậu trên mái nhà 719 Coolidge Street. Yêu dấu lắm mấy hôm nay có

đôi vợ chồng chim chào mào chọn một mái nhà trong lùm cây dương xỉ ở trong vườn. Một vài sợi giấy trắng mà chú chim tha làm tổ còn dính lại trên tàn lá xanh. Chú chim ơi, giấy trắng từ những cuốn sách ta cất đấy nhé... Đầu tiên là vợ chồng Nguyễn Quang Khánh từ tiểu bang Pennsylvania. Rồi đến Hạ Uyên, Hoàng Long, Cù Huy Hà Vũ, Dương Hà từ Boston và Chicago. Căn nhà bỗng nhiên rộn ràng. Tự nhiên có một cú điện thoại: Phạm Văn Nhân gọi cho biết phái đoàn Houston đang có mặt trước cửa nhà của bạn đây. Mở cửa. Thấy bạn ta chống gậy “trúc” bước khó khăn. Có Phạm Quang Tân, Lê Hoàng Việt, Trần Bang Thạch... Ôm các bạn, mừng mừng tủi tủi. Mấy mươi năm mới gặp lại bạn. Cám ơn đất trời đã chờ những đám mây đậu trên mái nhà này. Tuồng như tất cả ghế bàn, những nồi niêu, những ly tách từ lâu ngủ yên nay thức dậy xôn xao. Bốn giờ tất cả bạn bè theo hai xe vào thăm Y.

Phạm Văn Nhân cho biết “phái đoàn” Phạm Cao Hoàng, Cúc Hoa, Nguyễn Thị Thanh Bình và Lãm Thúy đang trên đường từ Virginia lên, và sẽ có mặt khoảng 6 giờ chiều. Trời ơi, sao lại lạ lùng như thế này. Chỉ một ngày mà những niềm vui cứ theo mây theo đường xa lộ, tụ hội lại một nơi quanh năm khép cánh cửa chôn số phận bất hạnh của kiếp người.

Họ đã dành cho Y. những niềm vui từ bất ngờ này đến bất ngờ khác. Dưới tấm mền, tấm chăn, đôi chân hình như cục cựa, máu huyết lưu thông lại. Và từ gương mặt kia, cái ánh sáng diệu kỳ làm phấn làm son trang điểm. Chị hát đi. Chị nhớ bài Ngâm Ngùi không. Hạ Uyên hỏi. *Nắng chia nửa bãi chiều rồi...* Bà hát đi. Hát tặng bạn bè anh em đến thăm bà... Bà hát đi... Tôi nói với Y. Hạ Uyên bắt giọng. Và Y. mấp mé môi. Sau đó từ giọng thều thào không cung bậc, đã nghe rõ cung bậc ngâm ngùi. Ngâm ngùi không còn là nỗi buồn tiền chiến, của lãng mạn, nhưng ngâm ngùi của một sự huyền nhiệm. Bốn năm rồi, tôi mới được nghe tiếng ca lời hát từ một người khổ ách trường kỳ. Bốn năm, màn vô minh nay được giao điện, màn phủ bụi nay đã thành sạch sẽ lau chùi. Bạn bè bao quanh giường. *“Chị gắng ăn, để sang năm về Houston tham dự đại hội Phan Thanh Giản. Chị nghe lời chúng tôi. Phải gắng ăn. Hứa với chúng tôi đi”*. Ai ai cũng khuyên Y. Tôi bảo: *“Bà thấy không? Ai cũng thương mến bà hết. Bà gắng ăn nghe chưa”*.

6 giờ chiều, nhóm người từ Virginia có mặt. Lãm Thúy, Nguyễn Thị Thanh Bình, Cúc Hoa, Phạm Cao Hoàng. Cúc Hoa là người khóc nhiều hơn hết. Tay sờ má Y. mắt nhỏ lệ. Lãm Thúy, Thanh Bình cũng không giấu xúc động. Y. cũng mếu máo. Tôi lặng người. Tôi cũng không giấu nước mắt. Ngày hôm sau vợ chồng Cù Huy Hà Vũ và Dương Hà cùng Hạ Uyên đến Nursing Home. Hạ Uyên lãnh phần dứt đồ ăn cho Y. Món ăn là món cá canh chua. Luật sư Nguyễn Thị Dương Hà thì đọc bài thơ *Nhớ Bắc* (*) của Huỳnh Văn Nghệ cho Y. nghe. Y. kêu Dương Hà đọc thêm một lần nữa. Cù Huy Hà Vũ xin một xấp giấy khổ lớn tại Nursing Home và vẽ ngay bên giường bệnh chỉ trong vòng vài phút, chân dung Y.



Bức ký họa Nguyễn Ngọc Yến do Cù Huy Hà Vũ thực hiện ngay nơi dưỡng bệnh trong Nursing Home New Jersey, May 8, 2016

Xin cảm ơn Hạ Uyên đã đưa giúp vợ chồng hai bạn đến thăm Y. để thêm một lần tôi có thể nói về nỗi hãnh diện của một người lính miền Nam trong trái tim của một lão già. Nó vẫn bốc lửa. Đây bạn thấy không? Mấy trăm đầu sách tôi tự tay in

đóng cắt. 16 năm làm Thư Quán Bản Thảo tặng không. Những sáng kiến tôi làm. Cả bộ *Thơ Miền Nam* mấy ngàn trang, tôi khâu, tôi đóng. Bốn tập *Văn Miền Nam* mấy ngàn trang. Bạn thấy không. Người ta bảo tôi là crazy. Người ta xót thương tôi. Nhưng mà bạn thấy không...? Những tập Ô Cửa mỗi tập dày 450 trang sách chưa làm xong vẫn còn nằm để chờ tôi đóng, cắt để dành tặng bạn bè đến thăm đấy...

Chỉ cần click một cái trên computer là cả basement nhả nhạc. Giấy tuôn ra ào ào, rồi xếp, rồi dán keo, rồi hơ , rồi ép, rồi cắt... Là xong!

Tôi muốn người khách bất ngờ này biết về tình thân giữa anh em văn nghệ miền Nam. Biết về trái tim bốc lửa của những lão già... Biết về những cuốn sách di sản văn chương miền Nam xem như tuyệt tận nay dần dần được hồi phục ở dưới hầm nhà 719 này.



Hà Vũ như bị choáng ngợp bởi những cuốn sách thuộc di sản văn chương miền Nam. Trong khi hai cô bạn Hạ Uyên và Nguyễn Thị Dương Hà đang mê một lau chùi vệ sinh căn nhà mà rất lâu tôi chưa hề đụng lấy cây chổi

thì anh lại một mình ngồi trước kệ sách dưới hầm nhà, giữa bề bộn máy in thùng rác, giấy mực và tiếng kêu rè rè của máy hút hơi ẩm...

Với những tình nghĩa ấy làm sao tôi trả được. Thôi thì viết bài này như một lời cảm ơn.

Cảm ơn những bạn bè đã mở lại những cánh cửa từ lâu khép kín để tiếng cười tiếng nói vang động cả bốn bức tường câm. Để ly chén bát được dịp reo vui, để thơm mùi nước lau nhà quện cùng mùi thơm từ những tấm lòng rất đẹp...

Trần Hoài Thư

New Jersey, May 9, 2016

(*) NHỚ BẮC

Thơ **Huỳnh Văn Nghệ**

*Ai về Bắc, ta theo với
Thăm lại non sông giống Lạc Hồng
Từ độ mang gươm đi mở cõi
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long.*

*Ai nhớ người chẳng? Ôi Nguyễn Hoàng
Mà ta con cháu mấy đời hoang
Vẫn nghe trong máu buồn xa xứ
Non nước Rồng Tiên nặng nhớ thương!*

*Vẫn nghe tiếng hát trời quan họ
Xen nhịp từng câu vọng cổ buồn
Vẫn nhớ, vẫn thương mùa vải đỏ
Mỗi lần man mác hương sầu riêng...*

*Sứ mạng ngàn thu dễ dám quên
Chinh Nam say bước quá xa miền,
Kinh đô nhớ lại xa muôn dặm!
Muốn trở về quê, mơ cánh tiên.*

*Ai đi về Bắc xin thăm hỏi
Hồn cũ anh hùng đất Cổ Loa
Hoàn Kiếm hồn xưa Linh Quy hỏi
Bao giờ mang kiếm trả dân ta?*

Huỳnh Văn Nghệ

(Ga Sài Gòn, 1940)

CHỦ ĐỀ:

Viết về

PHẠM NGỌC LƯU



tiểu sử & hành trình văn chương

Phạm Ngọc Lưu là tên thật và cũng là bút hiệu. Trước đó, anh dùng bút hiệu Phạm Triều Nghi. Sinh năm 1946 (Bính Tuất) ở Vinh Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên.

Học trung học Nguyễn Tri Phương, Quốc Học; Viện Hán học Huế, vào trường Sư phạm Quy Nhơn. Ra trường, dạy học ở Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Ghi danh học Đại học Văn khoa Huế. Động viên khóa 5/68 Thủ Đức, được biệt phái sau 9 tuần lễ ở quân trường Quang Trung. (1)

Bắt đầu viết năm học đệ tứ. Có bài trên các nguyệt san, tạp chí Nghệ Thuật, Văn, Bách Khoa, Trình Bầy, Khởi Hành, Ý Thức, Tuổi Ngọc...

Tác phẩm đã xuất bản:

- ĐÀN TÂM (Thư Ấn Quán 2004)

- MÂY NỔI (tự in 2007).

Sau 1975, theo nhà văn Nguyễn Lê Uyên cho biết : “Phạm

Ngọc Lư đưa vợ con về Huế, nhưng không thể chịu đựng nổi cảnh hàng ngày phải gánh từng đôi nước cách xa cả hàng cây số để tưới cho những vòng khoai lang khô cháy, mới gửi vợ con về quê ngoại (Qui Nhơn) và lang bạt vào Long Khánh, sau đó là Cao Lãnh kiếm sống. Cái miếng ăn thời “bao cấp” với nhiều người đã khó, và với anh càng khó hơn. Cuối cùng lại bồng bế nhau quay về Đà Nẵng để *buôn bán chữ* (kèm tiếng Anh cho trẻ con). Trước khi *Hành Phương Nam*, Lư ghé lại Tuy Hòa, nơi trước đây anh từng dạy học, viết văn để thăm bàn bè cũ (1979). Bữa cơm chia tay tại nhà chúng tôi chỉ có hột vịt đồ chả, nước mắm ớt và cơm trắng. Lư ngồi ăn và nói: “*mình chưa ăn bữa cơm nào trong đời mà ngon như hôm nay*” . Nghe mà đau thắt cả lòng.”

Về hành trình văn chương, bài văn đầu tiên của PNL nhan đề là ***Đốt tên*** xuất hiện trên Văn số 138 vào năm 1969. Hai tháng sau, truyện **Nhà Hầm** đăng trên Văn số chủ đề **Phiến Đá Chưa Mòn** (số 141). Từ đây truyện và thơ anh xuất hiện đều đặn trên các tạp chí như Bách Khoa, Ý Thức, Văn, Khởi Hành...

Riêng về thơ, năm 1972, bài *Biên Cương Hành* xuất hiện trên Văn đã gây một chấn động lớn không phải riêng trong anh em cùng giới nhưng cả trong trái tim độc giả. (xin đọc ở phần Sống và Viết)

Sau 1975, cũng theo nhà văn Nguyễn Lệ Uyên, PNL khẳng định với bạn anh: “*không chơi, không tham dự gì với nền văn học nghệ thuật đương đại từ đó đến nay, và mãi mãi*”. Trong một lá thư mà Lư gửi cho NLU, anh viết:

“*Con đường văn chương của tôi quá ngắn ngủi, sau 75, coi như tuyệt lộ. Đáng buồn. Tiếc thay giấc mộng của một thời thanh xuân! Bất phùng thời, đành vậy... không chơi, không tham dự gì với nền văn học nghệ thuật đương đại từ đó đến nay, và mãi mãi*”. Ở đoạn khác anh viết: “*Muốn viết văn xuôi lắm nhưng chắc phải học lại đã, lâu năm quá chữ nghĩa sét gì hết rồi... Thỉnh thoảng nghe VOA có biết TQBT. Nghe và lòng*

ít nhiều nôn nao, bỗng dưng quá khứ phục hiện, bằng hữu một thời tái hiện, bồi hồi giật mình khi thấy mình cứ chìm xuống bóng tối của thời gian lặng lẽ, rồi thở dài và thở dài”

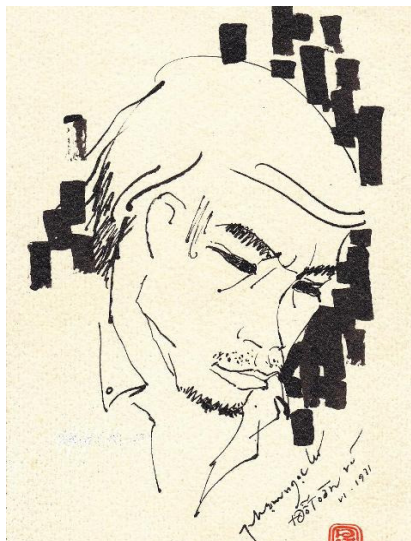
Hiện nay, PNL nằm trên giường bệnh tại Bệnh viện Ung Bướu Đà Nẵng với căn bệnh khắc nghiệt.

Trong thư gửi chúng tôi, anh viết: *Bây giờ sức khỏe xuống nhanh quá, tôi đọc và viết trên screen rất tệ.*

(1) Có một số bài viết về thơ PNL (đặc biệt là bài *Biên Cương Hành*), ghi PNL làm bài BCH khi anh tham dự cuộc hành quân ở Hạ Lào hoặc khi hành quân ở biên giới. Điều này không đúng. PNL là giáo chức biệt phái về nhiệm sở cũ sau 9 tuần huấn luyện ở quân trường Quang Trung. Theo Viêm Tịnh, PNL viết bài *Biên Cương Hành* “**khi đang ngồi gõ đầu trẻ ở thị xã Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên tháng 5/1972 bắt nguồn từ cuộc thất bại của Lam Sơn 719 vào mùa xuân 71 của quân đội VNCH qua Hạ Lào.**” (xin đọc *Viêm Tịnh: Phạm Ngọc Lư, đứng ở một góc đời* đăng ở phần sau)

(THT sưu tập và tổng hợp)

*Kỷ Niệm
với
Phạm Ngọc Lư*



Phạm Ngọc Lư qua nét bút của
họa sỹ **Đỗ Toàn** (Quy Nhơn 1971)

Trần Hoài Thư

Viết về một người bạn cũ

TIẾNG SÁO

1.

Tôi ít có kỷ niệm với Phạm Ngọc Lư. Nếu có chỉ là tiếng sáo của anh. Trong những lần anh em gặp nhau, vẫn những khuôn mặt Phạm Văn Nhân, Nguyễn Lê Uyên, Phạm Cao Hoàng, Phạm Ngọc Lư, thỉnh thoảng có thêm Nguyễn Phương Loan hay Hoàng Đình Huy Quan...



Từ trái sang phải: Phạm Ngọc Lư, Trần Hoài Thư, Nguyễn Lê Uyên, Phạm Văn Nhân (mang hai hoa mai)

Chúng tôi vẫn thường tổ chức những cuộc sinh hoạt văn nghệ bỏ túi. Dưới ánh trăng, bên hàng dừa của căn nhà Nguyễn Lê Uyên hay Phạm Cao Hoàng, chúng tôi ngồi trên chiếu rượu. Và Phạm Ngọc Lư nâng chiếc sáo trúc, và Phạm Cao Hoàng ngâm thơ... hay hát... Nguyễn Phương Loan thỉnh thoảng đọc một vài bài thơ mới sáng tác... Còn tôi khỏi cần kêu, vì mấy

cốc rượu đã đẩy tôi lên cái sân khấu vô hình... Trăng, bạn, rượu, chiến tranh, nỗi buồn, người yêu quay mặt, bao nhiêu đó cũng đủ làm một tên lính bụi mềm lòng... Để đứng dậy và đọc, và ghen...

Phạm Ngọc Lư là một người rất ít nói. gương mặt phẳng phát một nỗi u hoài. Niềm vui buồn ít thấy bùng vỡ. Anh sống nội tâm nhiều hơn. Anh khép kín không cười nói bạt mạng giang hồ như chúng tôi. Nếu có chăng là chỉ có tiếng sáo. Tiếng sáo càng về đêm càng lồng lộng như chở lời ngậm của Phạm Cao Hoàng vào tận trái tim người nghe. Cần gì những hội những hè những đình đám, những âm thanh kèn trống... Chúng tôi chỉ có tiếng sáo, và trăng. Trăng Tuy Hòa thì quá đẹp. Cái sân như trắng màu bánh trắng. Những tàu dừa như im lặng cùng tiếng sáo vút cao... Và men rượu dần dần thấm vào máu... Thị xã giới nghiêm nhưng ở đây không có giới nghiêm. Giọng ngâm của PCH có thể là Đôi Bờ hay Đôi Mắt Người Sơn Tây hay Hành Phương Đông... Cả nửa thế kỷ làm sao mà nhớ, nhưng mà lại nhớ đến tiếng sáo trong đêm thời chiến... Nhớ đến lạ lùng!

Thời bấy giờ, thiên hạ khen tài thổi sáo của Nguyễn Đình Nghĩa hay Tô Kiều Ngân. Tôi chỉ được nghe qua máy thu thanh. Nhưng nghe để mà nghe, chưa bao giờ để hồn mình bay bổng hay chìm lắng cùng âm thanh của nó. Tai nghe mà mắt không thấy. Đêm hăm bao cát mà tiếng sáo lời thơ khi mất khi còn. Cho dù bài thơ do Hồ Điệp ngâm đi nữa, nó cũng chẳng làm mình xúc cảm. Mình chỉ là kẻ thưởng thức, không hơn không kém.

Nhưng ở Tuy Hòa này, tôi mới được nghe một tiếng sáo đích thực. Đó là tiếng sáo dành cho bạn bè bằng hữu. Đó là tiếng sáo được cất lên từ những con người mang giòng máu văn chương. Một bộ lạc lẻ loi cho dù tên tuổi bút hiệu của chúng tôi tràn ngập cả các tạp chí ở Saigon. Vâng, Saigon là thủ đô văn hóa, văn nghệ bao gồm nghệ thuật. Saigon có Nhã Ca viết văn kiếm nửa triệu một năm; còn một thiếu úy thám kích Trần Hoài Thư chỉ có cấp số 250, được nhận thêm 600 đồng tiền phụ cấp nguy hiểm. Nhưng Saigon làm sao có cái cảnh quây

quần đấm ba đũa: *Ma quỷ đêm nay xin hoãn chiến/ Để ta còn
đụng rượu với anh em...(THT)*

Saigon làm sao có cốc rượu ắp đầy bóng trăng, gió đã nín thở
xào xạc, tiếng sóng từ biển không xa vọng về đầu hiu xa
vắng... Bởi vì đêm rất tối im lặng, mà lời ngâm của PCH như
quyện cùng tiếng sáo... Có khi tiếng ngâm ngưng mà tiếng sáo
lại vút cao... Có khi anh một mình độc thổi... Tôi phải tìm chỗ
dựa, mắt lim dim... Rượu làm chúng tôi bèn bồng. Thỉnh
thoảng một vài tiếng chó sủa vu vơ, hay tiếng rồ máy của
chiếc xe tuần tiểu. Chiến tranh ở đâu đó, chứ không phải ở
đây. Lời ngâm có khi sang sang hòa lẫn cùng âm thanh từ ống
trúc như thổi miên, có thể làm vàng trắng trên cao cũng phải
đứng yên. Có những giây phút rất khó tìm trong đời, và cái
giây phút hiện hữu chính là giây phút khó quên ấy... Để giây
phút ấy sau này trở thành vĩnh cửu.

2.

Viết đến đây tôi liên tưởng tiếng đàn của Hải, người bạn từ
cùng khung tại Kinh Một Kiên Lương Hà Tiên.

Thường thường vào đêm thứ bảy, chúng tôi được tự do, không
có những cuộc sinh hoạt kiểm thảo như thường lệ. Chúng tôi
vẫn tìm đến cái lán của Hải – nguyên là một trung úy Hải
quân. Mỗi đũa mang theo đường, hay bánh kẹo do thân nhân
tiếp tế hay có khi cà phê thuốc lá. Không trà, không cà phê thì
dùng lá nhãn lỏng, hay củ hà thủ ô đại thế tạm. Và trên tấm
chiếu, cả bọn quây quần, nghe Hải độc tấu. Người ta cầm hát
bằng miệng, nhưng người ta không hiểu đôi khi khỏi cần
miệng, mà dây đàn khi rung lên cũng có thể chuyên chở tất cả.

Rồi đến một đêm, chưa bao giờ thấy Hải say mê đàn như vậy.
Anh độc tấu không nghi, từ tấu khúc của Strauss, Beethoven
đến Trịnh Công Sơn.

Có lẽ những ngón tay bấm đàn của anh phải rỉ máu cũng nên.
Và đêm đó anh trốn trại. Sau đó khoảng 3 ngày anh bị bắt lại.
Nghe nói anh bị giải về CT và bị tuyên án tử hình.

Không biết cây đàn di vật của anh có bạn tù nào giữ không?

Ôi tiếng đàn tiếng hát tiếng sáo của một thời. Tiếng đàn vẫn như văng bên tai. Tôi cứ nhớ đến đôi mắt anh nhắm nghiền, đầu hơi cúi xuống, và những ngón tay lướt nhanh trên dây đàn. Có lẽ anh muốn gởi tặng chúng tôi tất cả những gì anh có được trước khi vĩnh biệt chúng tôi chẳng. Và tiếng sáo của Phạm Ngọc Lư, nó không phải là: *Ta đưa ống sáo nâng ngang mày/ Chào tuốt người thương và kẻ ghét* (Tù Thề Mộ) hay *tiếng sáo của người em út* của Dương Nghiễm Mậu, được thổi do lời trăng trời của người cha, muồn qua bên kia thế giới thanh thoát... mà là tiếng sáo của tình bằng hữu văn nghệ. Bởi vì chỉ có bằng hữu văn nghệ tiếng sáo mới thật sự được cất lên. Như cái thời ở thị trấn Tuy Hòa xa xưa trước 1975.

Phiến đá chưa mòn

Phiến đá chưa mòn là một cụm từ mà Văn chọn làm chủ đề cho số báo 141, năm thứ sáu, ra ngày 1 tháng 11 năm 1969.



Mục Lục

Nội Dung Số Đây:

- Một tác giả ngoại quốc

1. Thú cô đơn

Nhà văn trẻ Hoa Kỳ

John Cheever

Trùng Dương dịch

- Tuyển tập "PHIÊN ĐÁ CHƯA MÒN"

9. Vỡ lòng cho một người con gái Mỹ - *thơ* Du Tử Lê

19. Những người chờ rặng đông - *truyện* Hồ Minh Dũng

34. Ví dầu - *thơ*

Lê Thanh Xuân

35. Phơi trên kè đá - *truyện*

Nguyễn Lê Uyên

43. Theo em về Huế - *thơ*

Cao Thoại Châu

49. Trường hợp một người - *truyện*

Trần Hoài Thư

58. Blao mùa thu - *thơ*

Hoàng Ngọc Châu

59. Biết về đầu bảy giờ - *truyện*

Lương Thái Sỹ

71. Lời cảm tạ viết cho khu ngoại thương - *thơ* Nguyễn Bạch Dương

73. Nhà hầm - *truyện*

Phạm Ngọc Lư

87. Ngày về với thiên nhiên - *thơ*

Lê văn Trung

- Mục thường xuyên

89. Khu rừng hực lửa - *truyện dài*

Nguyễn Xuân Hoàng

95. Nói chuyện với tác giả

Bùi Vị Xuyên

"Hòa bình...nghĩ gì ? làm gì ?"

thực hiện

103. Bạn đọc viết cho Văn

□□□

109. Tin văn văn

Thư Trung và các bạn

- BÌA " ĐƯỜNG TRƯỜNG XA" tranh DUY THANH

Thư ký tòa soạn Văn Trần Phong Giao đã chọn cụm từ *Phiên Đá Chưa Mòn* để chứng tỏ về một cuộc lên đường của những người viết trẻ mà Văn khám phá. Hầu hết không phải ở SG. Họ sáng tác trong những điều kiện khắc nghiệt, có khi phải đổi cả tính mạng mình. Họ không phải là những kẻ tự nhận mình

mang sứ mạng trách nhiệm vai trò gì ráo. Họ viết, bởi vì họ thích, họ cần, họ xem văn chương như niềm cứu rỗi, thế thôi. Phạm Ngọc Lư là một người trong số ấy.

Tại sao lại là *phiến đá chưa mòn* ? Chưa mòn có nghĩa là ngòi bút vẫn mang sinh khí, chất liệu vẫn còn dư dật... Chưa mòn có nghĩa là vẫn còn con đường về phía trước để mà mạnh mẽ bước tới. Chưa mòn vì mưa nắng gió bão không phải làm sần sùi tro mòn phiến đá mà ngược lại làm những phiến đá trở nên bóng lưỡng, óng ả rực rỡ dưới ánh mặt trời, để tiếp tục bồi đắp cái nền lâu dài văn chương thời chiến càng lúc càng lớn mạnh hùng vĩ...

Phải. Chính nhờ những *phiến đá chưa mòn* này mà Văn lại có mặt trên văn đàn hơn 10 năm (từ năm 1964 đến năm 1975), trong khi Sáng Tạo có mặt chỉ 5 năm (mặc dù được nguồn tài trợ dồi dào của Phòng Thông Tin Hoa Kỳ), Hiện Đại chỉ 1 năm (được tài trợ bởi bác sĩ Trần Kim Tuyền), Văn Nghệ 3 năm (?), Nghệ Thuật 2 năm (được tài trợ cả triệu đồng bởi Phó tổng thống Nguyễn Cao Kỳ !) Khởi Hành thì 3 năm...

Nhưng sự “chưa mòn” này chưa được bao lâu thì từng phiến đá bị đập vỡ vụn. Chúng tôi: kẻ thì vào tù, người đi kinh tế mới. Kẻ chết thảm dưới biển sâu. Người sống như những hồn ma ở rừng thiêng nước độc ! Văn chương chỉ là những uất nghẹn giữ nén trong lòng :

Lòng tôi ? Bao tiếng lòng tôi !

Tiếng căm tiếng nghẹn một thời tang thương

(PNL - Nhớ làng)

Vậy mà có một điều, thật lạ, mãi đến bây giờ, trong những vỡ vụn ấy, vẫn còn có những hạt bụi trần châu.

Chúng được kết tinh thành viên ngọc quý. Như tình bạn bè tình văn chương thuở nào... mà chúng tôi vẫn còn giữ mãi đến ngày hôm nay.

Nó đang lóng lánh trong khắp số báo này.

Có phải không PNL ?

Cà kê với bạn bè

Ng~

1/

Dù đã được định trước, nhưng chưa có cuộc trùng phùng nào như lần này. Đang ngồi gõ máy, điện thoại reo: “ *Có phải H. đó không? Lư đây – Lư thiệt đó hả? Ông đang ở đâu? – Bến xe, tại bến xe – Ông ngồi uống cà phê chờ chút, tôi xuống ngay, cỡ 7 phút nữa*”. Không rõ tôi chạy xe bao lâu, nhưng dài, sốt ruột. Và hẳn bạn tôi cũng vậy khi phải ngồi chờ. Trong cái đám đông ồn ào đưa đón, tôi nhận ra Lư ngay và ôm chầm lấy anh ta, người bạn thân hơn 30 năm mới gặp lại. Vẫn xương xẩu, ốm o. Vẫn gầy nhom một giọng nói thất lòng “*không ngờ tụi mình còn được gặp nhau*”. Sao vậy nhỉ? Lạ trời. *Được gặp lại nhau*. Vâng, anh em chúng tôi *được gặp lại nhau* cả. Rồi thì nào Long, nào Khanh, nào Ân... vây tròn quanh chiếc bàn gỗ mà trông, mà đợi. Một tiếng, năm tiếng... Hết đêm qua ngày, Thiện vẫn chìm khuất phía sau đèo. Đường đi không đến. Thiện vắng mà không biết vì lý do gì, mặc dù trước đó Thiện viết trong thư chắc như đinh đóng cột “*nhất định tôi sẽ về để được gặp anh em*”. Hay Thiện lại nghĩ “*...không có quần áo giày dép gì ra hồn*” nên hủy ngang cuộc trùng phùng tao ngộ? Nếu thật thế thì tôi là kẻ đắc tội với bạn bè, nhất là Nhàn và Thư, vì, cũng trong câu này, Thiện còn nói “*...thảm bỏ mẹ, nói không ai tin, đến cả một chiếc mền để đắp cũng không có. Mấy năm nay, mùa lạnh tôi bận ba bốn cái áo thay mền*” mà tôi giấu tất cả anh em, chỉ vì sợ hiểu lầm. Sống trên cùng một mảnh đất, nhưng mỗi người một số phận, bị vây trói một phương, như những kẻ tội đồ bị biếm trích. Nhưng còn may. May ở chỗ còn bạn bè thân thương, nghĩa tình. Còn có độc giả ở tận bên bờ Đông, cách nửa vòng trái đất, đọc và hiểu. Như buổi sáng tôi và Lư vừa thức dậy, ngồi pha trà, nhấm nháp vừa nhìn ra vườn bắp trở cờ thoang thoang hương thơm, cùng mấy khóm vạn thọ sót lại trong ngày tết, thì điện thoại reo. Tiếng giọng trong trẻo cất lên. Tiếng chị X.H tận Cali chúc tết muộn, rồi chị hỏi giờ này tôi đang làm gì? Trả

lời: ngồi uống trà với anh bạn thơ, anh Phạm Ngọc Lư, đang hàn huyên chuyện trời đất sau ba mươi năm xa cách. Chị nói: tôi có đọc bài thơ anh ấy trên TQBT 9. Cho tôi nói chuyện với anh. Tôi không biết chị nói gì, cũng là thăm hỏi thôi, một sự gặp gỡ đột ngột, bất ngờ qua điện thoại. Nhưng khi trở lại nâng chén trà nóng, vẻ mặt anh co giắt liên hồi. Lư bảo: Ba mươi năm rồi tôi buông bút, tôi không biết gì đến văn chương, không có độc giả. Vậy mà giờ này... thật cảm động. Lư thêm: hai lần ông dựng đứng tôi dậy, đó là lần ông thúc đẩy tôi viết truyện (1970), và lần này, với chiếc máy điện thoại của ông để tôi được hân hạnh tiếp chuyện với một độc giả xa biết trân quý văn chương. Lư có hơi thổi phồng, nhưng dầu sao cũng phải cảm ơn chị X. H ngàn lần và ngàn ngàn lần với những anh chị X. H khác, những người luôn mang đến cho kẻ cầm bút niềm tin chói sáng (điều này Phạm Văn Nhân đã viết trên TQBT 9) để bước tiếp trên con đường nghiệp chương gian truân, trả nợ kiếp con tằm con bướm trong chốn nhân gian đầy hệ lụy này. Và bỗng dừng lại nhớ chuyện xưa: Gần một ngàn năm trước (1094).

Tô Đông Pha, đại thi hào Trung Hoa, lúc đó 59 tuổi, đang từ chức Đoàn Minh Điện Thị Độc Học Sĩ, bị giáng chức, đày đi Hải Nam: *thất thiên lý ngoại nhĩ mao nhân*. Trên chặng hành trình gian lao, cùng cực kia, tiếng dội của thơ ông đau đớn đến lạ lùng, vang vọng tình hoài vọng trộn lẫn khổ đau cùng cực và hào khí ngất trời.

Vạn lý gia sơn nhất mộng trung

Ngô âm tiệm dĩ biến nhi đồng

(Quê hương diệu vợi tưởng chừng như trong một giấc mộng. Bây giờ, giọng nói của ta đã dần dần thành bập bẹ như đứa trẻ nít).

Nhà thơ bị đày đoạ trên chính quê hương mình, bị nhân lún tận cùng đáy xã hội, thời nào cũng có, đêm không xuể, kể không hết, nhưng với anh em chúng tôi, những Trung, những Thiện... không sao tránh khỏi một chút buồn ngủi, một chút xót xa, đủ se lòng, thất quần. Ta và những bạn ta sao cứ luôn là “*con trâu què kéo cày nhai rạ. Chiều cuối năm năm hóng mát nhìn trời!*” (THÁ). Lại nữa:

... *Ngũ thập rồi, tay trắng xóa bạch vân.*

Ô hô!

Uống say mà khóc Đặng Dung thuật hoài...

Khóc rồi đập nát con say

Hốt nhiên bùng bùng hào khí

Vươn vai nhập thân hào sĩ

Dậm chân nổi gió Đông – Đoài

Cỡi chim hồng nhạn mà bay

Theo trăng qua Đàng Vương các

Thâu lại hồ trường nơi biển Bắc

Nhật lên chén rượu cuối trời Nam

Chơi hết tháng ngày chưa tương đắc

Tung hê cơm áo bất phù hợp thời... (PNL)

Cái giọng Huế nghiền nghiền, nức nở vang lên giữa đêm khuya khoắt rờn rợn, lan đến cả mọi người ngồi quanh chiếu rượu.

Thơ ca không hề là ẩn ngữ. Bởi chính trong cuộc giao tình buổi tao phùng tương đắc, thơ khởi sự chồm lên cái lãng đãng vời vời điệp trùng. Trăng nguyên tiêu vạch mái lá dòm xuống cuộc chơi. Trời khuya lạnh ngắt. Thơ bay vút lên sang sảng ngắt trời. Thơ chùng sâu như dây đàn nguyệt đổ. Hào khí buồn tênh. Nỗi cô đơn ngọt ngào hạnh phúc. Những cay đắng no tròn bằng hữu. Cuộc hẹn, cuộc tình của những người **bị mất quê hương**. Cuộc hò của những người bị biếm trích, lang thang vào tận cùng cô đơn, tận cùng biệt lập cắt chia, tưởng chừng mãi mãi, nghìn trùng. Cõi thơ lạnh bỗng nồng nàn những giọt nước mắt nghiền lòng đồng vọng:

Hoa thốn tàn hồng thanh bạch tiểu

Yến tử phi thời

Lục thủy nhân gia nhiều

Chi thượng liễu miên xuy hựu thiếu

Thiên nhai hà xứ vô phương thảo – Tô Đông Pha

(Hoa đang rã rời những cánh hồng xơ xác, và cây hạnh xanh gầy. Khi con én liệng, dòng nước biếc lượn quanh. Lốp bụi phấn bông liễu trên cành, gió thổi rồi vơi dần. Bên trời hàng vạn nẻo, nơi nào không có non).

Cuộc lữ bi thăm để năm người ôm nhau nằm trên chiếu hơi đồng, cười khóc; rồi bật dậy, trèo lên núi cao lưng lửng mé đầu phố nhìn xuống. Vẫn là khu phố cũ dưới kia, nép mình

một bên là biển, một bên là con sông uốn lượn. Phố sáng đèn kéo dài. Biển và sông lặng im và đen thẫm. Đất trời ngủ say. Chỉ còn năm đứa chúng tôi thức cùng đêm trắng lóa, trắng đến vô cùng lòng dạ. Đêm hoàn toàn yên tĩnh, không có tiếng đạn bom gào thét, không có hỏa châu nấp trắng sao, không có tiếng khóc gào vật vã, nhưng cả năm vẫn nhìn thấy một cách rõ ràng từng tràng bom dội xuống nỗi lòng mỗi đứa, nổ tung... kinh hoàng.

Ngày cuối cùng, Thiện vẫn không đến.

Rung rung chia tay. Rung rung hẹn gặp.

Gói quà anh em dành cho Thiện bỗng nặng hơn, nhói đau tác dạ.

2/

Chia ly và trùng phùng, khổ đau và hạnh phúc... nỗi hân hoan buồn tênh tựa hồ những cánh hoa ngày tết rụng tàn. Cô đơn luôn là thuộc tính của thơ ca, và hình như Rimbeau có nói rằng: *“Hồi thi sĩ, cô đơn là căn nhà xinh đẹp nhất, là nơi tốt nhất để cho người trú ngụ”*. Và vì vậy, ta không lạ, không ngạc nhiên khi nghe những câu than, câu hỏi, câu chờ khắc khoải:

... Biển sâu – Ly biệt sâu hơn!

Muôn đời sóng vỗ mãi mòn bến không

Mỗi mòn tiếng sóng nghe chung

Bờ Tây tóc rụng... Bờ Đông bạc đầu! (PNL)

Cứ như lời Lưu nói, thì nàng thơ bằng xương bằng thịt tuyệt thế giai nhân kia, đã có lúc kéo anh đến gần rồi xô anh ra xa, có lúc nâng bổng anh lên rồi lại nhấn chìm anh xuống, để cuộc lữ kết thúc một cách bi thương: *Bờ Tây tóc rụng... Bờ Đông bạc đầu!* Trong mắt tôi, tâm tưởng tôi, đó là nỗi đau khổ ngọt ngào trong sự kiếm tìm giữa nàng thơ và thi sĩ. Vâng, thà rằng cứ chơi bài hiện thực, chơi bài đồ kỵ tài danh như trường anh THẢ hăn còn dễ chịu hơn. Cái sở sàng trần trụi khi đọc gà hóa cuộc, cái bản thủ khi nâng thơ ca *dàng diệu* tuyệt vời thành củ khoai lang sùng đáng thú. Đến *Ngày Về* của anh cũng không được phép về; chiếc gương cùn, giày cỏ không được phép soi mặt xuống giòng nước mà tự hỏi này nọ. Không dấu hỏi,

không dấu than, chỉ có dấu chấm rạch rồi một cách khốn nạn. Mà dấu gì đi nữa thì loài sâu bọ, bọ chết đâu có xứng, có tâm hồn để ở trong mái nhà chung với thơ ca? Thôi anh, buồn mà chi. “*Thế thái nhân tình góm chết thay*” (xin lỗi độc giả, đầu óc già nua, lú lẫn đến không còn nhớ tên tác giả để chú thích).

3/

Trời đất! Sao không tìm một cái nghiệp nào khác mà lại bắt chước cụ Đào cụ Lý chui vào rọ văn chương lung tung, lúng túng. Gan ruột như Khuất Nguyên, Tô Đông Pha để một đời thành Tô Vũ quần áo rách bươm, vác gậy củi chặn bầy dê đói lả giữa trời tuyết đỏ trắng xóa, trùng trùng. Nỗi oan kiên của đời người đã là điều khủng khiếp. Oan khiên trong nghiệp báo văn chương lại càng khủng khiếp hơn.

Ước chi ta được như em bé Virginia, 7 tuổi, thơ ngây để hỏi người lớn rằng có hay không có ông già Noel? Và ước chi ta cứ chìm đắm mãi, mơ mộng mãi trong những câu trả lời của ông chủ bút tờ The Newyork Sun:

“ *Em Virginia thân mến,*

Ông già Noel là có thật, em ạ! Cũng như lòng quảng đại và sự hy sinh của con người là có thật.

Hồi ơi, cuộc đời này sẽ buồn biết bao, nếu ông già Noel vắng mặt? Và như vậy, con người sẽ chẳng còn thơ, còn nhạc, còn tình yêu cùng những niềm vui thánh thiện, cũng như trái đất sẽ chẳng còn hoa thơm cỏ đẹp.

Em không tin có ông già Noel ư? Thì hãy bảo ba em thuê người canh giữ ống khói vào đêm Giáng sinh để rình bắt cho được ông già Noel. Nhưng nếu không thể bắt giữ được ông thì sự việc mới giải thích ra sao?

Duy có điều là, những sự việc tích cực nhất ở trên đời này lại là những sự việc mà cả trẻ con lẫn người lớn không ai giải thích được.

Không ai trông thấy ông già Noel cả, nhưng cũng không có dấu hiệu nào chứng tỏ là không có ông già Noel. Có bao giờ em nhìn thấy các bà tiên nhảy múa trên bãi cỏ chưa? Nhất định là chưa! Nhưng, có dấu hiệu nào chứng tỏ là trên các bãi

cổ kia, không có các bà tiên nhảy múa?

Thân mến,”

Điều nguyện ước kia đã trở thành sự thật, khi về ngôi nhà chung Thư Quán Bản Thảo. Tôi và các bạn tôi bên này bờ vực sâu có thêm bằng hữu chia ngọt xẻ bùi. Những anh chị X. H, Mỹ Dung, Đắc Khuê ... chưa từng biết mặt đã trở nên gần gũi, thân thiết. Cảm ơn sợi dây mỏng manh, bạc mệnh là Văn Chương, đã và đang nối lại vòng tay nhân ái, vốn dĩ là cuộc lữ của những kẻ suốt đời lang thang trên triền vực, cô đơn trong núi thẳm rừng sâu ... để tìm kiếm cái ĐẸP.

Vâng, “*cái ĐẸP sẽ cứu chuộc lấy thế gian này*”, như Dos. Đã từng viết.

Xử Bàn Chải, Xương Rồng đầu xuân 2003

(nguồn : TQBT số 10 tháng 4-2003)

Phạm Ngọc Lư
Giã từ thế kỷ

Bùi ngùi từng phút trôi qua
Từng giờ chuông đổ ngân nga muôn trùng
Tiếc chi nguyệt tận niên cùng
Buồn vui góp lại uống chung bữa này
Vui buồn một thuở ngồi đây
Tri âm một thuở chiều nay mất, còn ?
Chiều nay rục rờ hoàng hôn
Đôi môi khép lại màu son hỏa hoàng
Mặn nồng đôi mắt Thời Gian
Xanh lên từng phút phai tàn ngắt ngay
Mời em bỏ nón ngồi đây
Mời em cầm chén rượu này rồi đi
Trăm năm... thôi chẳng còn gì
Ngàn năm sau... biết lấy chi vui buồn ?

31 – 12 – 1999

PHẠM NGỌC LƯ' & MỘT THUỞ TUY HÒA...

Người viết: MANG VIÊN LONG



Phạm Ngọc Lư tốt nghiệp QG/SPQN khóa 4 niên khóa 1966 – 1968, ra trường được chuyển về dạy tại Tuy Hòa – Phú Yên. Lư học sau tôi một khóa, nhưng với thị xã Tuy Hòa thuở ấy, nhỏ nhắn và yên lành – chúng tôi dễ gặp nhau và trở nên thân thiết vì tình văn, tình đồng nghiệp, đều từ phương xa đến.

Thuở ấy, ở những tỉnh xa, thị xã nhỏ như Tuy Hòa, gặp thêm được bạn văn, không dễ dàng, do đó chúng tôi rất gần gũi, và quý mến nhau. Có thể do số lượng anh em tham gia sinh hoạt còn ít, phương tiện di chuyển khó khăn, và cuối cùng, dường như ai cũng đang bị “buột chặt” với bao lo toan, bất trắc! Nhưng dầu chưa có dịp sum họp, cái tình văn sâu nặng vẫn đã có sẵn trong lòng mỗi người qua những sinh hoạt văn học nghệ thuật, qua tác phẩm của nhau, đã đọc, đã biết được...

Ở Tuy Hòa, chúng tôi vẫn thường gặp nhau sau những giờ đến trường, ngày chủ nhật, hay ngày nghỉ lễ; với các bạn văn, bạn đồng nghiệp quê Phú Yên cho đỡ nhớ nhà, như các anh Trần Huệ Ân, Đỗ Chu Thăng, Hoàng Đình Huy Quan, Nguyễn Phương Loan, Phạm Cao Hoàng, Phan Long Côn, Đàm Khánh Hạ, Khánh Linh (...). Sau này có Nguyễn Lệ Uyên đang dạy học ở Châu Đốc về thăm quê, có Võ Tấn Khanh từ Phan Rang ra thăm quê vợ. Thỉnh thoảng có thêm Lê Văn Thiện từ núi Sầm xuống, có Trần Hoài Thư, Lê Văn Trung, Phạm Văn Nhân từ Qui Nhơn vô, có Thế Vũ, Trần Văn

Giã, Lê Ký Thương, Nguyễn Sa Mạc, Nguyễn Âu Hồng lông bông từ Nha Trang ghé lại, và có thêm Triều Hạnh - một “nhà - thơ - học - sinh” mới tốt nghiệp trung học (...). Năm Lư về Tuy Hòa thì Y Uyên chuẩn bị vào Thủ Đức, Bùi Đăng đang bị “thất lạc”... Dầu việc đi lại khó khăn là vậy, nhưng ở Tuy Hòa, chúng tôi cũng đã có nhiều dịp tiếp đón nhà văn Võ Hồng về, chị Minh Quân, anh Doãn Dân, Lữ Quỳnh, Nguyễn Kim Phụng, Mai Thảo, Duyên Anh, Vũ Hữu Định, Tạ Chí Đại Trường (...). Tuy Hòa bé nhỏ, nhưng rất dễ thương là vậy! Mỗi lần có tin anh chị em văn nghệ từ phương xa ghé lại thăm, là y như chúng tôi đều có mặt, đều chia sẻ, đều vui mừng. PNL rất sốt sắn trong chuyện này...

Tuy Hòa có vài quán café dễ thương, thoáng mát như Cây Phượng, quán Nhớ, Hoài Bắc... Buổi sáng, trước giờ đến trường, chúng tôi thường hẹn gặp nhau ở những quán café, hay quán ăn điểm tâm, đề trò chuyện, thông báo cho nhau tin tức bạn bè, tin tức văn nghệ biết được qua sách báo, thư từ của nhau... Thuở ấy, chúng tôi ít có thói quen “cụng ly” ào ào với nhau như bây giờ, nhưng vẫn thường lai rai thâu đêm bên “*có may thần tửu*” trong sân vườn nhà một người bạn, hay trên căn gác gỗ của nhà thơ Khánh Linh! Những lần gặp, Lư đều có mặt, nhưng anh ít nói, cũng ít cười! Chỉ thăm lặng nghe. Vui lắm, chỉ nhếch môi, không nghe tiếng. Gương mặt Lư thường có vẻ gì khắt khổ, đăm chiêu, lạnh lùng... Nhưng trong ánh mắt anh, tôi hiểu - sự chia sẻ, cảm thông, vẫn có thể biết được, qua những câu nói ngắn ngủi, mà chân tình! Qua những bài thơ tâm huyết của anh với giọng ngâm Huế da diết, có lúc rần rỏ, khí khái. Có đôi khi, quanh quẩn trong cái thị xã yên vắng chỉ có vài con đường phố nhỏ, cũng thấy buồn - chúng tôi rủ nhau về thăm miền quê... Thăm nhà một người bạn, hay một vài người học trò yêu văn, thăm vài di tích Phú Yên, vài huyện lỵ xa cách, để hiểu thêm câu thơ của Tản Đà “*Đa tình con mắt Phú Yên*” là thế nào? Riêng Lư, cũng có một Kỳ Huê để làm thơ...

Gần Lư, tôi mới biết thêm người bạn đời của anh là người cùng quê Bình Định với tôi. Có lần về Qui Nhơn, Lư đã đưa tôi đến thăm nhà ở đường Nguyễn Huệ. Chúng tôi lại có thêm “sợi dây” đồng hương ràng buộc, ngoài tình văn, tình đồng nghiệp!

Cũng như nhiều người, Lư lận đận từ sau năm 1975. Bẵng đi một thời gian dài gần 10 năm – bắt ngờ, một buổi sáng Lư đã ghé An Nhơn thăm tôi. Vội vàng. Năm 1998, lang thang vào Saigon kiếm sống, tôi ghé thăm anh Trần Phong Giao - người thư ký tòa soạn tạp chí Văn năm xưa, được biết tin Lư đang lưu lạc từ quê nhà vào miền núi rừng Long Khánh để theo toán đào vàng; mạo hiểm để hy vọng tìm vận may, khi đã cùng đường! Rồi sau đó thất bại, trôi dạt đến Saigon, bây giờ là Đà Nẵng...

Năm 2003, tôi gặp lại PNL ở Tuy Hòa vào trước đêm Nguyên Tiêu, do hội VHNT Phú Yên mời. Chúng tôi cùng ở phòng ngủ đường Nguyễn Công Trứ, với Nguyễn Lệ Uyên, Võ Tấn Khanh. Giống như tôi, Lư rất nhớ Tuy Hòa, luôn tìm dịp vào thăm, cho đỡ buồn! Tuy Hòa đối với chúng tôi là nơi mở đầu cho nghề Thầy, cũng như bắt đầu cho bao ước mơ văn chương đã được ấp ủ của một thời tuổi trẻ. Khoảng tháng 6 năm 2008, tôi có dịp ra Đà Nẵng, đã phone gặp Lư. Anh em ngồi lại mà ôn nhớ đủ thứ chuyện thăng trầm nơi chiếc quán café nhỏ; lòng ngậm ngùi, lạc lõng. Anh cho biết, để có thể ổn định đời sống, anh đã mở lớp dạy tư môn Anh văn, vợ bán buôn phố chợ...

Gần khuya, Lư chở tôi trên chiếc Honda cũ về thăm nhà, quanh co bên kia cầu sông Hàn. Tôi gặp lại chị Quý – vợ anh, người vợ nặng tình của một nhà giáo, nhà thơ thất thế; nhưng trông chị rất vui khi nhắc lại chuyện cũ Qui Nhơn – Tuy Hòa, và những tháng năm không thể nào quên! Tôi đã biết chị rất đảm đang, chịu khó rất mực, trong những năm tháng lao đao...

Lúc này, ngồi nhớ lại - hình ảnh PNL còn đọng lại trong tôi vẫn là một dáng dấp thâm lặng, cô đơn...

Và, tôi vẫn thường tự hỏi: *“Chúng ta đều là những kẻ cô đơn chăng?”*

Quê nhà, tháng 5.2016
MANG VIÊN LONG

VIÊM TÌNH

PHẠM NGỌC LƯ, **Đứng ở một góc đời.**

Tôi nhận được cuộc gọi của Lư, buổi sáng, trong những bận rộn chuẩn bị cho một chuyến đi dài ngày. Chúng tôi trao đổi câu chuyện trong một tâm thế rất an ổn, mặc dù tôi và Lư đều biết chắc rằng, sau cuộc nói chuyện qua điện thoại, cả hai đều không vui gì, nhưng rất bình an trong tâm hồn nhau. Tiếng nói của Lư qua điện thoại nghe rất rõ, quá rõ khi Lư bảo với tôi là Lư đã biết có kết luận về cơn bệnh của mình. Tôi và Lư như cố tìm ra một chọn lựa thật rõ ràng về nhân sinh của một kiếp người. Cả hai chúng tôi im lặng thật lâu, rất lâu, điện thoại vẫn còn mở, tôi thật sự cố nén lòng, không nói lời an ủi, không thốt lên lời an ủi và nén tiếng thở dài trong lúc cần để Lư được sự im lặng xé chia hơn là lời nói. Tôi sợ Lư sẽ bị tiêu cực trong tình thần. Và rồi tôi và Lư cùng lúc tắt điện thoại. Sau đó tôi liên lạc với Nguyễn Vô Biên ở cà phê Cổ Quận, đường Nguyễn Công Trứ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Vắng đi một thời gian dài, quá dài, tôi vào Đà Nẵng theo đuổi công việc in ấn một cuốn sách thì tình cờ gặp nhà thơ Hoa Đêm cho tôi biết là Phạm Ngọc Lư đang định cư tại Đà Nẵng. Vậy là Hoa Đêm cho số điện thoại của Lư, kết nối được với giọng nói vẫn như năm nào của quá khứ không rõ ràng, nặng chất gió biển Vinh Thanh của Lư. Chúng tôi gặp nhau ở quán cà phê trên một ngã tư đường Lê Lợi. Vẫn là người cũ tự bao giờ, mừng rỡ một cách từ tốn, Lư điềm đạm nói về mình trong những tháng năm lưu lạc và những năm tháng dấu mình chọn một quê hương mới, Đà Nẵng. Và hỏi tôi về những năm xưa và những năm mới, dù hai tôi đã cách biệt bao tháng ngày ở những vùng miền xa lắc, chỉ biết còn thực sống qua những thông tin may là không phải tình cờ mà có.

Từ đó, chúng tôi nối lại những đứt khoản không gian và thời gian, để có lại không khí của quá khứ trước năm 75. Và thờ dài.

Cà phê Cổ Quận là nơi mỗi lần tôi chạy xe gắn máy vượt qua đoạn đường dài hơn 100 cây số từ Huế vào Đà Nẵng làm một ly cà phê rất đặc biệt, chờ và Lư đến. Hạnh phúc của chúng tôi là nhớ về , nói tới những ngày đang sống còn có chút dư hương ngày tháng cũ. Lư đã bộc lộ niềm hạnh phúc khi Đan Tâm, tập thơ tâm huyết của một đời làm thơ của Lư đã được Thư Ấn Quán in và xuất bản, phát hành tại Mỹ, và tại Việt Nam qua anh Nguyên Minh, chủ nhiệm tạp chí Quán Vãn ở Sài Gòn phụ trách in nổi bản và phát hành trong vòng thân hữu.

Một lần vợ chồng anh Phạm Văn Nhân về thăm quê đã đưa Lư cùng ra Huế, chúng tôi hội ngộ qua những bức ảnh chụp chung và những cuốn sách và tạp chí của anh Trần Hoài Thư và anh Phạm Văn Nhân chủ trương ở Mỹ. Ngoài ra không trao đổi gì thêm cả. Chỉ có ba chúng tôi nói chuyện bằng mắt nhìn xuyên suốt sự cảm thông và hy vọng những công việc đang làm sẽ lưu tồn được một phần nhỏ nền văn học rực rỡ của miền Nam trước 1975 đang càng ngày càng bị chìm sâu vào lãng quên, ngày càng bị cô lập ở trong nước. Lư đã là một sợi dây truyền cảm hứng cho chúng tôi qua cách anh nhất quán về cách sống, cách làm việc, cách suy nghĩ. Nhiều lúc tôi thấy Lư quá cực đoan với hiện tại Lư đang sống trong khung sinh hoạt quá bức bối, đầy áp lực thực tế với con người Lư. Điều này nhà văn Nguyễn Lệ Uyên ở Tuy Hoà cũng đã nhiều lần công nhận khi chúng tôi gặp nhau ở Phú Yên nói chuyện có hình ảnh của Lư.

Thời gian này tôi thường vào Đà Nẵng để gặp Lư, tất nhiên phải ngủ lại nhà Lư, ngôi nhà mới tạo dựng sửa sang ở gần danh thắng Ngũ Hành Sơn, Lư đã cùng tôi đọc lại bài Biên Cương Hành của Lư mà nhà văn Viên Linh đã đánh giá là một trong 5 bài hành hay nhất của các thi gia trong nước

Lư đã có một bản viết về thơ Hành của Viên Linh gửi về từ Mỹ. Điều mà Lư cho là sự đóng góp tích cực nhất của Lư với nền thi ca Việt Nam sau này. Lại một điều Biên Cương Hành

được Lư viết khi đang ngồi gõ đầu trẻ ở thị xã Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên tháng 5/1972 bắt nguồn từ cuộc thất bại của Lam Sơn 719 vào mùa xuân 71 của quân đội VNCH qua Hạ Lào. Biên Cương Hành được tạp chí Văn đăng lần đầu vào cuối tháng 11/1972 không bị cắt xén chữ nào cả, sau đó được lan truyền rộng khắp trong giới văn nghệ thời đó và đến bây giờ. Tâm sự của Lư là nỗi niềm chung của một thế hệ bơ vơ không tìm ra cho mình một con đường riêng. Tất cả mơ hồ trong màn khói thời cuộc. Đến lúc nhận ra mình thì lịch sử đã sang trang. Mọi con đường đều bị phong tỏa, cho dù đi bằng đôi chân tuyệt vọng cũng không bước được một bước chân. Lư luôn nói với mọi người bằng ý chí kiên định tâm lý, và rạch ròi trong cuộc sống hằng ngày. Lư giữ gìn tâm hồn mình, ly khai những nhu cầu không cần thiết, nhất là hoà tan trong cuộc sống của những kẻ vô luân. Trong một đất nước trước đây luôn lấy sự tôn trọng con người làm tiêu chí sống nay đã dần mất hẳn và biến dạng toàn xã hội một cách có chủ ý của tầng lớp cai trị mới. Nỗi đau không vui mà lại dày thêm khi bản thân bị ngược đãi bởi những định hướng mới mà con người sống không thể nào phản kháng. Lư chìm dần trong nỗi tuyệt vọng. Nhiều lúc đi bên nhau tôi thấy Lư như một kẻ tự lưu đầy trên chính nơi mình đang sống. Điều đó rất quyết liệt, Lư bộc lộ rất rõ bằng sự phản kháng qua lời nói và rõ hơn là từ đôi mắt sắt một hướng nhìn. Tôi đã có cuộc nói chuyện với anh Phạm Văn Nhân, anh đã nói nhiều về Lư, về sự bế tắc của mầm bệnh ngày càng phát triển không có lợi cho Lư. Hơn một tháng đi xa, tôi vào Fb và nhận được thư của Nhân, chúng tôi trao đổi ý để tìm cách có được cho Lư những tháng ngày sống thật thoải mái, và thanh thản. Khi nghe Nhân nói Trần Hoài Thư quyết định làm số TQBT 70 viết về Phạm Ngọc Lư, bạn bè rất mừng vì tình cố cựu của nhau, cũng là để lại một số tư liệu mà tác giả một thời đã trần trở về thân phận của xã hội điêu linh trong cuộc sống chưa một lần nhìn được màu xanh. Thời gian sống không còn nhiều nữa của anh, của tôi mà nhìn lại thì bộn bề những dở dang, có những điều không còn trong ký ức của những năm tháng chiến tranh đã qua đi quá lâu. Cách đây hai ngày Lư gửi thư điện tử cho tôi, qua thư tôi thấy Lư vẫn rất tỉnh để nhìn về bản thân. Điều đó làm tôi nhẹ suy nghĩ, chuyện đi về đều phải có chất xúc tác, Lư đã thấy được điều này, rất

cần thiết cho một chuyến đi. Tôi cũng thấy mình rất nhẹ nhàng trong cuộc sống này.

Hiroshima, Fukuyama tháng 5/16.

Phạm Ngọc Lư

Nhỏ nhoi hạt bụi

*thương nhớ Phạm Các Khuê
(sinh và mất năm 1972)*

*Nằm chơi dưới một hàng cây
Lao xao lá, lá thơ ngây chuyện trò
Nằm thanh thản một nắm mồi
Hồn nhiên cỏ, cỏ thơm tho hơi người
Hồn nhiên bao tiếng khóc cười
Tan vào lòng đất thắm tươi linh hồn
Hòa vào màu cỏ xanh non
Bay vào mây khói chiều hôm quê nhà*

*Nằm im giữa trái tim ta:
Nhỏ nhoi hạt bụi xưa là Các Khuê!*

HOÀNG XUÂN SƠN

thuận hòa

tặng Phạm Ngọc Lư

qua đầm. trốn một phòng loan
em ở ngoài cuộc biết làm sao đưa
khúc dương trắng của con đò
khúc tàn lau trắng buồn xo phận chiều
bến quay lại vẫn mỹ miều
qua trường thuận họa e nhiều sóng xô
nhìn lên đụn cát mơ hồ
về thăm biển cạn mây mờ đại dương

tưởng

đi qua đồi đi qua nương
đi qua suối một
gỗ vườn chiêm bao
thưa em. tôi ở động tào
ban ngày mộng đủ
cao trào ban đêm
thấy tôi một giọt lệ mềm
tưởng như huyền lục của thiên tình buồn

*hoàng xuân sơn
20,22 avril 2016*

Cái Trọng Ty

Biên Cương

Gửi Phạm Ngọc Lư

biên cương hành

chí người hồ thỉ

ngôn ngữ trong thơ di lụy một đời

người về một cõi nhà tan nát

tâm tư ưu uất tháng năm trôi

ngồi đây mời bạn chung rượu đắng

kẻ sĩ biên cương giày cỏ qua sông

bao năm xa một ngày thoáng gặp

gió phi trường Bình Định

cát bay bay

vội vàng tay vẫy không hẹn lại

thơ ầy bụi đường lấm tai ương

ta theo trận mạc về An Thái

thời xuân thu sáng biển chiều rừng

bước đi lửa tình muốn cạn

nhìn bóng mình rách rưới tang thương

bạn ta chí lớn tra gươm bén

chảy máu đời thơ buổi chợ tàn

ai hiểu người đời thất chí

chén rượu cuồng đối ẩm với ai

đêm xưa gác trọ vài ba đứa

vui một phùa sảng khoái tan hàng

nay hong bếp lửa tro than lạnh

nhìn đầm đầm vách lá bơ vơ

ngoảnh lại tháng ngày trôi lớp lớp

quạnh quẽ vào ra

đau đầu vết thương xưa

đêm nay ngâm lại giòng biên trấn
ngôn ngữ trong thơ mọc rễ phương đông
thơ trào uất ghen đồng hoang hóa
hoa quỳ cô đơn nở giữa núi ngàn
mây thành kìn kịt từ đất khô
vó ngựa ải quan bốc bụi mù

cung đàn xưa ai người tri kỉ
trên chiếu bạc đời
nỗi đắng cay
tuyệt vọng ngày xanh đành rơi bút bạc
giòng bão xoay vòng tâm muốn suy
hình như có tiếng còi xa bến
vì vu nghe tiếng gọi trùng khơi
gọi ai nơi tận cùng sơn thủy
ai người khách lạ gió muôn phương

ta về bạn hỏi từ đâu lại
mây khói tàn tro phủ tương đài
ngày rơi hạt lệ sôi phé tích
dầu Đan Tâm người khách trọ quê nhà

tháng bảy 2010

PHAN NI TẤN

Đừng Buồn Ta Gởi Mấy Lời

gởi người một chút quê xưa
chút hương lúa đơm nắng mưa dãi dầu
quê xưa giờ ở bề dâu
ở vùng tù hãm ở sâu lắm than

gởi người một thoáng điêu tàn
thối qua sông núi ngút ngàn máu xương
núi sông giờ ở biên cương
trăm năm nhuộm bóng tà dương nào nề

gởi người mấy cụm sơn khê
nghìn gươm giáo dựng đường mê nẻo cùng
máu xương là chuyện anh hùng
tự nhiên như ngọn bão bùng lướt qua

gởi người bắt một cái tà
con trăng thiên cổ cũng sa mù đời
trong hơi nhân thế đầy vơi
bão đời là ngọn tả tơi giạt về

gởi người mấy nụ xuân quê
lâu rồi không mọc bờ đề ven làng
xuân quê trước ở ruộng vàng
nay cũng biệt xứ lang thang cùng người

gởi người mấy tiếng trêu người
may ra còn chút niềm vui dẫn lòng
thân ta một tấm phiêu bông
hồn là bến đậu giữa dòng phiêu nhiên

nỗi niềm ta vốn không tên
như bài ca cũ đã quên hết lời
mùa xuân gởi sắc cho đời
đừng buồn ta gởi mấy lời động tâm.

phan ni tấn

PHẠM CAO HOÀNG

Phạm Ngọc Lư, một đời tài hoa



Năm 1970 tôi được chuyển về dạy học ở Tuy Hòa. Đây là khoảng thời gian tôi có dịp rong chơi với Phạm Ngọc Lư. Phạm Ngọc Lư quê ở Huế, sau khi tốt nghiệp sư Phạm Qui Nhơn vào năm 1967 anh được phân công về dạy ở Tuy Hòa. Anh thuê chỗ trọ ở đường Nguyễn Huệ và ăn cơm tháng ở tiệm ăn My Châu Thành. Chỗ anh ở trọ chỉ cách nhà tôi một con đường, chiều nào anh cũng ghé nhà tôi chơi, thân đến mức giống như người trong nhà. Vì lý do nào đó mà năm ba hôm không thấy anh đến là cha tôi lại hỏi: “*Mấy bữa nay sao không thấy Lư ghé chơi?*” Sau năm 1975, gia đình tôi tan tác, anh em mỗi người một phương, sau này gặp lại nhau bên Mỹ, mỗi khi nhắc lại bạn bè cũ ở Tuy Hòa, các anh của tôi vẫn nhắc đến Lư. Lư hiền lành, ít nói, và hơi bất cần đời. Anh có biệt tài thổi sáo và rất giỏi chữ Hán vì trước khi vào sư phạm anh học ở Viện Hán Học Huế. Truyện và thơ của anh đều hay, với lối viết sắc sảo, cô đọng và chặt chẽ; đặc biệt truyện của anh xuất hiện đều đặn trên tạp chí Văn ở Sài Gòn – điều mà các cây bút trẻ dạo ấy không dễ gì có được. Cũng như Y Uyên, Bùi Đăng, Mang Viên Long, anh có thời gian dạy học ở vùng nông thôn Phú Yên, trực tiếp chứng kiến những cảnh tượng hãi hùng của chiến tranh. Anh luôn ưu tư về tình hình

đất nước và phần lớn các sáng tác của anh đều có nội dung tố cáo và lên án tội ác của chiến tranh. Tôi tham gia vào sinh hoạt văn học nghệ thuật ở Tuy Hòa từ năm 1970 đến 1972, trong khoảng thời gian đó ngoài Phạm Ngọc Lư tôi thường gặp các anh Trần Huyền Ân, Đỗ Chu Thăng, Mang Viên Long và điều trùng hợp ngẫu nhiên là tất cả đều là giáo chức. Sau năm 1975, vì nhiều lý do khác nhau tất cả đều không còn làm nghề dạy học. Mỗi khi nghĩ đến chuyện các anh không còn đi dạy tôi không khỏi chạnh lòng vì tôi biết rõ các anh rất yêu nghề dạy học. Các anh rơi vào cảnh lỡ thờ lỡ thầy. Trần Huyền Ân chuyển qua làm nghề vẽ pano và bảng hiệu, Đỗ Chu Thăng về quê ở Hòa Mỹ làm ruộng, Mang Viên Long về quê ở Bình Định làm nghề sửa ổ khóa, còn Phạm Ngọc Lư lưu lạc vào Long Khánh, ngồi ở ngoài chợ bán dừa, bắt đầu đoạn đời lặn lội lao đao từ đó. Khi tạp chí Thư Quán Bản Thảo do Trần Hoài Thư và Phạm văn Nhân chủ trương ra đời, Phạm Ngọc Lư viết khá đều và gửi bài cộng tác – chủ yếu là thơ, những bài thơ rất buồn, nhưng chỉ một thời gian sau thì anh tuyên bố ngừng viết. Một số email anh gửi tôi cách đây 4 năm cho thấy anh đang trải qua những ngày tháng vô cùng khó khăn, không còn tha thiết gì đến văn chương, nhưng không nói rõ khó khăn gì mà tôi thì không tiện hỏi. Trên các diễn đàn văn học, bài vở cộng tác của anh thưa thớt dần rồi không thấy nữa. Một đời tài hoa rồi cũng đến lúc phải dừng lại và những ngày này anh đang nằm trên giường bệnh. Xa xôi quá, không giúp gì cho anh được. Mong anh hãy lạc quan, hãy hy vọng mọi chuyện rồi sẽ ổn. Mong rằng số báo Thư Quán Bản Thảo đặc biệt này là một liều thuốc tinh thần gửi đến anh.

Phạm Cao Hoàng
Virginia, 13.5.2016

Huyền Chiêu

Gặp Lư ở Tuy Hòa

Thuở trai trẻ, Lư từ xứ Huế vào dạy học ở Củng Sơn, một nhiệm sở ít ai dám đến sống, làm việc.
Củng Sơn là một quận nhỏ, heo hút, nằm dựa lưng vào dãy Trường Sơn cách Tuy Hòa khoảng ba mươi cây số:

*“Bốn phía rừng xanh màu nước độc
Đông tây nam bắc núi chặn đường
Một lũng đất bằng khu chén nhỏ
Trời chân ta vào chân Trường Sơn (1)*

Thời đó, ít ai dám xuôi con đường độc đạo từ Củng Sơn xuống Tuy Hòa.
Chiến tranh đang hồi ác liệt và thầy giáo Phạm Ngọc Lư đành:

*“Bó đời ta nửa manh chiếu rách
Đêm nằm mộng lớn nuốt mộng con
.....
Năm chi đây, thân tàn đất trịch
Chờ ai đây, đói lả chết mòn (1)*

Nhưng cũng nhờ cái xứ “*Canh khuya cọp gầm vang núi Lữ*” (1) ấy mà chúng ta có được tuyệt tác Biên Cương Hành của Phạm Ngọc Lư.

Trong phim Cầu Sông Kwai, ở cuối phim, hình ảnh người bác sĩ quân y gầy gò, đứng thẩn thờ, lặng nhìn dòng sông loang máu hàng trăm xác lính, những xác người mà ông đã từng tận tụy cứu chữa trước đây khi họ bị thương cứ làm tôi nhớ mãi. Lư không cầm súng, nhưng nơi đất trịch Củng Sơn, chúng kiến thảm kịch máu đổ vì bom đạn cứ tiếp diễn ngày nọ qua ngày kia một cách phi lý, trái tim anh đã nghẹn ngào nhỏ lệ:

*“Đây biên cương, ghê thay biên cương!
Tử khí bốc lên dày như sương
Đá chảy mồ hôi rừng ứa máu
Rừng núi ơi, ta đến chia buồn
Buồn quá giả làm con vượn hú
Nào ngờ ta con thú bị thương*

.....
*Máu đã nuôi rừng xanh xanh ngắt
Núi chập chùng như dãy mồ chôn
Góm, gió Lào tanh mùi đất chết
Thối lếp rừng già bạt núi non” (2)*

Thor Lư thật buồn và... khổ nữa.
Lư muốn đời mình trôi đi như dòng nước nhưng dòng sông
của Lư lúc nào cũng như muốn ngừng lại ở những bến sông
buồn bã nhất:

*“Chảy đi chảy đi
Hồi sông buồn lắm
Nước thôi chờ chi
Thuyền xưa đã đắm*

.....
*Chảy mau chảy mau
Đời nông tình cạn
Mà nước quá sâu
Trăm chiều khổ nạn*

.....
*Đưa ai tiễn ai
Phai hình mất bóng
Khổ lắm người ơi
Qua sông mất nón (3)*

Sau 1975, dòng sông của Lư lênh dênh đưa Lư vào tận Long
Khánh.
Chàng quyết chí:

“Ra đi mưu cầu y thực” (5)

Chợ Long Khánh là nơi Lư thử thời vận:

*“Ngày mấy bận áo khô áo ướt
Trời trở trời chợt nắng chợt mưa*

*.....
Ma xui quỷ khiến ra ngồi chợ
Bán gió rao trăng một núi dừa!*

*.....
Bán mua mua bán người đen trắng
Hơn thiệt thiệt hơn thói lọc lừa.*

Không thành công trên đường kinh doanh ... dừa, Lư chán ngán ngồi uống rượu:

*“Uống say... ném áo lên nóc quán
Hết nợ hết duyên vĩnh biệt dừa” (4)*

Lang thang mấy bận, lần này trở về Phá Tam Giang, lòng Lư nặng trĩu:

*“Mười năm dong ruổi mồn đất khách
Về cố hương chiều xế nắng tàn
Bỏ nón, tháo giày, xắn tay áo
Rửa phong trần thẹn với Tam Giang”*

*.....
Mưa miền Nam nắng miền Nam
Trông mây thấp thỏm, nghe gió bàng hoàng
Mười mấy mùa trôi qua không nhớ
Quá đổi mưa đau
Quá nhiều nắng khổ
Lẽ nào trời bỏ ta chăng?*

*.....
Thôi rửa hết phong trần nơi bến nước
Để trở về... đứng khóc dưới hương quan!” (5)*

Anh Khuất Đầu và tôi gặp Lư lần đầu ở nhà Nguyễn Lệ Uyên. Nhà Nguyễn Lệ Uyên ở tận Hòa An, cách ga xe lửa gần năm cây số.

Anh Nguyễn Lệ Uyên đón và chở tôi, một ông xe ôm chở anh

Khuất Đầu.

Xe chạy băng băng qua những cánh đồng lúa chín vàng. Xa xa núi Chóp Chài in bóng.

Xe ngừng đã thấy Phạm Ngọc Lư đứng đón trước cổng nhà. Lư dáng thư sinh nho nhã, áo sơ mi trắng cài khuy trịnh trọng. Trong không gian thoảng mùi hương lúa, dưới bóng cây mận già, trong nếp nhà cổ kính, mọi người vui mừng như đã quen nhau từ lâu.

Chị Hoa, vợ anh Nguyễn Lệ Uyên rủ tôi đi chợ. Bữa cơm có đậu rồng hái trong vườn nhà, có rau lang luộc mọc đầy dưới gốc mai, có cá lóc um chuối non.

Chiều xuống có thêm vài người bạn của Nguyễn Lệ Uyên đến chơi bàn luận chuyện văn chương ngày tháng cũ, uống rượu với nem Ninh Hòa và nghe Phạm Ngọc Lư ngâm thơ.

Lư vốn con nhà nho, giỏi thơ Đường, biết làm bài Hành, bài Phú, vì vậy giọng ngâm mang vẻ hào sảng của một “Nho sinh lỗ vận”:

*“Ta mím môi, chỉ Tam Giang thể hẹn
Không là Tương Như mà khí khái dâng tràn
Bước xuống thuyền nhìn trời cao đông dặc
Gỗ mạn thuyền ngâm khúc Hành Phương Nam*

.....
Phá Tam Giang, ôi Phá Tam Giang!

*Gió hìu hìu sóng gợn mơ màng
Nước vẫn mặn mòi mây quen thuộc
Sao lòng ta sóng gió ly tan” (5)*

Trời khuya, rượu cạn, chàng nho sinh bỗng biến thành cuồng sĩ:

*“Cô hồn một lũ nơi quan tái
Có khi đã hóa thành thú muông
Cô hồn một lũ nơi đất trích
Vỗ đá mà ca ngông hát cuồng*

.....
*Sát khí đằng đằng rùng rợn dựng tóc
Ma thiêng còn ngán bọn cô hồn” (2)*

Mờ sớm, mọi người đã dậy, cùng ngồi bên nhau dưới gốc mận trong sân vườn, ăn chén cháo nóng chị Hoa nấu, uống với Nguyễn Lê Uyên chén trà tạm biệt.

Xe taxi đón Lư, anh Khuất Đẩu và tôi xuống bến xe dò.

Đưa tay vẫy chào chúng tôi, Lư bước vội về hướng bến xe Đà Nẵng.

Sáng hôm ấy Tuy Hòa cuối tháng giêng trời thật đẹp.

Ngồi trên xe, tôi lật vài trang trong tập thơ Đan Tâm mà Lư vừa tặng.

Gặp mấy câu thơ đọc thấy lòng rung rung:

“Chong đèn thức với mưa khuya

Hồn thơ xác chữ đầm đìa mưa xanh

Mộng con mộng lớn tan tành

Chỉ còn bút mực đan thanh tươi màu” (6)

Huyền Chiêu

Ninh Hòa, 4 tháng 5-2016

1- Đất Trích

2- Biên Cương Hành

3- Bên Sông

4- Ngồi Chợ

5- Trở Về Phá Tam Giang

6- Chỉ Còn Đan Tâm

Phan Xuân Sinh

PHẠM NGỌC LƯ, NGƯỜI ĐI TRƯỚC VẬN MỆNH

*“nhìn ra sông.. sông bồi hỏi
ba mươi năm nữa... ai ngồi nơi đây?”*

Phạm Ngọc Lư
(Ba Mươi Năm)

Tôi biết Phạm Ngọc Lư lâu lắm nhưng chưa bao giờ gặp anh. Cách đây 8 năm (năm 2008), tôi có chuyến về thăm quê nhà ở Đà Nẵng, tôi được bạn bè văn nghệ ở đây giới thiệu, tôi gặp anh Lư trong một bữa rượu tại nhà một người bạn. Tôi đến bắt tay anh và cũng vài lời khen tặng xã giao về văn chương chữ nghĩa của nhau. Ngay từ lúc đầu mới gặp anh thẳng thắn nói với tôi: *“Mặc dù nhiều người khen thơ anh hay, nhưng với tôi thì không như vậy. Tôi thấy truyện anh viết hay hơn.”* Tôi không biết nhận định của anh đúng hay không? Nhưng tôi vẫn thấy ở anh có một đức tính rất cần thiết cho những người cầm bút. Anh nói chuyện với tôi chân tình dù mới gặp lần đầu. Tôi thích anh ở chỗ đó, nên chúng tôi hay rủ nhau uống cà phê riêng để nói chuyện với nhau, những ngày còn ở lại Đà Nẵng.. Tôi trân trọng những nhận xét của anh, mặc dù có những điều tôi không đồng ý. Tính của tôi ít khi tranh cãi với ai, nhất là những người mới quen biết. Trên chiếu rượu khi hứng chí anh em uống tới bến, tôi lại càng thích anh chỗ này dù tôi biết anh mang trong người bệnh hoạn, song anh cũng quên nó để vui với anh em.

Sau Tết chúng tôi rủ nhau đi Huế. Chuyến đi này có các anh: Đặng Tiến (từ Pháp về), Hạ Đình Thao (từ Sài Gòn ra), Uyên Hà, Phạm Ngọc Lư.(ở Đà Nẵng) và tôi (từ Mỹ về). Chuyến đi thật đáng nhớ.

Khi ở Huế, chị Thái Kim Lan có mời anh Đặng Tiến và chúng

tôi ghé nhà chị ấy chơi. Trong đêm đó anh Phạm Ngọc Lư đọc bài thơ “Biên Cương Hành”. Bài thơ này đã đăng trên “Văn” khoảng năm 1972, mà tôi có dịp đọc nó. Bài thơ khá dài thể mà anh thuộc lòng, tôi thầm khen trí nhớ rất tốt của anh. Đêm đó về khách sạn chúng tôi ngồi nói chuyện, anh cho biết anh làm bài thơ này trong lúc đang diễn ra trận Hạ Lào của quân đội Miền Nam và bộ đội Bắc Việt. Hằng chỉ khi đọc lên tôi thấy cảnh chết chóc, ly tán, lửa khói và nhất là buồn da diết. Tôi thầm nghĩ giá như có tập thơ “Đan Tâm” của anh ở đây, tôi sẽ thức đọc suốt đêm. Bài thơ gọi cho tôi nhớ lại trận chiến của quê nhà. Tôi là một người lính, người lính trực diện với chiến trường, khi nghe bài thơ anh đọc trong đêm đó, tự nhiên tôi thấy buồn kinh hồn.:

*“Đây biên cương, ghé thay biên cương!
Tử khí bốc lên dày như sương
Đá chảy mồ hôi rừng ứa máu
Rừng núi ơi ta đến chia buồn...”*

Những ngày ở Đà Nẵng, chúng tôi hay rủ nhau đi uống cà phê, chính những lúc này tôi hiểu thêm về con người của anh. Anh là một người sống lặng lẽ, thâm trầm. Ít giao thiệp với ai, nhưng khi gặp anh em văn nghệ anh rất hết lòng với anh em. Tôi biết gia đình anh đang gặp khó khăn nhưng anh không bao giờ tỏ bày cùng ai, ôm trong lòng những u uất cho nên trông thấy anh càng tôi nghiệp, với vóc dáng ốm yếu, xanh xao, càng tang thương hơn. Tôi nói với anh bây giờ mình lớn tuổi gặp những bất trắc mình nên lướt qua đừng để trong lòng. Vì mang trong người thứ này mình sẽ suy sụp ngay, gượng dậy không nổi. Nói thì nói vậy chứ làm sao dễ dàng thoát được., nó cứ bám sát, không làm sao dứt ra được.

Trước khi rời Đà Nẵng, tôi gặp một số anh em trong tiệm cà phê để nói lời chào lần cuối. Anh Phạm Ngọc Lư là người tôi lo lắng nhất.

Trở lại Mỹ, chừng 2 năm sau, tôi nhận được tập thơ “Đan Tâm” tập thơ của Phạm Ngọc Lư, do Thư Quán Bản Thảo của anh Trần Hoài Thư và Phạm Văn Nhân gửi tặng. Có lẽ đây là

một trong những tập thơ hay mà tôi đã đọc. Những bài thơ 7 chữ của anh mang phong vị hành tôi rất thích. Được biết anh trước đây anh có học Hán Tự của Viện Đại Học Huế mở, nên trong thơ anh dùng rất nhiều từ Hán Việt làm cho câu thơ tăng thêm phần sâu lắng.

Đọc thơ Phạm Ngọc Lư ta ít thấy cái vui mà phần nhiều là buồn. Chúng ta cũng không lạ gì cảnh này, bởi thế hệ của chúng tôi sau một cuộc đời, phần đông anh em bị hụt hẫng, chỉ thấy toàn tử biệt sinh ly. Chạy từng bữa gạo thì văn chương chữ nghĩa làm sao vui được:

*“qua cầu một cổ áo quan
Tiếng sênh diu bước hai hàng âm công
Bước theo khăn chế áo sòng
Hắt hiu cò rữ lạnh lòng vàng rơi
Chân cầu nước ngậm ngùi trôi
Tiếng kinh tiếp dẫn bồi hồi tràng giang”*

Thi sĩ là người đi trước số phận, tiên đoán những gì sắp xảy ra. Những điều anh thổ thê trong thơ man mác những nỗi buồn, những lo lắng như nó quấn chặt vào người anh:

*“bùi ngùi từng phút trôi qua
Tìm giờ chuông đổ ngân nga muôn trùng
Tiếc chi nguyệt tận niên cùng
Buồn vui góp lại uống chung bữa này..”*

Quả thật trong thế hệ của chúng tôi sống trong Miền Nam gặp nhiều bất trắc quá. Mỗi người, mỗi số phận mang những niềm đau riêng có, chung có. Phạm Ngọc Lư tỏ bày những oan khiên này bằng những lời chua cay, tủi hờn. Anh nói giùm cho tất cả, nên khi đọc thơ của anh ta không tránh được ngậm ngùi:

*“trời sinh chi đôi vai thêm khổ
Gánh gian nan như gánh tôi đồ
Sinh chi kẻ sĩ đem đày đọa
Chôn vùi nơi nắng bắn mưa dơ”*

Nhận xét về con người và thi ca của anh có một sự tương ứng với nhau một cách thích thú, tuy nhiên chuyện buồn nhiều hơn vui, nó hiện diện trong số phận của anh. Khi tôi viết những dòng này anh đang nằm điều trị một căn bệnh ngặt nghèo tại bệnh viện Đà Nẵng. Chúng tôi luôn luôn cầu mong cho anh thoát được cơn nguy nan này, để cuối năm có dịp về thăm quê nhà, được cùng anh đi uống cà phê.

Hôm nay trời bên ngoài đang mưa, nghĩ về anh bỗng dưng nước mắt tôi rơi xuống. Anh Lư, anh phải chóng bình phục để còn gặp lại anh em. Những người gom góp những nhận xét tốt nhất về anh để đi trên Thư Quán Bản Thảo số đặc biệt về anh, như một lời cầu nguyện, một mong ước mà bạn bè dành cho anh.

Chúc anh chóng bình phục.

Phan Xuân Sinh
Houston, 13 tháng 5 năm 2016.

Phạm Ngọc Lư
Hoa ổi

Ngủ quên bên chén rượu tàn
Giật mình tỉnh giấc : hai ngàn năm qua !
Bồn chồn hé cửa nhìn ra :
Trước sân cây ổi nở hoa bình thường !

1 – 1 – 2000

Phạm văn Nhân

Phạm Ngọc Lư, Cuộc Đời Đã tận Cùng Xô Anh Ngã

Ngược thời gian vào khoảng thập niên 60. Sau tết Mậu Thân 1968. Khi anh Trần Hoài Thư bình phục vết thương do đạn của phe bên kia bắn anh tại cây xăng Ông Tề, Qui Nhơn, vào sáng mùng Một năm ấy, khi anh đưa quân về giải cứu thành phố này (Đại đội 405Thám kích/SĐ22). Tôi với anh Trần Hoài Thư lại có những chuyến đi ta bà thăm bạn bè ở Tuy Hòa, Nha Trang...

Tuy Hòa một thành phố nhỏ, nhưng lại tập trung những người bạn viết văn rất chân tình đối với chúng tôi. Và cũng từ thành phố nhỏ này tôi đã có những người bạn. Mỗi khi nhắc đến là tôi nhớ ngay đến Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Lệ Uyên, Hoàng Đình Huy Quan, Trần Huệ Ân, Nguyễn Phương Loan, Mang Viên Long và **Phạm Ngọc Lư**. Trong số những người bạn ở Tuy Hòa, có hai anh từ xa đến làm việc ở đây là Mang Viên Long (An Nhơn- Bình Định) và anh Phạm Ngọc Lư (Huế) . Cứ mỗi lần nhắc đến một trong số những anh bạn này, chỉ một người thôi là tôi nhớ hầu hết tất cả. Riêng Nguyễn Phương Loan, anh là một quân nhân, đã tử trận trước 1975 trên chiến trường Pleiku. Anh chết còn rất trẻ.

Hôm nay, những công việc của các anh có nhiều thay đổi trong cuộc sống. gần như đảo ngược toàn bộ. Hầu hết không ai còn đi dạy học nữa mà trở về đời sống thường ngày của một thuần nông, như nhà văn Nguyễn Lệ Uyên. Mang Viên Long thì làm nghề sửa đồng hồ , ổ khóa ở An Nhơn, Bình Định. Anh Trần Huệ Ân thì lớn tuổi, vui thú điền viên bên con cháu. Hoàng Đình Huy Quan nghe anh Phạm Cao Hoàng nói về sống ở Sài Gòn. Phạm Cao Hoàng. Trần Hoài Thư ở Mỹ.

Còn anh Phạm Ngọc Lư thì sao?

Sau 1975, Phạm Ngọc Lư không về Huế. Anh chọn Đà Nẵng sau một thời gian đi "phiêu bạt". Có lẽ cuộc sống phiêu bạt của anh để tìm một cái gì đó đổi mới sau những năm bị gò bó bức xúc trước sự bế tắc không lối thoát của hầu hết những người cũ, như tôi, không thoát đi đâu được phải vào trại cải tạo 8 năm để làm người câm và điếc. Còn Lư thì không về Phú Vang, cách Huế vào khoảng 29, 30 cây số để tìm lại tuổi thơ ngày nào. Anh đi và đi mãi cho đến hôm nay.

Sau năm 1975, những người bạn của tôi cũng không gặp. Mỗi người đi mỗi ngã, không bắt liên lạc được. Nhưng kể từ khi tôi với anh Trần Hoài Thu liên lạc được với nhau và bắt tay vào làm Thư Quán Bản Thảo bên Mỹ này, thì những bạn cũ bắt đầu liên lạc được với nhau, cùng đến với nhau qua tạp chí TQBT. Và, từ đó tôi biết được cuộc sống của các anh. Trong đó có Phạm Ngọc Lư. Chính tôi cũng không ngờ, với Lư, một nhà giáo, ít nói, thâm trầm lại bị đời xô ngã xuống không đứng dậy nổi.

Năm 2009. Tôi về thăm nhà, ra Huế. Tôi gọi anh từ Đà Nẵng ra chơi cùng với Viêm Tịnh. Anh ở lại với tôi một đêm. Chỉ một đêm thôi, đủ nghe anh tâm sự về cuộc đời nghiệt ngã của anh, tôi nghe mà não lòng. Với giọng Huế trầm buồn. Bên ngoài trời đổ cơn mưa. Mưa rơi trên mái tôn rỉ rả. Anh kể cuộc sống của anh. Nhìn anh với thân hình tiều tụy, gầy, và xuống dốc. Chẳng khác nào cỗ xe ngựa kéo nặng lên con dốc đời. Tại sao, đời nghiệt ngã xô anh như thế. Anh kể tôi nghe những năm phiêu bạt đi đó di đây kiếm sống. Từ một chợ nhỏ, nghèo ở Long Khánh, Đồng Nai. Anh ngồi bán những quầy dừa:

.....

*" Ma xui quỷ khiến ra ngồi chợ
Bán gió rao trắng một núi dừa
Mặt người keo kiệt màu cứt sắt
Miệng lưỡii cò kè ngọt lẫn chua
Năm ba đồng bạc sao to quá
Bớt một thêm hai mấy chẳng vừa*

(Ngồi Chợ)

Đọc bài thơ của anh, tôi lại nhớ đến người bạn khi còn ở Qui Nhơn, đó là nhà thơ Lê Văn Trung, sau 1975 anh cũng như Lư bị cuộc đời xô đẩy và vùi dập. Anh lưu lạc vào Đồng Nai, Long Khánh cũng ngồi giữa cái chợ nghèo mà tìm kẻ sinh nhai: *Ngày qua ngày lại ngày qua/ Tôi cùng em đẩy xe ra chợ nghèo/ Chở đầy xe nổi gieo neo/ Mua long đông bán bột bèo quần quanh....* Với Phạm Ngọc Lư, lại một lần nữa phải phiêu bạt vô tận trong Nam. Đất Phương Nam in dấu chân phiêu bạt gây guộc anh qua những dòng thơ anh tâm sự:

...

*" Đồng khô rậm tiếng ếch kêu
Mây hoang ủ rũ đăm chiêu rối lòng
Chân trời dang rộng mệnh mông
Cố hương thăm thẳm tịnh không lối về,*

Khi ấy anh ở Tỉnh Biên.

Sau những năm phiêu bạt, anh quyết định về Đà Nẵng để tụ lại mà sống cho đến hôm nay. Ngược lại anh Lê Văn Trung lại bỏ Đà Nẵng tụ lại nơi vùng kinh tế Đồng Nai bám vào cuộc sống nghèo nơi ấy.

Đúng. Cuộc đời và ngay cả những con người có chức có quyền trong xã hội mới đã xô đẩy người bạn thơ của tôi ra như thế này sao? Tuyệt vọng. Như tôi đã nói: may mà có những con chữ đã vực anh đứng dậy. Có thể nói từ Thư Quán bản Thảo của anh Trần Hoài Thư và tôi, qua lời giới thiệu của Nguyễn Lê Uyên tiếp tay vực anh dậy, với những con chữ, hồn thơ, với những nét mực xanh đan lại với nhau để hồn thơ anh lại lán từ trong tâm thức , qua tập Đan Tâm đầu tay của anh để nhiều người nhắc đến:

*Chong đèn thức với mưa khuya
Hồn thơ xác chữ đắm đìa mưa xanh
Mộng con mộng lớn tan tành
Chỉ còn bút mực đan thanh tươi màu.*

Nhưng với Phạm Ngọc Lư, nhiều người viết về anh qua những bài hành anh làm. Như **Biên Cương Hành, Cổ Lý Hành...** Nhưng bài Biên Cương Hành là tuyệt vời nhất. Hình như anh sáng tác vào năm 1972. Năm hành quân qua Hạ Lào trên đường 9 với chiến dịch Lam Sơn. Còn với tôi, tôi vẫn thích bài: **Đề Thơ Trước Mộ Thanh Xuân**. Đây là một **bài phú** rất hay với nhiều điển tích. Chẳng khác nào bài hành anh sáng tác. Từ bài phú này tôi mới hiểu rõ tâm trạng của một Phạm Ngọc Lư. Anh gởi gắm đời mình qua bài phú này. Từ đây, tôi mới tìm ra được nghịch cảnh của xã hội, của con người, hay nói khác hơn nghịch cảnh của một đất nước mà chiến tranh triền miên. Chấm dứt chiến tranh ư? Hòa bình lập lại ư? Ai cũng mừng! Nhưng không. Sau khi chiến tranh chấm dứt, thể hệ chiến tranh của chúng tôi (từ này của anh Trần Hoài Thư hay dùng) trong đó có anh (Phạm Ngọc Lư) ***đã phải trải qua bao cái nghiệp, đeo bám vào anh***. Vì thế hệ mới này có biết bao là nghịch cảnh, có biết bao là xót xa, có biết bao là phần nộ...mà , anh mượn lời thơ qua bài phú: Đề Thơ Trước Mộ Thanh Xuân để tâm sự. Đọc lên mới hiểu được nỗi lòng của một Phạm Ngọc Lư. Dù trong bài phú có nhiều điển tích.

Tôi biết. Với anh, một người đã tốt nghiệp Đại Học Văn Khoa, Huế, ban Hán Việt cho nên trong thơ anh mang nhiều điển tích là đúng thôi. Ít có nhà thơ trẻ nào làm thơ đã đưa điển tích vào thơ như Phạm Ngọc Lư đã đưa. Và, với Lư, theo tôi anh còn sở trường về thơ lục bát nữa. Lục bát của Lư , theo tôi đã đạt đến mức hoàn hảo nhất.

Để chấm dứt bài viết về một người bạn. Tôi xin đi lại bài thơ: **Đề Thơ Trước Mộ Thanh Xuân** của Lư , để tôi chiêm nghiệm lại thể hệ của chúng tôi. Và, cũng để cho các bạn yêu thơ Phạm Ngọc Lư qua bài phú này : anh mượn thơ để nói lên , hay để tâm sự với những ai đồng điệu cùng anh.

Đề Thơ Trước Mộ Thanh Xuân

Có người bảo ta ngu
Không thèm ăn thóc nhà Chu
Bỏ về quê ăn cỏ
Có kẻ khoái ta ương gàn cần rở
Dám chê rượu nhà Tần
Thứ rượu cung đình của phường hiển vinh phú tộc
Tuổi mới ba mươi
Có ai ngờ ta uống hèn nuốt nhục
Lấy giẻ rách che tai
Cắm chông gai rào miệng
Nhặt nhạnh gia tư ít đồ tẻ nhuyễn
Trèo lên xe trâu
Lui về quê kiểng
Mài răng gặm nhấm cái thanh bần
Lượm lật nửa tre che căn nhà nhỏ
Phên cửa phong phanh suốt ngày no gió
Người quen tăng bốc gọi mao lư
Kẻ nôm na kêu đích danh nhà cỏ
Chẳng hay ho gì cò với mao
Thời bất lợi voi đành làm chó
Phong tống thời lai giun đất hóa rồng
Góp nhặt chợ trời đầy hai túi chữ
Túi đựng thánh hiền kê đầu giường ngủ
Túi đựng tầm phào
Lộn tùng phèo phạm phu tục tử
Thoải mái gác chân
Lựa trong gia tài một mớ phong vân
Đem ra chợ chiều rêu rao thanh sắc
Tội cô lảng giềng thật thà nháy mắt
Khổ chị góa chồng mời mọc môn khoai !
Tìm trong gia phong mấy lời răn dạy
Hiếu đầu nhất thời
Đâu là vạn đại
Than ôi !
Cái khôn mới hôm qua

Hôm nay bỗng trở thành cái đại
Quay lưng với đời ư ?
Dòng đời cuộn cuộn
Biển đời lộn cộn
Bảy đục ba trong
Quay mặt với người ư ?
Mặt người sắc nhọn
Biển người sao mà ghê rợn
Đua chen hôi lợi bòn danh
Đâu dám ví mình với Đào Uyên Minh (*)
Tụng *Quy khứ lai từ*
Cứ ngỡ chính mình đang u hoài cảm thán
Ngộ dĩ vãng chi bất khả gián
*Tri lai dĩ chi khả truy (**)*
Hề ! mời quá khứ nâng ly
Hề ! mời vị lai so đũa
Ta như kẻ lỡ thời
Giỏi giang gì mà tri với ngộ
Chỉ biết hôm nay giày rơm áo cỏ
Vinh danh *quân tử cổ cùng (***)*

Ba mươi năm bỗng...bỗng ...bỗng
Ngơ ngác quay về gia hương cố thổ
Lá tre lợp dày mái cỏ
Bão giông quần quai mao lư
Bao nhiêu năm ta vẫn còn ngu
Sáu mươi tuổi chắc gì không càn rỡ
Đầu đọc hết một trăm bô chữ
Vẫn thua đau một đũa lòn tròn
Đứng giữa chợ chiều sao nhớ chị khoai môn
Bỗng thương năm xưa cô láng giềng thuần phác
Lướt thướt mây trôi
Dập dờn tóc bạc
Một mình ta
Như bóng ma nhô lên từ đêm thiên cổ
Một mình ta lơ ngơ chôn nỗi niềm ly gia biệt thổ
Nền nhà xưa mọc lên nấm mộ
Chữ đề bia tức tươi tím bầm:
Ghê thay ! Thiên địa phong trần

Nơi đây ...yếu mệnh thanh-xuân-một-người !

(*) **DÀO TIỀM** (365-427) tự là UYÊN MINH, người đời Đông Tấn, Trung Hoa. Ông làm huyện lệnh ở Bành Trạch, chán cảnh phải luôn cúi qua trên, than thở " *ta đâu phải chỉ vì 5 đấu gạo (tức lương bổng) mà phải khom lưng ư?*" Ông bèn trả lui áo mào cho triều đình, lui về quê ẩn cư, viết bài *Quy khứ lai từ* để bày tỏ chí hướng. Người đương thời rất ngưỡng mộ sự cao khiết của ông, tặng ông danh hiệu **Tĩnh Tiết Tiên Sinh**

(**) Hai câu này trích trong *Quy khứ lai từ* . Nghĩa: Nhận ra chuyện dĩ vãng là không thể ngăn lại được, biết việc tương lai thì có khó thể đoán theo. Phan Kế Bính đã dịch Quy khứ lai từ thành thơ song thất lục bát. hai câu này ông dịch thoát ý:

Ấn năn thì sự đã rồi

Từ nay nghĩ lại biết thời mới là.

(***) *Quân tử cố cùng; tiểu nhân cùng nhi lạm hỷ !* Khổng Tử (sách Luận Ngữ). Người quân tử cố chịu đựng với cảnh khôn cùng. Kẻ tiểu nhân gặp khôn cùng thì làm điều tham lam.

Vô Biên

Một nẻo quê chung

Những ngày tháng năm miền Trung đầy nắng nóng cùng với bầu không khí hầm hập về bao biến động môi trường, niềm ưu tư này không chỉ riêng tôi mà còn của bao người dân bình thường khác nữa. Đang phấp phồng giữa những ngày giờ đó, thì một lo âu khác về đời sống bạn bè, anh em lại ập tới trong tâm hồn vốn mong manh và đa đoan của tôi, sau khi cùng một số chị bạn đến thăm nhà thơ Phạm Ngọc Lư đang điều trị tại bệnh viện ung bướu trở về. Cái hình bóng guộc gầy xanh xao của anh Phạm Ngọc Lư vụt tươi tỉnh hẳn ra khi gọi tên từng người bạn, rồi anh lại bật khóc khi nhắc đến tấm lòng bằng hữu và anh chị em ở phương xa, cứ mãi theo tôi trên suốt đường về.

Chia tay anh lòng bùi ngùi, tất cả chúng tôi thầm mong anh vượt qua bệnh tật. Đi dọc suốt hành lang bệnh viện dài hun hút qua các phòng có đến cả trăm giường bệnh, dầu chẳng hình dung tưởng tượng gì, ai cũng hiểu cái bản án ung thư nghiệt ngã kia đang là ám ảnh ghê sợ của mọi người. Nhưng nào phải một nơi đây, mà còn trải dài khắp đất nước bởi một thực trạng đang báo động về môi trường ô nhiễm cho đến từng bữa ăn trong mỗi gia đình.

Tôi quen biết anh Phạm Ngọc Lư khoảng 15 năm nay, ngoài biết anh là người làm thơ, viết văn và dạy học, anh còn là người cùng quê với tôi. Nhưng có lẽ, vượt lên trước hết còn là cái duyên văn nghệ, dù rằng tôi nhỏ tuổi cách xa anh Lư đến gần vài giáp tuổi. Nhà tôi có một quán cà phê ở Mỹ Khê - Sơn Trà, nơi anh thường lui tới uống và trò chuyện văn chương, lúc thì một mình, khi thì với đám ba anh chị trong thành phố. Cũng có khi những người bạn văn nghệ phương xa về thăm, anh thường dẫn đến quán, vui buồn sẻ chia, tâm tình một nẻo. Dường như đây còn là một quê chung, ấm áp bên tách cà phê và những câu chuyện văn nghệ chùng chình như không hồi kết thúc.

Đời sống áo cơm với anh hầu như thường bấp bênh, không ổn định. Nghe anh kể, từ sau 1975, từ Tuy Hòa trở về Đà Nẵng anh thôi dạy học và nghỉ viết văn hẳn, chỉ còn đi dạy kèm kiếm sống, và lai rai làm thơ, đúng là " cơm áo không đùa với khách thơ", trông anh lao đao lận đận mà ngậm ngùi. Qua anh được biết, thỉnh thoảng cũng có lúc bạn bè một thuở hoạt động văn nghệ cùng anh trong và ngoài nước chia sẻ vật chất lẫn tinh thần. Quả là tình thật đấy, nhưng rồi lại, nói như người ta thường nói " của vô nhà khó như gió vô nhà trống", thế nên cuộc sống lo toan vẫn cứ bấp bênh từng ngày. Những lúc như vậy anh thường ngồi bên ly cà phê , khói thuốc bay trước mặt như đo còn bao đường dài tương lai. Tôi có cảm giác như niềm cô đơn và sự vây bủa đời sống đang giằng xé anh. Và đôi khi trong cái tâm thế hoang mang đó anh lại buột miệng nói với tôi như tiếng bật ra từ vô thức: "Cám ơn Vô Biên, còn một chỗ thân quen cho anh ngồi "

Hơn một năm nay anh Phạm Ngọc Lư liên miên đau ốm, quán xá xa dần. Gần đây bệnh viện phát hiện anh bị ung thư tuyến giáp. Những ngày chuẩn bị nhập viện ung bướu trông anh buồn và tiêu tụy, có lúc tưởng như suy sụp hẳn, Tôi và bạn bè nhiều lần đến nhà thăm, động viên anh. Và rồi đến lúc gia đình phải chuyển anh vào bệnh viện. Sức khỏe anh giờ đây như ngọn đèn trước gió. Biết thế, nhưng tôi và chị em bè bạn đến thăm anh vẫn cầu mong đến một diệu lực nhiệm màu. Chợt nhớ một bài thơ anh viết:

*Có tiếng ai kêu tên tôi cuối chân trời tiêm thức
Tiếng chim xưa âm vang trong rừng sâu ký ức
Rơi xuống giữa vườn trắng
Lan tỏa trong thình không
Màu tóc xưa huyền hoặc
Có cánh hoa nào bay ngậm nỗi tàn phai cảm nín
Có con bướm đoạn trường kêu không thành tiếng
Lạnh lẽo một màu trắng
Ngan ngát hương sâu đông
Chờ nhau chờ nhau khắc khoải
Có tiếng lòng tôi giữa ngàn khơi sóng vỗ
Tiếng gió qua thành xưa
Tiếng mưa về mái cũ*

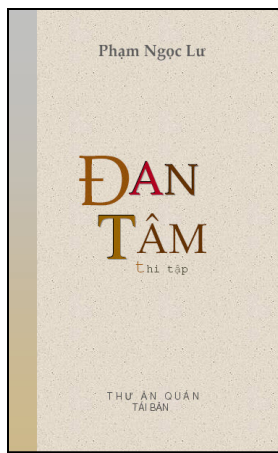
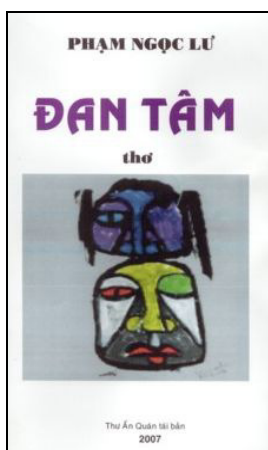
*Mà không còn không bao giờ còn nữa
Một tiếng hoàng uyên
Muôn thuở tình ta vô ngôn
Một phút đời em dâu bé
Nỗi buồn rơi..
Không rơi thành giọt lệ
Sao vỡ nát lòng...tiếng khóc vô thanh !*

Đây là bài thơ anh lấy tên là " VÔ THANH". Nó có là định mệnh hay không tôi không lý giải. Chỉ có điều mỗi khi đọc lên tôi nghe tiếng ngân của thơ vọng động đất trời. Một tiếng "Vô thanh" thôi mà sóng âm dập dờn lay động mọi trái tim. Sự sống mỗi chúng ta rồi sẽ có ngày kết thúc, nhưng cái tiếng chừng như điệu âm vô thanh kia sẽ mở ra một chân trời..., mà nỗi khát khao hay là giấc mơ của thơ hướng mọi ý niệm về cái đẹp và sự vĩnh hằng! Anh đã ký gởi vào đời sống này một cung bậc như thế, tôi tin tiếng thơ linh thiêng ấy sẽ là gương mặt thi sĩ của anh lung linh trong tâm hồn của tất cả những người yêu thơ trên cuộc đời này!

Mỹ Khê- Sơn Trà, đầu mùa hạ 2016

V B

*NHẬN ĐỊNH
THƠ VĂN
PHẠM NGỌC LƯU*



Hình bìa thi tập Đan Tâm do Thư Án Quán tái bản
lần 1 năm 2004, lần 2 năm 2007, lần 3 năm 2010 (bìa mới).
Tất cả đều dành tặng thân hữu

Thư quán bản thảo

Những bài viết về thơ Phạm Ngọc Lư trên NET

Trên Internet có một số bài viết về thơ Phạm Ngọc Lư. Sau đây là những link :

Đỗ Trường: *Phạm Ngọc Lư, người vẫn giữ lửa cho nền văn học miền Nam*

http://www.hocxa.com/VanHoc/TacGia/PhamNgocLuNguoiVanGiLuLuChoVanHocMienNam_DoTruong.php

KHUẤT ĐẦU: *Độc Đan Tâm của Phạm Ngọc Lư*

http://www.hocxa.com/VanHoc/TacGia/PNL_DocDanTamCuaPhamNgocLu_KhuatDau.php

NGUYỄN LỆ UYÊN: *Thơ Như Một Định Mệnh Oan Nghiệt*

http://www.hocxa.com/VanHoc/TacGia/PNL_ThoNhuMotDinhMehOanNghiet_NguyenLeUyen.php

Trần kiêm Đoàn: *Độc “Đề thơ trước mộ thanh xuân”*

http://www.art2all.net/chantran/chantran_tho/phamngoclu/tkd_dttmthanhxuan.html

CUNG TÍCH BIÊN: *NGHĨ VỀ NHÀ THƠ PHẠM NGỌC LƯ -*

<http://nguyenmienthao.blogspot.com/2014/09/nghi-ve-nha-tho-pham-ngoc-lu-cung-tich.html>

Huỳnh Xuân Sơn: *Độc CỔ LÝ HÀNH của tác giả Phạm Ngọc Lư*

<http://www.tho.com.vn/bai-viet/doc-co-ly-hanh-cua-tac-gia-pham-ngoc-lu/89874>

Luân Hoán: *Phạm Ngọc Lư*

<http://www.luanhoan.net/GioiThieuTacGia/html/04-01%20tg%20pnl%2001.htm>

Nguyễn & bạn hữu: *Nhà thơ Phạm Ngọc Lư*

Báo Trẻ Online: <http://baotreonline.com/nha-tho-pham-ngoc-lu/>

TRẦN HOÀI THU

Tính phổ quát trong bài thơ Lưu Biệt

Bài thơ ***Lưu biệt*** của Phạm Ngọc Lư được trích từ thi phẩm Đan Tâm có nội dung như sau:

*Qua cầu một cổ áo quan
Tiếng sênh đìu bước hai hàng âm công
Bước theo khăn chế áo sòng
Hắt hiu cờ rũ lạnh lòng vàng rơi
Chân cầu nước ngậm ngùi trôi
Tiếng kinh tiếp dẫn bồi hồi tràng giang
Đôi bờ lưu biệt linh quan
Nước soi bóng nền hai hàng lung linh
Người không về cõi u minh
Người về bản thổ nặng tình cố hương
Từ nay mây khói vô thường
Theo người nhập thể cội nguồn nghìn xưa*

(Nam Phước, tháng 6 – 1998)

Trước hết là 4 câu đầu. Chúng ta không thấy con sông hay giòng suối hay cái lạch hiện diện dù tác giả vẽ một đám tang qua cầu. Chúng ta chỉ thấy một đám đông với hai hàng âm công theo sau là những người thân mặc đồ tang chế. Lại thêm có những lá cờ dành cho tang lễ bay nhẹ trong gió cùng những giấy vàng mã rơi rớt trên lối đi:

*Qua cầu một cổ áo quan
Tiếng sênh đìu bước hai hàng âm công
Bước theo khăn chế áo sòng
Hắt hiu cờ rũ lạnh lòng vàng rơi*

Theo tôi nghĩ, 4 câu thơ trên cũng quá đầy đủ để vẽ nên một đám tang mà chúng ta vẫn thường thấy ở miền Trung, đặc biệt

là Huế.

Thử mượn một tấm hình trên Internet. Dùng *crop* để điều chỉnh sao cho phù hợp với 4 câu trên, tấm hình sẽ như thế này:



Một câu hỏi đặt ra là nhà thơ có nên dừng lại ở đây hay là tiếp tục? Nếu tiếp tục thì tiếp tục như thế nào? Nhà thơ Phạm Ngọc Lư đã tiếp tục bằng sự có mặt của một giòng sông:

*Chân cầu nước ngậm ngùi trôi
Tiếng kinh tiếp dẫn bồi hồi tràng giang
Đôi bờ lưu biệt linh quan
Nước soi bóng nền hai hàng lung linh
Người không về cõi u minh
Người về bản thổ nặng tình cố hương
Từ nay mây khói vô thường
Theo người nhập thể cội nguồn nghìn xưa*

Tấm hình sẽ như thế này:



Thêm một câu hỏi khác là tại sao thi sĩ lại chọn giòng sông thay vì chọn ngọn đồi, đồng cỏ, chân đồi hay con đường tỉnh lộ, con lạch hay ngoại ô thành phố như bài thơ của Phổ Đức sau đây:

vào khuya phố ngủ đèn mờ
đường heo hút gió dưới bờ cây đêm
xe đi khắp khểnh gập ghềnh
thây nằm trơ lạnh ngả nghiêng gục đầu
mặt mày nhầy nhựa mắt sâu
tay xuôi má hõm máu sầu tràn môi
về đâu khi héo cuộc đời ?
chiếc thân mệnh bạc quê người dỏ dang
xác vùi đâu giữa đêm tàn?
xe qua cầu nhỏ tiếng than lạc loài
công danh sự nghiệp mấy ai?
thấy gì hơn mảnh hình hài quắp co!
rủ đời trong chiếc xe bò
hỏi ai tránh được bước đồ thời gian
ngoại ô sương lạnh buông màn
không gian truy niệm mây đàn mưa nhòa
đường vào nghĩa địa mờ xa
xe lăn tiếng môi nghe mà buồn tênh!

(Phổ Đức - Xe bò đưa xác)

hay ở một xóm ăn chơi giang hồ:

Ngã tư nghiêng nghiêng xe xác
Đi vào ngõ khói Công Yên
Thấy băng khuâng lối cỏ u huyền
Hương nha phiến chập chờn mộng ảo
Bánh nghiêng nhựa đang kêu xào xạc
Ai vạc xương đồ sọ xuống lòng xe
Chiếc quỹ xa qua bốn ngả ê chề
Chở vạ kiếp đi hoang ra khỏi vực
Mưa, mưa hăng thao thức
Trong phố lợi đầu hiu

*Mưa, mưa tràn trên vực
Trong tối gục tiêu điều
Mang linh hồn cô liêu
Tiếng xe càng ám ảnh
Tiếng xe dần xa lánh
Khi gà đâu ô kêu.*

(Văn Cao - Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc)

Ở Phổ Đức nhà thơ chọn bối cảnh là một ngoại ô trong đêm về sáng. Ở Văn Cao, là Phường Dạ Lạc. Còn ở Phạm Ngọc Lư là giòng sông. Mỗi tác giả có mỗi lối chọn lựa đề mà sơn phết và gởi gắm tâm sự. Theo tôi, chỉ có giòng sông mới thật sự trọn vẹn nói lên nỗi buồn của kiếp người... Chỉ có giòng sông mới có đôi bờ sinh và tử... Bao nhiêu áng thơ văn, có áng thơ văn nào lấy ngoại ô hay một xóm ăn chơi để nói về ý nghĩa của cái bến cuối cùng của một đời người trên quả đất? Chỉ có giòng sông. Hàng triệu năm trôi qua, giòng sông vẫn vậy, con đò nhân sinh vẫn tiếp tục đón người về bên kia cõi khác... Vẫn là cuối cùng là hai chữ "không" và "về". Vẫn là "lưu" và "biệt".

*Người không về cõi u minh
Người về bán thổ nặng tình cố hương*

Mới và cũ

Thơ Phạm Ngọc Lư hầu hết được sáng tác theo loại thể văn niêm luật, nhất là thơ lục bát. Ngoài ra, ta còn thấy thể thơ hành (Biên cương hành, Cổ lí hành) phú (Đề thơ trước mộ thanh xuân), Đường luật (Làng cũ). Thêm vào đó, anh dùng nhiều điển tích vào thơ như Tư Mã Giang Châu, Tầm Dương, Tương Như, Đổng Vương Các, Trương Chi, Tương giang, Nam Kha v.v... Trong thi tập Đan Tâm tôi chỉ tìm được hai bài thơ tự do, nhưng vẫn tuân theo âm vận đăng hoàng.

Quả đây là hiện tượng lạ. Trong khi chúng tôi đều thờ ơ quay mặt với điển tích, xem *hành, phú* là lỗi thời, thì anh vẫn còn

giữ cái cốt cách của một nho phong hàn sĩ !

Một câu hỏi, thơ PNL là loạt thơ cũ hay mới ?

Nhà phê bình văn học Lê Huy Oanh đã xem đây là hiện tượng “*hình thức cũ nhưng ngôn ngữ mới*”.

Trong thiên khảo luận về 3 nhà thơ tiền chiến là Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương (Giai phẩm Văn 1-8-1974), ông đã mang thơ Hoàng Trúc Ly và Phạm Ngọc Lư làm hai ví dụ dẫn chứng:

Trước hết là hiện tượng "hình thức cũ nhưng ngôn ngữ mới", nghĩa là vẫn những lối năm chân, bảy chân hoặc lục bát, nhưng ngôn ngữ thơ thường có vẻ rời rạc, uyển chuyển với những dụng ngữ được coi như có những ý nghĩa mới hoặc được tạo cho những ý nghĩa mới cùng với những hình ảnh khác lạ, thường khi xuất hiện đột ngột. Thứ ngôn ngữ mới này do đấy thường có vẻ băng khuâng, mờ ảo chứ không rõ ràng, chân thực như ngôn ngữ xưa cũ:

*Qua đây từng giọt buồn phiền
Mắt em cổ thụ thâm xuyên gọi mời
Bãi hoang còn dựng bẻ khơi
Xuôi tay xin gởi miệng cười mộng du
(HOÀNG TRÚC LY, Hành Trình)*

*Uổng đời tôi một hòn đá vụn
rớt vô tình xuống đáy sông tan
còn nghe tiếng hú hồn lầy bầy
bay trên bờ nước xiết man man*

*Tội tình tôi chờ hái bươm mưa
rửa vết thương sâu ngời lửa cháy
chiều nay ai đập vỡ chai bia
máu vọt lên giữa dòng nước xoáy (1)
- PHẠM NGỌC LƯ, Rụng Tim Người*

(1) Trong tập Đan Tâm không có đoạn này. Tác giả đã đánh “...” để cho biết là thiếu một hai đoạn gì đó mà tác giả không nhớ. Có thể là đoạn này chẳng?

Thật vậy, ngôn ngữ mới ấy được tìm thấy nhiều trong Đan Tâm, mặc dù hình thức thơ vẫn là cũ.

Một vài ví dụ chứng tỏ nội lực làm mới lục bát của PNL bằng những chữ rất bình dị này:

*Xưa em guốc mộc **khua** chiều
Giấu trong tà áo ít nhiều vu vơ
Anh qua cửa Phủ đứng chờ
Chiều em về muện rêu mờ dấu chân*

....

*Đưa nhau ra bến sa mù
Lơ ngơ kỷ niệm chân chừ bước theo
Lòng em **đẩy nhẹ** mái chèo
Trôi đi... **trôi với bọt bèo** lòng anh
(Huế ngày về - tr. 51)*

Hay có những ví von thật mới lạ và đầy phỏ quát tính như thế này:

*nằm mơ biển ngọt dãi dành
tĩnh ra tâm sự **kết thành muối khô**
(Sóng vỗ)*

...

*Tình ơi, **không nặng** sao chìm
Trăm năm rười rượi nằm im đáy lòng
(Huế, ngày về)*

...

*Phải người về Huế sáng nay?
Con tàu như **nặng** hơn ngày hôm qua
(Sân ga – tr. 39)*

Thêm một cách làm mới khác mà tôi tìm thấy trong thơ PNL là sự cải biến con chữ.

Ví dụ:

*Chén vui xin cùng môi hồng
Chén mừng chén tủi tạ lòng **Trước Sau**
Kể gì sớm bể chiều dâu
Tác-Lòng-Thiên-Cổ bạc đầu chưa yên*
(Tái Ngộ Tuy Hòa)

....
*Chiều nay rục rờ hoàng hôn
Đôi môi khép lại màu son hỏa hoàng
Mặn nồng đôi mắt **Thời Gian**
Xanh lên từng phút phai tàn ngát ngây*
(Giã từ thế kỷ)

Nhà thơ đã viết hoa hay bỏ gạch nối (-) những danh từ như *trước sau, tác lòng thiên cổ, thời gian*. Sự biến dạng của những danh từ này giống như sự biến dạng giữa người và NGƯỜI, phạt và PHẠT, chúa và CHÚA...

Có phải đó chính là ngôn ngữ mới trong hình thức cũ như nhà phê bình văn học Lê Huy Oanh đã nhận định ?.

Nguyễn Vy Khanh

Vài cảm nghĩ về thơ và truyện

Phạm Ngọc Lư

I. Thơ Phạm Ngọc Lư thời văn-học miền Nam

Sinh năm 1946 tại Phú Vang, Thừa Thiên, giáo chức tốt nghiệp Viện Hán Học và Đại Học Văn khoa Huế, động viên khóa 5-1968 trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức. Từ 1963, ký tên thật và bút hiệu Phạm Triều Nghi, ông có thơ văn đăng trên các tạp-chí văn-học *Văn*, *Nghệ Thuật*, *Bách Khoa*, *Ý Thức*, *Trình Bầy*, *Khởi Hành*, *Tuổi Ngọc*, ... Tác-phẩm xuất-bản sau 1975: *Đan Tâm* (Thư Ấn Quán, 2004 gồm một số thơ trước 1975) và *Mây Nổi* (tác giả xuất bản, 2007). Phạm Ngọc Lư đến và ở lại với văn-học miền Nam với những bài Hành đặc sắc. Thể thơ Hành thuộc thơ xuất xứ từ Trung Hoa, thường viết theo các thể song thất lục bát, thất ngôn hoặc ngũ ngôn, và thường dài hơi. Với nhà thơ Việt-Nam, hành thường dùng để nói lên nỗi niềm, tâm sự, những cái bất hạnh, đớn đau, có khi hiền hòa nhẩn nhục, có khi là tiếng "thét" lớn, nhưng thường thường bị hận, lắng đọng. Phạm Ngọc Lư viết Biên Cương Hành vào năm 1972, lúc mà cuộc nội chiến huynh đệ tương tàn lên cao điểm với những cuộc tấn công, khủng bố lan khắp vùng đất nước – Mùa Hè Đỏ Lửa tiếp nối Tết Mậu Thân. Có thể nói bài Biên Cương Hành thuộc vào những bài Hành hay nhất của văn-học miền Nam, hay về đề tài chiến-tranh và đặc sắc thể-loại: những con chữ trung thực của con người sống thực, với hành trang và xuất xứ cổ điển, lời thơ trang trọng, nhiều ẩn dụ, có chiều sâu tri thức và tâm thức, lương tri, bi thương, như những tiếng chuông chiêu hồn từ chiến trường. Những tàn nhẫn của chiến-tranh, của con người, của nhiều thể

lực có thể vô hình, với phần uất và nỗi đau tận cùng của người lính, của con người Việt-Nam. Đây đó như một bản cáo trạng tội ác đối với những kẻ đã gây ra cuộc nội chiến huynh đệ tương tàn. Với người lính Phạm Ngọc Lư, những vắn trung thực, chân thành mới tỏ bày được hồn thơ lâm chiến:

Biên cương hành

*"Biên cương biên cương chào biên cương
Chào núi cao rừng thăm nhiều nương
Máu đã nuôi rừng xanh xanh ngắt
Núi chập chùng như dãy mồ chôn
Góm, gió Lào tanh mùi đất chết
Thối lầy rừng già bạt núi non
Mùa khô tới theo chân thù địch
Ta về theo cho rậm chiến trường
Chiến trường ném binh như vãi đậu
Đoàn quân ma bay khắp bốn phương
Lốp lốp chồm lên đèo bẹp núi
Núi mang cao điểm ngút oan hồn
Đá mang dáng dấp hình chinh phụ
Trơ vơ chớp núi đứng bỗng con
Khu chiến ngày tràn lan lửa dậy
Đá Vọng Phu mọc khắp biên cương
Biên cương biên cương đi biển biệt
Chưa hết thanh xuân đã cùng đường
Trông núi có khi lấm bóng vợ
Ôm đá mà mơ chuyện yêu đương
Thôi em, sá chi ta mà đợi
Sá chi hạt cát giữa sa trường
Sa trường anh hùng còn vui đập
Há rằng ta biết hẹn gì hơn?
 Đây biên cương, ghê thay biên cương!
Núi tiếp rừng, rừng tiếp khe ruộng
Hải hùng chưa trời hoang mây rậm
Mùa mưa về báo hiệu tai ương
Quân len lỏi dưới tàn lá dữ
Lá xôn xao xanh mặt hoảng hồn
Sát khí đằng đằng rừng dựng tóc*

Ma thiêng còn ngán bọn cô hồn
Cô hồn một lũ nơi quan tái
Có khi đã hóa thành thú muông
Cô hồn một lũ nơi đất trích
Vỗ đá mà ca ngông hát cuồng
Chém cây cho đỡ thèm giết chóc
Đỡ thèm môi mắt gái buồn hương
 Đây biên cương, ghê thay biên cương!

Tử khí bốc lên dày như sương
Đá cháy mồ hôi rừng ứa máu
Rừng núi ời ta đến chia buồn
Buồn quá giả làm con vượn hú
Nào ngờ ta con thú bị thương
Chiều hôm bắc tay làm loa gọi
Gọi ai nơi viễn xứ tha phương?
Gọi ai giữa sơn cùng thủy tận?
Ai người thiên cổ tiếc máu xương?
Em đâu, quê nhà chong mắt đợi
Hồn theo mây trắng ra biên cương

Thôi em, yêu chi ta thêm tội
Vô duyên xui rơi lược vỡ gương
Ngày về không hẹn ngày hôn lễ
Hoặc ngày ta nhắm mắt tay buông
Thôi em, chớ liều thân cô phụ
Chiến trường nay lắm nỗi đoạn trường
Nơi nơi lạnh trăm dòng sông Dịch
Kinh Kha đời nay cả vạ muôn
Há một mình ta xuôi biên tái
“Nhất khứ bất phục phản” là thường!
Thôi em, còn chi ta mà đợi
Ngày về: thân cạn máu khô xương
Ngày về: hôn lễ hay tang lễ
Hề chi! buổi chinh chiến tang thương
Hề chi! kiếp cây rừng đá núi
Nghìn năm hồn quanh quẩn biên cương" - tháng 5-1972
(Văn tháng 10-1972; Trích từ *Đan Tâm*, tr. 15-18)

Bài sau, **Thâu Đêm Trần Trọc Nghe Mưa**, cũng mang âm hưởng những bài Hành thời tráng sĩ đầy tâm sự biết ngó cùng

ai ở chốn nhân gian thường tình:

Thâu Đêm Trần Trọc Nghe Mưa

*"Chưa mùa mưa trời bỗng mưa mau
Mái nghiêng gác lệch mưa rêm đầu
Nghe lòng chẵn chiếu ê chề quá
Hơi hướm giang hồ chẳng ắm nhau
Cứ gom tâm sự nằm nhai lại
Tâm sự một đời [ôi] bẽ dâu
Năm năm mười năm không là mấy
Góp lại không đầy một đêm thâu
Đêm thâu nghe mưa rơi trần trọc
Đời mòn chỉ mới biết về đâu?
Bao khách xa nhà trong thiên hạ
Đêm mưa thanh khí chẳng tương cầu
Cứ nghe mưa héo mòn trời đất
Tê buốt lòng ngàn mũi kim khâu
Chưa mùa mưa sao mưa rười rượi
Không chừng trời ồm khiến mưa đầu
Chiếu chẵn meo mốc chua mùi mộng
Mộng sớm mộng khuya chóng bạc màu
Nhón nháo sinh linh thời nhiều loạn
Lều bều thân thể lộn vàng thau
Năm nổi tháng chìm ngày mắc cạn
Đêm mưa lòng nghẽn nước đục ngầu
Nằm sông thức trắng nghe mưa giọt
Sáng dậy ngu ngơ: tóc bạc đầu!" - 1973*

Phạm Ngọc Lư còn có bài hành khác: Cổ Lý Hành. Ở đây, dấu vết chiến-tranh không trực tiếp hiện diện thì cũng là nguyên nhân, khi nhà thơ trở về xóm làng cũ tưởng vẫn là chốn thanh bình, trở về quá-khứ mới 10 năm – vì hiện-tại đã khác xưa, đưa đến những nghi vấn và cảm nhận buồn đầy thi vị, thi vị một cách bi hoài:

Cố Lý Hành

"Chiều chết đuối trên sông ngòm ngợp
Nước đưa chen đớp bọt nắng tàn
Đò qua sông đều hui bến đợi
Buồn rút lên bờ cây khai quang
Mây đổ xù lông như chó ốm
Trời trôi nhòe mặt ngóng đêm sang
Thôn ổ tiêu sơ gầy khói bếp
Đồng không mọc thềch lạnh tro tàn
Có biết ta về không cố lý?
Mười năm chưa lạ mặt xóm làng
Sao phen giậu nghiêng đầu câm nín
Rơm rạ làm thỉnh chẳng hỏi han
Cổng khép rào vây vườn cỏ dại
Tường xiêu mái rách bóng nhà hoang
Ngõ vắng bàn chân như huyệt đất
Tre già đang kể chuyện chôn mả
Nương rẫy đang phơi lòng dâu bể
Nói làm sao hết nỗi bàng hoàng?
Khóc làm sao vừa lòng cố lý?
Phải đây là cố lý ta chăng?
Đâu bóng mẹ già sau khung cửa
Và những người em mặt trái xoan
Đâu bóng chị hiền như hoa cỏ
Bên luống cà xanh liếp cải vàng!
Đất đá thở ra mùi u uất
Bón bề hun hút rợn màu tang
Ai chết quanh đây mà cú rúc
Mà cơn gió lạnh réo hồn oan
Ai trong muôn dặm không về nữa
Cố lý mười năm mộng bể bàng
Cố lý mười năm ngày trở lại
Như ngày Lưu Nguyễn xuống trần gian!" - 1972 (Sđd, tr. 20-21)

Bài Bên Sông mang âm hưởng Kinh Thi cổ thời:

Bên sông

“Chảy đi chảy đi / Hỡi sông buồn lắm
Nước thôi chờ chi / Thuyền xưa đã đắm
Người đi người đi / Trăm năm bến vắng
Xa hút bờ kia / Bóng người mây thoáng
Chảy mau chảy mau / Đời nông tình cạn
Mà nước quá sâu / Trăm chiều khổ nạn
Ta bơi qua sông / Mới hay đời nặng
Đời có như không / Tiếc gì tay trắng / Thôi thà rêu rong
Ta gieo xuống sông / Vỡ dòng nước chết
Nước đứng tim đêm / Ta còn thở hết?
Chảy đi chảy đi / Người về đâu biết
Chảy mau chảy mau / Đời: con nước xiết
Tình: vực nước sâu / Em: dòng ly biệt / Ta chiếc lá chìm
Chảy thôi chảy thôi / Còn trông còn ngóng
Nhớ ai gương xưa / Chờ ai cửa rộng
Đưa ai tiễn ai / Phai hình mất bóng
Khổ lắm người ơi / Qua sông mất nón
Sông trôi sông trôi / Về đâu mà đón / Thôi hẹn hò chi ...
Với người xưa ấy / Đã khói sương che
Chút tình xa ngái / Đã cách bến bờ
Biết lòng không đậu / Trông chi thuyền về
Người như khung cửa / Khép lại hững hờ
Người như gương vỡ / Trăm năm lỗi thề
Người như phong vũ / Lạnh màu thê thê...”

- Tuy Hòa 1972 (Sđd, tr. 11-14).

Lời thơ không hẳn cô kính, nhưng ý và tâm tình thì đơn thuần, mộc mạc như con người thuở hoang sơ sống an nhiên giữa một không-gian chưa cơ khí văn minh vật chất.

Cùng đề tài chiến-tranh và với bút hiệu Phạm Triều Nghi, Phạm Ngọc Lư trên đường qua Bắc Bình Định đã ghi nhận:

“... Tháng tư / Lửa bùng lên đầu chợ
Lửa cháy quanh sông / Lửa vây Đệ Đức

*Lửa đốt Bồng Sơn / Người người tan xác giữa đồng
 (...) Ngó về đâu không rợn màu tang tóc
 Ngó Nam ngó Bắc / Nuốt tiếng thở dài
 Ai đến Tam Quan thương vay?
 Ai đến Sa Huỳnh khóc mướn?
 Có nghe những oan hồn vất vưởng
 Than van trên ngọn cờ bay
 Kêu đòi thân thể hình hài
 Trăm năm cát bụi... miệt mài con đau" – Hè 1973
 (Trên Đèo Bình Đê, *TQBT*, số 20, 7-2005, tr. 97, 99)*

Lời thơ hiện thực nhưng sao đầy kêu thương, tra vấn và phần uất! Nghe như khúc chinh-phu thời hiện-đại, ở chốn chiến trường không còn là tên bay đạn lạc trong bão tố sương mù mà là bom rơi đạn nổ không chừa một ai hay một nơi nào!

II. Phạm Ngọc Lư Qua Vài Truyện Ngắn

Về **truyện ngắn**, Phạm Ngọc Lư đã có một số tác-phẩm đăng tạp-chí thời này, và trong số đã có những truyện khá đạt với một ngôn-ngữ văn-chương của riêng ông. Hiện sinh, siêu hình đã được Phạm Ngọc Lư khéo léo đưa vào các truyện ngắn như **Mộng Thấy Minh Đã Chết**, ...

Mộng Thấy Minh Đã Chết (*Ý Thức*, số 7, 15-1-1971) nói lên tâm thức Trang Hoa Kinh khi đứng trước Cái Chết như một hiện-trạng nhân sinh. Nhân-vật Tôi vẫn thường thấy Muội, người yêu chưa cưới và đã chết, nàng đến như mộng, như thật: *"Tôi quay lại, sát với mặt Muội bóng tối mỏng như tấm vải voan lơ mờ, chìm khuất. Chưa nói mà môi đã run lên vô cớ, tôi nghe lòng mình đang tỉnh táo, quang tạnh, khô buốt lại. Chung quanh, cả vùng biển lớn ngưng đọng, chết sững, sóng hết vỗ, nước đứng im. Muội, âm vang của trí nhớ triền triền. Muội, người bạn gái sát mặt, bóng tối cứ loăng ra tựa một làn sương mềm. Tôi mấp máy nói, những tiếng cụt, giọng đơ, lưỡi lú. Ba năm, góm thật. Mới đó đã ba năm dài; chim bay không tới, cánh rụng giữa trùng trùng thời gian xa hút. Can qua, máu lửa đã lớn dậy cùng ngăn cách trời vực. Muội, tiếng kêu*

hụt, chìm, nghẹn. Nàng quay đi, mặt áp vào một thân cây dừa khô, thở dài thườn thượt – dài hơn cả ba năm đằng đằng, ý chừng hơn thế – và nói: “Em tưởng anh đã chết trong biển cổ Mậu Thân ở Huế. Anh chết vỡ ngực, máu nhuộm đỏ cả chiếc sơ mi trắng nằm trước cổng nhà với cái tay nải còn rơi vương cạnh đó...””. Tôi đã bỏ Huế, “Với Huế tôi đã chết. Muội không hiểu được lòng hờn oán, cay xót, mặc cảm... Huế dành cho tôi. Quả thật, tôi đã cầu mong cho cả thành phố ấy nổ tung lên. Ghê thay, tôi đã chết theo. Mẹ tôi, sau những ngày chạy loạn, đói, bệnh, thiếu cơm thiếu thuốc đã đau đớn lia đời tại nhà một người bà con ở vùng quê. Bà chưa kịp về nằm giữa căn nhà đổ nát thở hơi thở cuối cùng như lời mong mỗi trăng trời lúc lâm chung, chưa kịp biết xác tôi có được ai chôn lấp đằng hoàng chưa hay đã bị heo chó rĩa rới mất rồi...”

“Tôi còn sống hay đã chết thật rồi? Cảm giác mập mờ bất định, ngỡ ngàng như những lúc soi kỹ mặt trong gương: có chắc gì cái hình bóng kia là vóc dáng thật, đúng, in hệt của mình? Người ta vẫn không ngớt cải dạng, giả trang đánh lừa đời sống phải cư mang để được sống ra ngoài những quy định ước lệ của con mắt thiên hạ. Tôi không thể, không hề, không nuôi nổi óc tưởng tượng bệnh hoạn. Ngày ngày tôi vẫn cố bám riết nứu theo dòng đời phẳng phẳng cuốn siết (mà vẫn bị hất tung, mất vuột). Để nhớ lại mình, biết mình có thật. Để tìm gặp Muội, Muội như tấm gương sáng, rõ, đúng, không thể lường gạt, phỉnh phờ những điều tôi muốn soi tìm, ngắm nghía. Ba năm, thời gian đã trắng thủy nhiều lớp mới, đã lông bóng lữ lượt ảnh tượng xuống cái đáy ngưng đọng, bất biến. Nhưng đêm nay, giữa tình cờ gặp gỡ, trong bối rối chưa gan lọc hết xúc động, Muội quá trong suốt, rộng, phẳng và như thể nàng đã tự đập vỡ tấm gương, xé vụn hết thấy mọi hình ảnh mang nặng chồng chất, chịu đựng âm ỉ trong cõi trí nhớ tội đồ. Đường như nàng chực đợi được gặp tôi và vỡ òa. “Anh Bạt chết một hôm trước ngày Huế được giải tỏa, người ta bắn lầm. Năm tháng sau, chị Vu sinh đứa con đầu lòng, phải mổ và tắt thở trên giường đẻ... Nhưng, bây giờ em tin cả anh Bạt và chị Vu và bao nhiêu người thân khác vẫn còn sống ở đâu đó. Như anh vậy. Không hẳn cái chết chỉ đến một lần! Anh, anh nói cho em biết, đời người chỉ một lần chết thôi sao?”. Muội nắm bàn tay tôi, sờ lên quần áo tóc tai, tôi đứng im như pho

tượng quên thở, mắt tiếng nói, tôi đang giả đồ chết hay chết thật rồi cũng nên. Bạt ở kia, dáng cười cười nói nói, liến thoắng cháu lấy như đứa trẻ: “Mi để tau rước nàng về trước nghe? Sợ động viên không kịp cười thì phiền lắm. Để chi đi lính rồi mình còn đủ lạc quan mà tính chuyện lấy vợ. Đó là chưa dám nói cái chết gồm sẵn từng phút giây bên mình... Để tét ra, vợ chồng tau lo cho mi với con Muội cái đám cưới thật ngon, chịu chưa?”. ”

Nhân-vật Tôi của Phạm Ngọc Lư gây liên tưởng đến Trang Tử của thời xa xưa, người chủ trương vui cái sống gắn liền với cái Chết - Ngoại thiên Chí Lạc chép truyện Trang Tử gõ bôn, theo đó sống chết cùng một thể, thể nên cứ vui sống cái sống gắn liền với cái Chết. Cái Chết hiện hình trong chiếc đầu lâu khô-khóc bên đường của cái sống. Cái Chết kề bên như trời che đất chở, và cái sống kề bên cái Chết, đầu lâu nói với Trang Tử trong mộng: chết còn vui sướng hơn sống nữa. Và thế là quên hẳn cả cái sống cùng cái Chết. Đó là đạt được thuật chí lạc đạt tới Đạo và quên hẳn cái sống và cái Chết. Tôi trong truyện Phạm Ngọc Lư sống thời chiến-tranh Tết Mậu Thân 1968 ở miền đất Thần-kinh cho nên thường tự vấn *“Tôi đã chết? Con đồ đưa linh hồn thả về bên kia bờ quá khứ cháy bùng lên, chìm xuống mặt biển sóng gió trùng trùng nô giỡn nhẩn tâm giữa nỗi quên lãng mông mênh ngút ngàn thiên địa tận. Đêm nay, trí nhớ chết đuối, cõi sống rã rời như những mảnh ván còn lại trong một vụ đắm tàu còn nổi lêu bêu dập dềnh. Nhưng tôi là con chim đen bay hoài trên mặt nước động không tìm ra khúc gỗ trôi nổi nào sà xuống trú chân. “Anh đã chết vào sáng sớm ngày mùng 7 Tết dưới gốc cây nêu trước ngõ. Em còn về ngoài đó, nhớ hôm giỗ anh ghé lại thắp giùm một nén nhang và hạ luôn cây nêu xuống”. Tôi nhớ đã ôm hôn Muội, hôn thật lâu trên cái nốt ruồi tai quái dưới khóe mắt. Ba năm trước. Đêm ngủ mê muội và mộng thấy mình đã chết. Thức dậy, bàng hoàng không biết đang nằm ở đâu?”*

Tình-yêu đóng vai chính trong một số truyện ngắn khác của Phạm Ngọc Lư. **Một Chuyện Tình Phải Quên Đi** (Văn, số 19 (228), 30-7-1973) vì ở trong một bể tắc: cha của Xuyên không chấp nhận gả con gái cho một nhà văn như nhân-vật Tôi, bên cạnh bể tắc của cuộc hiện sinh qua cái nhìn của tha nhân (*“Tôi nhìn quanh, khó chịu trước các cặp mắt rình rập đang thỉnh*

thoảng ngó qua phía mình, soi mói, theo dõi.”, “con nhỏ mặc áo vàng kia ở cạnh nhà em (là) cái loa phóng thanh của Ty Thông tin đỏ”, “thiên hạ đang ngó mình chăm chăm, ghê quá! - Những con mắt thối tha lác chột”) vì Tôi và Xuyên phải thường xuyên kín đáo hẹn hò trong “cái thành phố hẹp hòi độc ác”, Xuyên có khi “phải khổ sở nguy trang làm người xa kẻ lạ ngay trước mặt tôi; giá chi gia đình Xuyên nghèo bớt đi một chút để tôi ít xót xa cho mình mà thương mến cuộc đời hơn”, ... Tôi đưa hận thù vào ngòi bút, tắm độc ngòi bút để “giết” cho được người cha. Nhưng tình cũng cao chạy xa bay khỏi tâm tính toán của Tôi: người cha chết, Xuyên vào Sài-Gòn học dù thi rớt, rồi lấy chồng, rồi chồng chết trận. Ba năm sau gặp lại, tình với Xuyên lại vụt bay. “Mười hôm sau tôi tìm lại được những trang bản thảo viết về mối tình của tôi và Xuyên ba năm trước, ngâm ngùi đọc. Xong, tôi gửi đến Xuyên kèm một cái thư rất ngắn: “Xuyên, anh vẫn yêu em như ngày nào. Ngày nào, tình ta thơ ngây tuyệt vời quá, em nhớ? Còn những dòng chữ này làm chứng. Em hãy đọc để hiểu lòng anh, cái tốt cái xấu của anh. Câu chuyện chỉ tạm thời kết thúc, anh nghĩ mình còn viết tiếp được bởi vì Trời đã cho hai nhân vật trong truyện tái ngộ và họ có lý do để gần nhau, sống hạnh phúc bên nhau. Em đồng ý?”. Ít hôm sau, Xuyên gửi trả lại tôi xấp bản thảo, không bày tỏ ý kiến gì ngoài ba chữ ngắn ngủn nàng viết thêm vào sau cái tựa đề của truyện. Thành ra: MỘT CHUYỆN TÌNH PHẢI QUÊN ĐI!”.

Tàn Đông (Bách Khoa, số 344, 1-5-1971) kể chuyện tình thời chiến của Kiên thầy giáo mới đổi từ tỉnh lên vùng cao nguyên (?) và người bạn gái tuổi chị, công tác ở chi y tế cho người dân-tộc thiểu số, cùng thuê chung nhà, ở một “nơi rừng sâu nước độc này, Kiên mang cảm tưởng tội nghiệp của con thú đang chờ thời mọc cánh. Vâng, phải có cánh mới bay vượt qua khỏi trùng lũy đồi núi chồng chất vây bủa chung quanh. Núi Cấm hiểm trở, núi Một vòi vọi, núi Lá rậm rì... và rừng Hỏa-thán thâm u, rừng Hàm-long điệp điệp. Suốt tháng nay chưa có một ngày nắng lớn, mặt trời không xé nổi mây, mây tụ tập càng lúc càng dày, xuống thấp mãi, sát ngọn cây, đung chớp nhà, cho đến một buổi sáng mở cửa ra: mặt đất mù mịt như có khói lan tỏa, sương kín dày, khí lạnh phủ vào mặt, xanh tái da”. Không-gian buồn hiu, cuộc sống lặng lẽ trôi, thân phận

như lưu đày, trống vắng, cuối cùng cả hai đã đến với nhau: “Người bạn gái uốn cong mình giữa giấy giụa, mặt nhăn nhó đau đớn, kêu khan:

- Đè chặt tôi lại coi... Sao cứ bay bổng lên!

Kiên e dè cúi xuống dần tay bạn. Bất ngờ nàng ôm chầm lấy anh lôi ngả sấp lên ngực, hơi thở nóng ran, hôn hển, dồn dập. Kiên nhúc nhích cựa nhẹ mình nhưng không dám gỡ vòng tay bạn đang quấn quýt siết chặt trên lưng. Anh cứ đại dột nghĩ nếu xô bạn ra chắc nàng sẽ chới với chết mất.

- Chị không đến nổi nào chứ?

Kiên nói lấp bắp, không ngoi lên khỏi sự lo âu trù trù. Người bạn rên hừ hừ, mắt nhắm kín, miệng lại ú ớ nói sảng. Trời đổ mưa rào rào bên ngoài, càng lúc càng dữ dội. Căn nhà hình như chôn chân trên mặt nước xô động chòng chành. Mồ hôi bạn thấm ướt áo, Kiên se lạnh. Vòng tay quanh lưng nói lỏng dần rồi nàng khẽ đẩy anh ra, nằm ngay người, kéo chăn đắp tới cổ. Kiên ngờ ngàng nhồm dẩy, rời khỏi giường, chóng mặt, lảo đảo. Tiếng ngựa hí ngoài chuồng tựa tiếng cười nhạo báng vang lên từng chập. Dứt mưa, cái im lặng quanh nhà thật sát se, không một tiếng giun dế, có lẽ chúng ngủ quên hay đã chết tiêu dưới lòng đất úng thủy từ lâu, cả tháng nay kẻ nhớ nhà không còn nghe giọng kêu ca nỉ non đứt ruột (...) Bỗng một tiếng nổ vang ầm rung đất. Từng tràng súng khác nổ tiếp theo, nghe quá gần, đâu dưới xóm chợ, càng lúc càng gần thêm, phía trường học, trụ sở xã. Trời sáng rực bên ngoài, hình như có lửa cháy. Mé sông, ngoài vòng đai chi khu, đạn nổ rất hơn. Súng cối bắn đùng đùng tới tấp, bay vèo vèo trên đầu. Vách nhà rung chuyển liên hồi. Phòng trong người bạn kêu ời ời. Kiên sức nhớ, bỏ chỗ núp dưới gầm phản chạy vào, thở hào hển, cứng miệng nói không ra tiếng. Anh lôi bạn xuống khỏi giường, nàng thất thần ngã vào người anh mềm nhũn như kẻ vừa trúng đạn chết không kịp ngáp”. Tiếng nổ đó cùng lúc đã làm sập một góc mái lớp học của Kiên!

Tình Hoài (Văn, số 210, 15-9-1972) là truyện khá thành công về kỹ thuật truyện ngắn và truyện như một tự sự hoặc tác-giả không ở ngoài câu chuyện. Một chuyện tình nhưng không bình thường vì nhân-vật xưng Tôi (L., viết tắt) và Tổ Nương trên danh nghĩa là chị em, nhưng mẹ nàng, Di Thuận, thời son trẻ từng là người yêu của cha của L. trước khi ông lập gia-đình.

Đi cũng lấy chồng, “ông Hồng Tố. Ông ta với ba tôi là đôi bạn nối khố từ thuở hàn vi, từng đi kháng chiến với nhau, giữa hai người, lý tưởng chí hướng như một định mệnh vô tình trói buộc lấy nhau không rời nửa bước, họ khác nào hình với bóng, sóng với biển, núi và rừng. Đến nỗi cả hai cùng yêu chung một thiếu nữ, tình cảm người này chính là tâm sự kẻ kia. Sau rốt, ba tôi, kẻ chưa muốn trói chân vào hệ lụy thế nhĩ, tự ý rút lui khỏi cuộc chơi tình cảm tay ba, để cho bạn mình tiến tới hôn nhân với người-ấy. Người-ấy chính là dì Thuận ngày nay. Hai năm sau, trên đường xuôi ngược Nam Ngãi Bình Phú, ba tôi gặp một cô gái bơ vơ ở Bồng Sơn, cưới làm vợ: mẹ tôi đấy. Đường như ông lấy vợ cốt để cho bạn mình yên tâm và người-ấy khỏi bồn chồn?”. Mẹ chết sớm (“Giả như ông nghĩ đến bốn phận gia đình mà ném gói hành trang đi, đừng gót giang hồ lại thì chưa chắc mẹ đã chết yếu trong lạnh lẽo cô cút. Với tôi, có cha cũng chẳng khác nào mồ cô cha, đời này, tình phụ tử vốn đậm bạc, trong cảnh huống tôi, nó càng mơ hồ mong manh gần như không. Nhớ mẹ, tôi thần thờ bước ra vườn đến bên cụm hoa hồng trắng, những nụ hoa buồn tẻ lạc loài giữa các khóm hải đường, thược dược, cúc đại đóa rực rỡ khoe tía phôi hồng, treu cột gió đưa bướm lượn”). Cha của L. thường khuyên con cư xử với dì Thuận như dưỡng mẫu, nay ông đi mất biệt, hành tung của ông chỉ dì Thuận là biết rõ. Sống chung lâu ngày dưới cùng mái nhà dì Thuận, L. thăm yêu Tố Nương. “Tôi vùng vằng ném mạnh cái chổi xuống chân. Tố Nương sững sốt, hai tay đưa ra chơi với như thể muốn đỡ lấy nó. Căn phòng hình như vừa rung rinh lão đảo. Tôi tỉnh táo biết mình vừa làm một cử chỉ bất nhã, vô cùng bất nhã. Hậu quả: hai giọt nước mắt ứa ra long lanh trong đôi mắt mở lớn chị đang đắm đắm ngó tôi, lạc thần. Chập lâu, tôi bước đến, khe khẽ cầm cổ tay chị, dường như chị vẫn chưa tỉnh cơn chết giấc. Tôi từ từ nâng bàn tay chị lên và tát mạnh vào má mình. Chị bàng hoàng rút tay lại, chớp mắt, hai giọt nước mắt rơi nhanh xuống nền xi-măng vỡ ra thành hai chấm lớn.

Tôi ngẩng đầu lên nhìn sững chị, áp ứng: - Giận tui không?
Tố Nương mím môi chập lâu.

— Giận tui không?
Chị khẽ lắc đầu.

– Tui đáng ghét lắm phải không?

Lắc đầu.

– Chị... thương tui không, thương không?

Tố Nương cúi đầu, tôi cũng cúi đầu theo: hai giọt nước mắt trên nền nhà vẫn chưa khô, chị dí ngón chân trần xóa đi.

Suốt tuần lễ sau đó, chúng tôi không gặp nhau dù vẫn loáng thoáng thấy bóng nhau hàng ngày, đứng ra, Tố Nương lánh mặt tôi và ngược lại. Thời gian này, tâm hồn tôi như quyển sách vừa lật qua trang mới, là lạ hay hay; một cảm giác mới, ngỡ ngàng thên thện vui vui.

Chị thương tui không? Im lặng cái đầu. Nghĩa là gì?

Ngờ đâu, cái “im lặng cúi đầu” đó (vì không có cách nào biểu lộ khác hơn, ý nghĩa hơn chăng?) là một liều thuốc hiệu nghiệm trị dứt chứng “bệnh cảm xoàng” đeo đẳng trong đầu tôi lâu nay. Tôi quên bằng giấc mộng ra đi. Đi đâu nữa? Quả thật dì Thuận nghĩ đúng, sự ham thích gần bướng ương dở ấy chỉ nhất thời phút chốc. Một cái gì mơ hồ đang trôi chân buộc đời tôi ở lại đây? Riêng Tố Nương cũng có một thay đổi lớn ai cũng thấy rõ: chị không còn cười đùa luôn miệng tới ngày như trước nữa. Vâng, chị biết khóc rồi mà, lần đầu tiên (?), hai giọt nước mắt thần thánh, vì tôi. Vì tôi hết!

Đang mùa trăng sáng, dường như tâm hồn tôi cũng sáng trắng theo. Biết diễn tả làm sao cho bạn hiểu những rung động dịu dàng đang giao thoa với thiên nhiên vạn vật về đêm, những cảm xúc tinh rờn trong vắt màu trắng sương, những nôn nao rạo rực trong lòng tôi. Lòng tôi mặc áo mới. Lòng tôi đang khai hoa!”.

Cuộc chia tay nào mà không có nét buồn, nhất là khi đã có tình với nhau: “Tố Nương lặng thinh không có ý kiến trước cuộc chia ly “thảm khốc”.

- Về trong đó rồi, L. sẽ trở ra chứ?

- Chưa biết được, tùy ý ba.

- Biết rồi, L. cũng muốn xa mình mà.

Tôi cuống lên tìm cách giải oan cho lòng mình mãi mà lú lười nói không được. Xúc cảm bồi hồi nghẹn ngang ngực:

- Chị nghĩ láo! Tại ba tôi. Cả dì nữa, bây giờ dì muốn đẩy tôi đi khỏi nhà, dì không nói ra nhưng mình dư biết. Dưới mắt dì, tôi đâu có xứng đáng với chị...

- Thôi thôi thôi. Đừng chọc mình khóc, tội nghiệp mình lắm.

Tổ Nương bỏ chạy vào nhà, hẩn chị bật khóc một mình trong phòng? Còn đâu nụ cười ngày nào, cười lúm má đồng tiền, cười duyên mủm mủm, cười chúm chúm then thùa thơ ngây? Tôi đứng ngẩn ngơ giữa vườn, xác hoa rụng đầy mặt đất mà Tổ Nương bỏ bê không thèm quét dọn. Cùm hồng trắng vẫn nở bông héo muộn dưới cơn nắng lửa đầu hè. Làm sao búng cây hoa này về trồng dưới chân mộ mẹ?”

L. về với cha đem theo cái hộp mà khi đưa, Tổ Nương đã dặn: “Chùng nào ngồi trong lòng phi cơ bay giữa trời mây rồi, L. mới được phép mở hộp ra. Nếu bất tuân sẽ gặp “tai nạn””. Bí mật tồn đọng vì L. đánh mất cái hộp!

Hà Châu (Văn, 11-1972) mà Nghi được Cần giới thiệu đã trở thành thần tượng tình-yêu được Nghi vẽ vời thành Mộng (“tuyệt thế giai nhân”, “quý phái thơ mộng”), và khi Nghi khô công từ Huế tìm đến nhà ở Hội An đã bị vỡ Mộng, vì Thực sẽ là một cô gái tên Chu bình thường - nhưng Nghi đã lỡ nên vẫn muốn áp ủ hình bóng một Hà Châu trong Mộng. Trong khi Chu thì biết mình đang tham gia một trò chơi thú vị nhưng cũng nguy hiểm. Cuối cùng, họ lấy nhau và sinh con đặt tên là Hà Châu như đồng nghĩa với hạnh-phúc tìm thấy! Chuyện của những chàng trai lãng-mạn mới trưởng thành vào đời! Cũng nhẹ nhàng truyện tình còn có **Cây Ngọc Lan Trong Vườn** (Tuổi Ngọc, số 60, ngày 28-9-1972), ...

Ngoài ra là những truyện ngắn về thời chiến như **Cuối Ngày, Cuối Đường** (Văn, 223, 1973), **Cái Đuôi Sao Chổi** (Ý Thức), về những bất hạnh, tang thương của người dân và dĩ nhiên cả những người yêu thương nhất cũng không thể tránh khỏi, Phạm Ngọc Lư viết lên như chứng nhân hơn là người trong cuộc. Truyện **Nhà Hầm** (Văn, số 140, 15-10-1969) kể một chuyện tình đẹp thời chiến. Khởi từ nhà hầm trú mà cả gia-đình nơi Huỳnh ở trọ thường xuyên phải xuống trú ẩn để tránh bom đạn, pháo kích. Con người gần gũi nhau không lựa chọn trong một diện tích thu hẹp, cọ xát là chuyện thường: Huỳnh và Cúc cọ da thịt, cơ thể áp sát, cùng hơi người và thèm muốn dục vọng bất chợt, ... “*Những con muỗi bay vo ve tìm da hút máu nghe vẫn rộn rã om sòm hơn thứ bóng tối nặng nề âm thanh súng đạn chung quanh, Huỳnh nghĩ đại giá lúc này một trái đạn vô tình trở nóc nhà rớt lọt xuống hầm nổ tung... chắc mình cũng không biết gì, dưới tay, da Cúc nhóp nhóp mồ hôi,*

trong đêm mà nổi run sợ như màng lưới dày mắc ràng rịt cảm giác, Huỳnh ngờ ngợ cái khối mình đang ôm cứng (để trấn an những cảm giác chết chóc) không phải là một sinh vật, một người đàn bà dù đang héo hon bám giữ từng chút sự sống. Cúc vẫn thiếp đi trong nỗi im lặng cần có chỗ tựa. Rồi Huỳnh cũng chỉ là một bao cát thừa thãi chẳng biết chắt thêm vào đâu, chàng chẳng tìm thấy gì, ngày thường đòi Cúc vẫn thu khếp lẫn trốn vào căn hầm riêng của chỗ tâm hồn ủ dột. Chút thêm muốn nào đó bắt ngờ nhú lên nhỏ nhoi như hạt cát đang rục rịch trong bao cát dưới lưng, không chừng Cúc lờng được mức độ tham lam quá đáng nơi bàn tay Huỳnh, nằng khê đẩy chàng ra dành lại tấm chắn cuốn quanh mình. Có nhiều tiếng chân chạy thình thịch ngoài đường, súng nổ tạt qua phía cổng, một vật gì bằng thủy tinh vỡ loảng xoảng ở nhà ngoài, Cúc ôm chặt lấy Huỳnh ghì đầu chàng vào ngực. Huỳnh thử lắng nghe nhịp tim Cúc đập hồi hả, ngọam lấy áo Cúc nhai kín miệng”. Huỳnh ở trọ nhà bà Bé và Cúc, còn Cúc không chừng trong vô thức đã gần gũi Huỳnh! Khi tiếng máy bay quần trên bầu trời đã xa, mọi người ra khỏi hầm khám phá có xác chết một thanh niên du kích 17, 18 tuổi theo VC đã chết trước nhà. Huỳnh lên cơn sốt, được Cúc chăm sóc tận tình, cảm động. Huỳnh tỏ tình nhưng Cúc từ khước, nên lành bệnh là Huỳnh bỏ đi. Sau này Cúc gởi thư cho Huỳnh, bộc bạch tâm tình đối với Huỳnh nằng xem như em trai. “Anh bảo yêu tôi ờ – anh có quyền, tuổi trẻ, sự đam mê cộng với cơn sốt nung nấu giữa cái không khí im lặng chết người đêm đó anh còn nói được trăm ngàn câu bốc đồng khác, bởi tôi chẳng còn gì để từ chối hay chấp nhận. Tôi vẫn sống đầy dẫy lo lắng chẳng chân thật với mình chút nào. Hai mươi tám năm nay từ một kẻ tình phụ, chinh phụ rồi góa phụ, tôi là người con gái không được lớn lên bằng từng đốt tuổi đàn bà, trái lại bằng mỗi tảng đá nặng đè dẫm mình xuống, lạ quá chứ anh!”. Huỳnh ra trường chuẩn úy, tìm về nhà cũ nơi có nhà hầm chiến-tranh và tình ái, nhưng không gặp Cúc...!

Phạm Ngọc Lư đã có hơn chục truyện ngắn đăng báo trước 1975 và qua vài truyện ngắn tìm lại được nhân Thư Quán Bản Thảo ra số đặc-biệt về nhà văn, chúng tôi có cảm tưởng tác-phẩm của ông có điểm khác các nhà văn trẻ cùng thời đó. Có chiến-tranh nhưng không nhất thiết là đề tài chính, có tình-yêu

nhưng không xuôi chảy, trơn tru, dễ dàng, có hiện thực đời-sống đang xảy ra nhưng rốt cùng chỉ là cái có, có triết lý nhưng cũng không phải để thuyết phục người đọc,... vì thiên nghi truyện và thơ ở Phạm Ngọc Lư đã đụng đến cái lõi nhân bản qua các phác thảo, nhận định, đã là những diễn biến tâm sinh lý ông trình bày để nhân-vật tự xuất hiện. Riêng lời văn con chữ mang thi tính đặc sắc, chọn lọc: *“Mới đó đã ba năm dài; chim bay không tới, cánh rụng giữa trùng trùng thời gian xa hút. Can qua, máu lửa đã lớn dậy cùng ngăn cách trời vực”, “thời gian đã tráng thủy nhiều lớp mới, đã lỏng bóng lũ lượt ánh tượng xuống cái đáy ngưng đọng, bất biến”, “cả thành phố đó tựa một cái khung mờ thu hẹp giữa ký ức từ lâu, vàng son son thiếp của tuổi nhỏ ngọc ngà đã cháy rụi”* (Mộng Thấy Minh Đã Chết), *“những con mắt thối tha lác chột”, “thành phố hiu hắt như một góa phụ”, “lòng tôi lúc này lại sưng vù tê buốt như có hàng triệu con ong con kiến đang phủ phàng đua nhau châm đốt”, “bao buồn bực trong lòng tôi đang dần dần đóng váng (...) lòng tôi chùng xuống, mềm rười rượi như sợi bún tàu vừa nhúng nước. Tôi đem sợi bún này ngắt ra từng khúc trải lên trang giấy thành những dòng chữ gợi Xuyến, hy vọng nó mang đến cho nàng một món ăn nhắm nháp đỡ lòng”* (Một Chuyện Tình Phải Quên Đi), v.v... Chữ Hán và điển tích cũng được Phạm Ngọc Lư sử-dụng một cách khôn khéo và khi cần. Tóm, muốn hiểu tâm thức con người miền Nam nhất là những người trẻ, trí thức thời chiến trước 1975, hãy tìm đọc thơ văn của Phạm Ngọc Lư – cũng như các nhà văn trẻ khác cùng giai đoạn.

Nguyễn Vy Khanh
(Montréal, 19-5-2016)

Tô Thẩm Huy

ĐỌC ĐẠN TÂM, thơ PHẠM NGỌC LƯ

Phạm Ngọc Lư có mấy câu lục bát đọc lên nghe thất cả hồn:

Chiều nao nhất kiến hồng nhan

Chiều nay xác bướm bay vàng mộ hoa

Cái Trọng Ty thì lại bảo: *Sao em không là hoa, Luống cải vàng vàng tươi, Chuyện tình buồn hóa bướm, Bay la đà chiều mưa.*

Tôi ngờ là hai chàng thi sĩ đệ nhất anh tài thành Phú Xuân toa rập xô tôi ngã vào cõi mơ màng mộng mị của thi ca. Chẳng còn biết đâu là cánh hoa, là cánh lá, là cánh bướm ! Kể từ nay mọi cánh bướm trên trần gian khi chết đi sẽ biến thành lá, rơi xuống luống cải vàng, rồi hóa kiếp sống lại mà bay la đà trong những buổi chiều mưa. Kể từ nay những cánh rừng aspen lung linh lá vàng sẽ bay về trên mọi cánh đồng Việt Nam mỗi buổi chiều thu ươm nắng.

Nhất kiến hồng nhan ? Giai nhân là ai từ một lần nhất kiến tương phùng mà chiều nay những cánh bướm vàng lại theo nhau chết, rơi đầy mộ hoa như vậy ? Xin mời nghe Phạm thi sĩ kể:

Em từ tình sử bước ra

Y trang yếu điệu đôi tà mộng bay..

Thì ra là ả thuyên duyên xiêm y yếu điệu đến từ tình sử. Nàng có phải là Mỹ Châu thả lông ngỗng bay trắng trời Nam Âu Lạc, mà ông Hồ Dzếnh bảo là: *Người về ta mới nhớ ta, Yêu là thế ấy, mơ là thế thôi ?* (Phong Châu)

Hay nàng là Mỹ Nương của giọt lệ ngày sau rửa sạch oán hờn, mà ngày hôm nay vẫn xui ta ngồi:

Chờ nhau gác gió lầu mây

Nghìn đêm giọt nén rơi đầy trang thơ

Nghìn đêm sông lạnh trăng mờ

Trương Chi bạc tóc bên bờ Tương giang

Phạm thi sĩ đã bạc tóc, vẫn nghìn đêm cất tiếng hát bên sông

lạnh, nhưng ả thuyền duyên của nghìn năm trước thì vẫn mãi mãi son sắc, mãi mãi là người con gái của buổi nhất kiến tương phùng. Để ? Để những giọt nén, những giọt lệ của nhớ mong, mãi mãi rơi xuống mà nhạt nhòa những dòng thơ say đắm.

Anh Trần Hoài Thư gửi phóng ảnh trang báo Văn tháng 8 - 1974, đăng bài tác giả Lê Huy Oanh phê bình mấy câu thơ của Phạm Ngọc Lư:

*Uống đời tôi một hòn đá vụn
Rớt vô tình xuống đáy sông tan
Cuốn theo tiếng hú hồn lầy bầy
Bay trên dòng nước xiết mang mang*

*Tội tình tôi chờ hái bươm bươm
Rửa vết thương sâu ngời lửa chảy
Chiều nay ai đập vỡ chai bia
Máu vọt lên giữa dòng nước xoáy.*

là: ngôn ngữ thơ hoàn toàn mới...mới vì hình ảnh và ý tưởng xuất hiện một cách đột ngột và bất ngờ, tạo cho thơ một không khí mơ ảo, có nhiều tính chất gợi cảm hơn là truyền cảm...'

Những nhận xét ấy quả là chí tình hợp lý. Nhưng đọc thơ đôi lúc thật chẳng nên nghiêm nghị ngẫm nghĩ mà có thể đâm ra ngờ ngẩn ngơ ngác, mà nên để cho giọng máu tự do mà tự lưu, tự tổng, tự cảm, tự dương, mà ào ào bắn vọt lên giữa dòng nước xoáy.

Anh Phạm Văn Nhân cầm tập thơ Đan Tâm đưa tôi, bảo:

- Anh đọc đi. Chắc là sẽ thích. Lư cũng là dân Hán văn. Hai ông mà gặp nhau nói chuyện chắc đã lắm.

Thoạt cái tựa đã thấy Hán rồi. Đan tâm, tám lòng son, cái lòng hiếu trung, chung thủy trước sau như một. Đọc xong tập thơ thì lại thấy có lẽ không phải vậy. Sao gọi là son ? Là đan, là đỏ ? Hay đó là xích tử chi tâm? Cái lòng của đứa trẻ mới sinh còn đỏ hồng ? Cái tâm trong sáng của thiên thu vạn đại ? Tác lòng của Phạm Ngọc Lư là tiếng dội văng vẳng từ nghìn năm thiên cổ trước vọng lại, là tiếng hú thao thức ngân nga gửi vào thiên cổ nghìn năm sau. Là tha phương nhậm mộ. Là một

mình cười con vịt trời theo ráng chiều bay về Đẳng Vương
Các ngồi uống rượu với ông Vương Bột mà
Thâu lại hồ trường nơi biển Bắc,
Nhật lên chén rượu cuối trời Nam,
Là:
Mấy năm đắp chiếu trùm mền,
Ngờ là không nhớ là quên chuyện lòng,
Chuyện lòng ?
Mười lăm năm luống đoạn trường
Cần chi sóng nước Tiền Đường giải oan
Hay đó là chuyện:
Ô hô thiên địa vô cùng,
Uống say mà khóc Đặng Dung - Thuật Hoài ?

Hay đó là chuyện Phạm thi sĩ đang ngồi bên bờ sông Thu Bồn,
nhìn nước chảy đưa trăng ra viễn trùg, mà ngậm ngùi ?
Ngồi nghe lưu thủy hành vân
Mây trôi nước chảy băng khuâng nhớ nhà
Mà thả hồn bay về Bồn giang phổ khẩu
Ngờ mình Tư Mã Giang Châu
Rưng rưng cảm xúc cúi đầu thăm âm
Mà:
Ngỡ hồn trôi giữa ngàn năm
Luyến lưu thanh điệu dùng dằng nước mây
Xin mời kim cổ so dây
Tri âm mượn khúc thơ này hòa âm
Thì cổ kim cũng phải luống dạ bùi ngùi mà cùng neo thuyền,
so dây trên bến Tầm Dương:
So dây mấy tiếng ngân nga,
Chưa vào giai điệu đã ra hồn cầm,
Mỗi dây đàn, mỗi âm thổ lộ
Mỗi nỗi niềm sâu khổ khôn nguôi
Nhúu mày nắn phím đầy vui
Bao điều thăm kín cất nơi đáy lòng
...
Sông trôi, trăng lạnh não nề
Một thuyền một bóng đi về lẻ loi
Đêm nay chợt mơ trời hội cũ
Hồng lệ hoen mộng thuở nào xưa (TBH, bản dịch của TTH)

Ông Bùi Giáng bảo muốn nói về một bài thơ thì nên làm một bài thơ khác. Thi sĩ Tô Thùy Yên lại bảo việc *thưởng ngoạn* cũng là một *biệt nhãn họa hoàn* nào đó của tạo hóa. Kẽ tiểu sinh này đã lâu lắm không còn làm thơ được nữa. Chỉ đọc thơ mà lấy đó là niềm hạnh phúc. Hoặc giả dịch thơ, thơ Tàu, thơ Tây, thơ Việt. Xin lấy mấy câu thơ của cổ Nhạc sĩ Thẩm Oánh:

*Ta đứng hiên ngang nối đất trời
Tang bồng nhẹ gánh quẩy rong chơi
Trăm năm sự nghiệp còn mây nổi
Thoảng cái danh hờ cũng thế thôi*
mà dịch chơi ra Hán Việt:
*Thiên địa mang mang ngã tự liên
Tang bồng nhất đăm chương trung khinh
Bách niên sự nghiệp phong vân tán
Ngịch lữ phù danh quả tịch miên*

Gọi là có mấy lời vị kiến tâm giao gửi tác giả Đan Tâm.

Anh Phạm Ngọc Lư ơi, cái *nam nhi vị liễu công danh trái* khác nào là cái nắm cỏ bồng nằm nhẹ tênh trong lòng bàn tay. Thì xin treo nó vào gác ngủ lặng lẽ nơi cái quán trọ trần gian lạnh lẽo này. Mọi sự rồi cũng sẽ tan biến vào cái cõi không cùng. Còn gì đáng nói trên đời này chẳng là cái tắc lòng tài hoa của anh gửi vào chốn không gian, thời gian mệnh mang, dằng dặc !

*Chơi hết tháng ngày chưa tương đắc
Tung hê com áo bất phùng thời
Uống nữa người ơi
Một ngàn ly một lần xin cạn
Âm lạnh sông Hàn ơi
Chỉ còn người...
Chỉ còn người soi bóng ta thôi*

Mãi mãi dòng sông Hàn sẽ nằm soi bóng Phạm thi sĩ.
Thì ? Thì có định đi đâu cũng gượng lại đã. Phải ngồi uống với nhau một cuộc mỗi người ba trăm chén. Ba trăm thôi, một

ngần ly sợ say mất, làm sao ngồi nghe nhau đọc thơ Thanh
Hiên, Quy Khứ ?
Thử hội tại hà niên ?

Houston, Tiết Lập Hạ, 2016
Tô Thẩm Huy

Phạm Ngọc Lư

Sóng Vỗ

từ khi mưa nắng đổi thay
đất trời dị biệt gió mây bất đồng
người bờ Tây - ta bờ Đông
ngồi nghe sóng vỗ bạc lòng ngày đêm
giờ này phương ấy nắng lên
ở đây ta đốt ngọn đèn soi ta
giờ này phương ấy nắng tà
ở đây thao thức tiếng gà tàn canh
nằm mơ biển ngọt đồ dành
tĩnh ra tâm sự kết thành muối khô
từ khi Tý Ngọ khác giờ
đêm không đồng mộng đành mơ... mộng ngày
lòng ta uống gió mà say
tan ra cồn khối đảo mây chập chờn
biển sâu? ly biệt sâu hơn
muôn đời sóng vỗ mỗi mòn bến không
mỗi mòn tiếng sóng nghe chung
bờ Tây tóc rụng... bờ Đông bạc đầu!

Truyện Ngắn Tàn Đông

Tình Yêu Và Cái Chết Nơi Biên Cương Đất Trích*

Tạp bút **NGUYỄN ÂU HỒNG**

Phạm Ngọc Lư viết truyện ngắn Tàn Đông vào tháng 12 năm 1970, đăng tạp chí Bách Khoa số 344. Truyện lấy bối cảnh thị trấn Củng Sơn, quận miền núi Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Cùng thời điểm đó, tức tháng 12 năm 1970, tôi có đến BCH chi khu Sơn Hòa, biết mùa đông năm ấy Củng Sơn lạnh, sương mù dày đặc, nhưng mãi đến khi đọc truyện Tàn Đông tôi mới biết thêm chi tiết mây mù và sương núi dày tới đến nỗi ban ngày mà học sinh đi học phải ghé quán mua đèn sáp, đốt cắm trên từng dãy bàn dài:

..."Núi Cẩm hiểm trở, núi Một vôi vôi, núi Lá rậm rì... Và rừng Hỏa-thán thâm u, rừng Hoàng-long điệp điệp. Suốt tháng nay chưa có một ngày nắng lớn, mặt trời không xé nổi mây, mây tụ tập càng lúc càng dày, xuống thấp mãi, sát ngọn cây, đọng mái nhà, cho đến một buổi sáng mở cửa ra: mặt đất mù mịt như có khói lan tỏa, sương kín dày, khí lạnh phủ vào mặt, xanh tái da.

...Học trò đã đi học ngoài đường, ghé vào quán moi bạc các mua mỗi đứa một cây đèn sáp đốt vào cặp.

Khiến tôi trường lúc lũ học trò đang ngồi chờ thầy trong lớp. Chúng đốt đèn sáp cắm trên từng dãy bàn dài, nơi bàn anh cũng có một ngọn cháy leo lét."

Nhân vật chính của truyện là một giáo viên tên Kiên, ở trọ cùng nhà với một cô y tá trẻ đẹp. Cánh đàn ông độc thân ở thị trấn miền núi Củng Sơn, kể cả ông phó quận trưởng, xem cô y tá như một món quà, ngược lại, cô bạn phải sống cảnh ủ ê cây-qué-giữa-rừng. Nơi biên cương đất trích mù tối, họ thêm

nắng, thềm đồng bằng nơi có nắng mượt như lụa trên những đồng lúa non.

...”-Giả thử chiều nay anh được trực thăng chở về phố đưa vào một quán ăn sang trọng nhất, anh thềm món gì trước? -Nắng!”

Phương tiện duy nhất để viên chức và binh lính từ quận lỵ Củng Sơn đi về đồng bằng là trực thăng. (Thường dân thì chủ yếu là xe honda và xe đạp thồ, đi thăm thân nhân hoặc đi buôn đều phải đóng thuế cho cả hai bên). Khi cùng Ban Cố vấn Quân khu 2 (MR2 Advisory Committee) từ Pleiku đến BCH chi khu Sơn Hòa ở Củng Sơn, từ trực thăng nhìn xuống tôi chỉ thấy một thung lũng chìm trong sương mù, một thứ sương mù trắng đục và gờn gợn như nước lứt. Sông Ba mới đó còn lấp lánh ở Phú Bổn, bỗng chốc tan thành mây khói và dường như sương núi và khói đá từ bốn phía núi rừng cùng đổ dồn về vùng lòng chảo, phủ kín cây cối, nhà cửa. Viên phi công đã quen với địa hình, cho trực thăng giảm độ cao, cánh quạt xói tung lớp sương dày đặc, đến khi nhìn thấy đám sương mù có lẫn khói màu thì đáp xuống. Từ bãi trực thăng vào hội trường chi khu, bên một đoạn đường đất ngắn, lính nghĩa quân cả kinh lẫn thượng trực chiến ngồi dưới hố cá nhân. Họ ngồi bất động trong sương lạnh, súng gác lên bao cát. Nhìn cảnh bố phòng, tôi cứ nghĩ, ông chi khu trưởng khéo bày trò trình diễn chơi, đến khi đọc Tàn Đông mới biết là họ chiến đấu thật, đã giữ vững chi khu sau một trận công đồn:

...”Bỗng một tiếng nổ vang ầm rung đất. Từng tràng súng khác nổ tiếp theo, nghe quá gần, đâu dưới xóm chợ, càng lúc càng gần thêm, phía trường học, trụ sở xã... Mé sông, ngoài vòng đai chi khu, đạn nổ rất hơn. Súng cối bắn đùng đùng tới tấp, đạn bay vèo vèo trên đầu. Vách nhà rung chuyển liên hồi...

Phòng Kiềm dạy sập một góc mái, gạch ngói nát vụn...Kiềm ngậm ngùi ngó những đứa học sinh ôm cặp đến trường như thường lệ...

Trời lạnh, ba cái xác chết còn tươi bỏ nằm tênh hênh trên bờ ruộng. Đám đông hiếu kỳ tản dần. Một người chỉ cái tử thi nhỏ thó, trẻ măng cỡ 15,16 tuổi nói giọng tiếc rẻ:

-Thằng này là học sinh mới trốn theo nấu, đại dột chết uống. Thầy nhớ nó chứ?

Kiên nhìn khuôn mặt thâm tái dính đầy máu cục bùn đất, lắc đầu bỏ đi."

Có người trách tác giả Tàn Đông đã xây dựng nhân vật Kiên có tính cách hơi khác thường: là thầy giáo, anh ta đứng trước cái chết oan uổng của học trò mình; là người cùng nhà trọ, anh ta dấm dớ trước những biểu hiện tình cảm của cô bạn y tá xinh đẹp đang khát tình. Tôi không đồng tình với nhận định này. Tôi còn cho rằng đây chính là mạch ngầm làm nên bút pháp thâm trầm của Phạm Ngọc Lư. Thời ấy, tình cảm của thầy cô đối với học sinh thường cũng bao la sâu rộng như tình thương của cha mẹ đối với con cái. Nhưng, trong cảnh huống bị thương, nhiều bậc cha mẹ thường nhìn xác con rồi buộc miệng, "sanh con há dễ sanh lòng". Trách thầy giáo Kiên mà chi! Tôi dám cả quyết cái tử thi nhỏ thó đó là học trò của thầy Kiên, nhưng thầy nhìn khuôn mặt thâm tái dính đầy máu cục bùn đất, lắc đầu bỏ đi. Trí nhớ của thầy rất tốt, nhìn tấm ảnh một thiếu nữ do cô bạn y tá giới thiệu, anh chẳng những nhận ra đó là học trò mình bốn năm trước mà còn nhớ cả tên, khiến cô bạn phải thốt lên, "*Anh thật quý quái, nhớ chi mà dai thế!*". Học trò cũ nay đã thành một cô gái, anh còn nhớ, thì một học sinh trẻ măng cỡ 15, 16 tuổi mới bỏ học trốn theo nấu, sao anh lại không nhớ, nhưng anh lắc đầu bỏ đi vì một lẽ oan khuất, "sanh con há dễ sanh lòng".

Về tình yêu, bộ tịch dấm dớ của anh giáo Kiên chẳng qua chỉ là giả nai với sách lược tuy cũ nhưng hiệu quả "lửa gần rơm lâu ngày phải bén". Hơn nữa, lửa và rơm được xếp gần nhau ở nơi thâm sơn cùng cốc. Và đây cũng là mạch ngầm làm nên nét duyên của Tàn Đông.

Ở trọ chung một nhà, người phòng trong người gian ngoài, sáng nào cô bạn y tá cũng dậy sớm nhóm lửa nấu nước để anh giáo có nước sôi chích thuốc. Khi cô bạn ngã bệnh, "*Anh xuống bếp bưng cháo vào tận buồng nàng, pha nước khuấy sữa, xăng văng hời han về bệnh tình thuốc thang liền miệng...* Người bạn gái uốn cong mình giẫy giụa, mặt nhăn nhó đau

đón, kêu khan:

-Đề chặt tôi lại coi... Sao cứ bay bổng lên.

Kiểm e dè cúi xuống dần tay bạn. Bất ngờ nàng ôm chầm lấy anh lồi ngã sắp lên ngực, hơi thở nóng ran, hỗn hển, dồn dập. Kiểm nhúc nhích cựa nhẹ mình nhưng không dám gỡ vòng tay bạn đang quấn quýt siết chặt trên lưng”...

Đây là một cách biểu hiện tình cảm nam nữ được che đậy bởi một cơn bệnh. Còn đây là cái cách “hùn gió bẻ măng”, ngay trong cơn bình lữa:

... “Súng cối bắn đùng đùng tới tấp, đạn bay vèo vèo trên đầu. Vách nhà rung chuyển liên hồi. Phòng trong người bạn kêu ới ới. Kiểm sức nhớ, bỏ chỗ núp dưới gầm phản chạy vào, thở hỗn hển, cứng miệng nói không ra tiếng. Anh lồi bạn xuống khỏi giường, nàng thất thần ngã vào người anh mềm nhũn như kẻ vừa trúng đạn chết không kịp ngáp”.

Sao không viết Nàng thất thần ngã vào người anh mềm nhũn như cọng rau héo, như cọng bún, như người không có xương sống... như gì chẳng được, mà phải là như kẻ vừa trúng đạn chết không kịp ngáp? Vì trận đánh đang diễn ra, đạn bay vèo vèo trên đầu nên xán luôn? Chết không kịp ngáp như ba cái xác chết trong đó có tử thi nhỏ thó, trẻ măng cỡ 15, 16 tuổi, là học sinh mới trốn theo nẫu, đại đột chết uống, mà sáng ra thầy Kiểm mới tận mắt nhìn thấy. Phải chăng tác giả muốn nói, nơi Biên Cương Đất Trích tử khí bốc lên dày như sương thì tình yêu và cái chết gần liền nhau, oan khuất trong buổi Tàn Đông.

May 4, 2016

Nguyễn Âu Hồng

**Đất Trích là đầu đề một bài thơ của Phạm Ngọc Lư đăng trên tạp chí Trình Bầy. Bài thơ có cùng bối cảnh với truyện Tàn Đông: thị trấn miền núi Củng Sơn... “Bốn phía rừng xanh màu nước độc/ Đông tây nam bắc núi chặn đường/ Một lũng đất bằng khu chén nhỏ/ Trối đời ta vào chân Trường Sơn... Canh khuya cọp gầm vang núi Lá”. Trong Tàn Đông*

“núi Cẩm hiểm trở, núi Một vôi vôi, núi Lá rậm rì...”

** Biên Cương là một bài hành đã thấm đến lòng người của Phạm Ngọc Lư: “Đây biên cương ghê thay biên cương/Tử khí bốc lên dày như sương... Gớm, gió Lào tanh mùi đất chết/Thối lầy rừng già bặt núi non... Cô hồn một lũ nơi đất trịch/vỗ đá mà ca ngông hát cuồng...”*

Phạm Ngọc Lư

Bâng khuâng Mùa Rụng

gởi NK Chi

Gói bằng màu đỏ lá phong
Gởi về tôi một sắc lòng còn tươi
Vô tình gói cả Mùa Rơi
Mang mang phong vị phương trời tri âm

Bồi hồi khói quyện đan tâm
Có ai vừa thả hương trầm vào thơ
Mà thao thức nhúm tàn tro
Mà nghe mực nghẹn bút khô thở dài

Mơ màng đang chạm tay ai
Bâng khuâng Mùa Rụng nhạt vài lá phong
Gói giùm tôi một nỗi lòng
Thả vào mây trắng bênh bồng chiều thu...

Lãm Thúy

Muôn đời còn mãi tấm lòng son

Lãm Thúy không nhớ được cơ duyên nào mình có bài thơ “BIÊN CƯỜNG HÀNH” của Phạm Ngọc Lư, chỉ biết nó nằm trong quyển sổ chép tay những bài thơ hay được tuyển lựa bằng nét chữ bay bướm nắn nót với màu mực tím.

Hình như đó là những năm 1970, khi mà Lãm Thúy còn rất trẻ, nhà nghèo, ba mẹ gửi ở trọ nhà bà di để được nuôi đi học; tiền chi xài rất hạn hẹp, có đâu mua sách báo, chỉ còn cách mượn của bạn chép vào tập để dành.

Biên cường hành

Gió, gió Lào tanh mù đất chết
Thời lập rừng già bạt núi non
Mùa khô tới
theo chân, thù địch

Ta về theo cho rầu
Chiến trường chiến trường
Chiến trường nên bình như vãi đạn
Đàn quân ma bay khắp
bốn phương

Phạm
Ngọc Lư



Thủ bút của Phạm Ngọc Lư

“BIÊN CUƠNG HÀNH” là một trong những bài thơ Lãm Thúy thuộc nằm lòng dù rất dài.

Năm 2001 Lãm Thúy có ra mắt ở hải ngoại tập thơ đầu tiên: “Còn Nguyên nổi Ngâm Ngùi”. Khi tập thơ này gửi đến tặng nhà văn Phạm văn Nhân trong nhóm chủ trương Thư Quán Bản Thảo, anh có viết một bài giới thiệu về tập thơ ấy trong số thứ 27 của Thư Quán Bản Thảo.

Ít lâu sau, Lãm Thúy được biết anh Phạm Ngọc Lư muốn liên lạc với LT vì thích bài viết của Phạm Văn Nhân. Đó cũng có thể coi như anh thích thơ LT.

Mối quan hệ thơ văn bắt đầu từ đó (sau khi LT đọc thuộc lòng cho anh nghe bài thơ BIÊN CUƠNG HÀNH qua điện thoại) Từ lâu LT vẫn muốn viết để nói lên cảm nghĩ của mình về thơ Phạm Ngọc Lư. Muốn nhưng không viết nổi. Vì sao? Vì thơ anh hay quá, mỗi chữ, mỗi từ đều chất chiu chọn lọc như hạt ngọc long lanh, rực rỡ (nhưng nhiều khi cũng vô cùng cay đắng, vô cùng đau xót như giọt lệ ròng rọc.)

Thơ, có câu xuất sắc, câu độc đáo, có câu tầm thường vậy mới dễ chọn lọc, dễ khen chê. Còn thơ PNL câu nào cũng hay, từ nào cũng đẹp, so sánh , ẩn dụ, thậm xưng, thứ nào cũng tuyệt vời. Làm sao nói? Làm sao lựa chọn? không lẽ bài nào cũng chép hết ra?

Lần này nghe anh vương vào căn bệnh nan y, LT gọi ngay cho anh Trần Hoài Thư đề nghị làm một tuyển tập đặc biệt cho PNL. Anh Trần Hoài Thư từ chối. LT hiểu: Anh nói anh đã in Đan Tâm, đã có những số báo nói về PNL đôi chút, giờ anh bận rộn nhiều thứ không thể làm gì thêm.

Chưa đến nhà anh THT nhưng LT cũng hiểu gánh nặng mà anh gánh vác trên đôi vai gầy guộc ấy nó nặng nề thế nào khi vừa lo in ấn duy trì những tác phẩm quý giá của Văn Học Miền Nam trước 1975; vừa chăm sóc chị Ngọc Yến- người vợ thân yêu, người bạn đồng hành tận tụy thủy chung- giờ đã như một người tàn phế sau cơn tai biến mạch máu não trầm trọng, đang nằm trong nhà điều dưỡng, thoi thóp đợi chờ từng bước chân anh.

Hiểu nhưng không cam tâm!

Cho đến một ngày nhận được Email anh PVN báo tin anh THT đồng ý làm số đặc biệt cho PNL, sau đó còn nhận được

“ĐAN TÂM” qua Email từ THT. Cảm động đến rơi lệ!
Ôi ! Những tấm lòng bằng hữu cao quý biết bao!
Mới đây nhận được tin nhắn từ PNL. Anh cảm động vui mừng vì nguồn tin ấy và ân cần nói thêm: “ Mong rằng sẽ có bài của nhà thơ LT. Mai sau dù có bao giờ...”
Làm sao mà không có bài của LT được, ngoại trừ anh THT từ chối không đăng, hồi anh PNL quý mến!
Trước nhất phải nói “Đan Tâm” là một tuyệt tác phẩm. Từng bài từng câu, từng từ ngữ đều quá hay. Nói vậy cũng còn chưa đủ. Nói theo ngôn ngữ thời thượng: Trên cả tuyệt vời!
Dù đắng cay dù thất chí, dù lang thang phiêu bạt, dù đau đớn dập vùi, tấm lòng son sắt ấy còn mãi rạng ngời.
Trong “Đan Tâm” ta tìm thấy nỗi lòng tác giả trong những thăng trầm của cuộc đời:

Khi nơi **“Đất Trích”**:

*Mười lít gạo trộn vài cân muối
Nấu với tình em ăn vẫn ngon
Tình em: Nước sông Ba đầy bát
Đời ta như nổi trống, niêu trơ*

Cái khí khái của một hàn sĩ thật đáng ngợi ca: Cơm mà nấu với tình em, với muối mặn vẫn thấy ngọt ngào. Một cách diễn tả thật mới, thật gợi cảm mà cũng thật xót xa cho đời thơ đậm bạc.

*Mười năm gạo trộn vài vốc muối
Đeo lên vai nặng nghĩa, đầy ơn
Mai ta bỏ thân ngoài sạn đạo
Xin tình em một mảnh đất chôn*

Cơm ăn nấu với tình em, chết cũng chôn trong tình em. Ôi!
Người thơ đa tình!

Thấp thoáng trong từng trang thơ là cuộc sống trôi nổi của tác giả: Khi **“Ngồi chợ”** bán dừa:
*Ma xui quỷ khiến ra ngồi chợ
Bán gió rao trăng một núi dừa*

Với một tâm hồn hào sảng , một tài năng xuất chúng mà gặp cảnh:

*Mặt người keo kiệt màu cắt sắt
Miệng lưỡi cò kè ngọt lẫn chua
Năm ba đồng bạc sao to quá
Bớt một thêm hai mấy chẳng vừa*

Chỉ với vài câu ngắn ngủi, PNL đã vẽ lên cảnh chợ đời bát nháo, bần tiện một cách sống động đầy chua chát mà bản thân nhà thơ nào biết chuyện bán buôn nên:

Ba tháng bay vèo ba mươi vạn

Chỉ còn chút an ủi:

*Cô gái BếnTre vừa quen mới,
Đếm dừa mà đôi mắt đong đưa*

Tuy có chút hứng thú, nhưng rồi vẫn:

Sợ lòng em chột nắng chột mưa

Dù cuộc đời vui dập, dù tan nát đắng cay, trái timPNL vẫn là trái tim rộng lượng bao dung, ta tìm thấy điều ấy trong bài thơ: **“ Tái Ngộ Thúy Kiều”**

Dù:

*Nát đời anh giữa biển dâu
Nón rom, áo cổ mây râu ngậm hờn*

Và dù :

*Giết đời em giữa phấn son
Ê chề mưa gió vui chôn má hồng*

Mà vẫn:

Tình xưa trang trọng xin mời cố nhân

Và:

*Lòng anh mở rộng xin mời
Mười lăm năm biển mất rồi... còn em!*

Thi nhân vốn đa tình : Thương nhà, thương quê, thương cô lý, thương mẹ ,thương giai nhân, thương vợ, thương con...

Hình ảnh nắm mồ của đứa con gái bé bỏng sớm lìa đời được PNL miêu tả nhẹ nhàng mà cảm động:

*Nằm chơi dưới một hàng cây
Lao xao lá, lá thơ ngây chuyện trò
Nằm thanh thản một nắm mồ
Hồn nhiên cỏ, cỏ thơm tho hơi người*

Những hình ảnh êm ái: “Nằm chơi”, “Nằm thanh thản”, “Lá thơ ngây”, “Cỏ hồn nhiên” hoàn toàn không gợi một nỗi đớn đau nào, nhưng sâu thẳm tình phụ tử chỉ gói trọn trong hai câu cuối của “**Nhỏ nhoi hạt bụi**”:

*Nằm im giữa trái tim ta
Nhỏ nhoi hạt bụi xưa là Các Khuê*

Chỉ vậy cũng đủ ngậm ngùi!
Với người gởi chăn, cái tình của PNL thật xót xa:
*Em không buồn ta
Sao lòng ta phai nhạt đá vàng
Hắt hiu lòng rụng, chí tàn
Thương em ôm cái mơ màng theo tôi*

Thi nhân phải bốn ba dặm ngàn đi tìm y thực , mười mấy năm lãng tử Giang hồ , để Mẹ tóc trắng chờ mong , bỏ vợ lẻ bóng cô đơn , mặc con lạc loài thương nhớ ;Quyết lòng “Không công danh bất phục hoàn” , để rồi khi về lại cũng vẫn tả tơi, bạc áo phong trần , bùi ngùi hỏi Mẹ , hỏi chị:
*Mẹ có thương con gió bụi lắm than ?
Chị có xót em một đời thất chí ?*

Ôi ! Một kiếp tài hoa lận đận , từng câu thơ là từng nỗi đắng cay , từng khúc đoạn trường :
*Thôi rửa hết phong trần nơi bến nước
Để trở về đứng khóc dưới Hương Quan*

Trong Cố lý hành ta tìm thấy bao nỗi đớn đau , chua xót của ngày trở về ấy !
*Chiều chết đuối trên sông ngòm ngợp
Nước đưa chen góp bọt nắng tàn
Đò qua sông đều hiu hắt bến đợi.*

Mây đổ xù lông như chó ốm

Trời trôi nhoe mặt ngóng đêm sang

Những hình ảnh sống động mà buồn thảm , hoang vắng ;sống mà như chết ! Thật lạ lùng ,thật độc đáo . Mấy ai có thể miêu tả Cổ lý ngày về tang thương ngàn ấy !"

Từ cách nhân cách hoá " Chiều chết đuối " , " Nước đua chen" đến cách chọn lựa những hình ảnh gợi cảm để miêu tả đủ nói lên một tài năng vào bậc thượng thừa !

Có biết ta về không cổ lý ?

Mười năm chưa lạ mặt xóm làng

Sao phen giậu nghiêng đầu cảm nín

Rom rạ làm thình chẳng hỏi han

"Phên giậu cảm nín " , " rom rạ làm thình". Phép nhân cách hoá gợi nên niềm thờ ơ lạnh nhạt của ngày về : Người trắng tay mà cổ lý cũng tan hoang . Bài Thơ buồn thất ruột thất gan.

Như đã nói : Thi sĩ hẳn là đa tình , đa cảm nên trong Thơ Phạm Ngọc Lư nổi bật lên những nét đẹp vô cùng nên Thơ, vô cùng gợi cảm của những nàng Xuân Nữ :

Mượt mà , hồn hậu , ngây thơ

Em nằm trên cỏ nhón như sắc màu

Cỏ và em vỗ về nhau

Con sông mộc mạc ngẩng đầu nhìn lên

(Đề tranh xuân Nữ)

Có khi giai nhân là hình ảnh một mỹ nhân ngư :

Cát mềm lấm tấm lân tinh

Nằm thon thả một thân hình nhân ngư

(Mộng kiến Nhân Ngư)

Trí tưởng tượng của tác giả vẽ ra một nét đẹp Kỳ diệu :

Gió vờn , cát nựng , sóng ru

Đôi chân ảo mộng từ từ mọc ra

Ngồi lên : Lộng lẫy một toà

Đứng lên : Rực rỡ đài hoa địa đàng

(Mộng kiến Nhân Ngư)

Và rồi mộng - thực lửng lơ , kéo PNL về thực tại :

Tinh sương biển lặng mây chìm

Bóng ai tỉnh mịch nằm yên phơi mình

Người đẹp ấy chính là :
Một nhân ngư giữa biển đời
Đôi chân ảo mộng gọi mời chiêm bao

Cũng bởi nỗi tình ấy mà trong một bài Thơ khác " *Thuyền Quyên Tận* "

Nỗi lòng nhà Thơ được phơi bày :
Nghìn trùng chôn một biệt ly
Tắc lòng hoài niệm vẫn nghi ngút chờ

Chính vì thế mới :
Mấy năm lòng tưởng yên lòng
Ngờ đâu nắm mộ Đào Hồng còn tươi
(TQT)

Cũng có khi gặp lại nhau không đem lại sự ấm lòng mà lại
..."Đụng cái đầu hiu ":
Gặp nhau gặp nỗi trở trêu
Quay đi ...chạm cái đầu hiu thu tàn

Nỗi trở trêu ấy bởi vì :
Thuyền Quyên năm nọ sang sông
Năm nay ôm cái thuyền không quay về

Hoặc đắng cay hơn :
Thuyền Quyên năm nọ sang ngang
Năm sau trở cái thuyền nan dòng đời

Trong bài thơ " *Bài về vô duyên* " , những cuộc đời tan nát
gặp nhau trong cảnh ngõ ngang :
Mỗi năm một nỗi hai trôi
Hồng nhan gió dập , sóng dồi lênh dênh

Nàng thì vậy , còn thi nhân thì sao ?
Mấy năm đắp chiếu trùm mền
Ngỡ rằng không nhớ là quên chuyện lòng
Khéo xui bèo nước tái phùng

*Quay đi...mắt lại tần ngần không quay
Xao lòng bẽ đứt ngón tay
Ngoài kia sông rộng nước đầy xao theo*

Từ ngữ trong Thơ Phạm Ngọc Lư bao giờ cũng chuẩn xác , rất độc đáo và phong phú .Chúng ta thường nghe " Tương phùng" hay " Tái ngộ" ,ở đây tác giả lại nói " Tái Phùng", nghe cũng lạ và hay.

" Xao lòng" cũng vậy: vừa là xao xuyên băng khuâng mà cũng có cái gì đó xao xác trong hồn.Một nỗi xôn xao thẳm lặng chẳng ? Mà nước cũng " xao" theo nữa , nỗi xao động mệnh mang vô cùng như sông nước bao la .

Chúng ta đã đi vào một vài ngõ ngách phức tạp trong tâm hồn say đắm mà đau thương của Phạm Ngọc Lư , hãy thử đọc thêm bài "**Quá Giang tự vịnh**"

*Sông Hàn mệt quá sông Hàn
Mai qua chiều lại trưa sang tối về
Đời mòn lặn chậm bánh xe
Áo com bãi hoài nặng nề lặn theo*

Thấy không ? Bài Thơ hiện lên nỗi mệt mỏi chán chường của một kẻ sĩ khí khái ngất trời mà cứ phải chịu đọa đầy bởi chuyện áo com . Đời mòn mỏi theo bánh xe lặn , người thì bãi hoài nặng nề lặn theo com áo.Còn cách diễn đạt nào thắm thía hơn ?

Nhiều bài Thơ khác cũng mang tâm trạng chán ngán âu sầu như "**lên núi để thơ**" chẳng hạn:

*Người xưa rơi lệ núi này
Lệ xưa thấm lá cỏ cây phơi màu
Rêu buồn ngậm nỗi lòng đau
Đá cầm khắc họa nỗi sầu trơ vơ
Chiều hôm non nước lặng tờ
Lòng tôi gọt đá để Thơ khóc mình
Đau tay khắc đậm chút tình
Mũi dao là lệ nhân sinh ròn ròn
Ngàn sau hồn chữ rêu phong
Miên man thiên địa ...tác lòng du du...*

Những câu thơ như mũi dao cứa vào tim người !
Cũng thế , trong bài "**Chỉ còn Đan Tâm**"

*Đời cùn , chí cặn , lòng khô
Hồn ta xanh một nắm mỡ tịch liêu
Mười lăm năm nát thân Kiều
Còn thân ta nát bao nhiêu năm rồi ?*

Ta cũng tìm thấy bao nhiêu đắng cay , tan nát trong từng câu , từng chữ .

Còn một điều LT quên nói : BIÊN CUƠNG HÀNH là một áng thơ tuyệt tác của thời chiến chinh , một trong những bài hành xuất sắc của thời đại nhưng LT không dài dòng phân tích ở đây vì đã có biết bao người đã ca ngợi nó . Tưởng cũng quá đủ rồi cho số phận của một bài thơ !

Riêng tác giả của ĐÀN TÂM , PHẠM NGỌC LƯ , với LT là một người rất đổi tài hoa , một tâm hồn tuyệt đẹp , một trái tim mẫn cảm , một nhân cách thanh cao , một cách sống tự trọng

....

Dù viết ra bao nhiêu trang giấy cũng không thể nào nói hết cái hay , cái đẹp , cái buồn trong Thơ Phạm Ngọc Lư. Lãm Thuý chỉ có thể nói một cách giản dị là: Thơ Anh quá hay , lời phong phú , mượt mà ; Anh biết cách làm đẹp ngôn ngữ để qua đó gói ghém những ý tình sâu sắc làm xúc động tim người , biết cách làm mới những thể loại thơ cũ để cuốn hút người đọc vào cõi sâu muôn bao la mà đầm thắm tuyệt vời trong thơ Anh. Có thể mượn lời Kim Trọng mà nói rằng :

Rằng hay thì thật là hay

Nghe qua ngâm đắng nuốt cay thế nào !

Cuộc đời Anh là một cuộc đời bất toại , nhiều cay đắng dập vùi , nhưng giá trị Văn chương Anh để lại cho đời mai hậu là một sự nghiệp lớn lao mà không ai có thể phủ nhận .

Có phải chăng ***Tài hoa thiên cổ lụy ?***

Lãm Thuý chỉ cầu mong Anh thoát qua được căn bệnh hiểm nghèo để tiếp tục vì đời mà dệt những áng Thơ tuyệt tác .

4:10 sáng 22/5/16

Lãm Thuý

VĂN THƠ
PHẠM NGỌC LƯU
(Sưu tập)



NIỆM Tranh Đinh Cường
Sơn dầu trên giấy xuyên chỉ 14" x 18"



Xuống tới bậc hiên, cô Ngân đứng lại như vừa sức nhớ một điều gì quan trọng, cô ngoắc tôi đến, vỗ vai dịu dàng, ngăn ngừa một lát, đoạn cúi xuống nói khẽ:

- Có ai tới thăm cô, con thưa với họ rằng cô có việc gấp phải đi. Nhớ nghe!

- Dạ.

Ra tới cổng cô Ngân còn quay lui cười mỉm như thầm nhắc lại lời dặn. Tôi nhẹ gật đầu, chia sẻ nụ cười cười mở kia. Hôm nay trông cô dễ thương và thân mật, không còn đeo bộ mặt nghiêm khắc lạnh lùng thường ngày nữa. Hú vía!

Buổi mai mát dịu. Trời đất đang có vẻ vào thu, thoáng buồn mang mang. Nắng gầy đi, phai sắc nhạt màu. Những phiến nắng mềm mại vàng hoe nằm chen với bóng lá trên mặt đất còn ẩm hơi sương, vỡ ra chút cảm giác lạnh lạnh tê tái nơi đầu ngón chân vô tình dẫm lên. Tôi đi thơ thẩn quanh vườn, thăm

dò lục lợi những trái lựu, măng cầu cuối mùa còn sót lại trên cành. Cây ôi sè mờ gà, cây khế ngọt đã có nhiều chiếc lá vàng úa héo. Mai một đây, vườn sẽ thôi xanh, lá nhuốm bệnh về chiều, lá âm thầm rụng thâu đêm, sáng mai lá chết phơi xác đầy sân, khổ sở tôi phải cầm lên cây chỗi ra vườn như người phu đào huyệt cầm cuốc xẻo vào nghĩa trang.

Trên ngọn ngọc lan, con chim nào đó bỗng ngửa cổ hót lên dầm tiếng trong trẻo. Tiếng chim quen thuộc kích thích trí óc tôi, như mời mọc tôi hãy bắt chước giọng nó, hót theo. Im đi một lúc, chờ đợi (?), con chim lại trỗi giọng cũ, lần này nghe giục giã bồn chồn hơn. Tôi bước nhẹ đến gốc cây dõi mắt tìm kiếm nhưng mãi vẫn không thấy tăm dạng bóng chim. Tiếng hót ngưng bật đột ngột.

Tôi thở mùi hương ngọc lan tỏa dịu trong không khí ủ hơi nước, lòng khoan khoái, muốn ngà ngà say. Đã qua rồi những ngày hè khô nóng, hương ngọc lan bị nắng đốt lên ngào ngạt gay gắt đến nỗi cô Ngân phải kêu nhức đầu. Những lúc đó, mũi cô chun lại khịt khịt một cách khổ sở, chân mày nhíu lấy nhau tạo ra hai nếp gấp giữa sơn căn; trông cô nhăn nhó như một bà già cay cú, vậy mà có người khen đẹp, ví với cái nhăn mặt của Tây Thi!

Ông nội bảo tôi cùng tuổi với cây ngọc lan này. Mười bốn năm, nó bỏ tôi đứng thấp lè tè dưới đất để vươn cao lên trời, trổ hoa tỏa hương đùa sương giỡn gió thỏa thuê. Nó đâu biết ba bốn năm nay ngày ngày tôi phải mang nước cho nó uống, quét dọn từng chiếc lá cuồng hoa nó ném xuống bừa bãi.

Lúc nào ông nội cũng tỏ ra quý mến chăm sóc cây ngọc lan còn hơn lo lắng cho con cháu. Bởi, khắp vùng này chưa nhà nào trồng được. Mỗi lần có bạn đến, ông ân cần mời một chén trà đặc biệt có ướp hương ngọc lan, lòng thầm hãnh diện trước những lời trầm trồ khen thưởng của khách. Khách muốn được xem cây, như chỉ chờ đợi bao nhiêu đấy, ông tôi vồn vã đứng dậy mời khách ra vườn ngay. Dù mang danh là lan nhưng ngọc lan không mềm mại ẻo lả như các loại lan giò treo lủng lẳng trước cửa. Nó thuộc lớp thân mộc, cao lớn suông đuột

như cây cột, chẳng có vẻ thẩm mỹ như cái tên nó mang. Thoạt nhìn, khách ngỡ, bao nhiêu điều tưởng tượng về hình dáng cây hoa này đều sai lạc, trái ngược cả. Chừng đoán hiểu được ý khách, ông tôi cười ý nhị, bênh vực:

- Thật không ngờ, với cái thân hình thô thiển thế này, nó lại cho mình những nụ hoa thơm danh tiếng.

Pha trà cho ông tôi xong, tôi mang chổi ra quét dăm chiếc lá khô trên lối đi lát gạch trong vườn. Tiếng chim hời hợt lại trỗi lên líu lo, có vẻ mừng vui hơn hớn hớn. Đường như, có đến hai giọng chim đang đối đáp nhau. Chắc chúng vừa gặp nhau sau bao tìm kiếm chờ đợi? Tiếng hót càng rộn rã như muốn tôi dừng tay lắng nghe. Ừ, tôi đang nghe đây. Cứ hót đi khúc nhạc lứa đôi hồn nhiên thần thánh. Cứ truyền nhau hơi ấm thơm tho, mùa thu sắp về rồi kìa, những đám mây bàng bạc đang che lấp mất bầu trời thanh thang của bạn. Như nghe thấu những ý nghĩ khích lệ trong đầu tôi, như ngậy ngát với mùi hương ngọc lan nồng đượm, đôi chim dặt ý hót lên lanh lảnh hân hoan. Tiếng hót hòa âm với nhau vang động cả màu lá xôn xao, trong hơi gió mai thổi lật phật. Tôi buông chổi rón rén bước đến gốc cây đưa mắt tìm kiếm nhưng vẫn không thấy bóng chim. Tiếng hót ngưng bật.

Cổng mở, cô Ngân lách mình vào, nụ cười nở sẵn trên môi:

- Biết quét sân nữa hả? Ngoan ghê!

- Cô đi mau vậy?

- Ừ, chút xíu việc, xong rồi. Không ai đến chứ?

- Dạ không thấy.

Cô gật gù đầu, như hài lòng với mình điều gì, đoạn quay gót bước thoăn thoắt vào nhà, tay đóng cửa cái xách, mặt hớn hớn tựa kẻ vừa đi xa về. Lát sau, tiếng nhạc vang lên từ phòng cô nhẹ nhẹ, trầm trầm. Mơ hồ, tôi nghe có giọng cô hát theo *lạ lạ là là lá là là...*

Cổng lại mở, một người thanh niên lạ bước vào, dáng ngập ngừng như thể định thối lui. Do dự một lát, anh ta cố làm ra vẻ bạo dạn, bình tĩnh bước tới, nét mặt trang bị một niềm tự tin gượng gạo. Đến thẳng trước hàng hiên, nhìn thấy cánh cửa đóng, anh ta tần ngần ngó quanh, bàn tay đưa lên ngang người như định gõ cửa, nhưng bỗng nhiên buông thõng xuống nặng nề. Tiếng nhạc từ phòng cô Ngân vẫn êm ả uồn mình lượn lờ bay ra, quần quít lấy anh. Người thanh niên nghiêng tai chăm chú nghe, khuôn mặt tươi lên một nét vui kín đáo. Anh ta lấy thuốc ra mời lửa, nhả khói, dựa lưng vào cột trụ, bộ tịch tự nhiên như một người quen, yên tâm chờ cánh cửa mở ra mà không cần đưa tay lên gõ? Dăm phút trôi qua, anh vẫn đứng yên vậy ngó xuống cái gói cầm trên tay bằng ánh mắt triu mến. Rồi anh ta đến bên gốc ngọc lan nhìn lên cành lá, vói tay ngắt một nụ hoa đưa lên mũi ngửi giây lâu trước khi bỏ vào túi áo.

Ngồi sau chiếc bể cạn và hòn non bộ, tôi lén theo dõi từng cử chỉ bộ tịch của người khách lạ. Chắc anh ta đã đến đây nhiều lần? Chắc cô Ngân hẹn anh đến chơi sáng nay? Tôi đứng dậy, bước tới trước mặt anh ta, hỏi giọng lạnh nhạt:

- Chú kiếm ai?

Người khách gạt đầu vô có, không hẵn chào tôi. Anh ngậm miệng lưỡng lự đắn đo một phút rồi hỏi dừng dưng:

- Cô Ngân ở nhà chứ?

- Thưa, vâng.

- Nhờ em trao cái này cho cô. Cảm ơn.

Anh ta đưa cái gói trên tay cho tôi, cười ruồi lãng nhách, xong, nhanh nhẩu quay gót bước ra cổng không thèm ngó lui. Cổng mở rồi khép lại, im lìm, thoáng chốc. Tôi mở đôi mắt ngạc nhiên ngó theo. Tôi muốn gọi anh ta thì phải, miệng há ra ngơ ngác. Tôi quên bằng cái gói đang nằm trong bàn tay ngượng

ngập. Người đầu lạ lòng đến thế?

Cô Ngân cũng cau mày thốt ra:

- Lạ thật!

Nếu không có cái gói này làm chứng, chắc cô không thể nào tin chuyện một người thanh niên vừa lần thân vào đây đứng ngu ngơ một chặp rồi lẳng lặng bỏ đi. Tôi nói:

- Ông ta làm như nhà thám tử không bằng. Ai vậy cô?

Cô Ngân vội mở cái gói, lật liên tiếp ba bốn lớp giấy bọc ngoài mới rút ra được quyển sách nhỏ. Nhìn qua dòng chữ in trên bìa, cô “à” lên một tiếng, thở ra nhẹ nhõm:

- Tưởng ai. Sao con không mời người ta vào nhà?

- Chưa kịp mời, ông ấy đã quày quả bỏ đi như chạy trốn.

Cô Ngân lật trang đầu quyển sách, đọc nhẩm gì đó, cười mỉm. Cô lật tiếp vào trong, bỗng rồi dừng tay quay qua nhìn tôi e ngại. Tôi cũng vừa thoáng thấy một góc bì thư xanh nhạt ló ra.

- Con xuống nấu cơm nghe cô.

- Ừ, ngoan lắm.

Buổi cơm trưa, cô Ngân ăn nhanh hơn thường lệ, xong trở lại phòng khóa chặt cửa, bật đèn. Phải tỉnh mắt mới khám phá thấy một sự thay đổi nào đó ẩn hiện đằng sau vẻ mặt bình thản vô sự cô khéo ngụy trang. Tôi nhớ lại vóc dáng người thanh niên lạ lòng và cổ mừng tưởng ra *một cái gì khác* anh vừa mang đến cho cô Ngân, ngoài quyển sách và lá thư.

Đêm đó, cô Ngân thức thật khuya.

Sáng hôm sau, đợi cô Ngân đi chợ rồi tôi đem chổi vào phòng cô quét bụi như mọi bữa. Và cũng khác với mọi bữa, hôm nay

căn phòng bẩn hơn, đầy đống, những mảnh tro, những tờ giấy xé vụn cháy dở như thể còn âm ỉ sự buồn bực trái ý của cô Ngân.

Xế chiều, cô gọi tôi ra vườn, ngần ngừ một lát (thói quen của cô), cúi xuống nói nhỏ:

- Cô định nhờ con chút việc, nhưng con hứa đừng nói cho ai hay cả.

- Con xin hứa.

Cô nhìn thẳng vào mắt tôi như muốn đo lường sự thành thật:

- Con mang cành hoa ngọc lan này đến số nhà... đường... cho người khách đó. Trao cho ông ấy xong, con về ngay. Họ hỏi thêm gì con cứ thưa không biết. Nhớ nghe.

- Con nhớ.

- Canh chừng ông nội trước khi ra khỏi nhà.

- Dạ.

Tôi đã làm tròn “sứ mạng” một cách vừa ý cô Ngân: trao hoa vào tay người thanh niên, nhích mép cười ruồi rồi quay gót rút lui như chạy trốn. Mặc anh ta hoảng hốt gọi với theo rồi rít.

Hai ngày sau, tôi lại vâng lời cô Ngân thi hành “sứ mạng” một cách chu tất. Bộ tịch giữa “sứ giả” và chủ nhân diễn ra hết như lần trước.

Lần thứ ba, anh ta đi vắng nhưng cửa sổ vẫn để ngỏ. Tôi ném cành hoa vào chiếc bàn bệ bộn sách báo bên trong. Thấy không cần phải vội “bôn tẩu thoát thân”, tôi nán lại đọc bài thơ dán trên cửa, nét chữ thảo bay múa trên nền giấy hoa.

Lòng ngát hương sao tình phong nhụy?

Cửa mở rồi hoa phấn chưa sang

Học đòi Trang Tử mơ thành bướm

*Bay đến vườn ai trộm ngọc lan
Chao ơi hương phấn màu yêu mị
Mới tương tư đã rụng cánh vàng
Tay chưa vịn cửa chờ, đã vượt
Chưa trải lòng ra hứng, đã tan*
.....

Tác giả ký thẩu tên mình dưới bài thơ, không đoán được.

Trên đường về, tình cờ tôi gặp người thanh niên. Anh cười tinh ranh như thâm bảo: phen này đừng hòng chạy trốn nữa nhé! Tôi bối rối nhưng biết chắc mình không thể thoát đi được, khuôn mặt anh lộ ra vẻ dịu dàng thân mật như nín giữ tôi lại.

- Cháu vừa mang hoa đến cho chú.
- Cảm ơn em, tôi chờ đã hai ngày nay. Sốt ruột ghê.
- Chú dùng những bông hoa ấy làm gì vậy?

Anh cười ồm ồm:

- À, chỉ để thưởng ngoạn thôi. Cái đẹp đâu có dùng làm gì lợi ích được. Tôi mê ngọc lan, ghiền nặng mùi hương của nó rồi. Làm phiền em quá nhỉ?

- Không đâu. Hân hạnh cho cháu chứ.
- Bây giờ tôi hân hạnh được mời cháu đi ăn kem.

Tôi cười lớn:

- Chú định trả công cho cháu đấy hả?
- Nói vậy tội nghiệp tôi chết. Nào, mình đi.
- Xin chú dịp khác. Sao chú không lại nhà cháu chơi?

- Có nhiều lý do khiến tôi không thể đến.
- ?
- Chẳng hạn cô Ngân không muốn tôi ghé nhà.
- Sao lạ vậy?
- Không sao cả.
- Cháu hiểu rồi.
- ?
- Cháu mới đọc bài thơ chú treo nơi cửa sổ.
- !!??
- Nhưng cháu chưa biết tên tác giả.
- Thì coi như Vô-danh-thị.
- Tên chú?
- Hà.
- Hà?
- ...
- ???
- Lạ nhỉ?
- Hà là tên con gái.
- Là một dòng sông. Dòng sông trên trời cháu biết tên gì không?

- Không biết.
- Tôi cũng không biết vậy.
- Thôi, cháu về.

Một hôm, cô Ngân gọi tôi ra vườn, ngắt nụ, trừ trừ trước khi nói.

- Cảm ơn con đã giúp cô lâu nay. Nhưng ngày mai cô phải đi Sài Gòn có công chuyện, chưa biết bao giờ về. Dù vậy, con vẫn cứ tiếp tục hái hoa mang đến cho người ta. Điều quan trọng là đừng nói cho ông ấy biết cô đã đi Sài Gòn.

- Sao vậy cô?
- Không sao cả.

Tôi tự trả lời cho sự tò mò của mình. Mà chưa đến cái tuổi đáng được người lớn tin cậy mà thổ lộ tâm sự. Vâng, tôi chỉ là đứa bé ngây thơ chỉ xứng với việc mang những cành hoa vô tri giác mà thôi. Đừng thắc mắc tìm hiểu gì hơn.

Một tuần sau ngày cô Ngân xách hành lý lên máy bay, tôi mới nghĩ đến việc hái ngọc lan đem đến cho người thanh niên. Sau những trận mưa đầu mùa dữ dội, cây ngọc lan trông xơ xác thêm, lá rụng gần hết. Khó khăn lắm tôi mới tìm được một ít hoa hàm tiếu ẩn mình trên ngọn cao. Khi sắp bước ra cổng, tôi bỗng nghe giọng con chim nào đó hót buồn bã trên cây. Tiếng chim quen thuộc gõ vào ký ức tôi, như nhờ tôi tưởng đến buổi mai nào đó hân hoan ríu rít bên người bạn tình ấm cúng. Tôi bước đến gốc cây nhìn lên: con chim mang chiếc-áo-lông màu vàng nhạt điểm cườm nâu đậu trên một cành thấp, mặt buồn xụ. Nó vẫn hót tiếp từng tiếng bồi hồi ảo não. Thôi bay đi chim ơi, tôi không muốn nghe nữa, hiểu tâm trạng mày rồi. Bay đi chứ, sao cứ đứng trên trời vậy? Tôi rung mạnh thân cây mà nó vẫn ngơ ngác đậu yên chỗ. Hình như nó đuối sức, sắp rớt xuống, đôi cánh không giương ra được nữa?

Trái những lần trước, hôm nay người thanh niên nhận bó hoa ngọc lan với vẻ mặt thờ ơ lạnh nhạt. Anh ta trầm ngâm hút thuốc, mắt trông vời về phía khác, không thèm biết có tôi bên cạnh. Tôi vùng vằng ra về, hận anh ghê lắm, quyết từ nay chẳng hoài công mang ngọc lan tới nữa.

Ba hôm sau, trong bữa cơm chiều, ông tôi cho biết cô Ngân ở luôn Sài Gòn với ông chú, không về lại đây. Ông không phản đối ý cô.

Buổi tối, trời lại đổ mưa ào ào. Mưa réo mưa gầm mưa điên cuồng gào thét. Gió thổi vùn vụt qua vườn cây mỗi lúc một hung tợn. Mưa gió mưa toan đè bẹp ngôi nhà côi cút hai ông cháu này. Ông tôi báo động từng chập: trời nổi bão rồi. Nét mặt ông nhuốm vẻ nghiêm trọng nặng nề.

Khoảng chín giờ đêm, bão tung hoành tận lực. Gió đập mái tôn nhà bếp rùng rùng. Cây cối trong vườn kêu rít lên oằn oại. Ngọn đèn dầu leo lét giữa nhà cứ chực tắt, căn nhà thì run lên từng cơn rãng rặc. Tôi bối rối chạy tới chạy lui chỉ sợ ngôi nhà sập xuống. Ông tôi không dần được lo sợ, cuống lên. Gió đã bức được những tấm tôn ném đi loảng xoảng. Gió hú quanh vườn ghê rợn như tiếng kêu báo tử. Gió chặt cây sần sật bên ngoài. Đồng thời, mưa xia xối bầm nát trời đất ra, mưa cuồng nộ điên dại, mưa tác oai tác quái, mưa như thác đổ. Ông tôi hết nín thở, cửa sổ lại vịn cột nhà, hoảng hốt, tuyệt vọng. Cuối cùng, sức tĩnh, ông chạy vào bàn thờ run tay đốt lửa thắp nhang và gióng lên một hồi chuông, cầu nguyện.

Sáng hôm sau trời vẫn mưa liên tu bất tận dù gió đã dịu bớt. Ông tôi hé cánh cửa nhìn ra ngoài và kêu lên một tiếng ai oán. Tôi giật mình chạy lại: cảnh tượng thê lương ngoài sức tưởng! Vườn cây bị tàn sát thê thảm. Măng cầu, xoài, lựu, vú sữa... hầu hết đều gãy đổ ngổn ngang. Cây mít ngã xuống đập nát hồn non bộ. Nhưng đau đớn hơn hết, cây ngọc lan bay gốc nằm lẫn kênh trên sân, cành lá bị tuốt sạch như có ai dùng rựa phát trụi vậy. Nước mắt tôi ứa ra, nghẹn ngào.

Đợt trận bão rút đi hắt trời bớt mưa, tôi chạy lại nhà người

thanh niên báo tin buồn cho anh. Buồn thật, cây ngọc lan vừa chết oan khiên tức tưởi. Cây hoa anh say mê lâu nay không còn nữa sau cái đêm gió bão oan nghiệt. Còn đâu mùi hương ngan ngát dịu dịu? Còn đâu những nụ hoa gởi gắm bao tình ý thơm tho? Còn đâu chỗ hẹn cho một đôi chim đưa nhau về ca hát ngày nắng ấm? Sao ông Trời nỡ đành nhẫn tâm tàn hại loài hoa yếu đuối dễ thương thế kia?

Cuối cùng, không ai trả lời cho những câu hỏi thăm thiết trong đầu tôi.

Kìa, ngôi nhà cửa đóng chặt, khóa ngoài. Người hàng xóm cho tôi biết:

- Ông ấy đi Sài Gòn trước hôm trời bão.

PHẠM NGỌC LƯ

(*Tuần báo Tuổi Ngọc số 60, ngày 28-9-1972*)

Phạm Ngọc Lư

Sân ga

tặng Cuồng Vũ

Phải người về Huế sáng mai ?
Hành trang chắc nặng một vài câu thơ
Tiếc chi quỳnh hẹn trăng chờ
Đêm trao chén rượu ai ngờ chia tay

Phải người về Huế sáng nay ?
Con tàu như nặng hơn ngày hôm qua
Người đi, rượu nhớ hoàng hoa
Tàu đi xin chậm kéo mà... thơ bay !

28 – 4 – 1995

Phạm Ngọc Lư

Mộng Thấy Minh Đã Chết

Tôi quay lại, sát với mặt Muội bóng tối mỏng như tấm vải voan mờ mờ, chìm khuất. Chưa nói mà môi đã run lên vô cớ, tôi nghe lòng mình đang tỉnh táo, quang tạnh, khô buốt lại. Chung quanh, cả vùng biển lớn ngưng đọng, chết sững, sóng hết vỗ, nước đứng im. Muội, âm vang của trí nhớ trồi trỗi. Muội, người bạn gái sát mặt, bóng tối cứ loảng ra tựa một làn sương mềm. Tôi mấp máy nói, những tiếng cụt, giọng đờ, lưỡi lú. Ba năm, góm thật. Mới đó đã ba năm dài; chim bay không tới, cánh rụng giữa trùng trùng thời gian xa hút. Can qua, máu lửa đã lớn dậy cùng ngăn cách trời vực. Muội, tiếng kêu hốt, chìm, nghẹn. Nàng quay đi, mặt áp vào một thân cây dừa khô, thờ dài thườn thượt – dài hơn cả ba năm đằng đẳng, ý chừng hơn thế – và nói: “*Em tưởng anh đã chết trong biển cả Mậu Thân ở Huế. Anh chết vỡ ngực, máu nhuộm đỏ cả chiếc sơ mi trắng nằm trước cổng nhà với cái tay nải còn rơi vương cạnh đó. Chính mắt em trông thấy rõ ràng vào buổi sáng ngày mùng 7 cùng lúc anh Bạt, chú Vu và con Thế chạy ngang. Mọi người chỉ kịp kêu trời ơi như vừa bị đạn găm vào đầu, ngơ ngác ngó nhau rồi hối nhau chạy tiếp. Ít hôm sau gặp bác gái ở nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế, bác ôm em khóc ngất: hấn về với ông bà rồi con ơi!*”. Tôi kêu to: “*Phải, anh chết thật rồi. Ba năm nay anh chỉ còn sống như cái bóng mờ trong sự tưởng tiếc của người thân. Cả lúc này, em nghe coi, anh đâu còn nói được tiếng nói của người sống nữa*”. Đêm rút xuống khỏi tỉnh mịch kỳ lạ ngay khi tôi dứt lời, ví chừng có con cá nào đó đang quẫy mình thò ra dưới đáy biển kia chắc tai có thể nghe rõ tiếng bọt nước sủi tăm. Muội đợi dưới gốc cây, hốt hoảng: “*Anh đừng làm em sợ. Thật tình em thấy xác anh tóc tai mặt mũi dính máu... Hay, có phải đôi mắt em lúc đó thất thần tá hỏa, quá nhiều xác người chết dọc đường hôm đó? ... Không đâu, ba năm qua, nỗi kinh hoàng mãi đeo đuổi trí óc, làm sao quên được cho dù em đã bỏ Huế ra đi, đi và không dám trở về, không dám nhớ tới ngôi nhà nát vụn, vườn cây chết khô, từng thân người chôn vùi ... Anh hiểu cho em, không phải em đã*

nuôi ác ý cho rằng anh đã chết...” Muội cứ nói, những âm động thăm, thấp, thều thào, dứt rời tự chính nó. Và đêm trên đầu cao vút hơn, bóng tối trống không lạnh lùng không chuyên chờ hết tiếng nói Muội vọng về nơi xa xôi của ba năm trước: Huế, tôi chẳng còn dính dáng chi đến nó nữa, nói như Chu ngày nào: *“Tao đã uống thuốc trừ căn cái gốc gác mầm ruốc của mình từ buổi ra đi lần đầu”* thì hơi quá đáng, nhưng quả thật tôi chẳng còn gì ngoài đó, dần dà tôi tự buông mất, tự trốn xa, khinh miệt nơi mình sinh ra, lớn lên, sống lảng mạn, phù phiếm rờm. Cả giọng nói tôi bây giờ cũng lơ lơ, thay đổi rất nhiều. Với Huế tôi đã chết. Muội không hiểu được lòng hồn oán, cay xót, mặc cảm... Huế dành cho tôi. Quả thật, tôi đã cầu mong cho cả thành phố ấy nổ tung lên. Ghê thay, tôi đã chết theo. Mẹ tôi, sau những ngày chạy loạn, đói, bệnh, thiếu cơm thiếu thuốc đã đau đớn lìa đời tại nhà một người bà con ở vùng quê. Bà chưa kịp về nằm giữa căn nhà đồ nát thờ hơi thờ cuối cùng như lời mong mỗi trăng trời lúc lâm chung, chưa kịp biết xác tôi có được ai chôn lấp đằng hoàng chưa hay đã bị heo chó rĩa rới mất rồi... Tôi bật lửa châm thuốc, ánh mắt Muội hiện ra trong khoảng ánh sáng yếu ớt, đôi mắt của một thời, đen ướt, lay láy, sâu thăm thẳm đang ngược nhìn tôi này giờ (dù tôi đã đồng hóa với bóng tối) và biết rành rẽ tôi đang nghĩ gì, trong im lặng cùng cực, ý nghĩ khôn đồn – nhưng chắc chắn nàng không thể hiểu, nhất định không, chắc gì, tôi mỉm cười rất kín đáo, dưới làn khói quanh miệng che giấu. *“Em đã thấp cho anh ba nén nhang?”*. Muội không nói, lững thững bước ra bãi cát, ngồi phịch xuống. Tôi bước theo, chân nặng, đầu óc rong khô. Biển chợt thức dậy tiếng sóng rì rào, bãi hoài, ngái ngủ. Có phải cả cái khối đen thẳm trước mặt kia là biển? Muội gục đầu xuống gối tấm tức khóc nhỏ, ừ, thì khóc cho tôi đã chết, oan hồn lang thang đêm nay hiện về đây. Tôi nói vu vơ: *“Hắn mùa này Huế sắp mưa. Cỏ hoang trên các ngôi mộ sẽ xanh lại. Khi chết tức tưởi, anh đâu có được nằm mồ thơm mát...”*. Tiếng khóc bật lớn, cao sắc, chói, giòn giã. Muội, tôi xích gần lại lay khẽ vai nàng gọi hột hắt. Muội, Muội, Muội... Tôi nghe giọng tôi lạ hoắc, xô dồn, nặng trĩu như những viên đá ném lồm bồm xuống mặt biển im lìm, cổ lay động dậy cơn bão táp cuồng nộ. Muội vụt nói: *“Em phải tin thế nào đây? Anh còn sống hay đã chết thật rồi? Cả người*

thanh niên ấy... khu rừng già biên giới và trận đánh đẫm máu, chàng mất tích. Chết không tìm thấy xác và người ta đành báo cáo mất tích. Có kẻ nói quan tài chàng là cái vỏ đạn súng cối, thít xương lượm lặt nhét không đầy... Bấy, chàng đã chết đúng nghĩa với cái chết nhất, tan hủy vào không khí, đất trời, nhập về cát bụi hư vô lỏng lẻo. Kỳ quặc, khi sống chàng thường ao ước thế. Anh có tin người thanh niên ấy là chồng em?". Muội lặp lại hai tiếng cuối rồi vụt đứng dậy, vụt chạy, dừng lại ngó quanh rồi tiếp tục chạy. Phản ứng tôi đến thật chậm. Tôi mãi vỗ nắm cát giữa hai bàn tay, rừng mình, muốn tan biến.

Tôi còn sống hay đã chết thật rồi? Cảm giác mập mờ bất định, ngỡ ngàng như những lúc soi kỹ mặt trong gương: có chắc gì cái hình bóng kia là vóc dáng thật, đúng, in hệt của mình? Người ta vẫn không ngớt cái dạng, giả trang đánh lừa đời sống phải cuu mạng để được sống ra ngoài những quy định ước lệ của con mắt thiên hạ. Tôi không thể, không hề, không nuôi nổi óc tưởng tượng bệnh hoạn. Ngày ngày tôi vẫn cố bám riết níu theo dòng đời phẳng phẳng cuốn siết (mà vẫn bị hất tung, mất vụt). Để nhớ lại mình, biết mình có thật. Để tìm gặp Muội, Muội như tấm gương sáng, rõ, đúng, không thể lường gạt, phỉnh phờ những điều tôi muốn soi tìm, ngắm nghía. Ba năm, thời gian đã trắng thủy nhiều lớp mới, đã lỏng bóng lữ lướt ảnh tượng xuống cái đáy ngưng đọng, bất biến. Nhưng đêm nay, giữa tình cờ gặp gỡ, trong bối rối chưa gạn lọc hết xúc động, Muội quá trong suốt, rỗng, phẳng và như thể nàng đã tự đập vỡ tấm gương, xé vụn hết thấy mọi hình ảnh mang nặng chồng chất, chịu đựng âm ỉ trong cõi trí nhớ tội đồ. Đường như nàng chực đợi được gặp tôi và vỡ òa. “*Anh Bạt chết một hôm trước ngày Huế được giải tỏa, người ta bắn lầm. Năm tháng sau, chị Vu sinh đứa con đầu lòng, phải mổ và tắt thở trên giường đẻ... Nhưng, bây giờ em tin cả anh Bạt và chị Vu và bao nhiêu người thân khác vẫn còn sống ở đâu đó. Như anh vậy. Không hẳn cái chết chỉ đến một lần! Anh, anh nói cho em biết, đời người chỉ một lần chết thôi sao?*”. Muội nắm bàn tay tôi, sờ lên quần áo tóc tai, tôi đứng im như pho tượng quên thở, mất tiếng nói, tôi đang giả đồ chết hay chết thật rồi cũng nên. Bạt ở kia, đáng cười cười nói nói, liền thoáng cháu lấy như đứa trẻ: “*Mi để tau rước nàng về trước nghe? Sợ động*

viên không kịp cười thì phiền lắm. Để chi đi lính rồi mình còn đủ lạc quan mà tính chuyện lấy vợ. Đó là chưa dám nói cái chết gồm sẵn từng phút giây bên mình... Để tết ra, vợ chồng tau lo cho mi với con Muội cái đám cưới thật ngon, chịu chưa?”. Bạt ở cùng xóm, cùng học chung năm cuối trung học với tôi, tính xuề xòa vui miệng, khuôn mặt hồng hào, trán rộng, tai lớn, một người như vậy không thể nào chết yếu. Vài lần, tôi đã sinh sự suýt đánh lộn với hắn về cái tội ám ố cứ đem những thói xấu la cà, lêu lổng của tôi ở những chốn ăn chơi ra mách cho em gái nghe, hầu lung lạc sự nhẹ dạ nơi một thiếu nữ mới lớn. Trước Muội, trước Huế, tôi đã sắm vai kịch mẫu mực lý tưởng của một thanh niên hiếu học, hiền lành, biết lo nghĩ tương lai. Vai kịch khôi hài của một tên dân đã học làm công tử hoàng phái. Để chờ tết ra, Muội, đám cưới có cau lông rượu ché lọng tàn phô trương. Tôi đã van vãn, khóc lóc bên mẹ từng buổi, hờn lầy bỏ đi lang thang cả tuần để mong mẹ chấp nhận nàng về sống dưới mái nhà đơn chiếc kia, để cho mẹ không còn nhìn ra nỗi lo âu kinh sợ vì cái nốt ruồi “trích lệ khấp phu” trên khuôn mặt nàng. Trí nhớ tôi đứt rời vụn vặt như những mảnh gương vỡ chẳng thể nào chấp vá lại. Và cả thành phố đổ tựa một cái khung mờ thu hẹp giữa ký ức từ lâu, vàng son sơn thiếp của tuổi nhỏ ngọc ngà đã cháy rụi. Tiếng Muội không ngớt run rẩy, lướt trên hơi thở dồn, cọ xước ngang mép thủy tinh sứt rướm, miệng nàng giống một vết thương lở. Tôi chết, đã ba năm, hình hài chưa tiêu hủy, thật bí hiểm. Chính chồng em mới đạt được hạnh phúc tuyệt đỉnh của cái chết tàn bạo. “Làm sao anh biết được chàng? Mới năm ngoài, mới tháng trước, mới hôm qua hôm kia đây thôi... chàng chưa thể chết phũ phàng vậy được, ừ, có lẽ chàng chỉ mất tích đâu đó, giấu mặt, ẩn thân, không muốn trở về tiếp tục trò chơi giết người nữa... Chàng vẫn thường hôn lên cái nốt ruồi xấu xí này say đắm, kêu thốt: anh muốn cắn vỡ nó ra. Những giây phút ngắn ngủi đó, em biết mơ hồ rằng chàng thêm sống khủng khiếp...”. Tôi nhắm mắt lại, bóng tối như sáng ra, vỡ thành bọt, đủ màu. “Em đã nhận lời lấy chàng thật gấp rút, không suy tính. Hồi đó, em chỉ cần một nơi nương tựa yên ổn, bận bịu với những bốn phận ràng buộc đủ để trấn an nỗi kinh hoàng đeo đuổi dây dưa trong trí tưởng. Chàng không phải người Huế, không được chứng kiến cảnh khói lửa

ghê rợn của cái tết tang tóc chưa hề ra ngoài ấy lần nào và bằng lòng cưới em như để được sống gần lại những đồ vỡ tan hoang của lịch sử, bạo lực, hận thù. Nhưng em đã không kể cho chàng nghe một mảy may nào về những ngày dài chết chóc đói khát điêu linh, em cố quên, cố phủ rầy, cố phủi sạch từng dấu vết bị thương ra khỏi khoảng đời sống sót. Anh thấy đó, giọng em đã đổi khác, đâu còn nói được những tiếng răng, ri, mô, rứa nữa... Nhiều lần, chàng thăm dò tra hỏi dĩ vãng em, xem thử một nữ sinh Huế có sống lãng mạn kiêu sa như lời thiên hạ đồn đãi. Cuối cùng ức quá, em phải thú thật: em đã áp ủ một mối tình thật đẹp trong suốt những năm đi học, sắp thành tựu thì biến cố đột ngột xảy đến, người ấy đã chết, em không được chịu tang... Sau đó, hình như chàng sống mất bình thường, luôn luôn tỏ ra cái mặc cảm có tội chiếm đoạt với vong hồn người đã khuất là anh, hồ nghi lòng yêu thương nơi em. Và rồi, chàng đổi lên cao nguyên dự trận đánh đẫm máu sát biên giới...”

Tôi đã chết ?

Con đồ đưa linh hồn thả về bên kia bờ quá khứ chấy bùng lên, chìm xuống mặt biển sóng gió trùng trùng nô giỡn nhẩn tâm giữa nỗi quên lãng mông mênh ngút ngàn thiên địa tận. Đêm nay, trí nhớ chết đuối, cõi sống rã rời như những mảnh ván còn lại trong một vụ đắm tàu còn nổi lêu bêu dập dềnh. Nhưng tôi là con chim đen bay hoài trên mặt nước động không tìm ra khúc gỗ trôi nổi nào sà xuống trú chân.

“Anh đã chết vào sáng sớm ngày mùng 7 Tết dưới gốc cây nêu trước ngõ. Em còn về ngoài đó, nhớ hôm giỗ anh ghé lại thắp giùm một nén nhang và hạ luôn cây nêu xuống.”

Tôi nhớ đã ôm hôn Muội, hôn thật lâu trên cái nốt ruồi tai quái dưới khóe mắt.

Ba năm trước.

Đêm ngủ mê muội và mộng thấy mình đã chết. Thức dậy, bàng hoàng không biết đang nằm ở đâu?

PHẠM NGỌC LƯ

(Ý Thức số 7 ngày 15 tháng 1 năm 1971)

Một chuyện tình phải quên đi!

Xuyên cố giữ giọng bình thản:

- Em đã hỏng thi!
- Chuyện thường.
- Em biết, anh cũng muốn em thi rớt mà.

Nhạc chuyển sang một điệu suối mướt, người nữ ca sĩ cất giọng hát khàn khàn nghèn nghẹn như thể đang nằm hát trên giường bệnh. Tôi nhìn thẳng vào đôi mắt Xuyên đang rầu rầu chực khóc, cười vuốt:

- Hãy coi chuyện hỏng thi như một cuộc thất tình cón con. Rồi em sẽ quên mau, rất mau.

- Thất tình? Em nghĩ thất tình có đau cũng chỉ bằng con kiến cắn, mà em thì túi hồ xốt xa ê chề như thể mình vừa đại đột làm một điều gì đó làm lỡ cả cuộc đời. Ba em không la mắng chửi rửa nhưng vẫn giữ vẻ mặt lầm lì nặng nề tựa đá tảng trông nhứt nhối không chịu thấu. Ông thất vọng vì em ghê lắm. Em đã làm hỏng mất cái “đồ án” mà ông thiết tha xây dựng cho đời em.

- Một “đồ án” cao chọc trời!

Tôi cảm thấy tội nghiệp cho người đàn ông có thân hình nhỏ thó và những ngón tay luôn thấm ướt nước bọt để đếm tiền ấy. Hẳn Xuyên đã khờ khạo làm méo mó cái tham vọng mập ú trong đầu ông?

- Anh cứ mĩa mai nữa đi.

Tôi nhìn quanh, khó chịu trước các cặp mắt rình rập đang thỉnh thoảng ngó qua phía mình, soi mói, theo dõi. Ở một nơi kín đáo yên ƠN hơn chắc Xuyên đã khóc. Tôi thêm được nhìn thấy Xuyên khóc, có chút nước mắt trông nàng sẽ mềm mại dễ thương hơn.

- Em nên quên đi, chưa muộn màng gì cả.

Xuyên vẫn cay đắng:

- Thấy em rớt chắc anh khoái trong bụng lắm mà không nói ra.

Tôi bùng ly nước chưa vơi một giọt của Xuyên đặt vào

môi nàng:

- Thôi uống hớp nước ngọt cho vơi bớt giận. Đừng nghĩ oan cho anh.

Xuyên hững hờ đặt ly nước xuống bàn, cười nghen:

- Cho em một cái gì đó chua hơn chanh mặn hơn muối thấm thía lòng mình hơn

- Cái gì đó chắc là cuộc đời anh.

Trong góc quán, bất giác bọn thiếu nữ choai choai cười ồ lên khoái trá. Tôi ngo ngắc sờ mặt mình.

- Hình như con nhỏ mặc áo vàng kia ở cạnh nhà em?

- Cái loa phóng thanh của Ty Thông tin đó.

- Thôi mình về. Tình hình có vẻ bất an rồi.

Xuyên đứng phất dậy.

- Sáng nay em định lên chùa Kim Sơn xin quẻ xăm.

- Vậy thì anh đưa em đi.

Vừa ra khỏi quán, Xuyên vội quay mặt lại ẩn mình sau một lùm cây, lát sau nàng bước tới, cười ngượng :

- *CIA* kia !

Tôi nhận ra bóng đứa em nàng vừa khuất bên kia đường. Xuyên ngần ngại:

- Đề em đi một mình tiện hơn.

- Anh cũng muốn lên đó xin Phật quẻ xăm coi chừng nào trúng số!

- Anh muốn trúng bao nhiêu?

- Em hỏi một câu thật khờ.

Nắng soi rõ những đường vân trên tà áo lụa Xuyên mặc, hai bàn tay nàng cứ xoắn lấy nhau phân vân.

- Anh nhìn kia, thiên hạ đang ngó mình chằm chặp, ghê quá!

- Những con mắt thôi tha lác chột, thôi mình đi.

- Anh đi trước đi, phải tự nhiên như đi một mình, đừng ngó lui, đừng dừng lại, qua ngã bờ sông, tránh dãy phố chính.

- Anh nhớ.

Tôi đốt điếu thuốc, băng qua đường. Xuyên chậm rãi theo sau, khoảng cách giữa hai đứa chừng một trăm mét. Chân bước lững thững, lòng tôi không ngót lẫu bầu nguyên rửa cái thành phố hẹp hòi độc ác này. Giá chi tôi có phép thần thông để đâm mù mắt chặt cụt lưỡi những kẻ xấu bụng thói mồm đang rình ngó chung quanh; giá chi chúng tôi được sống ở một

thành phố khác nhân từ độ lượng hơn, để Xuyên khỏi phải khổ sở ngụy trang làm người xa kẻ lạ ngay trước mặt tôi; giá chỉ gia đình Xuyên nghèo bớt đi một chút để tôi ít xót xa cho mình mà thương mến cuộc đời hơn; giá chỉ... và giá chỉ... Ôi những cái “giá chỉ” nghen ngào vô phương cứu vãn, chợt nghĩ tới chân tôi bỗng khựng lại như thể trước mặt mình là hố thăm vô vọng đang há rộng mồm. Tôi đợi Xuyên tiến lên nhưng nàng mãi đứng trơ trơ phía sau, ngập ngừng, lúng túng. Quên cả đề phòng, tôi chạy đến bên Xuyên, bật cười trước vẻ bối rối của nàng.

- Cứ đi chung bên nhau, em sợ gì chứ. Kệ chó thiên hạ, chém cha dư luận!

Xuyên thối lui, dáng cương quyết :

- Anh liều lĩnh quá, hồng cả. Em về đây.

- Thôi thôi, mình tiếp tục trò chơi vậy.

Tôi lăm lăm bước đi, mắt ngó sầm xuống đất. Đằng sau, Xuyên nói rộng thêm khoảng cách, bỏ qua phía bên kia đường và đi rất chậm đề phòng tôi nóng nảy phá luật. Để trả thù Xuyên, tôi hối hả bước thật mau, tôi nghĩ Xuyên cũng phải bốn ba bước nhanh để giữ đều khoảng cách. Được một đôi, tôi lén nhìn lui và thất vọng thấy Xuyên mất hút đằng xa, bước chân nàng vẫn thông thả từ tốn như kẻ nhàn du bách bộ. Xuống tới quãng bờ sông thừa thớt nhà cửa, tôi mừng đã lọt vào khu vực tương đối an toàn và bước chậm lại chờ Xuyên nhưng Xuyên cũng kịp thời chậm bước chờ tôi đi thẳng. Nàng vẫn khư khư giữ khoảng cách cố hữu. Bực mình, tôi giả vờ vướng chân và ngã nhào xuống bờ đường. Ngực đập vào một viên đá đau buốt, trước mặt là một bãi phân chó dị hợm nhưng tôi ngoan ngoãn chịu đựng nằm yên, sung sướng nghe tiếng Xuyên kêu lên hốt hoảng phía sau. Đúng như điều tôi đoán trước, Xuyên hốt hải chạy tới, miệng rớt rít:

- Anh sao vậy ? Có bị gì không ?

Xuyên cúi xuống bên tôi và tôi im lặng khép mắt tưởng mình không còn đứng dậy nổi nữa.

Chùa nằm khuất sau những tàn cây bên sườn núi, dựa lưng vào những gộp đá chồng lên nhau như một vòm cung. Phía trái, một ngách đá dựng đứng nhô ra đằng trước như một cánh

chim ó khổng lồ. Đang mùa hoa dại nở rộ khắp các bờ bụi, những cành xoài, lựu, đào lộn hột lủng lẳng đầy trái quanh sân. Vách chùa mới quét vôi màu vàng bệch khiến mái ngói rêu mốc trông lạc lõng, già nua, trầm mặc. Một chú tiểu từ sau lưng chùa bước ra nhìn chúng tôi, ánh mắt chẳng chút thân thiện.

Tôi đứng dựa cổng tam quan hút thuốc để mặc Xuyên trở mắt đọc những cái tên lớn nhỏ dài ngắn viết dày trên ngạch đá, nào Sơn + Loan, nào Hùng + Dũng + Nga Phương, Lan Châu... hết thấy đều hay đẹp, tôi cố tìm vài cái tên xấu hơn một tí nhưng không thấy. Xuyên chỉ cho tôi “chiêm ngưỡng” cái tên nằm chót vót trên mũi đá dựng, nét chữ thẳng thớm khỏe mạnh toát ra sự kiêu hãnh ngạo nghễ như coi những Sơn Loan Hùng Dũng ... thấp lè tè dưới chân nó là đồ bỏ. Anh chàng này hẳn có máu hiệu thắng của một nhà chinh phục vĩ đại, tôi nghĩ đến những khó nhọc nguy hiểm mà anh ta phải trải qua khi dám trèo lên một vách đá cheo leo như thế chỉ để viết cái tên lẫm xẹt của mình.

Xuyên đùa :

- Chưa có tên anh trên tấm bia đá công cộng này.

Nàng cười hích hích, tôi có cảm tưởng tiếng cười ấy phát ra từ chiếc răng khểnh của nàng.

- Anh vào xin xăm không ?

- Em vào trước đi. Định khẩn nguyện điều gì nhi?

- Bí mật!

Xuyên rón rén bước vào hiên chùa, thấp thò trước cửa như kẻ gian phi định vào trộm xôi oản. Nàng nhìn ra phía tôi, gật đầu cười, chẳng rõ cười gì, trông nét mặt không một chút trang nghiêm thành kính.

Chờ chập lâu, chẳng nghe tiếng chuông mõ động tịnh, tôi đi lại mái hiên. Xuyên đã trở ra, mái tóc thoảng mùi ẩm mốc.

- Anh vào xin quẻ đi.

- Không!

- Anh không muốn xin Phật gia hộ cho anh được trúng số?

- Không, Phật không thương anh đâu!

- Phật thương xót tất cả chúng sinh mà.

- Nhưng Ngài quên mất anh. Em được quẻ xăm thế nào?

- Bí mật!

Xuyên cười úp mồm. Bỗng dung tôi muốn ôm gọn bờ vai

nàng, hôn lên đôi môi ấy, cắn nát nụ cười kia. Cảm thấy nhột nhột sau lưng, tôi quay lại và bắt gặp đôi mắt soi mói của chú tiểu hồi nãy. Tôi đẩy Xuyên bước ra ngoài.

- Không bao giờ mình yên ổn được.

- Anh ương ngạnh quá, thôi mình về.

Xuống hết những bậc cấp lát đá, Xuyên tần ngần ngó lui như muốn quay lên chùa trở lại.

- Hồi nãy em chưa xin quẻ.

- Ủa?

- Đứng trước bàn Phật tự dung em run lên, tim đập thình thịch cứ sợ Phật sẽ cho em một quẻ xấu quá xấu. Anh biết em định van vái khẩn xin chuyện gì không?

Tôi đáp cộc lốc không nghĩ ngợi: - Không!

- Không biết? Anh thật khờ.

- Nhưng tại sao phải van vái khẩn xin?

- Anh tàn ác lắm. Được rồi...

Chúng tôi trở ra con đường cũ, im lặng đi bên nhau, không đứa nào chịu lên tiếng. Tới chỗ tôi té ngã hồi nãy, Xuyên đứng lại, nhìn tôi ngại ngần. Tôi hiểu: bắt đầu khu vực phải nguy trang để tránh con mắt thiên hạ.

- Mãi mãi không bao giờ mình yên ổn được.

- Anh về trước đi, coi chừng lại vấp ngã.

Hơn nửa tháng trời tôi không còn gặp Xuyên lại.

Thường thì tôi tránh đi ngang qua nhà nàng để phòng sự dòm ngó ngờ vực của bọn CIA, nhưng nay tôi không thể chịu đựng nổi sự hành hạ của nhớ nhung thêm nữa; nhớ nhung, ồ, ghê quá, khủng khiếp quá, chẳng thua gì bệnh tật đói khát. Mỗi lần đi ngang qua nhà Xuyên, không thấy nàng, tôi muốn điên lên với ông già nàng thường trực ngồi thù lù sau quầy đêm tiền, trông dữ dằn như ông thần gác cửa. Tôi lâu bầu chủ đồng, giá chi tôi có phép thần thông trong tay như điều mình hằng mơ ước, chắc chắn ông ta sẽ là nạn nhân thứ nhất.

Mấy hôm liền tôi loay hoay cầm bút lại, đem ông ta vào làm một nhân vật truyện, nắn cho ông một khuôn mặt dị hợm, một lối sống kịch cỡm và dự định bắt ông chết thê thảm trên đồng tiền, trong cơn hối hận dày vò. Đang lúc tôi hăm hở định dùng chữ nghĩa chuẩn bị giết ông ta trả thù thì Xuyên đột ngột

hiện đến. Như thể chiêm bao! Như thể linh tính nàng rất bén nhạy, vâng, nàng đã kịp thời đến để cứu thoát cha mình ra khỏi ngòi bút vừa tẩm thuốc độc trong tay tôi.

Trong khi tôi ném bút lẳng xẵng thu dọn những đồ té nhuyển bừa bãi trên bàn ghế, Xuyên kín đáo nhìn quanh quất như e sợ có những đôi mắt rình mò nào đó.

- Anh thấy em mạo hiểm ghê không?

- Quả thật anh không ngờ em tìm đến đây. Chỗ ở luộm thuộm quá phải không?

Tôi xếp mấy trang giấy đút vào ngăn kéo.

- Em bắt anh điên đảo, tí nữa đã làm một hành động rồ dại.

- Té nhào xuống đất tự vẫn?

- Ừ, một cái chết chẳng nhẹ nhàng!

Xuyên lấy vài tờ báo lật nhanh cho đỡ trống tay.

- Hôm trước em có đọc bài anh trên tạp chí X. Vẫn khô khan và buồn thảm. Sao anh không thử viết một cái gì đó tươi sáng và nhẹ nhõm hơn?

Vô tình Xuyên gãi đúng chỗ ngứa của tôi.

- Có chứ, một chuyện tình đang thai nghén. Có em trong đó, cả anh nữa.

- Anh định vạch lưng mình cho người khác xem sao?

- Đúng, viết văn là vạch lưng mình cho thiên hạ xem, đau xót lắm nhưng em phải hiểu, đó là khổ nghiệp !

- Anh định viết gì về em trong đó?

- Một chuyện tình, như bao chuyện tình khác trên thế gian này, có nhớ nhung chờ đợi, có tình tự hẹn hò, có khó khăn trở ngại... nghĩa là rất bình thường!

Xuyên cảnh giác :

- Anh nhớ, đừng lấy khung cảnh thành phố này.

- Dĩ nhiên. Đà Lạt được không?

Xuyên bĩu môi, lắc đầu.

- Nhàm lắm! Đà Lạt đang là đề tài thời thượng của loại văn chương làm dáng. Anh lên Đà Lạt lần nào chưa ?

Tôi cười ngượng ngịu: - Chưa !

- Vậy biết gì mà đòi viết về thành phố đó?

- Thì cứ tưởng tượng đại nào bờ hồ, đôi thông, sương mù... như thiên hạ vẫn viết.

Xuyên lại bĩu môi, cười. Tôi đốt một điếu thuốc khác.

- Thôi nói chuyện khác đi. Văn chương chỉ sự nản lắm.

Xuyên gật đầu. Hai đứa dắt nhau lòng vòng quanh những chuyện nắng mưa dưa lúa một chặp rồi vô tình gặp lại đề tài cũ.

- Anh nên bỏ ý định viết cái truyện ấy đi. Cùng lắm chỉ mua vui thiên hạ năm mười phút.

- Không vui đâu. Thiên hạ sẽ hối hận đã cư xử xấu với mình.

Một lát, Xuyên liếc nhìn đồng hồ tay :

- Thôi em về. Ông già bệnh hai hôm nay.

Tôi giật mình, trố mắt kinh ngạc, biết đâu ông ta ngã bệnh chính vì những lời nguyên rủa và ngòi bút độc ác của tôi? Tôi bối rối lấy mấy trang giấy đã viết về ông, châm lửa đốt. Xuyên mỉm cười :

- Lại phi tang thư tình ?

- Ủ, thư tình! Em cứ ở lại chơi. Chắc giờ này ba em đã khỏi bệnh rồi.

- Ông buồn khổ vì em thi hỏng mà sinh bệnh.

- Anh không tin như vậy.

Xuyên bước ra cửa, thận trọng ngoái trái ngoái phải.

- Anh cứ ngồi yên. Để em về một mình.

Ngày hôm sau Xuyên lại đến, như thể từ niềm mơ ước mãnh liệt trong đầu tôi bước ra. Một hồi lâu Xuyên cứ liếm môi áp úng, nằng định nói một điều gì đó nhưng còn lưỡng lự. Tôi hỏi dồn:

- Em nghĩ gì vậy?

Giọng Xuyên bật ra nghẹn ngào:

- Em phải đi Sài Gòn học lại.

- Em nói đùa?

- Thật. Ít hôm nữa em đi.

- Sao kỳ cục vậy?

- Ông già vẽ lại một “đồ án” khác rồi.

Tôi không còn giữ bình tĩnh được nữa, chỉ muốn ngã nhào xuống nền nhà.

- Em không phản đối?

- Em đã làm buồn lòng ba em quá nhiều rồi.

Tôi ném điều thuốc xuống chân, giận dữ :

- Rõ ràng em cũng muốn xa anh... Được rồi, anh sẽ bắt em điêu đứng truân chuyên trong cái truyện sắp viết.

Bàn tay Xuyên mềm mại vuốt nhẹ lên ngực tôi, nơi mà viên đá đập vào rỉ máu hôm tôi giả vờ té ngã.

- Anh tiểu nhân quá!

Xuyên bật cười lớn Tôi muốn hét to lên nhưng nghẹn miệng, thở dồn.

- Ủ, anh là đứa tiểu nhân tồi tệ. Thú thật, trước đây anh đã âm thầm đêm ngày cầu nguyện Trời Phật bắt em thi rớt để ở lại đây. Anh không thể xa em. Khi yêu, ai mà chẳng ích kỷ. Bởi nếu em đỗ đạt, tất nhiên ông già sẽ đưa vào Sài Gòn học đại học theo cái “đồ án” tương lai đã được ông vẽ kiêu. Lờn van vái khẩn xin ấy không ngờ lại được Trời Phật chứng giám và anh được toại nguyện. Em rớt thật! Anh thầm biết ơn các Đấng Cao Cả. Nhưng sao bây giờ em lại bỏ đi? Quà là Trời Phật hại ngược anh. Xuyên, em khinh tởm anh không?

Xuyên cắn môi để khỏi khóc nấc lên.

- Không, em thi rớt vì học kém, vì số mạng. Anh đâu có tin Trời Phật mà van vái cầu khẩn.

- Em đừng bào chữa cho sự hèn hạ của anh. Hãy nói thật đi, nói đi: anh là thằng...

Xuyên bùm miệng tôi lại rồi quày quả chạy ra sân, khuất bóng trước ngõ. Một chập, tôi cố định thần lại, ngơ ngác nhìn quanh: có phải tôi vừa trải qua một tình huống bi đát quá bất ngờ thường chỉ xảy ra trong tiểu thuyết? Không một chút sửa soạn, tôi ngã nhào xuống giường như một thân cây vừa bị đốn ngã.

Trước ngày Xuyên đi Sài Gòn tôi xoay xở đủ cách mà vẫn không thể nào gặp nàng lần cuối. Suốt ngày, nàng bị ông bố canh phòng chặt chẽ không cho bước chân ra khỏi nhà, như thể con gái ông là một nhân vật chính trị cỡ lớn.

Hôm Xuyên lên máy bay, đích thân ông hộ tống ra tận phi trường, kè kè sát bên con không rời nửa bước, nét mặt lạnh lùng nghiêm nghị. Mang theo cái xác tay, tôi dễ ngụy trang làm một hành khách nhưng rốt cuộc không cách gì mon men lại gần Xuyên được. Ông bố nàng án ngữ bốn mặt như một vòng đai băng thép. Nhìn cái xác trên tay tôi, ánh mắt Xuyên

chợt sáng lên chút mừng rỡ lẫn ngạc nhiên nhưng tôi lắc đầu buồn bã. Đứng xa xa, tôi lặng lẽ nhìn Xuyên. Xuyên thì cố giữ sự bình thản đến lạnh lùng để tránh cặp mắt đa nghi của ông bố. Có lẽ không còn cảnh “vô duyên đối diện bất tương phùng” nào chua xót hơn cảnh mà hai đứa tôi đang diễn xuất, dưới sự đạo diễn thâm lặng của ông già hắc ám kia.

Khi máy bay đến, tôi không còn giữ bình tĩnh được nữa. Xuyên quay lui liếc nhìn tôi rung rung như thay một lời từ biệt, lòng tôi thất lại, bồn chồn. Tự dừng cái nhìn ấy có hấp lực cực mạnh cuốn phăng tôi về phía trước. Chốc lát, tôi đã đứng cạnh Xuyên nhưng vẫn tảng lờ ngó chiếc phi cơ đang bốc hàng. Xuyên trông về một hướng khác trong khi ông già nàng không ngừng ngó quanh bốn phía. Chợt tôi quay lại làm bộ nôn nóng :

- Chắc đến Sài Gòn trễ mất. Thưa cô mấy giờ rồi?

Xuyên bối rối đến lóng cống cả hai tay, không nhớ đeo đồng hồ ở cổ tay trái hay phải. Lạnh lẽ, ông già nàng sấn tới trước, trả lời cộc lốc:

- Ba rưỡi !

- Cảm ơn !

Ông ta phóng một cái nhìn dò xét khắp mặt mũi áo quần tôi, dừng lại lâu hơn ở cái xắc tay cũ mềm như thể nghi ngờ tôi là một tên không tặc? Xuyên bối rối núp sau lưng ông, che giấu sự hốt hoảng. Tôi tự hỏi không biết kiếp trước giữa ông ta và tôi còn nợ nần nhau mỗi thù oán nào chưa trả kịp chăng?

Buổi chiều sau khi Xuyên lên máy bay rồi, tôi ném cái xắc tay vào nhà vệ sinh phi trường theo xe ca về lại phố. Thành phố hiu hắt như một góa phụ. Mấy năm ở đây tôi vẫn là kẻ lữ làng!

Về tới nhà, tôi cau mày đọc mảnh giấy dán trên cánh cửa đóng: *“Xin lỗi quý vị đến chơi mà tôi lại đi vắng. Hẹn dịp khác.”* và cứ ngẩn ngơ tưởng mình đang đứng trước một căn nhà lạ. Tôi không nhớ rõ mình đã lịch sự yết cái tờ *kính cáo* này từ bao giờ nhưng lúc này hình như nó đang treo cột và xua đuổi tôi. Tần ngần một lát, tôi xé toạc mảnh giấy dị hợm rồi bỏ đi.

Ngồi ở cái quán đã có lần tôi hẹn Xuyên đến, nghe lại bản nhạc suốt mướt của người ca sĩ đau cổ hát khàn khàn, tôi nhớ lại giọng Xuyên buồn bã hôm nào, “thất tình? em nghĩ thất

tình có đau cũng chỉ bằng con kiến cắn...” mà lòng tôi lúc này lại sưng vù tê buốt như có hàng triệu con ong con kiến đang phủ phàng đua nhau châm đốt.

Chạng vạng tối tôi mới trở về nhà sau khi hành hạ đôi chân làm cái thước đo các con đường dài ngắn. Khó khăn lắm tôi mới mở được cửa. Sự tắm tối lặng lẽ của căn nhà bỗng làm tôi nổi giận, vậy mà nhà máy điện còn đưa cột giáng một cái tát vào mặt: cúp mẹ điện tự hồi nào! Tôi đâm vào cái công-tắc ừ li như chính nó là thủ phạm. Tôi đá cái ghế vướng chân: *rầm!*, ném cái hộp quẹt hết đá lửa: *keng! Bịch bịch*, mấy cuốn sách vô tội bị đập đầu xuống bàn. Với tôi lúc này, ghế đầu, hộp quẹt... đều mang hình thù mặt mũi của ông bố Xuyên!

Nằm dài xuống giường, tôi thở hồng hộc. Nhè nhẹ, cái giường dịu dàng vỗ về lưng tôi, vuốt ve đầu tôi như một người vợ hiền, như thì thầm bên tai tôi rằng, “việc đâu còn có đó anh ơi, giận cá chém thớt mà chi !” Chao ơi, nàng cứ rót vào tai tôi những lời khuyên lơn dỗ dành ngọt ngào như muốn tôi phải ăn năn hối hận. Một lát, hòa theo sự bình ực của nàng, ghế đầu, hộp quẹt, mấy quyển sách... thi nhau kể lể chuyện đời chúng, nhảm lên án tôi, một chủ nhân kém nhả nhận và thiếu lòng bác ái. Tội nặng nhất của tôi là thường xuyên bỏ bê chúng cho bụi bặm xóa mờ nhan sắc. Tôi lên tiếng biện bạch rằng, “các người phải hiểu hoàn cảnh chần đờn gổ chiếc của ta, làm sao ta có thể lo lắng chăm sóc các người phủ phê được” và rằng “các người sinh ra đời để phục dịch bọn ta, đừng đòi hỏi quá nhiều quyền lợi. Hãy nhớ, ta đang nắm quyền sinh sát các người”. Tức thì, bọn chúng đồng thanh kêu lên công phần, “loài người tồi tệ, đả đảo, đả đảo !”. Tôi giật mình mở bừng mắt, căn nhà sáng choang ánh đèn và tôi vừa chợp mắt ngủ được một giấc ngắn trong rã rời, mệt mỏi.

Lá thư thứ nhất của Xuyên gửi về quá muộn khi bao buồn bực trong lòng tôi đang dần dần đóng văng. Trong thư, nàng kể lại với giọng chế giễu rằng mình đang được mùa nước mắt, mỗi ngày phải khóc đôi chút cho dễ chịu, ban đêm thì khóc nhiều hơn mới bớt nhức đầu và dễ ngủ. Dĩ nhiên nàng đã khóc thoải mái khi ngồi viết cho tôi. Nước mắt đang thời kỳ lạm phát sao? Hay Xuyên muốn góp phần vào việc chứng minh hoặc

làm thí dụ cho lời Đức Phật than thở, “nước mắt của chúng sinh nhiều hơn nước bể Đông”? Đọc, lòng tôi chùng xuống, mềm rười rượi như sợi bún tàu vừa nhúng nước. Tôi đem sợi bún này ngắt ra từng khúc trải lên trang giấy thành những dòng chữ gỏi Xuyên, hy vọng nó mang đến cho nàng một món ăn nhắm nháp đỡ lòng.

Sau đó tôi còn nhận thêm vài lá thư nữa của Xuyên rồi bật tin. Qua những lời than thở trong thư, tôi đoán Xuyên đang gặp một số rắc rối phiền muộn nào đó. Tôi vẫn kiên tâm viết cho nàng đều đặn cho đến khi những lá thư bị trả lui về với dấu *inconnu* của bưu điện đóng trên bì.

Mất Xuyên, tôi hụt hẫng. Nhiều hôm tôi nhớ Xuyên xốt xa, nhớ cảnh hai đứa ngang trang làm kẻ lạ, nhớ cái té nhào hờn lẫy, nhớ tiếng cười hích hích nghịch ngợm phát ra từ chiếc răng khểnh của nàng. Cả trăm cả ngàn cái nhớ li ti vụn vặt cứ âm ỉ, ray rứt. Một đêm trằn trọc không ngủ được, tôi ngồi vào bàn viết, trịnh trọng mở xấp giấy trắng viết ngay cái tựa đề không cần chọn lựa, chẳng văn hoa cầu kỳ:

MỘT CHUYỆN TÌNH

Trước mặt tôi Xuyên hiện ra nhí nhảnh tung tăng trên trang giấy như cô bé đang chơi đùa với mảnh vườn trinh bạch. Nàng dẫn dắt tôi viết những dòng đầu tiên trơn tru trôi chảy. Dù vậy, chừng vài ba chục dòng chữ lại tốn một liều thuốc, dần dần cái gát tàn đầy ắp những mẩu thuốc thừa trông gớm ghiếc như một bầy giòi lúc nhúc và tôi đã viết kín được gần mười trang giấy. Bên ngoài, phố xá cũng vừa thức dậy, tôi xô cửa bước ra sân, bỗng ngỡ tưởng trời vừa chạng vạng tối.

Tôi viết thêm cho Xuyên một lá thư, hơn hờ khoe mình sắp hoàn thành cái truyện tình thai nghén lâu nay, “*có em trong đó, cả anh nữa... và dù đã khôn khéo tránh né cũng không thể không vạch lưng mình cho người khác xem... và anh đang lúng túng chưa biết nên kết thúc truyện như thế nào bởi vì ngoài đời, giữa em và anh mọi chuyện còn dở dang bỏ lửng chưa ngã ngũ sắp ngã ra sao...*”. Lá thư không có địa chỉ mới của Xuyên để gởi, đành xếp lại. Trong một phút hứng khởi, tôi hí hửng đem cái truyện ra mời người bạn thân nhất

của mình đọc để tỉnh ý. Tuy ít ưa chuyện văn chương văn chích nhưng chiều lòng tôi, anh ta chăm chú đọc. Xong, anh trả lại, mỉm cười một cách khó hiểu. Tôi e dè hỏi :

- Anh thấy cần phải kết thúc thế nào cho hợp lý đây?

- Thì cho hai người gặp lại nhau, cưới nhau.

- Tầm thường quá !

Anh ta giẫy nẩy:

- Được hạnh phúc như vậy mà cho là tầm thường ư?

Không lẽ cậu tàn nhẫn bắt họ phải tuyệt tình, tan vỡ hay rủ nhau tự tử?

- Có thể lắm. Cuộc đời vốn bi thảm mà!

Anh ta, một kẻ thường lạc quan với mọi chuyện, nổi nóng chỉ mặt tôi hầm hè:

- Cậu không được độc ác như thế. Đừng ý nhà văn là một Ông Trời Con muốn hành hạ nhân vật, muốn bắt ai ra sao thì người đó ráng mà chịu. Cậu muốn tranh quyền với Thượng Đế ư? Được rồi, Trời sẽ hại cậu.

Tôi cười lớn :

- Vâng, Trời không hề thương tôi. Trời chẳng bao giờ thương nổi bọn nhà văn.

Anh bạn hậm hực ra về. Quả đúng như lời anh ta tiên đoán, Trời đã hại tôi, nửa tháng sau đó. Tin sét đánh giáng xuống đầu tôi đột ngột: Xuyên sắp lấy chồng!

Xuyên lấy chồng? Chuyện đã đến phải đến nhưng tôi có cảm tưởng Trời đã chơi xỏ tôi. Ê ả cả tuần lễ, tận hưởng “thú đau thương”, tôi thanh thản đem cái truyện ra viết tiếp, lạ lùng như thể không còn là chuyện đời mình nữa. Dù vậy, tôi vẫn rơm rớm nước mắt thương xót cho hai nhân vật trong truyện khi dừng lại câu kết thúc buồn bã: nàng phải vâng lời gia đình bỏ đi lấy chồng! Tôi ném bút xuống bàn, vậy là xong, như khá nhiều chuyện tình khác, truyện chấm hết gọn lỏn, nhặt phèo, với một cái dấu than rất lớn được tô đi tô lại thật đậm nét.

*

Tôi có cảm tưởng mình đã đi vòng quanh trái đất để gặp Xuyên trở lại. Ba năm!

Nhưng ba năm trùng trùng tang thương dâu bể, ba năm nghẹn ngào nước mắt Xuyên: chiến trường độc ác đã cướp

mất chồng nàng ba tháng sau ngày hôn lễ; ông bố nàng thì chết vì tai nạn xe hơi ít lâu sau đó. Xuyên bật cười chua chát :

- Thấy em đau khổ dường này anh vừa lòng chưa ?

Tôi cúi đầu.

- Đừng nghĩ oan cho anh. Hãy nguyên rửa số mệnh, xi và chiến tranh... Nhưng tốt hơn, nên quên đi. Không lẽ cứ bắt mình sống mãi trong đau thương chua xót. Phải hy vọng mà sống chứ...

- Luận điệu anh vẫn như ngày nào.

Ngày nào ? Tôi chơi vui trong hồi tưởng. Xúc động bất chợt, tôi bối rối cầm tay Xuyên như một điểm tựa.

- Em có tin rằng... anh vẫn yêu em?

Xuyên mở lớn mắt nhìn tôi, nước mắt ứa ra lẳng lẳng. Một lát, nàng gượng cười:

- Yêu em? Anh ích kỷ lắm. Nhưng mọi chuyện đã lỡ làng, anh chớ đóng vai quân tử Tàu làm chi!

Tôi đặt bàn tay Xuyên lên ngực mình :

- Em nghe? Lời chân thật của trái tim anh...

Xuyên rút tay về, lạnh lùng:

- Lòng em đã điếc, anh đừng gọi lại chuyện dĩ vãng nữa, xin cho em được yên thân.

Mười hôm sau tôi tìm lại được những trang bản thảo viết về mối tình của tôi và Xuyên ba năm trước, ngâm ngùi đọc. Xong, tôi gởi đến Xuyên kèm một cái thư rất ngắn :

“Xuyên, anh vẫn yêu em như ngày nào. Ngày nào, tình ta thơ ngây tuyệt vời quá, em nhớ? Còn những dòng chữ này làm chứng. Em hãy đọc để hiểu lòng anh, cái tốt cái xấu của anh. Câu chuyện chỉ tạm thời kết thúc, anh nghĩ mình còn viết tiếp được bởi vì Trời đã cho hai nhân vật trong truyện tái ngộ và họ có lý do để gần nhau, sống hạnh phúc bên nhau. Em đồng ý?”

Ít hôm sau, Xuyên gởi trả lại tôi xấp bản thảo, không bày tỏ ý kiến gì ngoài *ba chữ* ngắn ngủn nàng viết thêm vào sau cái tựa đề của truyện. Thành ra:

MỘT CHUYỆN TÌNH PHẢI QUÊN ĐI!

PHẠM NGỌC LƯU

tháng 4 – 1973

(giai phẩm VĂN tháng 7 năm 1973)

Phạm Ngọc Lưu

Ngày Xưa An Cựu

Mười năm biệt cách sông
Chút tình nắng-đục-mưa-trong cũ càng
Mười năm ngâm đá cầm vàng
Chút tình cổ cự cứ han gỉ dần

Không về nữa một cổ nhân
Không còn nữa một thanh xuân nồng nàn
Tội bài thơ viết dở dang
Bởi con sông hẹp bắt ngang lăm cầu

Mười năm vùi vùi trông nhau
Nhìn mưa ngó nắng nhớ màu đục trong
Hẹn về mang guốc ra sông
Hẹn về mang nón chao lòng nước xưa
Hẹn về viết tiếp bài thơ
Ẩn mùi hoa sứ ớm ờ... nào hay

Từng năm phai tháng nhạt ngày
Trông về... ràn rụa bóng mây bên đèo
Trông về... nắng hắt mưa hiu
Mất ai thăm thăm... đáy chiều xa xưa...
10/2005

Phạm Ngọc Lư

Tàn Đông

Phòng trong, người bạn gái ú ớ nói mê sau một hồi nghiêng
răng trèo trẹo. Lúc Kiên dậy mở cửa đi tiểu, tiếng gà rừng
đang gáy eo óc phía bên kia bờ sông, nghe thật gần. Sương
trắng đục xóa mất các ngọn cây cao trong vườn. Chừng này,
khoảng 4 giờ sáng là cùng, mới thấy bóng đèn dầu le lói bên
ngôi nhà hàng xóm thức dậy xay bột, tiếng cối xay kêu rù rù,
đều đều. Kiên trở vào nằm xuống chiếu lại, tỉnh ngủ hẳn, mắt
mở khô thao láo. Người bạn vẫn nghiêng răng tiếp, nghe thoảng
như con mọt đói ăn nào đó dậy sớm đục khoét cái cột nhà hư
mục. Mấy đêm nay trời bớt lạnh, cơn ho nguôi dịu nhưng ngực
Kiên chừng như rộng đi, anh có cảm tưởng không còn đủ hai
lá phổi bình thường để thở nữa. Chưa miêng, thói quen thòm
thèm khói thuốc buổi tỉnh sương dày vò Kiên, anh nghĩ, thì cứ
hút để khắc ra những búng đờm xanh màu rêu non, chưa sao!
Kiên ngồi dậy lúc phòng trong có tiếng dép kéo lệt xệt. Ánh
sáng ngọn đèn vừa thấp lợt qua những khe ván hở ngã dài
xuống cạnh chân Kiên vài sợi mảnh. Cánh cửa xịch mở, người
bạn gái quấn chiếc khăn len quanh ngực bước ra, đi thẳng
xuống nhà dưới, chắc nàng không thấy cái bóng Kiên ngồi thù
lù trong tối. Kiên bật lửa đốt thuốc, nằm ngửa ra giường hút
từng hơi chậm rãi. Khói thuốc dịu, ấm, vàng vắt trong đầu
chút xây xẩm nhẹ, Kiên khép mắt thềm có một giấc ngủ
bay bổng thật cao. Bay khỏi mái ngói mốc rêu, bay qua những
tảng mây chì nặng trĩu xuống thấp giữa thung lũng, vượt qua
những đỉnh núi vây hãm bốn phía để bay về ôm một mặt trời
nồng ấm ở phương nam, nơi có nắng mượt như lụa trên những
đồng lúa non. Nhiều đêm Kiên mãi mê dong ruổi theo cơn
mộng mị của ngày về phố gặp lại bạn bè, người-tình-bất-trắc,
đi qua những con đường lát nhựa sạch, có hoa nở vàng rộ trên
hàng cây táo non, có quán nước đèn hồng trôi nhạc liên tục
và chen chúc giữa vô số thiếu nữ chưng diện chải chuốt thật

quyển rũ như thê đi trong ngày hội và... được ăn một miếng cá biển tươi, được nghe tiếng sóng ru tình sầu... Thành phố! Nơi nung nấu hồi chưa bị đầy lên đây, thứ đời sống lỏng bông của một kẻ độc thân côi cút giữa phố ngoài chợ ngày ấy không ngờ lúc này cứ hành hạ trí tưởng Kiền ru rú nuôi tiếc. Đêm thức giấc choàng dậy tỉnh mộng, mộng ảo còn dật dờ, hồn như chưa kịp nhập về, thân xác ê ẩm bải hoải, giật mình nghe tiếng ngựa hí sau chuồng, tiếng cối xay bột, tiếng gió núi hú ma thiêng, thần thờ nhớ ra mình đang nằm giữa nơi thâm sơn cùng cốc, Kiền muốn chảy nước mắt.

Chờ một ngày về lại thành phố, trốn thoát khỏi nơi rừng sâu nước độc này, Kiền mang cảm tưởng tội nghiệp của con thú đang chờ thời mọc cánh. Vâng, phải có cánh mới bay vượt qua khỏi trùng lũy đồi núi chông chênh vây bủa chung quanh. Núi Cẩm hiểm trở, núi Một vồ vôi, núi Lá rậm rì... và rừng Hỏa-thán thâm u, rừng Hàm-long điệp điệp. Suốt tháng nay chưa có một ngày nắng lớn, mặt trời không xé nổi mây, mây tụ tập càng lúc càng dày, xuống thấp mãi, sát ngọn cây, đục chóp nhà, cho đến một buổi sáng mở cửa ra: mặt đất mù mịt như có khói lan tỏa, sương kín dày, khí lạnh phả vào mặt, xanh tái da. Chiều hôm đó Kiền nhuốm bệnh, cảm cúm ho hen kéo dài cả tuần. Con ho dây dưa như một người bạn ồn ào bất ngờ đến khua động cảnh sống tĩnh mịch mòn mỏi ngày ngày. Kiền có cơ hội nhớ tới tấm thân ốm o vô tình quên bằng lâu nay, lo lắng sợ hai lá phổi nám mỗi khi ôm ngực ho, rướn cổ khạc đờm hay bặm môi chịu đựng từng mũi thuốc chích vào mông.

Người bạn gái trở vào, ngập ngừng trước cửa phòng, ý chừng vừa ngửi thấy mùi khói thuốc nên khẽ lên tiếng hỏi vọng:

- Anh Kiền thức dậy lâu chưa?

Kiền xoay nghiêng người thả rơi cái tàn thuốc xuống đất trả lời bạn:

- Trước chị ít phút. Đêm dài quá ráng ngủ mấy cũng không hết.

Nhà dưới, ai vừa đốt một bếp lửa lớn, củi than nổ lách tách. Ánh lửa sáng hừng nung mặt tường đất nhồi rạ thấm nước, thoang thoang thơm mùi gạch đang chín. Phòng trong, người bạn gái nói vọng ra:

- Lát có nước sôi anh chích thuốc nghe?

- Chị lo cho tôi quá tôi bệnh thật mất thôi!
- Thế lâu nay anh giả đồ ốm đấy à?
- Tưởng tượng thì đúng hơn.

Khiến cười khan trong cổ, nhột ngực anh bật ho vài tiếng ngắn không dần kịp. Trời vẫn chưa sáng hẳn. Vài cơn gió sớm theo một ngách hở nào đó luồn vào chỗ Khiên nằm lạnh rùn. Sương rơi từng loạt ngoài vườn nghe tưởng trời rót mưa. Khiên đốt điếu thuốc khác, nói với bạn như lời tự nhủ mình:

- Liệu hôm nào về thành phố đây? Gần Tết rồi thấy nôn nao như trẻ con. Chỉ sợ không đón trực thăng được kẹt lại trên này thì tui lăm.

- Về dưới, sắm được cái áo mới là cùng, ham chi! Tết ở đâu tôi cũng vậy thôi, già rồi mà... Chớ anh coi tôi đi tu có thành đạo được không?

- Chị nói vậy không sợ ông Phó rầu?
- Hừ!

Người bạn gái xô cửa kéo ghế ra ngồi đối mặt Khiên. Áo len cao cổ, hông ngực đan rộng thùng thình như thể dành trừ hao cho nhiều năm sau thân thể còn trưởng thành to lớn thêm ra. Trong bóng tối mờ mờ trông nàng tựa con thú đang xù lông chịu rét, mái tóc chưa chải thả lòa xòa trễ nải xuống vai. Tự dưng nàng buột miệng nói thông:

- Mấy ông thường nhìn tôi qua cái vỏ bề ngoài. Làm!

Khiên lúng túng đối thế ngồi, nhặt chiếc gối kẹp vào bụng.

- Mới tới hơn một tháng mà đã thấy dân tình vùng này thật hăm hiu. Họ coi tôi như một món quà an ủi dưới tỉnh gởi lên, ai cũng muốn dành phần. Gớm quá!

- Thấy chị đâu có ghét gì ông Phó. Nhân vật số một ở quận này đây, quyền hành lấn lướt cả ông Trưởng.

Người bạn cười hóc hóc như kẻ uống nước vội bị sặc:

- Đó, cái vỏ ngoài thế đó. Thì đành cười nói ra bộ thân mật với ông một chút để tránh cảnh châu chực đợi trực thăng cả tuần lễ không được sao?

- Chị phỉnh tôi đang chớ cha Phó lợi hại lắm, khó lường.
- Cám ơn, tôi biết rõ mà.

Luôn luôn nàng tỏ ra sành sỏi trải đời với đôi chút kiêu ngạo vặt vãnh. Khiên không thích vậy, anh che tay ngáp hờ, nói khi chưa khép miệng hẳn:

- Nói ra chị đừng phiền, chứ phải sống cảnh cây-quế-giữa-

rừng thật ủ ê.

- Anh cũng chế giễu tôi được sao ?

Nàng rời chỗ ngồi bước xuống bếp, tiếng nước rót vào bình thủy thật giòn. Kiên hơi nhức trán vì cơn ngủ mệt còn nặng trĩu trong đầu trộn lẫn với khói thuốc đậm đặc. Gian bên, người chủ nhà đang rầy rắng đưa con biếng nhác không chịu dậy học bài, giọng ông nghe cũ kỹ buồn bã như một vị thế sư thất chí bất lực trước lũ hậu sinh cứng đầu.

Người bạn pha cho Kiên ly cà phê bột sữa Mỹ không lọc, còn nàng uống trà đường. Khi không, nàng nói như sự nhớ:

- Tết về tôi làm mai đưa em gái cho. Hay hơn tôi nhiều. Để tôi viết thư mách nó trước nghe. Nhưng phải đừng hoảng đó, nếu cà chớn nó dám giết anh như chơi!

Kiên nhìn bạn đang cười khúc khích ranh mãnh và cảm thấy ớn ớn ngậm nước chưa kịp nuốt.

- Chị coi mắt tôi kỹ chưa? Đâu đến nỗi phải làm bọn ma giáo.

- Đâu dám đùa anh. Mình chỉ ngại cô em còn bé dễ nông nổi.

Sương mù dày mịn xóa hẳn phía bờ sông, những thôn xóm lân cận mất tăm tích. Chốc chốc vài tàn cây cao hiện ra lơ mơ trông như những vết mực xám bần rớt nhòe trên tấm màn ướt xỉn trắng đục. Học trò đã đi học ngoài đường, ghé vào quán moi bạc các mua mỗi đứa một cây đèn sáp đốt vào cặp.

Người bạn vừa vắn tóc vừa bước qua phòng. Kiên hút thêm điếu thuốc vẫn chưa đủ ấm ngực.

- Trưa nay anh có về sớm nhớ mượn xe lên Suối Trong đón tôi giùm. Hai hôm rày chích thuốc ngựa cho mấy buôn Thượng khổ lắm, phải mất công giảng giải từ cây kim tới lọ cồn. Đi chung xe quận do cha Phó lái dễ bị thiên hạ chửi nữa.

Kiên bước ra hàng hiên vươn vai thở nhịp nhàng, hơi lạnh chạy rõ từng sợi vào cuống phổi. Ngồi xuống bậc gạch, anh phà hơi ra lòng bàn tay như phà khói thuốc. Lạnh thật. Kiên ngẩng mặt nhìn tốp đàn ông Thượng đeo khó lưng lẳng đi ngang, phơi trần cặp mông nâu như đồng chín, chai lì, hầu như không còn xúc giác. Người bạn gái trong bộ đồ mới bước ra, đóng đưa cái xác có chữ thập đỏ quàng nơi khuỷu tay gây tiếng chai lọ va chạm nhau lộn rồn, cười với Kiên rồi đi xuống ngõ. Kiên ngó dấu guốc nàng in trên nền sân ướt, thần thờ

ngũ bộ áo quần ấy trưa nay về sẽ lấm bùn hết.

Kiên tới trường lúc lũ học trò đang ngồi chờ thầy trong lớp. Chúng đốt đèn sáp cắm trên từng dãy bàn dài, nơi bàn anh cũng có một ngọn cháy leo lét. Tụi chúng cười nói vui vẻ như thể đang bày ra một trò chơi thích thú với mù sương u ám, với cảnh đêm giả trang, với lời cầu nguyện thâm lặng được thấy mặt trời thật lớn thật ấm áp đi ngang qua đây, đậu lại trên cột cờ và cùng chúng cất cao tiếng hát. *Rừng muôn cây xanh cao, âm u ngàn thác lá... Ta quây quanh lửa hồng, bập bùng bập bùng, trong đêm thâu...*

Người bạn dạy lớp bên cạnh đứng ngoài cửa nói chớ vào:

- Anh bày đặt trông ghê quá! Giống như cái phòng đám táng. Trời mù, học trò không thấy chữ viết thì kể chuyện linh tinh cho nó nghe.

Kiên nhún vai, bẻ đốt tay, cười:

- Rõ khéo tưởng tượng xa xôi. Đành làm vậy coi thử có động lòng trắc ẩn đến đất trời hỗn mang kia chăng?

Kiên lơ đãng ngó ra con đường cái nhão nhoẹt đất bùn, vài người đàn bà đi chợ về xắn cao quần bước co ro, cứ chực trượt chân té ngã. Sương tan bớt nhưng mây xám vẫn bất động, thấp là là. Một ngọn hỏa châu ai vừa bắn vụt lên lọt giữa hồng mây cháy sáng mờ mờ giây lát trông ngỡ như mặt trời thật. Buồn tình, Kiên bóc lá thư chưa kịp gởi cho người-tình-bất-trắc viết thêm một đoạn ngắn rồi tần mẩn đọc lại, mỉm cười: “Em thử tưởng tượng da dẻ anh đang mọc meo, đóng vảy cá từng bọt dày, có thể lột ra được từng phiến mỏng mỏng như lớp lụa bọc ngoài củ hành củ tỏi. Cả tháng không tắm mà. Hôm trước có người bạn nấu giùm một thùng nước nóng bắt anh tẩy xác, cuối cùng mình lại sợ ngã sốt và tiếc cái hơi hướm rừng rú trên người. Dưới ấy, anh nhớ mùa nầy trời đang nắng ấm. Em hãy gởi cho anh vài ánh mặt trời, một gói nắng, càng nhiều càng quý. Anh thèm lấm, thèm đến nỗi nhuộm bệnh. Nhớ gởi bảo đảm, hòa tốc!”

Kiên về nhà, dừng lại trước sân ngó người bạn đang ngồi giặt áo quần nơi bể nước, bọt xà phòng bay trắng phau.

- Chị không đợi tôi lên đón?

Nàng ngoái cổ lui, cười phính má:

- Gớm, sáng nay lạnh họ không chịu xuống khỏi nhà. Lúa

thừa mấy mỏng thôi, mất công mình lên về lợi bần.

Bữa cơm nguội lạnh, ngày nào cũng thịt nai rừng ăn muốn đi kiết ra máu. Người bạn gái gác đũa tìm tằm xỉa rằng:

- Giả thử chiều nay anh được trực thăng chở về phố đưa vào một quán ăn sang nhất, anh thêm món gì trước?

- Nắng!

Nàng giầy nẩy:

- Không có đũa nghe chưa.

- Thì tôi đâu có đi được!

Người chủ mang trà lên. Kiền rót nước ra ly đẩy về phía bạn. Nàng đang nghĩ ngợi gì đó, mặt ngẩng lên mái nhà tựa kẻ bị ghen.

- Tôi ớn quá rồi anh, chắc trốn đi luôn. Đầy thân con gái lên vùng này thật tàn nhẫn, phi lý. Cố giả vui giả cười cho quên ngày đoạn tháng mà rớt cuộc... Lắm khi tôi quên bằng anh là đàn ông ở sát bên.

Kiền không hiểu ý bạn, anh hớp ngụm nước:

- Tôi vẫn coi chị như chị tôi ở nhà.

Người bạn gái bỏ vào buồng mình, chấp sau xô cửa vẩy Kiền lại, ngần ngừ một lát rồi nói nhanh:

- Anh không nghe cả xóm chợ người ta đồn um lên rằng tôi quyến dụ anh!

Kiền hơi bối rối và xúc động vô cớ nhưng anh đáp tỉnh dung:

- Thì có sao đâu!

Tảng sáng, những ống loa đặt trên nóc chi thông tin phát ra những khúc nhạc quân hành ồn ào rầm rộ, làm như thể hôm nay có buổi lễ gắn huy chương cho lính. Từng tốp người Kinh và Thượng lẫn lộn, đội nón, trùm áo to ni-lông từ các ấp mạn tây theo quan lộ đang xuống ngang chợ. Vài kẻ tuột lại sau, bỏ hàng ngũ chạy vào mấy chòi tranh bán bánh cuốn ăn vội vã. Số còn lại rẽ vào quận lỵ, vung tay hô to khẩu hiệu. Cha Phó chống ô đứng trên hàng hiên nói chuyện với mấy ông ấp xã, mặt cau có bức dọc.

Hội trường âm thấp, nước dột có vũng trên nền xi măng, vách tôn chảy sét. Hơi người sức nức, chua, hôi, nhưng khá ấm. Kiền muốn đổ mồ hôi, nực nội, khó thở. Gã trưởng chi thông tin lên trước micro đánh nhịp cho đám đông cùng hát

bài “Nhân dân tự vệ”, họ hát và vỗ tay giậm chân, ngúc ngắc đầu như say sưa hết lòng với lời ca cương quyết bảo vệ xóm làng. Trước mặt ông Phó, họ không muốn bị chửi mắng là bọn ươn hèn nằm nhà ôm đít vợ ngủ. Ít ra giọng hát rầm rập kia còn biểu lộ tinh thần hăng hái của lớp tuổi đáng vai vế cha chú ông Phó. Hết phần báo cáo và kiểm điểm công tác trong tuần, Kiên lấy cơ phải về trường coi học sinh, bỏ về nửa chừng, lúc cha Phó đang lớn giọng dặn dò mấy ông xã ấp cách thức phân phát tôn, xi măng... Cuối mỗi câu nói ngắn, ông *hứ* lên một tiếng (thật hách dịch, chói tai) như nhắc nhở đám người ngồi phía dưới hãy nghe cho kỹ càng hơn. Bên ngoài, từng tốp dân tị nạn đang ngóng cổ chờ cửa kho mở để lãnh vật liệu trợ cấp.

Trời lay bay mưa bụi, mây cuộn lên cao bày ra những lưng núi thẳm. Đồng không xám xịt gốc rạ thối màu bùn tro. Ngang qua sân bay lốt vỉ sắt cỏ mọc từng chòm lổ chỗ, Kiên nhớ mấy hôm nay không nghe tiếng trực thăng tiếp tế hạ. Có trực thăng lên xuống đều, người dân sống ở đây an tâm hơn, mừng rỡ thấy chốn núi rừng cô quạnh này còn có một chiếc cầu nối liền với tỉnh lỵ rồi hy vọng một chuyến đi, mơ màng bao cảnh vui chơi ngựa xe nhộn nhịp dưới phố.

Kiên ghé chỉ y tế xin thuốc nhưng người bạn gái bỏ đi đâu vắng. Khắp phòng, giường bệnh xô lệch, chiếu chăn dòn thành đồng bần. Chỉ có một bóng người không rõ đàn ông hay đàn bà ngồi run rẩy trong góc, phủ cái mền dạ kín đầu. Kiên từng nghe người bạn than thở nhiều lần: “Ở đây khỏe ru, thuốc men thiếu, chẳng có việc làm. Năm thì mười họa mới thấy vài người Thượng ghé xin thuốc quinine. Ông trưởng chi mở phòng mạch riêng hút hết bệnh nhân, chưa kể một lô y tá đạp xe đi sâu vào các ấp chích dạo và bán thuốc”.

Chợ tan sớm, chỉ còn tốp học trò lêu lổng bu quanh mấy bàn xóc bầu cua. Người chủ nhà dừng xe ngựa chào Kiên rồi nhảy xuống đất đi vào đám đánh bạc đông đúc những cái đầu con nít chụm lại. Hắn ông muốn tìm coi có mặt thằng con hoang đảng không? Kiên ghé mua bao thuốc béc hút. Hai chị em cô gái bán hàng tạp hóa chỉ cho nhau nhìn con ngựa đứng đái ồ ồ bụng miêng cười khúc khích, mặt đỏ bừng.

Thức dậy trời đã xế chiều, chừng như thế, ai đã thấp một ngọn

đèn dầu tù mù đặt giữa nhà, Kiên nằm cuộn trong chăn muốn ngủ tiếp. Con ngựa hí gió sau chuồng, giậm móng bịch bịch xuống đất đòi ăn thì phải. Người chủ nhà đang khuôn xi măng chất vào găm phản, thở ì ạch.

- Lãnh đâu nhiều vậy?

- Mua. Lần nào cũng thế, tụi Thượng lãnh khỏi kho vôi vác ra chợ bán tháo bán đổ. Rẻ mạt. Họ đâu cần thứ này, muối gạo no bụng mới quý!

Người bạn về muộn, Kiên ăn qua loa bữa tối một mình. Anh vói tay lật quyển lịch treo tường tính nhằm ngày rời khỏi đây về phố ăn Tết, gặp lại người-tình-bất-trắc để tả oán khoảng thời gian nằm co ro giữa cái lòng chảo giá lạnh sét rỉ này. Cuối đông, ngày giờ như đi chậm hơn, để Kiên càng thấm thía hơn với một năm lao đao chưa vội kết thúc. Người chủ nhà mặc thêm chiếc áo nỉ cũ, rùng mình xuýt xoa nói:

- Gần tiết đại hàn, trời lạnh dữ!

- Giá có một cái lòng ấp thì thích nhỉ!

- Kiếm cô vợ tuyệt hơn. Chừng ấy tuổi, thầy còn chịu được cảnh giường không chiếu trống kẻ cũng lạ. Lạnh lẽo thế này...

Người bạn gái về, áo quần lấm ướt, mặt tái nhợt. Nàng lục xắc lấy cái thư trao Kiên:

- Có ảnh con em ở trong. Xem thử vừa mắt không?

Kiên rút ra tấm ảnh 6 x 9 đưa sát ngọn đèn nhìn chăm chặp. Mắt anh khựng lại mơ màng, trí nhớ lần mò quanh co.

- Học trò của tôi bốn năm trước, tưởng ai lạ!

- Dóc !

- Phải Túy Loan không?

Người bạn ngó sững anh ngạc nhiên, giật lại tấm ảnh nói dối:

- Anh thật quỷ quái. Nhớ chi mà dai thế.

Nàng vùng vằng đi vào buồng khép mạnh cửa, tắt đèn. Kiên còn thức tới khuya đọc hết cuốn truyện mượn của ông Phó, mãi khi nghe tiếng nghiêng răng quen thuộc từ phòng trong vọng ra mới đi nằm.

Hôm sau người bạn ngã bệnh, Kiên bỗng dưng đâm ra lo lắng như thể chính mình gây nên nguyên do. Anh xuống bếp bung cháo vào tận buồng nàng, pha nước khuấy sữa, lắng xẵng hỏi han về bệnh tình thuốc thang liền miệng. Nếu không

ôm thật, nhìn bộ điệu rối rít của anh chắc người bạn đã bật cười.

- Anh yên tâm, tôi chỉ bị cảm sơ sər thôi.

Nhưng đến đêm nàng lên cơn sốt dữ dội, lẫn lóc vùng vẫy trên giường. Kiền hoảng hốt gọi người chủ nhà dậy, ông ta cũng lớ quớ ngờ ngác chẳng biết xoay xở ra sao. Kiền thúc hời rối rít:

- Bác mang đèn đi gọi ông trưởng chi mau.

Lão chạy ra khỏi buồng vấp bàn đựng ghế lịch kịch. Người bạn gái uốn cong mình giẫy giụa, mặt nhăn nhó đau đớn, kêu khan:

- Đề chặt tôi lại coi... Sao cứ bay bổng lên!

Kiền e dè cúi xuống dần tay bạn. Bất ngờ nàng ôm chầm lấy anh lúi ngả sấp lên ngực, hơi thở nóng ran, hồn hển, dòn dập. Kiền nhúc nhích cựa nhẹ mình nhưng không dám gỡ vòng tay bạn đang quấn quýt siết chặt trên lưng. Anh cứ đại dốt nghĩ nếu xô bạn ra chắc nàng sẽ chới với chết mất.

- Chị không đến nỗi nào chứ?

Kiền nói lắp bắp, không ngoi lên khỏi sự lo âu triu triu. Người bạn rên hừ hừ, mắt nhắm kín, miệng lại ú ớ nói sảng. Trời đổ mưa rào rào bên ngoài, càng lúc càng dữ dội. Căn nhà hình như chôn chân trên mặt nước xô động chòng chành. Mồ hôi bạn thấm ướt áo, Kiền se lạnh. Vòng tay quanh lưng nói lỏng dần rồi nàng khế đẩy anh ra, nằm ngay người, kéo chần đắp tới cổ. Kiền ngờ ngàng nhồm dậy, rời khỏi giường, chóng mặt, lão đảo. Tiếng ngựa hí ngoài chuồng tựa tiếng cười nhạo báng vang lên từng chập. Dứt mưa, cái im lặng quanh nhà thật sát se, không một tiếng giun dế, có lẽ chúng ngủ quên hay đã chết tiêu dưới lòng đất úng thủy từ lâu, cả tháng nay kẻ nhớ nhà không còn nghe giọng kêu ca ní non đứt ruột. Người chủ nhà xô cửa mang đèn vào, mình mẩy ướt lệt, nói giọng bức dọc:

- Ông ấy đi đánh bạc xó nào hỏi mãi không ra.

- Phiền bác quá. Chị ấy ngủ yên rồi, chẳng sao. Bác đi nghỉ đi, có tôi canh chừng.

Bỗng một tiếng nổ vang ầm rung đất. Từng tràng súng khác nổ tiếp theo, nghe quá gần, đầu dưới xóm chợ, càng lúc càng gần thêm, phía trường học, trụ sở xã. Trời sáng rực bên ngoài, hình như có lửa cháy. Mé sông, ngoài vòng đai chi khu,

đạn nổ rất hơn. Súng cối bắn đùng đùng tới tấp, bay vèo vèo trên đầu. Vách nhà rung chuyển liên hồi. Phòng trong người bạn kêu ối ối. Kiên sức nhớ, bỏ chỗ núp dưới gầm phản chạy vào, thở hào hển, cứng miệng nói không ra tiếng. Anh lôi bạn xuống khỏi giường, nâng thất thần ngã vào người anh mềm nhũn như kẻ vừa trúng đạn chết không kịp ngáp.

Phòng Kiên dầy sập một góc mái, gạch ngói nát vụn chôn vùi năm sáu bộ bàn ghế tung, cháy sém, chân cẳng nằm chông chênh thảm hại. Đạn khoét rỗ mặt tường, giật tung các cánh cửa vút xuống thềm. Kiên ngậm ngùi ngó những đứa học sinh ôm cặp đến lớp như thường lệ. Chúng ngơ ngác đứng nhìn cảnh đổ nát, có đứa tay còn cầm cây đèn sập mới mua, vài đứa bỏ đi nhặt vỏ đạn. Kiên ngậm điều thuốc, hết buồn châm lửa hút.

Trời lạnh, ba cái xác chết còn tươi bỏ nằm tênh hênh trên bờ ruộng. Đám đông hiếu kỳ tản dần. Một người chỉ cái tử thi nhỏ thó, trẻ măng cỡ 15, 16 tuổi nói giọng tiếc rẻ:

- Thằng này là học sinh mới trốn theo *nẫu*, đại đột chết uổng. Thầy nhớ nó chứ?

Kiên nhìn khuôn mặt thâm tái dính đầy máu cục bùn đất, lắc đầu bỏ đi.

PHẠM NGỌC LƯ

Tháng

12.1970

(Tập chí Bách Khoa số 344)

Phạm Ngọc Lư

Sợi khói bay vòng

Buổi sáng Bồng đi trời âm u đổ bụi mưa lay bay, nàng băng quơ ngược nhìn màu mây trộn lỏng hơi nước đục mù nền trời và bước lững thững ra ngõ. Bồng xót xa nghĩ giá mỗi lúc quay lại chắc nàng sẽ bắt gặp đôi mắt rầu rĩ Cưu ngó mông theo. Hẳn Cưu chưa dời chỗ đứng trên bậc hiên bẻ một đợt lá xua xua những đám khói thuốc phà quanh mặt, mùi khói thuốc cay thơm ấy đốt khô dần, thay thế hẳn những làn hơi thở dài Cưu không thể dần nén được từ buồng ngực rỗng không như cái còn lại trong đời hẳn chỉ vồn vện chừng đó. Lúc này, khi mà mỗi gót chân Bồng đã vô tình bước mau hơn nhịp tim hẳn đập rộn rã. Nhanh hơn cái tàn thuốc vừa ném xuống vũng nước tất xèo. Thoáng chốc Bồng ra khỏi con đường đất nằm khuất dưới vườn cây, nàng an tâm dừng lại đôi tay xách gói hành lý. Bồng ngỡ ngàng nghĩ thấy mùi khói thuốc cay thơm văng vất trong hốc mũi (hay giữa trí nhớ) chẳng khác nào có sợi chỉ đang ngo ngoe tìm cách bò xuống miệng. Thôi thật rồi, kỷ niệm của hai người chỉ bao nhiêu đấy, mơ hồ nhòa nhạt nhưng cũng ray rứt xót xa. Kỷ niệm ? Bồng vừa đi vừa miên man nghĩ hai chữ ấy và không còn thấy cay đắng nữa với giọng mỉa mai hôm nào Cưu nói thẳng : “ Đời tôi đã được trát phần bôi son quá nhiều với những gì gọi là kỷ niệm. Miết rồi mình hóa cái lương mất khi thốt ra tiếng đó... Nó mang vẻ đẹp của một con diêm đủ mảnh khoe lọc lừa”. Lần ấy, Bồng vội tìm lại tấm ảnh hôm đi chơi Khánh-Sơn người bạn rình chụp chung mình với Cưu đang đứng trước cửa tam quan tò mò đọc chiếc bảng gỗ kẻ dòng chữ : “ Chuyện trần tục xin để ngoài cổng chùa” Bồng lạ lùng ngẫm nghĩ, một chút chua xót xui nàng lật mặt sau tấm ảnh viết lớn hai chữ Kỷ niệm. Ngẫm nghĩ giây lát nàng lại lấy kéo cắt đôi nó rồi mang trả lại Cưu khuôn mặt của hắn; “Phần em chữ Niệm. Sau này có con đầu lòng em sẽ đặt tên nó là

Niệm”, Bồng nói. Cưu buồn rầu : “Vây cũng được”, hấn dùng móng tay cạo nét chữ trên phiến giấy cứng lác đầu : “chắc ý em muốn bắt con tôi mang tên Kỷ ? Ích gì, tôi sẽ rùng mình ghê tởm mỗi lần gọi tên nó mất thôi” và hấn vụt xé vụn chỗ giấy ném ra cửa. Đến bây giờ Bồng còn hình dung rõ tiếng giấy xé kêu toạc như chính giọng Cưu nắc nhô những khi hấn gặp chuyện bức bối mà cố nén một câu chữ rửa. Đề nén, dồn nén mãi, ngày ngày nom Cưu chẳng khác nào trái bóng chực díp nổ tung, tội nghiệp thay Bồng mãi hồi hộp chờ đợt giây phút ấy. Giây phút nàng đang nắm chặt trong tay, nhét đầy gói hành lý lãnh đạm ra đi. Đành đoạn. Bất ngờ. Em đâu có ngờ mình làm nên chuyện tàn nhẫn như vậy. Cưu mất hết trong nháy mắt cả vỏ lẫn ruột, trái bóng vụt vỡ tan không gây nên tiếng động nào. Bồng đã đánh cắp nhẹ nhàng. Giữa sáng nay, mới tức thì, lúc Cưu đang cúi đầu mồi chưa xong điều thuốc. Giọng Bồng như ngọn lửa bùng lên ào ạt đốt bỏng miệng hấn : “Thôi anh đừng đưa tiền để cho em được dứt khoát ra đi”. Bồng giấu vẻ xúc động bằng cách hất mái tóc che nửa mặt rồi quay quắt bước khỏi phòng, khỏi hàng hiên, xuống mảnh sân xanh rêu mà Cưu còn thù người đỡ đần, tay chân lúng túng, miệng ngậm cứng nuốt trôi luôn ngậm khối thứ nhất, lâu sau hấn hoảng hốt kêu với tên Bồng, tiếp theo là chuỗi tiếng gọi thăm nhỏ dần cho đến khi hấn nghe tai mình lùng bùng, bùng bùng... nhức nhối mãi không thôi. Bùng bùng... như có hàng ngàn trái bóng nổi nhau nổ tung. Cưu nhận ra mình đang đứng trên thêm, đầu nhô ra ngoài cơn mưa bụi, tay hấn cầm một đợt lá mà cứ ngỡ là điều thuốc. Mưa đọng trên cành cây rỉ rả giọt xuống từng giọt nặng trên những dấu guốc thừa thớt Bồng bỏ lại , một hàng dài. Mưa lún phún vỗ nhẹ má Bồng, dệt lên áo len nàng một lớp nước mỏng óng ánh. Chưa bao giờ nàng thấy lẻ loi bằng. Phổ xá hai bên hình như làm mặt lạnh. Thật lạnh. Mùi khói thuốc quen thuộc vẫn phảng phất mơ hồ phía trước. Có lúc nàng dừng lại cố nghĩ thật kỹ, lo lắng đảo mắt nhìn quanh tìm bóng Cưu, Những cửa hiệu căng bạt khuất kín, những căn nhà khép cửa bịt bùng và mưa xoay chiều tới tấp theo mỗi cơn gió rét căm. Bỗng dưng, Bồng hy vọng khi lên tới bên xe sẽ thấy Cưu đứng sẵn ở đó dù nàng sợ vô cùng mùi khói thuốc ngậy ngát cuốn lấy mình từng sợi dày hơn cả màng lưới. Và thật khó cho Bồng an tâm lên xe ngồi chờ chuyến xe

khởi hành, cả khoảng thời gian chờ đợi ấy đủ cho nàng nhớ lại, thở hắt ra, trả lui về lũ lượt ngày tháng đã sống giữa cái thị trấn này, vừa đủ cho một lời chúc tụng thật thà với Cưu, chắc hẳn đã chuẩn bị một nét mặt khinh khinh, một điệu bộ bất cần tỏ ra rằng mình không buồn rầu khổ sở như Bồng hằng tưởng. Biết đâu lúc ấy Bồng sẽ ứa nước mắt khóc được. Hãy khóc cho âm sự từ biệt dừng đọng !

Khi xe ra khỏi bến, Bồng kéo vạt áo che mắt, mắt nàng khô ráo như thể vừa được đem phơi giữa một trưa trời nắng lớn. Bồng nghĩ giá chuyển xe chạy muộn hơn chút nữa hẳn Cưu đã đến kịp và giữa giây phút hồi hã ấy hẳn sẽ đuổi theo đuôi xe, đu lên cửa nệm cho nàng một cái tàn thuốc chẳng hạn. Bồng ủ tay che má, bấm nhẹ móng vào lớp da trắng xanh mờ mờ hiện ra trên bóng kính. Khuôn mặt chờn vờn theo con đường mở rộng dài tấp phía trước đầm đìa mưa lạnh, ngan ngát như lòng Bồng. Người thanh niên ngồi bên cạnh bắt đầu lấy thuốc ra mời lửa hút, lại mùi khói quen thuộc ! Bồng thấp thỏm nhìn vội anh ta, vẫn nét mặt điềm tĩnh lặng lẽ như thể hẳn đang ngồi ở một nơi vắng vẻ. Khi mới bước lên xe Bồng đã ngập ngừng ngó hẳn, bối rối không ít. Sao nàng mãi lo âu vì cứ lầm lẫn Cưu là người thanh niên ấy ? Chắc hẳn kịp nhận ra vẻ băn khoăn trên mặt Bồng nên vội dúi điếu thuốc hút dở thản nhiên nói như chỉ để xin lỗi chính mình : “Quên mất, có đàn bà ngồi bên...” lát sau hẳn nói tiếp : “Cô không khó chịu chứ?”. “Cảm ơn. Ông cứ hút, không hề gì !”. Tiếng chuyện trò của đám hành khách sau lưng giúp nàng bớt cô quạnh, Bồng khép mắt cố gọi giấc ngủ hờ. Thật tình Bồng đang lắng nghe mình, đang dò dẫm từng chút hơi nóng mỗi khi chạm phải người thanh niên, đang vẽ lại những con đường lúi thủi bóng Cưu đi quanh quất mỗi chiều, cái thị trấn có lắm hàng tướng số đã giăng chiếc bẫy ám ảnh lên số mệnh của mỗi người hốt hải từ vùng quê tản cư đến (mỗi lần chợt bắt gặp những tấm biển quảng cáo vẽ lớn cái bàn tay xếp thẳng ngang dọc từng đường chỉ treo hai bên hè phố, Bồng có cảm giác bị một nỗi ghê sợ tát thẳng vào mặt mình choáng váng). Những lúc chạm phải lỗ trâu, chiếc xe nhảy cồm lên xô bật đôi mắt Bồng đảo đảo và mắt nàng hoa theo cái gạt nước quay qua lại, nhìn chập lờ Bồng chóng mặt. Người thanh niên lại hút thuốc, mùi khói xo

xào mũi nằng sợi dây nhột nhạt lờm lờm, lọt xuống miệng tanh tử gây gây. Bồng ôm ngực nói nhanh : “ Ông làm ơn tắt giùm” rồi nôn ào ra từng dòng nước bọt, nước xanh lăm cả vạt áo. Người thanh niên vụt nhồm dậy : “ Khổ chưa ! Cô có sao không ?”. Bồng chìa tay ngang miệng còn đủ tỉnh táo để lắc đầu. Lát sau nằng ngẩng lên hơi mỉm cười : “Xin lỗi ông, sáng nay tôi không được khỏe”. Bồng lấy khăn lau mặt, trong cơn xấp xỉ hình như nước mắt nằng đã chảy ròng, đã mưa ra sạch ráo mùi khói thuốc nhức nhối, những ý nghĩ râm ran từ cái đáy cận bã của trí nhớ đục ngầu. “ Cô về Q. chứ ?”. Tối qua Cưu cũng hỏi vậy (Tết này em về Q. chứ ?) và nằng đã im lặng. “ Chắc vậy, tôi cũng chưa rõ nữa. Đây là lần đầu tôi ra đi. Về nơi nào mà chẳng được...”, phải chăng có một kẻ khác trả lời giúp nằng như vậy. Người thanh niên hơi chột dạ thoáng qua vẻ mặt ần ần xót thương, hấn đang nghĩ thế nào về mình ? Bồng luống cuống cúi vò chéo áo dơ, cơn buồn nôn lại lờm nhờm trong cổ. Giữa lúc chờ đợi dòng nước chua đắng trào ra khỏi miệng, Bồng lơ mơ cảm thấy đầu như người thanh niên vừa cúi xuống bên tai mình nói nhỏ : “Cô đừng khóc, ngồi bên tự dung tôi khổ tâm lắm. Còn một thời đường nữa tôi xuống xe... Chúc cô về tới nơi bình an”. Không hiểu sao câu nói ầm ỉu ấy chính là cái cớ khiến nằng khóc nức lên. Đồng thời đầu óc nằng gằm to hơn cả tiếng máy xe nổ đều đặn, Bồng gục mặt trên gối hành lý ôm giữa bụng mưa liên hồi. Khi tỉnh dậy người thanh niên đã biến mất lúc nào, Bồng sờ chiếc ghế trống bên cạnh nghi ngờ đôi mắt lừa nhòa từng sợi tóc vương ngang. Xe đang chạy bên chân núi lượn lờ theo mép nước biển sóng vỗ rì rào phía dưới những tảng đá chồng lô nhô. Bọt sóng trắng ngầu bay lả tả từng bọt. Nhiều phiến đá có vết sơn , viết lớn hai chữ *kỷ niệm*, tên họ kẻ nào xa lạ đã trèo lên đó, ngày tháng năm họ qua đó, nét chữ biêu lộ sự ngậm ngùi chia ly (sau một cuộc ngao du hứng thú, trước khi chưa nở đành tâm dời khỏi) ? Bồng ngẫm nghĩ : rồi sẽ tới ngày mình dừng lại khur khur ngồi ôm một mồm đá chỉ còn phôi tên mình lẻ loi cô quạnh, một mồm đá trống rỗng nhưng đã đè nát bao mộng tưởng rần rờ dày đặc suốt đời Bồng chưa tìm ra được một khe hở, một vết rạn nứt để chui vào. Mộng tưởng ? Mộng tưởng đã nhốt Cưu trong bụng trái bóng lừng lơ buộc nơi tay Bồng bằng sợi chỉ mảnh mới đứt. Và hình như tay

nàng cũng rụng theo, bởi bây giờ nó thừa thãi chẳng còn dùng để nắm giữ được gì nữa. Bồng quay hỏi người tài xế một câu. Ông ta ngơ ngác giây lát rồi chậm rãi trả lời : “Ảnh xuống xe chỗ ngôi trường dưới chân đèo Quán Cau. Chứ không phải cô là người thân của ông ấy ?”. Bồng im lặng quay lại, mắt nàng bắt gặp chiếc bao thuốc dưới chân, thứ thuốc người thanh niên hút và Cưu ghiền. Nàng nhặt lên : còn một ít điếu, hần hần đã đánh rơi ? Bồng đưa ngang mũi ngửi rồi nhét nó vào gói hành lý. Phút đỏ, trí tưởng nàng dày mịn lớp lớp như những vết non nhớ bản nằm chồng nhau trên vạt áo đang dần dần khô cứng lại.



Buổi sáng Bồng đi Cưu đã ngủ tiếp khoảng giờ giấc còn lại trong vẻ bình thản của kẻ vừa trút bỏ xong những dây nhợ đu treo hần lửng lơ. Lúc này hần cảm thấy nhẹ nhàng hơn cả một giọt mưa bụi dính trên tóc. Và giấc ngủ sắp đôi cánh vào giọt mưa ấy bay ngược lên cao, cao mãi cho tới khi hần buồn ngợp vội choàng mình thức dậy : buổi chiều thì phải, gió giả giọng mưa lao xao trên những tàu lá dừa ngoài vườn. Cưu lột tấm chăn nức mùi thuốc dán Salonpas bước ra hế cửa sổ : trời đã khô mưa, mây từng từng khoảng lớn bày màu xanh sáng, lá cây tươi rọp nhờn nhờn hơi gió. Cảm giác Cưu mới lạ hần như thể hần đang đứng trước một buổi chiều đẹp của mùa xuân năm tới, thời gian vượt khỏi đời hần một khúc xa rồi. Đủ cho hần quên hết, rửa ráy kỷ cộ ký ức không còn mảy may một chân lông ngộ nguây. Cưu vội đánh răng súc miệng cạo râu rồi chọn cặp áo quần vừa ý nhất mặc vào, lau bóng đôi giày, chải kỹ mái tóc, tự hài lòng với mình nhiều lần khi bước xuống sân. Nỗi vui vẻ của Cưu thấp sáng một mặt trời ấm áp đi ngỡ ngờ từ con đường này qua ngõ phố khác khắp thị trấn. Hần chào hỏi thân mật với từng người quen, bắt tay họ vồn vã, mời thuốc hút rất niềm nở. Những khuôn mặt con gái nom đẹp hơn bao giờ. Cưu huyết sáo theo khúc nhạc trong radiô chuyên quanh dãy phố. Người hần như thể cao lớn thêm, mạnh khỏe lại, từ nay mỗi buổi tối trước khi ngủ phải dán *Salonpas* lên ngực lên hông nữa. Hần ghé vào cái quán cà phê vừa mới đổi bảng hiệu cười chào cô chủ, bông đùa một câu :

- Sao ? Kiếm được tấm nào chưa ?

- Tấm gì ? - Thì đức phu quân đó !

Cô gái nheo một mắt đưa bàn tay vẫy vẫy bên lỗ tai nói :

- Quê lắm ông ơi !

Cru kêu bia đứng uống, hần chưa biết chọn cái bàn nào ngồi cho vừa ý. Cô gái gõ vai Cru hỏi nhỏ :

- Đứa nào nó gọi chỗ này là *quán Mộ-phu* hở ành ?

- Dễ hiểu quá. Thì chính những thằng thất tình vì em chớ ai...

Ví dụ anh chẳng hạn.

Cô gái ưỡn ngực thở phà một hơi dài, bĩu môi :

- Cảm động dữ !.

Có tiếng gọi từ chiếc bàn kê gần ngoài cửa, Cru quay lui :

|- Trời lại đụng đại ca !

Gã đàn ông chia khuôn mặt da ngăm đen bóng, cái mũi vọt cao lộ lộ lảng lẩy như được gắn bằng sáp giả, đôi môi thâm tái trề ra :

- Mày đi làm rể con nhỏ hay sao mà ăn mặc chải chuốt vậy ?

- Đâu hippy bằng đại ca.

Gã giật giật ngực áo mình (chiếc áo đầy dẫy màu sắc những bông hoa chói chang) cười xòa :

- Mày trông tao giống tụi Phi không ? Thế này mà đi ngang xóm nhà thô mấy em lắm hoài. Tao nói tiếng Mỹ với tụi chúng cười muốn đau bụng.

Cru ngồi xuống chiếc ghế đôi diện nhấc lon bia : “Tiếp tục nghe anh”. “Vừa thôi mày, thượng khí ngỏm bây giờ”. Hai người cười ồ ồ đến nỗi cô gái khó chịu với tay vịn lớn tiếng máy hát, giọng ca chồm cao vỡ òa nhập vào tiếng cười của họ. Gã giờ tay kéo sát chiếc mũ xám có từng búi lông xoắn đội ép sát da đầu nhìn từ xa có thể tưởng lầm đó là mái tóc húi sậy loăn xoăn của bọn Mỹ đen, trả lời cái hắt cằm thắc mắc của Cru : “ Ông bác tặng, thứ gia bảo mà, hay mày muốn giễu đầu tao bị sói ?”. Cru uống liên tiếp, từng lon bia rỗng chồng cao đầy bàn, uống say sưa như kẻ cả đời chưa biết đến mùi vị chất nước ấy và mới khám phá thấy cái nồng nàn ngon ngọt của nó lần đầu tiên. Càng uống mặt hần càng tái, trông càng ngây thơ trẻ nít. “Tao đang bị quân cảnh truy tầm... Thế này chứ. Thằng con bác lớn tổng ngổng mà sửa khai sanh còn mười bốn tuổi. Tụi lính tóm được, lột quần nó lặc đầu chửi thề, đ.m. 14 tuổi gì mà khó coi quá. Nhưng tụi chúng không bắt nó đi quân dịch lại nghịch ngợm bảo nó phải nhổ sạch lông mới được tha về. Thằng nhỏ cần răng khốic ngất... Đúng rồi nó đại quá. Hôm

kia tao tìm được tên lính ác ôn ấy đấm cho một trận”. Gã bóp dẹp đôi cái lon bia rỗng : “Ông bác biểu chiếc mũ bảo tao che chỗ da sói trên đầu lại, không thì dễ bị quân cảnh nhìn ra diện mạo liền”. Cưu nghe tiếng được tiếng mát, đầu ngoẻo qua bên trái nặng bằng đá tảng, hần lờ mờ nhìn thấy chiếc quạt trần chậm chạp quay rụng xuống từng cánh một, mãi mãi, dồn dập. Cái ghế hần đang ngồi đầu như chỉ còn một chân mà thôi, nó lắc lư nghiêng ngả tìm cách rớt xuống sao cho nhẹ nhàng. Gã đàn ông đập vào vai hần : “Thằng này yếu thật. Say rồi hả ?”. Cưu thở mệt nhọc : “Cho tao về nhà đi. Buồn ngủ quá.”. Gã đứng dậy nói to về hướng cô gái ngậm đầu bút ngồi sau quầy : “Cô có của nợ rồi đó. Bỏ bùa ngải gì vào bia không ?”. Cô gái ngơ ngác chưa hiểu, gã hét lớn : “Tắt cái nhạc đi. Chán mứa !”.

Ngồi trên xích lô gã đàn ông giữ vai Cưu cho hần chúm đầu mưa thốc tháo xuống mặt đường. Trời tối dần, gió bắc cuốn bụi mưa thổi ngược rét buốt. Không hiểu sao gã lột cái mũ lông chụp lên đầu Cưu, lật cổ áo hần gài kín khuy. Mây có thể trúng gió chết dễ dàng con ơi. Thất tình ai thì nói tao, say sưa chán quá ! Gã moi thuốc ra hút, những lúc chợt tỉnh Cưu ngửi rõ mùi khói thơm tho ấy nhưng tìm không còn một giọt nước miếng nào để nuốt trôi sự thèm thuồng bấy nhầy trong miệng. Bóng đêm sà thấp dần. Cả khu phố bị cúp điện tối thui. Những tiếng động nhỏ chung quanh chắc vỡ ra từ cảnh im lặng vắng ngắt. Bánh xe xẹt nước kêu xè xè. Gã đàn ông lại làm bầm chữ thề.

Khi tỉnh dậy, Cưu nhớ Bồng khôn xiết, nôi nhớ lằng lằng đủ tạo nên một cơn say khác vui hần xuống, mùi dầu nóng chảy mồ hôi, tấm vải giường như được căng trên mặt gió dồi dập liên hồi vô tận. Hần rên ư ử, nước mắt chảy thành dòng, miệng mấp máy tên Bồng, bồng bồng bồng như tiếng dội từ cõi xa biệt nào vọng về giật giật từng cơn, bung ra mỗi chùm dây thần kinh tua tua...

Khi tỉnh dậy, Cưu mới hay mình khóc nức nở.

●

“Tôi đang ở một nơi nào ? Phải chăng tôi đã về đúng chỗ người thanh niên gặp trên chuyến xe dò hỏi và cũng gần như là sự mong muốn (Cô về Q. chứ ?). Bởi chắc rồi hần cũng tìm

ra đây hoặc tôi sẽ quay lại con đường cũ băng qua những rừng đá dựng, xuống một chân đèo, sẽ gặp một người thanh niên khác ngồi chung băng và tưởng tượng chính hắn mãi theo đuổi mình bên cạnh, dù băng những vòng khói bay chờn vờn sau lưng trước mặt ; chừng đó cũng đủ cho tôi rớt hẫng vào cơn say xây xẩm cứ giập giềnh mãi trong lòng không dứt ; chừng đó thôi, mỗi lần nghĩ lại, việc bỏ Cưu ra đi của tôi quá vội vàng hấp tấp, tôi ngu muội đeo cái bóng hắn bên mình lúc từ già mà không hề hay biết. Thật như thế chẳng ? Mẹ tôi hỏi sao con bỏ về nửa chừng ? Hết rồi mẹ ạ ! Con đã bước tới chấm mút một khoảng đời mình, con ra đây lấy chồng để ở gần bên mẹ. Hắn câu nói nghe qua rất chân thật, sự chân thật nhuốm vẻ tuyệt vọng lúc ngấm lại, mẹ tôi khẽ thở dài, tiếng thở dài của tôi thì đúng hơn : xót xa mỗi mệ. Đêm qua đưa em lục lọi tìm quà noi gói hành lý bỗng reo lên : “Chị Bồng biết hút thuốc nữa !” tôi vụt nhớ đến người thanh niên ấy, giá hắn đi nốt đoạn đường về đây chắc tôi đã chỉ cho hắn biết chỗ ở của mình, dành riêng hắn một buổi hẹn chẳng hạn. Bây giờ tôi mới hiểu ra cơn nôn mửa dọc chuyến đi chính là thứ cảm giác hổ thẹn buồn tủi phần nào đã khiến hắn bỏ dở quãng đường. Một chút ân hận đồng nghĩa với lòng tôi trắc ẩn thương xót lấy mình thoáng hiện qua nét mặt hắn nom rầu rĩ lắm. Mẹ tôi nhìn vào đó, lại thở ra : “Lối này con hút thuốc và thức khuya lắm hả ? Da tái xanh, mắt đỏ quầng, môi tím ngắt - con không soi gương xem sự hư hao trên mặt mình ?”. Tôi nói : “Con muốn quên, quên luôn mình để an tâm về đây lấy chồng” xong chờ đợi những câu nói nặng, trách móc cãi vã phát ra từ miệng bà (như thường lệ), nhưng không, sự im lặng của bà thật khó xử, phút chốc tôi có cảm tưởng mình đã chạy vượt khỏi căn nhà lênh đênh trên một chiếc xe hàng, nhập vào cơn mưa bụi ngoài ngõ thành phố, ở bên kia lưng núi ”.

“Tôi đang ở một nơi nào ? Con đường rớt xuống nằm giữa hai dãy mặt phố người ngợm tuôn ra chạy qua vụt lại tới tấp dưới chân tôi. Cái bao lon chỗ tôi đứng hình như cao ngất, chông chênh. Q. đó : xa lạ hơn bao giờ. Q. đó : thân thuộc quanh kỷ niệm thời đi học ngùi ngùi mỗi gốc cây bóng lá, cây lá tươi xanh cổ nuôi tôi cảm tưởng mập mờ suốt đời mình chưa rời khỏi đây nửa bước, Thôi phải rồi, khoảng ngày tháng sống ở thị trấn miền trong chỉ là mớ thời gian phụ thuộc đắp đổi thêm

vào đời tôi – nó không giúp tôi lớn lên hay ăn cắp được một nấc tuổi nào khác. Cắt bớt đi thì có, để nổi lại sợi chỉ tay số mệnh bò lệch đường ”.

Bồng quay vào mò gói hành lý tìm bao thuốc lấy một điếu gắn lên môi. Nàng run tay bật lửa mãi mới đốt được. Sợi khói bay vòng, lượn cao theo mắt nàng từ từ ngược lên thành khăn nhìn ngấm. “ Anh cho tôi xin bớt một điếu, mai kia nếu còn gặp lại tôi sẽ mang trả anh bao thuốc này, dù lúc ấy chỉ còn cái vỏ rỗng không. Như đời Cưu, hẳn anh biết Cưu ? Tôi nghe nói người ta có thể tương tư nhau vì mùi khói thuốc cùng hút cùng thở. Hiện tại tôi cũng đang phỉnh lừa mình như vậy. Và tôi cố gắng cắn giữa hai mấu răng một sợi khói, nhai nghiền nó thật kỹ trước khi nuốt xuống bụng, chắc chắn nó không bị tiêu hóa hoặc nôn ngược ra ngoài ”.

Có sợi dây nào treo Bồng vào những ngày bỏ lửng chưa ? Sao nghe cảm giác hao hụt của kẻ đuổi theo cơn say lỡ chân chạy tuột ra ngoài không khí. Giữa những ngày cuối năm u ám, trời dờn mây khắp cả bốn mùa về tụ họp lần chót trước khi dứt cơn mưa, một năm hết, những cơn rỗng hút nước biển tưới thiên nhiên xong phận sự, Bồng gặp lại người thanh niên. Hắn xách cái túi vải, mặc áo choàng, đầu đội cái nón ni đứng hút thuốc ở góc đường rẽ qua chợ Xôm. Khá lâu hẳn mới nhớ ra Bồng. Nom hắn giống như kẻ mới đi xa về và sắp sửa ra đi trở lại. Câu chuyện nhiều lúc làm hắn bồn chồn, dùng dằng nửa muốn từ già, nửa còn chưa sắp đặt được một lời hẹn trước khi xoay gót. Bồng giúp hắn : “Anh cứ về trong ấy lúc nào muốn. Giêng ra chắc tôi vào”. Hắn thoáng vui, niềm vui lành lạnh tai tái nét mặt lơ lửng : “Ước ao còn được gặp cô !”.

Và bây giờ hắn gặp lại Bồng thật. Một lần, hai lần, nhiều lần sau đó ở Q. Họ không hề đá động đến chuyện trở vào cái thị trấn miền trong ấy nữa. Lâu dần Bồng tìm qua hắn vài điểm hao hao giống Cưu, nàng nói : “ Quen anh tôi đâm sợ giáp mặt với cái phở ấy nếu một dịp nào đó mình vô cớ quay về. Hẳn lúc ấy việc xa nhau chỉ là khoảnh khắc... Tôi ngồi đây nhưng ở T. vẫn còn hình bóng mình, một cơn Bồng đang ăn uống hít thở đi đứng vui buồn đầy đủ... Không, tôi có gì đâu mà khó hiểu. Tội bạn vẫn gán cho tôi lai máu tốc-kê. Chắc vậy, anh đừng cười. Ở T., anh làm gì ? ”. Người thanh niên chột lưỡn

lự, mân mê tròn điều thuốc giữa hai ngón tay : “Tôi vừa dờn mặt trận được nửa năm nay. Và nếu cô không buồn, hiện tôi đi dạy học, một thằng thầy bắt đắc dĩ !”. “Anh quả nhún nhường. Tôi cũng có một người..., gọi là người tình cũ cũng được, làm giáo sư ! Anh biết Cưu không ?”. Hấn hơi ngạc nhiên : “Biết nhưng không quen. Với T., khu phố năm chưa đầy một nhúm tay, mỗi ngày ai mà khỏi gặp nhau. Một chặp hóa ra thân thuộc hết. Nhưng tôi đã sống những năm dài rất lẻ loi đơn độc thời chưa đi lính”. Giọng hấn thật xót xa, thật xót xa hơn khi bỗng dung Bồng nghĩ ra đó là lời thở than vờ vĩnh. Nàng vẫn về khúc thuốc đặt trên cái gạt tàn nhìn vào miệng hấn nói : “Anh làm như tôi nói chuyện vô duyên lắm, khi nào gặp cũng hút thuốc liên miên”. “Không, cô chớ nghĩ tôi là *những-kẻ-hút-sa-lem* ! Hấn bọn họ khiến cô tởm ?”. “Dạ, trước mặt con gái tôi nghĩ rằng bọn họ hút thuốc cốt ý khoe cái đàn ông đầy đắc thắng của mình. Tôi coi thường điều ấy.”

Trước hôm về lại T., người thanh niên mặc áo choàng đội nón nỉ xách bị vải tới từ già Bồng. Về hấp tấp của hấn làm nàng bực dọc. Nàng mua một gói thuốc (thứ thuốc lá hấn ghiền) khui vỏ chìa ra trước mặt hấn : “Trả lại anh. Ngồi nói chuyện hút cho hết cả bao rồi hãy đi. Tôi thêm ngửi mùi khói này lắm”. Hấn ngần ngợ cầm lấy, chua xót : “Phải rồi, đời tôi chỉ là một cụm khói, một sợi khói bay vòng. Chẳng tới đâu, chẳng được gì !”. Bồng dịu dàng : “Có chi mà anh bi quan vậy ? Nhiều lúc tình cảm tôi có những cử chỉ sơ hở dễ gây cho người khác hiểu lầm. Thật ra..,”

nhưng hấn vụt dần giọng cắt ngang : “ Không, Bồng đừng nghĩ rằng tôi yêu Bồng”. Và rồi, lúc nàng ngược lên : chỗ ngồi đối diện chỉ còn vương lại cuộn khói kéo dài ra tới cửa, hình như bóng người thanh niên vừa vụt qua chao động màu nắng sáng bên ngoài.

Bồng ngửa cổ thở dài, thật dài.

●

Buổi sáng sau cơn say, Cưu tần mẩn ngồi gờ những bệt vôi khô trên hai lòng chân. Hấn nảy ý định bán căn nhà trước khi xin đổi về một tỉnh khác. Cưu đi quanh phòng nhặt từng vò

thuốc rỗng gom lại thành đồng. Trọn ngày hôm đó hắn viết thư cho hết thầy bạn bè gần xa bằng những vỏ thuốc ấy. Trong tám giấy viết gởi Bồng, hắn đọc được : “ Anh là đứa bệnh hoạn, điều mà anh hằng giấu em bao lâu nay, sự giấu giếm đó đòi hỏi nhiều cố gắng bản tiện đến nỗi chính nó cũng là một cơn bệnh khác hành hạ mãi mình... Từ ngày gặp em, anh hút thuốc nhiều. Anh lầm tưởng khói thuốc sẽ giúp mình che phủ được những khốn khổ dần vụt từ cõi tâm hồn bệnh tật luôn luôn ứa lên đầy ắp mặt mũi... Anh không trách em ra đi bởi anh đã đoán trước thế nào ngày đó cũng đến. Nhưng dù sao anh vẫn đau đớn không cùng ”.

Có tin gã đàn ông đã bị quân cảnh tóm được vì gã vô ý để lộ vết da sói trên đầu. Cưu lảm bảm chửi thề. Phút sau hắn tình cờ bắt gặp chiếc mũ xám lông xoắn nằm giữa đồng chắn màn không hiểu gã bỏ quên hồi nào ? Cưu bâng quơ đặt chóp mũ trên ngón tay trở quay vòng rồi ném nó ra xa.

Vườn cây xanh non màu lá mới. Chim sâu nhảy chuyền cành hoa bướm. Cưu bước giẫm trên mỗi dấu guốc Bồng bỏ lại, chỉ trở loanh quanh nói cho cô gái nghe dự định của mình. “ Mùa nắng tới em có thể mở cái quán cà phê lộ thiên ở chỗ này... Mình để cây làm bàn, ghế bằng tre kê dưới từng tầng lá. Kết đèn màu trên đầu. Đặt cái máy hát nơi hồ nước kia... Em mua luôn căn nhà này ?”. Cô gái lắc đầu cười : “ Rồi người ta xấu miệng đồn là *quán Mộ-phu* kiêu mới nữa thì chỉ còn nước bỏ xứ mà đi ”.

Ra đi là hết rồi, Quay về... thôi cố nhân ơi !

Tiếng hát nhẹ nhàng trên môi cô gái nghe chừng như hơi thở thì thầm.

●

Một năm sau buổi sáng Bồng đi, Cưu gặp lại nàng giữa thành phố N. Nàng mặc áo dưỡng thai bước nín thở trên hè đường, tay ôm một bọc giấy, miệng cười tươi, da mặt xanh từng sợi gân li ti, nàng đẹp như một người lạ. Cưu ném mẩu tàn thuốc : “Chùng nào em sinh Niệm ? ”. “ Cũng sắp rồi anh.

Không ngờ cái tên mình bỗng đùa hời trước bây giờ trở thành một định mệnh”. Bồng hất mái tóc bồng bênh về phía sau : “Anh còn dạy ở T. ?”. “ Hết rồi, ít hôm nữa tôi vào lính, mới nhận lệnh gọi... Tôi tin rằng tôi chưa mất em dù em đã có chồng, một chồng hay ba bảy chồng chẳng nữa... Và tôi vẫn hoài hoài chờ đợi trong một tháng, một năm hay cả một trăm năm không chừng... Miết rồi tình mình hóa cái lương mất.”. Cưu nói say sưa. Bồng thần thờ nghe ra đó là thứ giọng của người đã chết, nằng cú nhìn chiếc bụng nhô cao, mân mê chéo áo lắc đầu : “ Cảm ơn anh. Đừng bắt em phải nghĩ chính mình gây nên nông nổi. Ít gì giữa lúc này.”

Có tiếng gọi tên Bồng từ một cửa hàng, nằng quay qua nói lớn : “Anh Kỳ, chờ em tí xíu”. Cưu cũng ngược lên. Người thanh niên da trắng nhẵn thín đang đứng hút thuốc chờ Bồng đi theo. Nom y quen quen và có ý mỉm cười chào Cưu nhưng hấn vội ra đầu từ già Bồng. Cưu còn đứng lại rút tấm lệnh gọi cuốn tròn giả làm điều thuốc giắt lên môi. Mưa bụi lay bay. Mây trợn lông hơi nước thở mù nền trời. Buổi sáng Bồng đi...

PHẠM NGỌC LƯU
(Cùng-son, 12-69)

(Văn số 153 tháng 5 năm 1970)

Phạm Ngọc Lư

Nhà hầm

Hai mươi tám tuổi, mái tóc rối uốn cao bên úp bên mở lỏng lẻo trên khuôn mặt nhỏ nhoi có vẻ cực nhọc với sức nặng của đôi kính cận nhiều độ thả hờ hững trên sống mũi, nước da trắng bệch nom rõ từng đường gân xanh chạy li ti hai bên má, trông nàng lạnh lạnh nhàn nhạt tựa người sống lâu nằm trong không khí ẩm mốc vừa bị lôi ra giữa một khung cảnh chói rục những màu sắc xucung chiếu nhập nhòa. Thật tình nàng không đủ sức nhận ra sự khác lạ dằng co trong người, không đuổi kịp sức sống đang lần khuất dưới những vẻ phô trương hình dáng rục rở, nàng mệt mỏi gần như buông xuôi, đôi mắt biếng nhác thu mình dưới lớp kính dày cộm, thân thể mảnh dẻ coi bộ dài chứ không cao lênh khênh như nàng tưởng. Chẳng khác nào cái bóng chồm lên trong không, nàng đứng thẳng nhưng trông tựa đang nằm, trên khoảng nền xanh bóng cây phía sau.



Tiếng súng chột ngưng đi một phút đủ để Huỳnh nghe rõ nhiều hơi thở hỗn hển gần đó. Chàng thò đầu ra miệng hầm mở lớn mắt, ánh hỏa châu hừng lên ngoài lớp cửa kính sáng nhờ nhờ những đồ đạc trong phòng, bóng cây lá từ khu vườn không biết lọt qua khung cửa sổ nào chưa kịp đóng chạy ngờ ngờ trên mặt vách rồi vụt mất, lát sau chúng lại xuất hiện loạn xạ đuổi bắt lẫn lướt nhau, hình như nhiều trái sáng đang rơi xuống cùng một lúc. Huỳnh nghĩ phải ra đóng cái cửa sổ nhưng đôi chân tê cứng chẳng nhúc nhích nổi, chàng nén đau cố gắng cử động những bắp thịt chắc nịch nhúc nhối, cuối cùng bàn chân cũng đuổi thẳng được và chạm phải một vật gì trơn láng đến muốn rùng mình. Tiếng Cúc chột vọng lên, mắc vương nước bọt.

- Tránh cửa hầm ra cho người ta thở với chứ.

Huỳnh tiếp tục xê dịch bắp chân thoải mái, bây giờ chàng mới

nhận ra làn vải quần satin Cúc mặc êm ái nơi từng đầu ngón đang chậm chạp lần mò mỗi chút hơi ẩm. Súng nổ rất hơn, gần gũi trước mặt đường chen lẫn tiếng ùng ùng dữ dội của đại bác bủa quanh. Con nhỏ cháu bà chủ nhà lại khóc thút thít, mẹ Bé chốc chốc dần tiếng, nín đi, nín đi. Cúc cựa mình nhích ra một khoảng, chừng như nàng đang loay hoay vỗ về con nhỏ. Huỳnh co chân lại, tự dưng thấy lòng hầm nổi rộng ra lòng lẻo, yếu ớt. Đạn vẫn bay chóc chóc trên mái ngói, tiếng xúp-lê ré từng hồi dài ngắn xa xa đâu dưới xóm chùa. Mẹ Bé bắt đầu niệm A-di-đà Phật cứu nạn cứu khổ, giọng lắp bắp run rẩy. Bỗng con nhỏ kêu lên.

- Con đi đi.
- Nín đi, nín đi.
- Con tức bắt chết đây.
- Rán tí nữa. Cháu gắng ngủ một chút là quên ngay.

Huỳnh quơ quơ tay ra phía trước, có vết trắng trắng mờ mờ chàng đoán là mặt Cúc.

- Cho mượn tám chăn, muối quá.

Những con muỗi bay vo ve tìm da hút máu nghe vẫn rộn rã om xòm hơn thứ bóng tối nặng nề âm thanh súng đạn chung quanh, Huỳnh nghĩ đại giá lúc này một trái đạn vô tình trở nóc nhà rớt lọt xuống hầm nổ tung (kẻ nào đó đã kể chuyện hồi Mậu-thân cả gia đình nọ buổi tối dất nhau xuống hầm bỗng gặp một con rắn hổ nằm phục sẵn, xua đuổi mấy nó cũng không chịu bỏ đi, vợ chồng con cái đành dất nhau chạy tìm chỗ nấp khác, đêm đó đại bác nã trúng hầm sụp nóc chôn luôn con rắn thể mạng, về sau nhà đó vun căn hầm thành ngôi mộ thờ...) chắc mình cũng không biết gì, dưới tay, da Cúc nhóp nhóp mồ hôi, trong đêm mà nổi run sợ như màng lưới dày mắc ràng rịt cảm giác, Huỳnh ngờ ngợ cái khối mình đang ôm cứng (để trấn an những ám ảnh chết chóc) không phải là một sinh vật, một người đàn bà dù đang héo hon bám giữ từng chút sự sống. Cúc vẫn thiếp đi trong nỗi im lặng cần có chỗ tựa. Rồi Huỳnh cũng chỉ là cái bao cát thừa thãi chẳng biết chất thêm vào đâu, chẳng chẳng tìm thấy gì, ngày thường đời Cúc vẫn thu khẹp lẫn trốn vào căn hầm riêng của chỗ tâm hồn ủ dột. Chút thêm muốn nào đó bất ngờ nhú lên nhỏ nhoi như hạt cát đang rục rịch trong bao cát dưới lưng, không chừng Cúc lường được mức độ tham lam quá đáng nơi bàn tay Huỳnh,

nàng khẽ đẩy chàng ra dành lại tấm chăn cuộn quanh mình. Có nhiều tiếng chân chạy thình thịch ngoài đường, súng nổ tạt qua phía cổng, một vật gì bằng thủy tinh vỡ loảng xoảng ở nhà ngoài, Cúc ôm chầm lấy Huỳnh ghì đầu chàng vào ngực. Huỳnh thử lắng nghe nhịp tim Cúc đập hồi hả, ngọam lấy áo Cúc nhai kín miệng. Mụ Bé thì thảo.

- Hồi tối có đóng cửa ngõ không ?

Con nhỏ chột khóc òa lên. Đồ quý, cầm mồm lại cho người ta nhờ. Huỳnh cảm thấy chân mình lấm phải cái gì ướt ướt, một mùi khai xông lên nồng nặc, chàng giật đầu ra khỏi tay Cúc.

- Chết cha con nhỏ đái bậy ra rồi.

Mụ Bé nói, đái chỗ nào, sao nó hư vậy.

Chập sau như sức tỉnh mụ lại rầy rà.

- Ướt áo tui hết trơn nữa nè?

Cúc ngại mụ đánh con nhỏ giữa lúc này, nàng vội kéo nó lại lột cái quần ướt sũng ra, chắc lưỡi.

Trời sáng từ lâu nhưng chừng ra ngày chưa đến, mặt trời vọt lên cao lộ lộ, đường xá vắng ngắt, chốc chốc một chiếc xe nhà binh chạy vụt qua. Mụ Bé khép cửa vào thấp nhang trên bàn thờ, con nhỏ vẫn quanh quẩn bên chân. Nhiều mảnh kính vỡ toang, tường lỗ chỗ dấu đạn, Cúc thậm thọt đứng không yên nơi bờ hè. Súng vẫn còn nổ lác cắc phía ven biển, trực thăng lượn vù vù trên khoảng trời un khói. Mụ Bé giống ba tiếng chuông rồi lui xuống nhà dưới, lại nhìn con nhỏ leo đèo sau lưng thờ dài. Tiếng Cúc gọi giật ngoài hiên.

- Bác nè, có cái này...

Thoáng hoảng hốt, mụ Bé nắm tay con nhỏ nói vọng ra.

- Vào trong nhà đi cô. Đã yên ổn gì đâu.

- Ghê quá bác.

Cúc mở được cửa, tay còn run, nàng dụi mắt nhiều lần chập choạng ngồi phịch xuống giường.

- Gì vậy cô ?

- Người chết...

Cúc trở tay qua cánh cửa mở hé khựng lại.

Mụ Bé rướn mắt ngó ra khe hở sáng bóng nằng nhưng chắc không thấy gì vội ngồi xích lại, đầu mặt Cúc xuyết .xoa

- Trời ơi, A-di-đà Phật. Mà ai vậy cô ?

- Lam sao biết. Tôi cũng chưa dám tới gần.

- Bây giờ mình tính sao cô hé. Lỡ người ta nghi oan giá họa

thì khổ lắm.

Cúc thờ người thờ dài thườn thượt. Những bước chân chạy thành thịch đêm qua nghe lẫn với nhịp tim đập lồng lộn trong ngực, phải chăng có một tiếng thét thất thanh mất hút giữa làn đạn cát xéo nằng đã không nghe, hoặc kẻ chết muốn vượt qua bờ rào tìm chỗ núp nhưng vội quy xuống, Cúc rùng mình.

- À, cậu Huỳnh đâu bác ? Chắc mình phải đi trình cảnh sát.

- Ồ, cậu Huỳnh mới đó biến đâu rồi.

Huỳnh nằm bẹp trên giường, đôi mắt buồn ngủ kinh khủng. Tiếng súng dồn ra xa rồi, lẹt đẹt rời rạc, chàng nghĩ bọn V.C. đột nhập vào thành phố chắc đã bị đánh tan hoàn toàn, như hồi Tết, chẳng có cái gì ở chỗ đất khô cằn vô danh này nuôi dưỡng mãi mộng xâm lăng của chúng, họa ra tạo nên một không khí khiếp đảm lo âu thường trực trong đời sống dân chúng mà thôi. Chàng thêm điều thuốc, chàng cần sự bình tĩnh tới nhiều người thân thiết quanh đây đã qua một đêm chịu đựng cùng cực, giờ này đang rút cổ thấp thỏm nhìn nhau, đang quên khuấy bữa ăn trưa nay để trông chờ tin tức. Huỳnh muốn ra đường, ý nghĩ mang đôi chân chàng thận trọng bước từng bước ngẩn xuống con lộ, mắt dáo dác trông xuống trên cánh hoang vắng rờn rợn, có lẽ mình phải vào phố đập cửa gọi mấy thằng bạn ở nhà đúc vững chãi ngủ mèm một giấc, nhưng thân xác chàng vẫn nằm yên lặng, tay gác lên lớp da bụng đang nhung nhúc còn cào. Gió mai không biết từ hốc ngách nào chun vô căn phòng kín bít, Huỳnh thử ngửi hơi gió lạ lẫn với mùi khen khét tanh tanh. Chợt có tiếng mảy bay phát thanh oa oa ngoài trời, Huỳnh lắng tai nhưng không thể nghe lọt, chàng gượng ngồi dậy, ly cà-phê uống dở đêm qua nổi bật trước mặt, phi cơ đã bay qua đầu mất, có cái gì chộn rộn ngoài nhà mụ Bé, Huỳnh với bụng ly cà-phê gạt những con kiến hôi đang quanh trên mép cốc hững hờ.

Mụ Bé căng mặt há rộng miệng đợi chiếc máy bay đảo lại vòng nữa, giây lâu chừng nó đi khuất, mụ mới kêu Cúc.

- Cô nghe gì không ?

- Gì gì đó. Đồng bào hãy bình tĩnh, quân đội ta đã thanh toán xong... Các anh em cán binh V.C. còn lại hãy buông súng ra hồi chánh... Tui nghe tiếng được tiếng mất nhưng chắc hình yên rồi nghe bác.

Mặt mũi hom hem cô tạo một nét mừng rỡ, bỗng chợt hứng :

- Nhưng còn cái xác chết trước nhà...
- Thì bỏ đó, coi như mình không hay biết.
- Rõ tội nghiệp !

Bằng thói quen của một tín đồ về già chăm nom việc cầu nguyện, bất giác mặt nhắm tay lên ngực lâm râm khấn vái gì đó. Cúc bỏ vào buồng nhìn con nhỏ nãy giờ vẫn ngủ ngon, nằng nằm xuống bên cạnh một mẹ.

Cái xác úp sấp bất động trong cách thế hết khôn khổ chứng tỏ trước khi chết gã có một thời gian hấp hối khá lâu. Đầu gã dúi vào gốc bụi hoa giấy, miệng phoi ra hai hàm răng thô vàng ngầu cấn rít lấy nhau, một vết máu từ lỗ mũi đọng khô xuống tới mép làm đường cho mấy con kiến lửa bò tới bò lui. Nặng xuyên qua lá cây rơi tới mặt gã lồm đồm từng chấm, nom gã còn trẻ, quá trẻ, 17, 18 tuổi là cùng. Cánh tay phải còn mắc trong bờ rào nhiều dây leo, tay kia ép dưới ngực, hai chân co quắp, một chiếc dép râu đã tuột ra ngoài lẫn lóc cạnh đó. Chân trái gã toát một lỗ lớn bày xương bấp đùi, nơi đầu gối có buộc một miếng giẻ lớn (chắc xé vụn ra từ vạt áo) bết máu thâm. Từ chỗ gã nằm tới bờ đường kéo rề từng vết máu, bên những dấu đất cằn bở lê lét tựa chỗ trâu dẫm. Chừng như chưa có ai qua đường để nhận ra cái chết của gã, vài chiếc xe nhà binh chạy vụt ngang tức tốc. Lâu lắm một con chó vô chủ từ dưới ruộng bước lên dừng lại ngửi vào khoảng áo hở bày da lưng rồi cong đuôi bỏ đi. Chỉ bấy kiến là đông đúc, bò rộn rã khắp mình mẩy đuổi mấy con ruồi xanh đang tìm chỗ đậu.

Gần trưa một tốp lính từ nhà thờ tiến xuống dọc theo con đường. Viên chuẩn úy miệng ngậm thuốc phì phà ra lệnh cho những người lính đi đầu dừng lại.

- Lục soát hết khu này. Coi chừng tụi nó bắn lén.

Toán quân tức khắc rẽ hai tạt vào những ngôi nhà còn đóng cổng. Gã được tìm thấy hơi trễ, người lính chĩa súng thủ thế rồi ra hiệu cho đồng đội tiến tới.

- Coi hẩn chết thật chưa ?

- Khoan, lựu đạn nó gài dưới bụng.

Một tràng đạn ria thẳng vào đầu, lưng gã cày lên cuống bụi khô, cái xác vẫn không hề hẩn nhúc nhích. (Tiếng nổ lộn Cúc

ra giấc ngủ dán sát mặt chiếu lồm cồm bò xuống nền nhà, mụ Bé luợ quớ chạy tới cửa hầm). Người lính dùng mũi giày lật ngược người gã đồ kênh qua một bên, máu ri rỉ ứa ra trên những vết đạn mới mẻ đóng khung quanh ngực. Y lục lọi khắp chiếc áo rách bươm còn đeo hớ hênh trên cổ gã, lòi trong túi ra một xấp tài liệu, quyển sổ tay, vài tấm ảnh bạc màu, tiền giấy Hồ Chí Minh... Cuối cùng không tìm thấy gì thêm. y đứng dậy phủi tay vào đũng quần chửi thề.

- Đ.m. nó vất súng ở đâu?

- Thằng này chắc du kích, mặt mũi non choẹt kia mà.

Viên chuẩn úy đã đến bên cạnh, ông ta báo cáo gì đó trong máy, tay lật lật xấp tài liệu tịch thu được. Những người lính tản quanh các bụi cây xục xạo. Cúc nghe rõ giọng ai nói ồm ồm bên ngoài, lính mình đây bà con, yên cả rồi. Một khuôn mặt lọt vào cánh cửa khép hờ, nàng đứng dậy ngơ ngác một phút.

- Đêm qua đánh nhau cô nằm nhà chớ ?

- Dạ, núp hầm.

Người lính đảo mắt một vòng rồi y tiến tới căn hầm cuối góc nhà. Cúc bước theo gọi vọng:

- Bác Bé ơi, yên rồi ra ngoài đi.

Mụ Bé thò đầu chui lên, người lính trừng mắt hỏi Cúc, nàng gật đầu.

- Bà chủ nhà đó.

- Đêm qua có ai chạy vào đây không ?

Chừng hiểu rõ cơ sự, mụ Bé lấy được vẻ tỉnh táo thường ngày khoa tay phân trần.

- Dạ không biết chú ơi. Súng bắn dữ quá tui tui không nghe chi hết.

Đốt xong điều thuốc, người lính trở ra ngoài. Viên chuẩn úy chực sẵn hắt hàm hỏi.

- Thấy gì nữa không ?

Y lật cái nón sắt xuống rút khăn lau mặt, tổng rút khăn lau mặt lắc đầu.

- Nhà toàn đàn bà. Thằng này chắc bị thương nên đồng bọn bỏ rơi lại.

- Nói họ lo khiêng cái xác ra sân vận động.

Bây giờ mụ Bé mới nhìn tận mắt gã, mụ dợm người toan thối

lui. Cúc bình thân ngó gã rồi ngược mặt lên nhìn viên sĩ quan trẻ.

- Tụi tui đàn bà yếu đuối sợ sệt làm sao được chuẩn ụy?

- Hắn chết trước nhà cô cô phải lo, chứ để vậy chịu gì nổi.

Cúc nghĩ tới Huỳnh đang ở đâu đó, cái anh chàng thật dễ giận, nàng chưa kịp trình bày gì thêm viên chuẩn ụy đã vội vàng đi theo toán lính đang qua cánh đồng khô phía trước. Gã còn lại đó tênh hênh dưới bóng nắng lên cao dần, Cúc không còn thấy sợ hãi nữa nhưng miệng nàng bắt chua lờm lợm. Nàng nghĩ mình nhưc đầu mất.

Xế chiều người ta mới khiêng gã đi như con heo trên cái đòn tre dài. Mụ Bé phải bỏ tiền thuê hai anh phu lỏi xóm cùng lời van nài khẩn khoản, thì mình làm phước chớ có gì đâu mấy chú, đầu xanh tuổi trẻ vậy mà chết không hòm không liệm không cha không mẹ nghĩ cũng tội tình... Cúc khom người với cây cuốc trên tay cố lấp cát vùi những vũng máu thâm khô còn đọng lại trước ngõ. Trời chiều xuống cảnh vắng vẻ phập phồng ứa lạnh mỗi giọt mồ hôi trên trán. Mụ Bé đốt bó nhang cắm vào cái ống tre buộc nơi cánh cổng, quay qua Cúc.

- Tôi nay mình có tản ra phố không ?

- Ăn cơm rồi hãy liệu, xem chòm xóm thể nào đã. Còn cậu Huỳnh..."

Huỳnh mê man trong cơn nóng sốt bứt rứt, vật vã tay chân liên hồi. Chàng muốn gọi mụ Bé, gọi Cúc nhưng miệng khô cứng, một lúc chàng ngờ ngợ có lẽ không có ai tên Bé tên Cúc ở quanh đây, một nơi xây xẩm, co rút chặt chội hơn cả căn hầm. Tiếng nổ, tiếng ồn ào bên ngoài không đủ lôi Huỳnh ra khỏi cái khối đặc quánh sền sệt vẫn rơi mau, bổ ập xuống đều đặn từng hạt cát, từng bao cát, một núi cát lầy. Có lẽ Huỳnh đang còn núp trong hầm gần gũi bên cạnh Cúc êm xốt nức nồng. Thân mình ướt cả rồi, con nhỏ ngồi đái tinh bơ, Huỳnh ôm lấy khoảng bụng dưới đang tức căng, phải đứng dậy bước ra hàng rào đái tưới lên những dây mồng tơi bông tím, phải cầm lấy cái ca nhựa mắc gần đó, phải múc thật đầy ca nước, phải uống hết chum nước rồi đái nữa, Huỳnh thở dài nhẹ nhõm, mình không thể đau, tại sao lại bệnh dễ dàng đến thế. Ở mình đói, không không, cho xin ly nước, tôi khát thôi, khát đến chết đây.

Quờ quạng mãi Cúc mới đốt được ngọn nến, ánh sáng mù mờ không đủ soi rõ chỗ Huỳnh nằm, không chừng chỉ cựa mình một chút chàng sẽ nhập vào lớp lớp bóng tối ui ui dày đặc bốn bề. Cúc cúi người xuống, thật sát với khuôn mặt nhợt nhạt lặng lờ, hơi nóng bốc lên vằng vát.

- Huỳnh uống thuốc nghe.

Đôi mắt ngờ nghệch mở ra, sợ chàng không nhận được mình, Cúc lay lay bờ vai.

- Tỉnh đó chứ. Chuyện gì mà đau bất tử không ai biết cả vậy ?

- Sáng rồi hả ?

Cúc lắc lắc mái tóc cười buồn. Pháo binh trên núi Tháp bắt đầu bắn đi, tiếng départ dội rừng rừng cửa kính, đêm im vắng nặng nề, nỗi lo sợ vẩn canh cánh bên lòng, Cúc nhìn Huỳnh ái ngại từng lúc. Mụ Bé bụng bắt cháo hành lên, hai người đàn bà chuyển nhau giúp Huỳnh nuốt trôi từng muỗng lớn, mồ hôi chàng chảy ròng ròng.

- Mình phải đưa cậu ra nhà ngoài chứ. Lỡ đêm hôm có chuyện gì.

Con ác mộng từ khuya qua tới giờ vẫn bám riết dằng dai như đĩa đeo trong trí, mụ Bé ngược nhìn qua cửa sổ, ngọn hỏa châu leo lét la đà xuống thấp rồi tắt ngấm, chỉ còn lại vết khói trắng lơ lửng giữa nền đêm. Huỳnh lấy lại được đôi chút tỉnh táo, ngó chăm chăm.

- Không ngủ hằm nữa hả ?

- Ai lại nằm hằm, nóng thấy mồ.

- Con nhỏ còn đái dầm sao ?

Cúc gài lại một khuy áo tuột trên ngực chàng cười khô. (Mụ Bé đã bỏ lên nhà ngoài, ngang qua hàng hiên, mụ nhấp nháy, mắt không dám nhìn thẳng ra phía cổng, ngoài đó dế kêu ran) Huỳnh giữ lấy bàn tay ấm áp của Cúc mân mê từng ngón một, tự dưng lòng Cúc nao nao.

- Huỳnh, anh tỉnh đó chứ ?

Bất chợt chàng khẽ rời tay Cúc, ngoảnh mặt qua bên, một giọt nước mắt vô cớ ứa ra lăn mau xuống má. Cúc chỉ còn là cái bóng nhập nhòa lung lay theo bóng đèn sau lưng.

●

Huỳnh,

Tôi viết cho anh nữa đây nhưng rồi chắc cũng dở dang tắc

nghe nửa chừng, tay tôi chưa chi đã bắt run và trí óc lộn cộn xáo trộn quá rồi. Lỡ sau này ở đâu đó rủi ro, anh đọc được sự ngu muội xui tôi viết bậy thế này, anh đừng đại dốt nghĩ gì xa hơn nỗi khốn khổ dằng dai đeo đẳng bên đời mình mà tôi hằng tưởng chỉ cần hét to lên một tiếng, viết trắng ra một dòng là thoát. Nhưng không, sau ngày anh bộp chộp ra đi (hẳn anh nông nổi và tự ái) miệng tôi chỉ còn là cái cửa ăn uống, tay tôi chỉ dùng để cầm đũa bưng chén, tiếng thét không có trong những cơn ngáp vặt, cây bút liếm môi và trang giấy trắng đập hờ trên mặt ngày ngày. Rồi vẫn còn nguyên đó, tất cả. Xác tôi ồm nhom mòn mỏi tưởng không bao lâu nữa sẽ ngã quy xuống mất, bởi không chịu đựng nổi những ý nghĩ nặng hơn đá tảng càng lúc càng chất chồng. Dĩ nhiên anh chỉ mới đeo hờ cho tôi một hòn cuội nhỏ chẳng thấm thía gì trong lũ lượt ý nghĩ phiền muộn đó. Anh thi nghèo và từ tốn, tôi hiểu, nhưng tại sao anh lại vội vã muốn hòn cuội mình lớn vọt lên bằng trái núi, rõ ngay thơ.

Hôm anh khỏi bệnh tôi mừng ứa nước mắt, tôi vẫn coi anh như đứa em trai, thế thôi. Đừng dối dấy nhé. Một đứa em là quý lắm rồi. Bởi có lúc đứng ngó anh mê man tôi lại gì đến cái xác thẳng V.C non nớt chết trước nhà trong trận đánh đêm đó. Anh đau như giã vờ, bởi mỗi lời nói và cử chỉ vẫn tỉnh khô và ranh mãnh là khác. Những lúc ấy tôi muốn anh lên cơn chết khuất đi thôi. Thì ra cơn bệnh mở cho anh một cơ hội ngắc ngoải, tôi sợ anh buồn mà nặng bệnh nên gật đầu cười cho anh vui, nhưng rồi anh lại khóc tức tưởi, hẳn anh đâu có cảm động cũng như anh biết tôi đâu muốn nuôi tình thương hại, thật lòng tôi rung khô theo tấm khăn vắt ráo nước đắp trên trán anh. Anh bảo yêu tôi, ờ - anh có quyền, tuổi trẻ, sự đam mê cộng với cơn sốt nung nấu giữa cái không khí im lặng chết người đêm đó anh còn nói được trăm ngàn câu bốc đồng khác, bởi tôi chẳng còn gì để từ chối hay chấp nhận. Tôi vẫn sống đầy đura lơ lửng chẳng chân thật với mình chút nào. Hai mươi tám năm nay từ một kẻ tình phụ, chinh phụ rồi góa phụ, tôi là người con gái không được lớn lên bằng từng đốt tuổi đàn bà, trái lại bằng mỗi tảng đá nặng đè dí mình xuống, lạ quá chứ anh !

Anh đừng nghĩ tôi hoa hoè làm bộ làm dáng giọng buồn tình

buồn đời khi viết như trên. Lần đi chơi với anh ghé sân vận động Nguyễn Huệ xem triển lãm chiến thắng trận đánh đêm đó, bất chợt anh hỏi : tại sao Cúc nuôi mộng viết văn, con gái làm việc đó chẳng khác nào đánh đĩ mình. Tôi giận anh lắm nhưng vẫn cười cười lắc lắc mái tóc gió đánh bung rối rít, tôi dẫn anh tới trước một tấm bảng lớn dán đầy những tấm ảnh chụp các xác chết nằm bừa bãi nhưng không thể nhận ra khuôn mặt tên V.C. chết trước ngỗ. Anh hỏi hấn thế nào ? Tôi tin mình chẳng nhớ rõ ràng gì để tả lại nhưng chắc chắn thấy gã tôi sẽ nhận biết ngay. Hoặc người ta đã vô tình quên thu hình gã lại. Hoặc hai anh phụ khiêng tặc trách trút gã xuống một xó xỉnh nào khuất lấp. Giây sau tôi mới trả lời được : viết để chống chọi đời một cách tiêu cực, nó như một lối chơi bời của con trai các anh. Trời hôm đó nắng dữ, tôi cứ sợ anh nhuộm bệnh lại, anh cười, cũng muốn đau thêm lần nữa, muốn đánh nhau hoài để chun hằm. Trông anh vẫn trẻ con dù bộ râu mép không cạo chỉ tạo được chút ngờ nghệch ngờ ngỗ, anh già dặn chứ chưa đủ tuổi già nua, ức chưa !

Huỳnh nhớ không, lần anh mới đến ở nhà mẹ Bé, anh bảo Cúc cứ xem tôi như con gái và ngược lại, Cúc là bạn trai để dễ bề nói chuyện. Chuyện gì ? Không lẽ cứ bươi móc quả khứ của nhau, cũng chưa hẳn những lời đùa cợt (?) khi hai đứa cố phác họa một gần bó giả thử xem nó ra thế nào ? đến đâu ? Cám ơn anh muốn tôi dừng chân lại ở cái tuổi hai mươi tám này. Nhưng bước thêm bước nữa với anh chắc tôi vượt mất.

Một ngày kia chắc tôi cũng bỏ thành phố này mà đi. Như anh. Như mộng tưởng trụ lông rút cánh. Mỗi mỗi tôi chưa nói hết những gì nghĩ về anh, riêng anh... Nếu còn thương nhau anh hãy quên tôi đi, quên đành đoạn. Tôi nghĩ trời sinh con gái mang tên Cúc đa số đều lao đao lận đận, ế ẩm muộn màng. Thôi mình đành thủ phận. Anh là vùng đất quá mới chẳng thể trông nổi cái cây tôi già cỗi. Hãy quên, quên mau, Huỳnh ơi. Trả lại anh hòn cuội đẹp ngần, biết đâu một ngày kia nó cửa đứt tim tôi, phá sập trái núi cô quạnh, nhưng thôi...

●

Xe tấp vào bờ đường, dừng lại sau đuôi những chiếc khác đậu thành hàng dài chờ qua cầu. Chiếc cầu sắt đen dài ngút mắt nhòa đi trong màn mưa bụi, nước sông lênh láng đục ngầu nơi

xa bờ bên kia nhà cửa cây cối thấp thỏm mù mờ. Ngọn núi Tháp lơ lửng giữa nền mây xám, thành phố ở đó chín tháng trời khuất mặt liệu có gì đổi khác cái bộ tịch lững lờ lảng đãng những năm đã sống, chàng nhìn lại bộ đồ lính mặc trên người, phải chăng mình quá lạ trong ý nghĩ quay về không dứt khoát lúc bước lên máy bay. Xe bắt đầu qua cầu chậm chậm, gập ghềnh trên mặt ván lót khắp khênh giữa đường rầy, chàng có cảm tưởng đang chui vào một hầm sắt dài hút chẳng lối ra nào lấp ló đằng trước. Vài người lính gác trùm poncho đeo súng đứng co ro bên thành cầu dưới cơn mưa lạnh, bỗng dưng chàng thềm đốt thuốc gắn lên đôi môi thâm tím của họ. Qua một cây cầu ngắn nữa rồi xẻ vào phố. Cảnh sinh hoạt chậm lại, lướt thướt dưới cơn mưa rơi nhanh. Chàng xuống đường, lủi thủi đi qua những hiên phố, thôi chẳng có gì thay đổi được mây may, chừng như chàng mới ra đi hôm qua, mọi vật vẫn nguyên vóc dạng cũ, thời gian không bén mảng qua đây có lẽ, một nơi bị bỏ quên quá đỗi, sao Cúc chẳng viết nổi vài dòng về xứ này? Chàng tạt vào một cái quán ngày trước có lần ngồi với Cúc kêu cà phê và thuốc lá, người hầu bàn hỏi có ăn gì không ? Chàng nghĩ thôi nhịn bụng đói để giữ cho lòng thanh thản tí nữa gặp Cúc. Nhiều lúc cơn mưa nhoe đi bởi những kẻ cỡi Honda lướt nhanh qua với chiếc áo mưa phồng lên trong gió, chàng tưởng còn thấy kịp khuôn mặt mình hiện ra mau trên sườn xe bóng láng màu sơn. Chàng dõi mắt ngó ra vỉa hè đợi gọi tên một người quen thân đi ngang, lâu lắm những giọt mưa dài ngắn chạy dọc dưới mái hiên ngõ rơi còn chậm thua cả từng giọt cà phê bì bồm trong ly, chàng hút thuốc liên tiếp cố không nghĩ ngợi gì xa hơn làn khói vòng vo cuộn mình giữa lớp khí trời thấm lạnh, tai nghe vui bập lửa sôi sùng sục thùng nước lèo gần đó.

Mưa lợt qua cổ áo chạy dọc xuống sống lưng mỗi sợi rõ ràng, chàng đi dưới hàng cây sấu đông khắng khiu cổ ý đón một cái xích lô. Căn nhà cũ ở cuối con đường này nhưng sao chàng thấy xa xôi quanh quất đầy ngõ ngách. Tháp chuông nhà thờ vụt hiện ra bên trái khoảng đất trống, dưới đó một ông lão lom khom che dù vừa đi vừa tiểu tiện, chàng lột cặp lon chuẩn úy trên cổ áo bỏ vào túi, tò mò nhìn theo ông già cho đến lúc bờ tường che khuất. Mấy căn phố bị hư sụp trong trận đánh đêm nào vẫn còn nguyên vết cháy đen đỏ nát chưa sửa sang lại.

Cuối cùng chàng kịp nhìn ra cổng nhà mẹ Bé nhờ vòm cây hoa giấy thưa thớt những cánh bông tím nhạt. Chấp lâu chàng mới vói tay đẩy chốt then sắt gài cổng. Một cái am nhỏ đặt bát nhang đèn điều độ nước mọc lên cạnh bụi hoa là vật mới mẻ chàng thấy lạ. Hẳn mẹ Bé thờ vong hồn thằng V.C. chết bất đắc kỳ tử, chàng mím miệng nhưng cười không lên tiếng. Đi một vòng quanh nhà chàng chẳng gặp ai, căn phòng cũ hình như đã có người khác thuê dù sau lớp cửa kính tấm màn hoa vẫn còn (Cúc đã tự tay mua vải may lấy rồi căng lên sau lần bất ngờ thấy chàng ngủ trần truồng một đêm hè nóng bức). Chàng trở ra phía trước đứng dựa lưng vào vách hút tàn thuốc rồi cung tay gõ nhẹ vào mặt gỗ. Một lát sau con nhỏ rón rén ra mở cửa hí hửng gọi : chú Huỳnh, chú Huỳnh về. Bước vào nhà, chàng thấy âm áp hẳn dù lớp vải trên người ướt sũng từng chỗ lớn.

- Bà đâu ?
- Dạ đi chợ.
- Cô Cúc đâu ?
- Dạ cô về trông.
- Hồi nào ?
- Lâu rồi chú, con tưởng cô đi thăm chú chứ.

Chàng đi quanh không biết ngồi xuống chỗ nào khất. Dừng lại bên căn hầm, chàng tựa lưng vào chồng bao cát chắc nịch lấy thuốc ra hút để lấp liếm sự thừa thãi vô cơ lóng cọng nơi tay. Phút chốc chàng nghi ngờ về quen thuộc của căn nhà, lạ lùng vì mình có một thời sống ở đây, dầu tạm bợ, bỏ lửng. Những cái áo dài màu đen tuyền, quần lụa satin láng, giày cao dép thấp vẫn còn mắc quanh giường, dưới gầm bàn, nhưng chàng không thể tưởng tượng, lòng thêm vào đó một khuôn mặt có mái tóc nửa úp, nửa mở nặng nề cặp kính cận cắm trên tấm thân dài đuột gắn với đôi chân lênh khênh kéo lê từng bước rời rạc bên nhau những lần đi chơi rong quanh khu phố cũ kỹ chưa thể quên mau dù đã lâu lắm ; chàng chỉ sợ Cúc biết đâu đó hiện ra bằng xương thịt lúc này quả khó nói toạc bao ý nghĩ đang có. Con nhỏ theo tay ngoắc của chàng chạy trở tới, chàng nựng cầm nó chỉ vào miệng hầm : Còn ngủ trong này nữa không ?

Nó lắc đầu nguây nguẩy;

- Phòng chú bà cho một ông lính thuê rồi.

- Thì chú ở trong hầm cho ấm.

Chàng cười theo nó thật lớn. Chùng như cơn mưa đã dứt hột, chỉ nghe tiếng lá cây lay động rì rào. Chàng vẫn nắm mười cái ngón nhỏ nhỏ hồng hồng của nó rồi móc cặp lon chuẩn úy trong túi ra thấy thấy giữa lòng tay.

- Chú cho cháu cái này, thích không ?

Nó giành lấy ngắm nghía một lát rồi trả lui, chàng đeo lại vào cổ áo. Bây giờ chàng mới cảm thấy đói bụng, mệt, buồn ngủ. Bước tới xoay nắm cửa, con nhỏ gọi vọng gì đó sau lưng nhưng chàng lọt hẳn ra ngoài, cơn mưa đã ngưng thật sự trên lồm trời xám nguyệt mây chì.

PHẠM NGỌC LƯ

(Văn chủ đề Phiến đá chưa mòn)

Phạm Ngọc Lư Nhớ Làng

Dài đêm rả rích mưa suông
Bồng đầu dăm tiếng ềnh ương dội về...

Làng quê? Phải tiếng làng quê
Ao khô hồ cạn não nề kêu mưa
Làng xưa? Ôi tiếng làng xưa!
Tiếng trong tiếng đục mây mùa nước nổi
Lòng tôi? Bao tiếng lòng tôi!
Tiếng cam tiếng ghen một thời tang thương

Mấy mươi năm ở phố phường
Đêm nay nghe tiếng ềnh ương nhớ nhà
Nhớ làng vơi vợi xót xa
Nhớ quê muôn dặm chắc là đang mưa
Thấm lòng bùn đọng nước chua
Ềnh ương đâu biết ... tôi vừa bật kêu

Phạm Ngọc Lư

Tình Hoài

Căn phòng mới sơn quét lại hăng nồng mùi vôi chưa ráo nước. Mọi đồ đạc đều được lau chùi sắp xếp bày biện theo những vị trí mới, ngăn nắp gọn gàng trông đẹp mắt hơn. Tất cả biểu lộ sự khéo tay và tính mắt của Tổ Nương. Tổ Nương đứng giữa phòng ngắm nghía những đồ vật đã ở yên đâu vào đó ổn thỏa, tự hài lòng cười mỉm, đoạn, chỉ kêu tôi vào chỉ tay quanh một vòng hát cảm hỏi ý kiến mà thật tình cốt để khoe :

- Được chưa ? Xem mát mẻ chưa ?

Đương nhiên tôi phải xuýt xoa khen chị có khiếu về trang trí thâm mỹ, có hai bàn tay nghệ thuật và đôi mắt hết sức thông minh. Ý tưởng tôi rất chân thật, ngất nổi lời nói diễn tả vụng về lúng túng thành thử Tổ Nương bữu môi chống chế một cách chẳng mấy “mát mẻ”. Vậy nhưng, ánh mắt chị vẫn dịu dàng nhìn tôi như thăm hỏi : “ (ấy không nhạo mình đó chứ ?)”

Không không không, tôi không hề biết thế nào là chua ngoa châm biếm đâu. Để bày tỏ tính thật thà cố hữu, tôi mượn giọng cảm động nói lú lú :

- Chị lo cho *đây* quá, khác nào...

Tôi muốn nói : khác nào một người mẹ, nhưng tự dưng lười rút lại, miệng ngậm câm. Vâng, đúng là một người mẹ, tôi vừa sức nhớ tới hình bóng mẹ, vừa nhận ra mỗi cảm xúc lướt ngang và một cái gì cố vướng vào mắt mình cay cay. Tôi quay mặt đi, khụt khịt hai lỗ mũi, nói lảng :

- Mùi vôi nồng quá, muốn chảy nước mắt !

Tổ Nương mở miệng cười khì, chẳng lẽ cười cặp mắt tôi đang ử ê đòi khóc đây ư ? Có điều nụ cười duyên dáng quá không chọc giận ai được. Tôi cảm thấy mình còn trẻ con hết sức, nên đành gượng cười mếu máo, nói lấy :

- Chị lo cho *đây* quá, sợ rồi *đây* phụ lòng chăm sóc ân cần của

chị thôi. Đây có cái tính đặng trí đáng đánh đòn, bạ đâu vút đó quen tay rồi.

- Xin can ông, từ nay bớt cầu thả bừa bãi đi. Góm, chỗ ở sao mà giấy má rác rến chở cả xe bò không hết. Sách vở đầy xuống đất, giày dép thượng lên bàn, lập dị hết đường chê.

Tổ Nương nhún vai rùn cổ le lưỡi lắc đầu, Tội phì cười :

- Sống ngăn nắp chỉnh đốn quá, đây sợ hóa thành anh cụ non mắt.

- Góm, bộ tưởng còn trẻ măng đó há ?

- Sao chị ? Chị thấy sao ?

- Tối soi gương mà xem. A, thì ra mấy sợi râu non mọc lơ thơ trên mép mà gần nửa

tháng nay tôi không hề chú ý... Những sợi râu ngậy thơ ngộ nghĩnh mọc chưa thành hàng lối lớp lang nom chẳng ra ông cang không ra thằng, giống tên hề vụng kẻ mặt. Tôi chống cằm :

- Sắm sửa chút râu ria ngó cũng bớt tẻ. Nam vô tu như nữ vô... phu.

- Thôi đi, nói chữ thánh hiền nghe như cụ già.

- Chị cứ đem bóng ma tuổi già ra dọa đây hoài, mất vui.

Tổ Nương cười lên khanh khách. Thế đó, chị cười hoài, cười tươi cười tỉnh suốt tứ thời bát tiết. Có lần tôi phân vân nghĩ quần : hay là chị sinh ra nhằm giờ hỷ thần giáng tọa ? và biết đâu lúc mới lọt lòng mẹ, chị không tỉnh nghịch cất lên tiếng cười khác thường ? Cười lúm má đồng tiền, cười duyên mồm mím, cười chúm chím thẹn thù, trắm sắc ngàn vẻ, nhìn Tổ Nương cười, bụng tôi đói cũng no, buồn bực cách gì cũng quên phứt. Đúng như người ta nói, tiếng cười là phương thuốc thần trị bệnh yếm thế. Và Tổ Nương, nhờ tiếng cười “thiên phú bẩm sin” ấy mà cứ trẻ mãi ra, tươi xinh môn môn tựa một cô bé mười sáu mười bảy, ai biết chị năm nay lớn hơn tôi hai tuổi ? Đang cười giòn như pháo nổ, chị bỗng nghiêm nét mặt nói :

- Ấy hứa với mình từ nay ăn ở sạch sẽ đàng hoàng đi.

Tôi đưa cao một bàn tay, long trọng :

- Từ nay tôi ăn ở sạch sẽ đàng hoàng, xin thề !

- Trật tự ngăn nắp là châm ngôn duy nhất của đời tôi.

- Xin thề !

- Tôi yêu thương và kính trọng các vật dụng trong phòng như

yêu kính đời tôi.

- Xin thề, xin thề !

Chúng tôi cười lên ha hả, cười lớn quá khiến hai giọt nước mắt (bị ngăn cản nãy giờ) trào ra lăn xuống má, ngập ngừng chưa dám rút thẳng vào cái miệng tôi đang mở rộng há hốc, bắn ra những tiếng sặc sặc khà ồ.

- Không có giỡn đâu. Ấy liệu hồn, từ nay mình sẽ kiểm soát lời thề của ấy từng ngày.

- Đành rồi, chị là bà giám hộ mà.

Việc kiểm soát của Tổ Nương là sáng sủa (sau khi tôi đã đến trường) mang cái chổi qua phòng tôi quét đi quét lại nhiều lượt không tha thứ một hạt bụi nào bám vào nền xi-măng sạch bóng. Xong, chị xếp ngay ngắn cái tách cây bút tập báo đôi dép... vào chỗ cũ đã ấn định. Không sai một ly, không lệch một phân, đầu vào đáy ổn cố. Áo quần chặn màn sách vở giấy mực... bị chấm dứt ngay đời sống tự do hỗn độn và chịu khép mình vào thứ kỷ luật nghiêm minh, răm rắp tuân theo những câu khẩu hiệu đề cao vệ sinh, chủ nhân tự tay viết và dán trên tường. Chẳng hạn : “ sạch sẽ là mẹ sức khỏe” hay ngớ ngẩn như : “nhà sạch thì mát, không được xả rác, kiểm soát từng ngày”. Ở mỗi góc phòng được trang bị thêm một cái giỏ rác đề... chung diện thì đúng hơn vì lúc nào cũng sạch bách chẳng dính mảnh giấy vụn. Mỗi lần trở về phòng, tự dưng tôi ngỡ ngàng như bước lâm vào phòng người lạ. Lạ thật, tôi vẫn chưa làm quen được với khung cảnh mới, sự ngăn nắp quá mức vô tình đã giết chết đời sống của các vật dụng, rõ ràng chúng đang gắng gượng chịu đựng cảnh gò bó câu thúc dưới bàn tay khéo léo của Tổ Nương. Tôi thì mang cảm giác ớn lạnh đang đứng trước những đồ vật bày ra để thờ phụng cung kính chứ không phải để mình sử dụng tùy thích. Hoặc là cái cảm giác xa lạ cách biệt của kẻ đang xem cuộc triển lãm về cách chưng diện trang hoàng phòng ốc với nhãn giới bằng quan : nhìn bằng mắt chứ bắt bằng tay ! Khổ thật, tôi không dám kéo ghế mạnh hay ngồi gác chân lên bàn như trước đây, muốn nằm xuống giường mà ngại với tấm drap quá trắng, căng thẳng tung ; thay áo quần ra không biết treo vào chỗ nào cho đúng cách. Bốn phía, hình như đều có cặp mắt Tổ Nương mở trừng trừng theo dõi kèm với nụ cười trên cợt. Ánh mắt khắt khe của một ông quan tòa khó tính, trái lại nụ cười cười mở tựa một vị luật sư biện hộ

giỏi. Tôi thương mến chị, không nỡ sống trái ý, nhưng sao tôi khổ tâm như thế đang chịu đựng một hình phạt chua chát (do sự sẵn sóc quá mức) mà chị vô tình gây ra. Chắc chắn là cái sạch sẽ của tôi (cho dù ít oi) đang bị tổn thương nặng. Tổ Nương đâu có ngờ rằng chính chị gieo cho tôi một ấn tượng “mất vệ sinh” về mình. Chị không để hờ một tí xúu công việc nào cho tôi có cơ hội chứng tỏ tinh thần phục thiện, tự tay chị êm đềm nhặt từng hột bụi, lược từng cọng rác mà không hề kêu ca than thở, chao ơi, lòng bao dung chiều chuộng ấy khác nào lòng mẹ thương con, tình chị thương em, vợ yêu chồng ! Hay chỉ là lòng thương hại được ngụy trang một cách khéo léo tế nhị ? Nhiều khi, tôi phân vân tự hỏi, một đứa con trai như tôi có cần sự thương hại ? nếu thoát ra khỏi cảnh sống được uốn nắn dịu dặt từng chút này (thật êm ái mà cũng thật tủi hổ), liệu tôi sẽ thế nào ? Có phục hồi được bản ngã mình đang dần dần tê liệt bại xuội ? Có thể trưởng thành vững vàng trong đơn độc ? Giữa nắng gió, khí trời và cát bụi ? Giữa cuộc đời đua chen giành giật đủ trò xảo quyệt mưu mô ? Vây cánh dài rộng đủ che bóng đời mình chưa, hay cứ phải nương thân vào bóng lớn của kẻ khác ? Những câu hỏi đặt ra trong đầu tôi, câu trước đề tiếp câu sau ngổn ngang lòng thông ngoài sức tôi giải quyết. Những cái dấu hỏi thật to, thật chắc nịch quán bên lấy nhau thành một sợi lòi tói xỏ ngang trí óc rã rời đau nhức. Cuộc sống tôi đó, không một chút hồn nhiên thoải mái, chẳng tìm thấy mầu chót mở ra cõi an vui thơ thới bên những nuông chiều mầu mực của Tổ Nương, bên lòng mẹ bao la của di Thuận (mà chị) và sự mến mộ của các bé Tổ Nữ, Tổ Nga, Tổ Ngọc ? Vậy sao tôi tự cho mình lạc lõng giữa vòng tay ánh mắt triu mến ấy ? Sao để mặc cho cái mồm phân ly nhú chồi trở mộng khi vị trí và mối liên hệ giữa mình với mọi người xung quanh mãi mãi thân thiết đầm ấm dưỡng này ? Đây bạn, bạn có nhìn thấy chỗ ngồi tôi thấp thỏm, chỗ đứng chông chênh, chỗ nằm tạm bợ ? Liên hệ thương yêu thấy thì y như cật ruột thân thích nhưng biết đâu chẳng là nghĩa cử bỗn phận mà thôi ? Lớn rồi, mang ơn chịu nghĩa chừng đó đủ rồi, đây là lúc tôi cần phải giương cánh bay ra trời rộng sông dài, từ giã chiếc lòng son êm đềm chứ bạn ? Đi, ra đi, tôi áp ủ trong đầu bao mơ tưởng, hẹn hò với lòng mình nhiều ham thích, về một ngày đi xa, mặc tình sống buông thả theo bản chất lãng mạn,

dòng máu giang hồ ; nhưng không thể giang hồ quá trốn như ba tôi. Ba tôi : “người trối thân vào lụy nước mây” (?) theo lời ví von của dì Thuận. Ba tôi : kẻ lang bạt kỳ hồ đang săn đuổi cơn mộng đời ông từ khi mẹ tôi qua đời vội vã (?), cũng qua lời dì Thuận. Dì biết rõ từng dấu vết hành tung của ông nhưng ít khi tiết lộ cho tôi hay dù có tra hỏi căn vặn tới mấy. Trước sau, ba vẫn là một hình tượng bí mật trong tâm khảm tôi, hay nói là một kẻ lạ cũng không sai lắm. Tuổi nhỏ tôi chỉ biết có mẹ, bao dung diệu vợ, mẹ hiền hòa ngọt bùi quá đỗi, mẹ nâng niu vỗ về tôi ngày đêm. Trong khi đó ba vẫn dong ruổi đầu đầu, năm chầy tháng muộn họa hoằn ghé về nhà giấy lát rồi quày quả ra đi, mù tằm biệt dạng Mẹ sống thui thui cam phận, không hề than thở oán trách. Mẹ thương tôi mà khuây khỏa nhớ mong. Mẹ dụi mắt vào tóc tôi để cảm dòng lệ nghẹn. Phương chi, mẹ còn sống đến nay, đời tôi hẳn không bị treo lủng lẳng giữa cảnh “ hạnh phúc giả tạo” hiện tại. Đành rồi, cái tai nạn lớn nhất của đời người đó là ngày mất mẹ, đúng như thầy Nhất Hạnh viết đầu tập *Bông Hồng Cài Áo*. Lần nào đọc tập sách mỏng đó hay bài thơ “ Nhớ mẹ” của Lưu Trọng Lư, mắt tôi đều rung rung ngấn lệ dễ dàng. Tôi tưởng đến hình bóng mẹ chìm khuất trong khối sương cát bụi hư vô đời đời không thể nào tìm thấy lại mà oán trách ba tôi đang phiêu linh thỉnh độ đầu đó trên dặm trường xa hút. Có bao giờ ba thương vợ nhớ con ? Giả như ông nghĩ đến bốn phận gia đình mà ném gói hành trang đi, dừng gót giang hồ lại thì chưa chắc mẹ đã chết yếu trong lạnh lẽo cô cút. Với tôi, có cha cũng chẳng khác nào mồ côi cha, đời này, tình phụ tử vốn đậm bạc, trong cảnh huống tôi, nó càng mơ hồ mong manh gần như không. Nhớ mẹ, tôi thần thờ bước ra vườn đến bên cụm hoa hồng trắng, những nụ hoa buồn tẻ lạc loài giữa các khóm hải đường, thực được, cúc đại đoá rực rỡ khoe tía phôi hồng, trêu cợt gió đưa bướm lượn. Một lần, Tổ Nương rón rén bước ra đứng sau lưng tôi, định “ hừ” lên một tiếng thật lớn đủ cho tôi giật mình và ba hồn bảy vía nổi âu sầu vì giận lẫy hoảng hốt bay đi (trò chơi nghịch ngợm quen thuộc của chị), nhưng thoát nhìn thấy cảnh hoa hồng trắng tôi đang ngậm trên miệng, chị bối rối nói lảng :

- Ấy đi học kéo trễ giờ !

Chết nữa, giọng chị sao nghe hết giọng mẹ ? mẹ đã từng vuốt

tóc rẽ, bẻ lại cổ áo, cài quai săng-đan cho tôi mỗi buổi và âu yếm bảo : con đi học kéo trễ giờ ! Nhưng năm năm qua, còn đâu bàn tay mềm mại, giọng nói ầm áp của mẹ ? Mái tóc tôi dài ra, chải lệch về một phía khác tội nghiệp ; chiếc áo sơ-mi xa xưa mất nút sút chỉ ; đôi săng-đan đế mòn quai đứt ấy đã vùi theo cái đáy thời gian im lìm chìm khuất mắt tăm.

- Tại sao lại chọn hoa hồng trắng làm biểu tượng cho sự bất hạnh đời không còn mẹ hả chị ?

- Không biết nữa. Để rồi biên thư hỏi thầy Nhất Hạnh hoặc ông Võ Hồng.

- Hay là màu trắng tượng trưng cho màu tang chế buồn bã ?

- Ủ, có lẽ vậy.

Từ đó, cụm hoa hồng trắng là người-bạn-mang-tâm-sự-mình mỗi lúc tôi tủi thân. Tôi chăm nom tưới nước tĩa lá bắt sâu cho nó, cứ muông tượng bóng dáng mẹ phảng phất trên từng bông hoa để mình có cảm tưởng đang gần gũi đền bồi thờ phượng... Cũng từ đó, chị Tổ Nương cấm các bé Tổ Tâm, Tổ Nữ không được cắt cỏ hái hoa hồng trắng bày trò mua bán với nhau. Phút chốc, cụm hoa bỗng trở nên linh thiêng cao quý. Đồi ba hôm, tôi hái một nụ hàm tiếu vào cắm trong chiếc cốc nhỏ để trên bàn và dõi chừng những cánh hoa hé nở e ấp như cười mỉm. Giữa căn phòng mà mọi đồ đạc đều chết ngất trong trật tự thứ lớp, đóa hoa là linh hồn sự sống, là hơi thở tươi mát thơm tho. Vâng, tôi đã khéo tưởng tượng để ru quên nỗi buồn tủi miên man. Tâm hồn tôi quá ủy mị, lẽ ra trời sinh làm con gái mới đúng. Ngược lại, Tổ Nương có nhiều nam tính hơn, như đã nói ở trên, chị vui vẻ hồn nhiên cười đùa suốt ngày... Ví chị với chim sơn ca, họa mi cũng đúng lắm. Dì Thuận khuyến khích chị chơi thân với tôi, cốt truyền cho thằng con trai mới lớn mà sớm trâm ngâm nghĩ ngợi nầy, cái chất tươi xanh yêu đời phơi phới kia, nhưng hẳn cứ ương ngạnh ru rú thu thân vào cõi tưởng tiếc hoài vọng riêng tư. Dì Thuận, trong bốn phận được ba tôi giao phó, vẫn hết lòng xem tôi như con ruột, dù tôi không mấy dễ thương, ngoan ngoãn như đàn con dĩ sinh ra.

Có lẽ tôi nên nói rõ với bạn về người chủ gia đình hiện nay vắng mặt : ông Hồng Tổ. Ông ta với ba tôi là đôi bạn nối khố từ thuở hàn vi, từng đi kháng chiến với nhau, giữa hai người, lý tưởng chí hướng như một định mệnh vô tình trói buộc lấy nhau không rời nửa bước, họ khác nào hình với bóng, sóng với

biển, núi và rừng. Đến nỗi cả hai cùng yêu chung một thiếu nữ, tình cảm người này chính là tâm sự kẻ kia. Sau rốt, ba tôi, kẻ chưa muốn trối chân vào hệ lụy thế nhĩ, tự ý rút lui khỏi cuộc chơi tình cảm tay ba, để cho bạn mình tiến tới hôn nhân với người-ấy. Người-ấy chính là dì Thuận ngày nay. Hai năm sau, trên đường xuôi ngược Nam Ngãi Bình Phú, ba tôi gặp một cô gái bơ vơ ở Bồng Sơn, cưới làm vợ : mẹ tôi đây. Dường như ông lấy vợ cốt để cho bạn mình yên tâm và người-ấy khỏi bòn chôn ?

Nay thì ông Hồng Tổ ra đi biệt tích, đem theo đứa con trai đầu. (Hai cha con đi làm ăn tận Mên Lào), dì Thuận chỉ cho biết vậy, Tổ Nương và đàn em cũng đành tin như thế, không hề tra hỏi căn vặn mẹ thêm. Nhưng đằng sau các vẻ mặt tảng lờ im lặng ấy, tôi đoán biết có những điều bí mật ghê gớm (đang cần che lấp) về dấu vết cuộc sống thời của ông Hồng Tổ. Và ba tôi nữa. Hẳn hai người đang đi cùng đường với nhau, con đường quá khứ nối dài. Dì Thuận vẫn giữ vẻ thân nhiên sống qua ngày, nét mặt bề ngoài tỉnh lặng vậy chứ tâm can thì chắc là liệt trăm mối lo âu chờ đợi, dập dềnh như mặt nước nổi sóng. Điều hiển nhiên, dì còn giữ vững niềm hy vọng vào một ngày đoàn tụ, còn tin tưởng ông Hồng Tổ dắt con trở về. Không như mẹ tôi ngày trước sống tuyệt vọng cùng cực, chịu đựng cái số kiếp hẩm hiu của người vợ chưa hề biết thế nào là tình phu thê nghĩa trọng. Ba tôi, giữa đường truân chuyên, trong phút chân chồn trí mỏi, tình cảm bỗng cao hứng chấp nhận mẹ dễ dãi ; điều này cất nghĩa vì sao sau này ông bỏ mẹ con tôi nằm xó ở nhà để ra đi biệt.

Tôi kể dông dài với bạn chỉ để thương xót chính mình sinh ra đời quá ư bất hạnh, nhất là khi người mẹ khốn khổ bỏ đi vĩnh viễn. Mới mười bảy tuổi mà tôi hiểu biết quá nhiều phải không bạn ? Bạn tôi, này Sách Vỡ, Áo Quần, Bàn Ghế v.v... Các bạn đang bị cầm chơi đùa vung vãi với tôi từ nay. Khi không, chúng ta bị đeo mặt nạ nghiêm trang trịnh trọng nhìn nhau ngỡ ngàng, đau lòng thật. Lâu nay, tôi viện cớ dọn bài thi, cứ kẹp vài cuốn sách đến nhà mấy người bạn thân thiết ở chơi suốt buổi, đôi khi ngủ lại luôn. Ban đầu, dì Thuận và Tổ Nương tưởng tôi lo nấu sủ sôi kinh thật, đến chừng cái mức độ đi về thất thường và cảnh ăn chực ngủ hoang gia tăng một cách đáng ngại, dì vội vàng can thiệp ngay :

- Có điều gì không bằng lòng con cứ nói, đừng sống lang bang như vậy nữa, khổ lắm, bỏ bê việc học hành đèn sách...

Dì thuyết lý dài dòng gần cả tiếng đồng hồ, tôi cúi đầu khứng chịu, làm sao nói cho dì hiểu tâm trạng mình lúc này ? Tôi đang thèm đi xa như hồi nhỏ thèm ngọt, đi khỏi ngôi nhà lạnh lẽo và cái thị trấn chật chội này. Đi, đi thôi, không rõ động cơ nào thúc đẩy nữa, chẳng lẽ tôi mang dòng máu giang hồ phiêu bạt di truyền trong huyết quản ? Chẳng lẽ tiếng gọi lên đường mê hoặc nào đó kêu réo tên tôi không dứt ? Đi theo một thức bách, giục giã của kiếp lưu vong ? Có gì quyến rũ bên kia rặng đồi ở phía tây, cuối dòng sông chảy xuống hướng nam ? Chân tôi ngứa ngáy, trí óc rạo rực không nguôi. Và một lần, không thể dằn nén được nữa, tôi nói thẳng với dì Thuận lời “bất hiếu” nhất :

- Con muốn ra đi, đi khỏi đây. Cho con về quê ngoại cũng được !

Lần đó, dì Thuận có trở mặt ngạc nhiên giây lát, đoạn, mỉm miệng cười, tỉnh dưng vô sự. Chắc từ lâu, dì thừa biết cái dự định “thoát ly” giấu giếm trong trí tôi ? Chuyện trẻ con hay ham thích bông bột và gàu búống ấy mà, nét mặt bình thản (muôn ngày) của dì như trả lời tôi vậy. Ừ, đi thì đi, ai cấm, cha nào con nấy rành rành. Khi tỏ thật ý mình, tôi tưởng dì ắt phải giận giữ tru tréo lên, đằng này, thái độ ngược lại của dì làm tôi cụt hứng ngay, vội bào chữa gấp :

- Con chỉ định về thăm quê ngoại trong dịp hè thôi. Con đâu có ý bỏ đi ra đi, con phải ở đây chờ ngày ba con về đã...

Dì thở ra ;

- Phải, rần chờ ba con về.

Tôi ứa nước mắt, vậy là hết, giấc mộng ra đi không hơn một chứng bệnh cảm xoàng !

Nhưng về sau nó cứ âm ỉ dây dưa mãi, thuốc nào chữa cho tuyệt căn ? Làm sao tru di tam tộc những mơ tưởng ăm ắp trong tâm trí ? Tôi cố miệt mài học, chúm mũi vùi đầu vào sách vở, nhưng chữ nghĩa cứ giống hàng đôi chạy lui về đằng sau, tựa như mình đang ngồi trên xe mà ngó theo hàng cây hai bên đường chạy lui mãi miết !

Một buổi sáng, sớm hơn mọi khi, Tổ Nương mang cây chổi qua phòng tôi làm bồn phận thường lệ. Căn phòng qua một đêm nóng bức, không ngủ được, tôi đã thức thật khuya ngồi

viết bậy vẽ bạ gần hết một tập vở, xong xé đốt vung vải tú tung lung tung. Nhìn cảnh tượng mất vệ sinh ấy, đáng lý Tổ Nương phải cau mày bực dọc và hoa lên một nhát chổi giận dữ như gián tiếp đánh vào mặt tôi, nhưng không, chị vẫn nở nụ cười rộng lượng pha lẫn chút chế giễu : gớm, ấy hư quá trời, đáng đánh đòn thật ! Muôn năm chắc chị vẫn coi tôi còn nhỏ nhít như tụi Tổ Nữ Tổ Nga. Nghĩ vậy, “ máu người lớn” nổi lên ngạo nghễ, tôi xông tới giật cái chổi trên tay chị và quét lia quét lia khắp phòng, Tổ Nương kéo dài tiếng cười :

- Ngoan dữ ha !

- Nhát rồi !

- Ấy cướp nghề của mình hả ?

- Từ nay tay chị khỏi lấm bụi. Tôi không dám ở căn phòng này nữa, quá chảnh đón ngăn nắp sạch sẽ tui chết ngộp rồi. Xuống nằm dưới nhà bếp còn thoải mái hơn !

Tôi vùng vằng ném mạnh cái chổi xuống chân. Tổ Nương sững sốt, hai tay đưa ra chới với như thể muốn đỡ lấy nó. Căn phòng hình như vừa rung rinh lão đảo. Tôi tỉnh táo biết mình vừa làm một cử chỉ bất nhã, vô cùng bất nhã. Hậu quả: hai giọt nước mắt ứa ra long lanh trong đôi mắt mở lớn chị đang đắm đắm ngó tôi, lạc thần. Chập lâu, tôi bước đến, khe khẽ cầm cổ tay chị, dường như chị vẫn chưa tỉnh cơn chết giấc. Tôi từ từ nâng bàn tay chị lên và tát mạnh vào má mình. Chị bàng hoàng rút tay lại, chớp mắt, hai giọt nước mắt rơi nhanh xuống nền xi-măng vỡ ra thành hai chấm lớn.

Tôi ngẩng đầu lên nhìn sững chị, ấp úng :

- giận tui không ?

Tổ Nương mím môi chập lâu.

- Giận tui không ?

Chị khẽ lắc đầu.

- Tui đáng ghét lắm phải không ?

Lắc đầu.

- Chị... thương tui không, thương không ?

Tổ Nương cúi đầu, tôi cũng cúi đầu theo : hai giọt nước mắt trên nền nhà vẫn chưa khô, chị dí ngón chân trần xóa đi.

Suốt tuần lễ sau đó, chúng tôi không gặp nhau dù vẫn loáng

thoáng thấy bóng nhau hàng ngày, đúng ra, Tổ Nương lánh mặt tôi và ngược lại. Thời gian này, tâm hồn tôi như quyển sách vừa lật qua trang mới, là lạ hay hay ; một cảm giác mới, ngỡ ngàng thên thện vui vui.

Chị thương tui không ? Im lặng cái đầu. Nghĩa là gì ?

Ngờ đâu, cái “im lặng cúi đầu” đó (vì không có cách nào biểu lộ khác hơn, ý nghĩa hơn chẳng ?) là một liều thuốc hiệu nghiệm trị dứt chứng “bệnh cảm xoàng” đeo đẳng trong đầu tôi lâu nay. Tôi quên bằng giấc mộng ra đi. Đi đâu nữa ? Quá thật di Thuận nghĩ đúng, sự ham thích gần bướng ương dờ ấy chỉ nhất thời phút chốc. Một cái gì mơ hồ đang trối chân buộc đời tôi ở lại đây ? Riêng Tổ Nương cũng có một thay đổi lớn ai cũng thấy rõ : chị không còn cười đùa luôn miệng tối ngày như trước nữa. Vâng, chị biết khóc rồi mà, lần đầu tiên (?), hai giọt nước mắt thần thánh, vì tôi. Vì tôi hết !

Đang mùa trăng sáng, dường như tâm hồn tôi cũng sáng trắng theo. Biết diễn tả làm sao cho bạn hiểu những rung động dịu dàng đang giao thoa với thiên nhiên vạn vật về đêm, những cảm xúc tinh rờng trong vắt màu trăng suông, những nôn nao rạo rức trong lòng tôi. Lòng tôi mặc áo mới. Lòng tôi đang khai hoa !

Đêm trăng dễ gợi dậy nhiều hứng cảm lạ lùng. Tôi đem ống sáo ra ngồi dưới mái hiên thổi bài “Lòng mẹ”», bài “Nguyệt mộng”... Cảnh trăng tịch tịch bốn bề nâng tiếng sáo lên cao, dịu đi mềm mại nghe trau chuốt thanh thoát hơn hẳn mọi lần. Tôi say sưa ngân, lảy, rung, nhịp từng tiếng trầm bổng với làn hơi tràn trề vừa bắt được ; với sáu ngón tay uyển chuyển buông đóng nhặt khoan. Tổ Nương bước ra ngồi bên cạnh hồi nào không hay, mãi khi dứt “khúc sáo xuất thần”, tôi mới nghe tiếng thở dài và giọng chị nói :

- Buồn quá !
- Ừ, buồn nhỉ !
- Tiếng sáo kia.
- Sao ?
- Nào nề thống thiết nghe... rưng tim !

- Xạo.

Tổ Nương cười lên một tiếng nhỏ. Tôi nhìn sững chị, mắt chạm mắt, như thôi miên hớp hồn, như soi bóng mình trong lòng đồng tử của nhau. Im lặng. Ánh trăng vụt lu mờ rồi tắt câm. Hồ như đêm ngưng thở, thời gian khê đứng sững lại. Lặng thinh. Bỗng, cái ống sáo rơi xuống nền gạch vang lên một tiếng khô khan, hoảng hốt...

Giữa lúc tôi đang khám phá ra những tình ý mới trong trái tim cô út thì một biến cố ngoài ý muốn xảy đến bất ngờ. Đó là lá thư của ba tôi ở mù mịt phương xa gửi về. Theo đó, tôi phải cấp tốc khăn gói về quê ngoại nội trong vòng nửa tháng tới, ba sẽ ra đó xây mộ cho mẹ tôi ! Di Thuận tưởng tôi mừng lắm, luôn miệng nói :

- Cha con sắp gặp nhau, thích nhỉ ? Cũng hơn hai năm xa cách chứ ít ỏi chi.

Di lắm !

- Kỳ trước con cứ đòi đi miết, bây giờ thỏa mãn ý thích chưa ? Sao di cứ nói những câu “ngớ ngẩn” như chỉ muốn đuổi tôi đi gấp khỏi đây ? Hay là sẵn cơ hội này, giúp di, có cách tốt nhất gián đoạn ngăn trở cuộc tình (?) vừa nảy nở (quá muộn) giữa tôi và Tổ Nương ? Di mừng lắm là phải ! Biết đâu di chẳng đã nghe lọt tiếng động khô khan của cái ống sáo rớt xuống giữa chân hai đứa tôi đêm trăng nào ?

Tổ Nương lặng thinh không có ý kiến trước cuộc chia ly “thảm khốc”

- Về trong đó rồi, L. sẽ trở ra chứ ?

- Chưa biết được, tùy ý ba.

- Biết rồi, L. cũng muốn xa mình mà.

Tôi cuống lên tìm cách giải oan cho lòng mình mãi mà lú lờ nói không được. Xúc cảm bồi hồi nghẹn ngang ngực :

- Chị nghĩ láo ! Tại ba tôi. Cả di nữa, bây giờ di muốn đẩy tôi đi khỏi nhà, di không nói ra nhưng mình dư biết. Dưới mắt di, tôi đâu có xứng đáng với chị...

- Thôi thôi thôi. Đừng chọc mình khóc, tội nghiệp mình lắm..

Tổ Nương bỏ chạy vào nhà, hắt chị bật khóc một mình trong phòng ? Còn đâu nụ cười ngày nào, cười lúm má đồng tiền, cười duyên mუმ mუმ, cười chúm chím then thừa thơ ngây ? Tôi đứng ngẩn ngơ giữa vườn, xác hoa rụng đầy mặt đất mà Tổ Nương bỏ bê không thèm quét dọn. Cụm hồng trắng vẫn

nở bông héo muện dưới cơn nắng lửa đầu hè. Làm sao búng cây hoa này về trồng dưới chân mộ mẹ ? Thêm một cái thư khác ba tôi gửi về cho di Thuận, cảm ơn di đã chăm sóc nuôi nấng tôi bao năm nay và nhờ di thu xếp cho tôi đi gấp. Có một đoạn ông viết riêng cho tôi, đại ý nhắn nhủ tôi suốt đời hãy tạc dạ ghi ơn di và nhớ tìm cách trả hiếu cho tròn nghĩa “ mẹ con”. Ba nhắc tôi hãy coi di như một người mẹ (dưỡng mẫu). Ba nói có lý, tôi phải coi di như người mẹ ruột thứ hai, công dưỡng dục còn nặng hơn nghĩa sinh thành. Vậy thì, . mối tình (?) giữa tôi và Tổ Nương đi ngược lại luân thường rồi ! Âu cũng tại mình bỗng bột cặn tính thiếu suy. Mấy hôm trước ngày chia tay, Tổ Nương lánh mặt tôi. Tôi buồn bã nuốt không xuống uống không trôi những miếng ngon ngọt di Thuận đãi đặng niềm nở hơn bao giờ. Nằm trong phòng tôi bùi ngùi nhìn bàn ghế giường tủ... đang trầm ngâm tư lự điều gì, dường như thể, nghĩ tới lúc xa lìa tất cả những vật dụng thân thuộc như bạn bè kia, tôi... rưng rưng nước mắt, nhất là Tổ Nương sẽ không còn đều đặn lau chùi tắm rửa cho chúng, căn phòng sẽ khóa kín cửa, bụi sẽ đổ xuống ngày ngày, chừng đó, chúng phải sống đời tẻ quạnh âm默默 để tưởng tiếc “thờ phượng” hình bóng chủ nhân !

Cái va-ly mới mua thật lớn, nặng trĩu dưới tay tôi như thăm nhắc nhở mình : với gói hành trang bẽ bộn này bạn sẽ đi một chuyến đi dài, lâu, rất lâu, chuyến đi vào đời thật sự làm người lớn ! Vậy nhưng cái va-ly kênh càng trong tay vẫn chưa nặng bằng lòng tôi cột hàng ngàn cân đá, lúc đứng lên, bước ra bậc hiên, đảo mắt tìm Tổ Nương. Chính bậc hiên này, đêm trăng nào “kỷ niệm”, gạch đá kia xin chứng giám. Và cái ống sáo fôi gửi lại cho Tổ Nương treo trong phòng chị, cũng xin nhớ cho “kỷ niệm”. *Mai sau dù có bao giờ...* Tôi vuốt tóc cầm tay Tổ Nữ, Tổ Tâm, Tổ Nga, “rán học cho ngoan, anh đi nghe”, tôi quay vào chào di Thuận “con đi”, di chảy nước mắt. Tôi quày quả xách va-ly bước nhanh ra ngõ, Tổ Nương chạy theo :

- L. L. có cái này gửi L.

- Tôi ngửa tay chưa kịp nhận, chị đã buông, cái hộp nhỏ rớt xuống đất. Chị cuống quýt chạy vào nhà, tôi nhìn theo cho đến khi khuất bóng chị, rồi thần thờ cúi xuống nhặt chiếc hộp lên. Hộp được thắt nơ và bọc giấy hoa kỹ lưỡng, cẩn mật, bên trên

có mảnh giấy viết dòng chữ : “Chùng nào ngồi trong lòng phi cơ bay giữa trời mây rồi, L. mới được phép mở hộp ra. Nếu bất tuân sẽ gặp “tai nạn”. Tôi bỏ chiếc hộp vào bụng áo, chào oi, “nặng”» quá chùng !

Ngồi trên xe ca về phi trường, thỉnh thoảng tôi rờ chiếc hộp nằm im lìm dưới làn vải, óc tò mò không ngớt quanh co mò đoán xem cái gì Tổ Nương bỏ trong hộp mà bí mật thế ? Một lá thư ? Một sợi tóc ? Một đóa hoa pensée ? Thường quá, chắc phải một vật gì đáng gọi là “kỷ niệm” mà trí óc mình tối thui, nghĩ không ra. Cái kẹp tóc ? chiếc hình ? Thôi, tôi chịu thua. . Đến phút này mà Tổ Nương còn nghĩ tới chuyện dạy cho mình bài học chờ đợi kiên nhẫn, ác tâm thật. Buổi trưa, phòng đợi phi cảng đã ngớt khách. Theo thời biểu ghi trong vé, một giờ mười lăm máy bay đến và nửa giờ sau sẽ cất cánh liền. Như vậy không còn bao lâu nữa tôi sẽ biết được bí mật của chiếc hộp. Giờ này, ở nhà, Tổ Nương đang làm gì nhỉ ? Buồn ? Lầy ? Mắc em ? Hờn mẹ ? Mới đó, ngắn cách đã dài như sông lớn, mai một là biển cả đại dương mịt mù. Lòng thương nhớ nhau chắc hoài hoài như những cánh buồm phất phơ, con thuyền trôi nổi ? Hai giờ chiều phi cơ vẫn chưa thấy tăm dạng đâu cả, lẽ nào chuyến đi sẽ bị hủy bỏ. Chắc tôi không đủ can đảm xách va ly về nhà dì Thuận lại, góm, lần chia tay ngọt ngào như thể vĩnh biệt nhau luôn. Tôi sốt ruột nôn nao mong được sớm lên máy bay để bật mí cái-hộp-thần. Giả như không có mấy chữ “bất tuân sẽ gặp tai nạn” đe dọa đầu óc mê tín dị đoan của mình, tôi đã nóng nảy bộp chộp khai toang ra rồi, hơi sức đâu mà tốn công kiên nhẫn. Tổ Nương tinh ý thật, ác thay ! Gần ba giờ máy bay mới uể oải hạ cánh, tôi hí hửng xuýt reo ồ lên sung sướng. Bốc hàng, chất hàng, đổ xăng soát máy lục đục gần cả tiếng đồng hồ nữa, hình như họ cố tình chậm chạp trễ nải để chọc tức tôi, Tiếng động cơ rồ mạnh, thân tàu rung chuyển lao vút đi, nhẹ hẫng. Tôi hơi chóng mặt, cơn buồn nôn ngo ngoe nơi cổ, thật khó chịu. Bỗng, trời ơi, tôi xuýt la to lên : cái hộp, cái hộp đâu rồi ? Tôi quay quắt rờ trước mò sau : bụng áo trống rỗng ! Cúi xuống chân ghế, ngó quanh quất : chẳng thấy đâu ! Lối đi giữa lòng tàu : không ! Tôi nhón nhắc đảo mắt bốn phía : cái hộp đâu ? ai lượm được cho chuộc lại ? Tôi nhờ cô chiêu đãi viên hỏi giúp hành khách, cô nhún vai cười tặc trách :

- chắc cậu đánh rơi lại ở phi cảng rồi !

Tôi ngồi phịch xuống ghế ôm đầu thở dài, nhớ lại, lúc tiếng loa gọi khách lên tàu rõ ràng cái hộp còn nằm chắc trong bụng áo. Vậy thì nó chỉ có thể bị đánh rơi ra ngoài lúc tôi chen chúc ở cầu thang và một hành khách nào đó đã nhặt được. Trong tay người khác, tội nghiệp cái hộp chỉ đáng làm trò cười mà thôi.

Xin lỗi Tổ Nương ngàn lần. Ngàn lần sợ vẫn chưa đủ.

Tôi rung rung gạt nước mắt. Bà lão ngồi ghế cạnh quay qua hỏi :

- Cháu nhớ nhà hay sao mà khóc ?

Văn số 210 ngày 15-9-1972

(THT sưu tầm và đánh máy)

Lời bàn:

Câu hỏi “Cái hộp kia đựng gì”?

Nhân vật L. không biết. Nhưng người đọc thì có thể đoán ra. Nếu đọc kỹ, và tinh ý sẽ thấy về sự liên hệ máu mủ giữa L. và Tổ Nương như nhà phê bình văn học Nguyễn Vy Khanh gọi là “không bình thường”:

1. Dì Thuận có liên hệ tình cảm mật thiết với cha của L. trước khi dì lập gia đình với một người đàn ông khác:

“Dì biết rõ từng dấu vết hành tung của ông nhưng ít khi tiết lộ cho tôi hay dù có tra hỏi căn vặn tới mấy.”

2. Tại sao người cha của L. khuyên con nên xem Dì Thuận là dưỡng mẫu ?

3. Tại sao dì Thuận và cha của L. lại tìm mọi cách đẩy L. rời xa Tổ Nương ?

“Chị nghĩ lão ! Tại ba tôi. Cả dì nữa, bây giờ dì muốn đẩy tôi đi khỏi nhà, dì không nói ra nhưng mình dư biết. Dưới mắt dì, tôi đâu có xứng đáng với chị..”

.(THT)

HÀ CHÂU

Phạm Ngọc Lư

Thật ra nàng có một cái tên riêng không được đẹp lắm, nhưng chẳng sao, bạn bè đã quen miệng gọi nàng bằng danh hiệu Hà Châu. Phải, Hà Châu nghe quý phái thơ mộng hơn, hợp với bản chất và phong cách của nàng. Anh Cẩn nói vậy. Nghi gật gù khẽ thâm nhắc lại nhiều lần trong trí: “Hà Châu, Hà Châu”, mặt ngây khờ mê mẩn. Thoáng chốc, trí tưởng hấn nhanh nhẩu vẽ vờ ra một chân dung Hà Châu đủ những nét quý phái thơ mộng nhưng chắc chắn nó chưa lột hết thần. Nghĩa là Nghi không thể xài óc tưởng tượng nghèo nàn để hình dung ra nàng được như lời anh Cẩn ngăn ngừa trước kèm với nụ cười khó hiểu.

Nghi nôn nao:

- Anh giới thiệu Hà Châu cho tôi nghe?
- Ô-kê!
- Chiều nay?

Anh Cẩn giả vờ im lặng. Nghi nhắc lại:

- Chiều nay anh đưa tôi đến gặp Hà Châu đi. Lần nào cũng chơi trò như mỗi thế này khổ tôi quá.

Anh Cẩn ngần ngừ ra vẻ đắn đo, cười mỉm:

- Chiều nay chắc cô ta không ở nhà.
- Tối nay.
- Buổi tối đến nhà bất tiện lắm.
- Thôi thì sáng mai?
- Để xem.
- Còn để xem gì nữa. Anh làm tôi điều đứng theo. Sáng mai đi anh.

- Gì mà nóng nảy cuống lên vậy. Phải biết chờ đợi điều đứng một chút để tỏ thiện chí với người ta chứ.

Người ta ơi, sao bỗng dưng làm khổ tôi thế này. Chỉ mới nghe tên người mà tâm trí tôi đã bấn loạn, hướng hồ mai một đây được diện kiến, hấn tôi sẽ mất ăn mất ngủ theo cái “quý-phái-thơ-mộng” tuyệt vời. Nghi muốn kêu lên như vậy.

- Vậy chừng nào mình đến Hà Châu? Ngày một được không anh?

- Chi vội. Cậu cứ yên trí chờ một ngày đẹp trời nào đó... Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ. Thôi, tôi về.
Chưa bao giờ Nghi ghét anh Cần bằng lần này. Luôn luôn anh giữ thái độ úp mở lơ lửng cốt trừ tức người khác mà thôi. Buổi tối hắn ăn cơm không ngon miệng nữa, bụng cứ ăm ạch như bị no hơi. Tôi nghiệp bà chị cứ hỏi han nguyên do sự đổi khác này, khiến hắn càng bức dọc thêm:

- Em mệt. Hồi hoài hồi hủ.

Nghi vùng vằng vào phòng, khóa chặt cửa, nằm vật ra giường. Càng hận anh Cần hắn càng tơ tưởng đến Hà Châu. Quái, Hà Châu là cô bé nào trong thành phố hắn chưa hề nghe ai nhắc nhở? Máy thẳng bạn chuyên môn sưu tầm lý lịch các nữ sinh nổi tiếng xinh đẹp cũng lắc đầu với hắn.

- Chắc dân mới đến nhập tịch. Chưa kịp trước bạ.

Lần trước, anh Cần cho Nghi hay rằng cô ta biết rất rõ về hắn đến nỗi anh phải ngạc nhiên tưởng đôi bên quen nhau thân thiết rồi. Lại quá, Nghi còn ngạc nhiên gấp mấy anh Cần, Hà Châu, Hà Châu ư? Hắn lẩm bẩm nhắc đi nhắc lại cái tên ấy nhiều lần như niệm chú gọi trí nhớ mình sống dậy, tra hỏi. Trí nhớ cam mù điếc lác, ngu ngơ lắc đầu.

Nghi vùng ngồi lên thay áo quần tươm tất đi thẳng đến nhà anh Cần. Kèm giữ lắm nhưng hắn vẫn không giấu được sự bồn chồn nôn nả lộ ra nét mặt trông đến thảm thiết. Nhìn, anh Cần phì cười:

- Chịu không nổi à? Biết cậu điên đảo thế này tôi đã không nói.

- Anh ác lắm.

- Bớt giận nào, cái gì cũng từ từ. Dục tốc bất đạt.

- Nữa, tôi không rành chữ Nho. Anh có chiếc ảnh nào của Hà Châu?

- Không. Ảnh ơ mà chi. Đợi gặp cô ta cậu sẽ có sự tuyệt thú bất ngờ, không thích sao?

Anh Cần cười cười nửa đùa nửa thật. Nghi cúi, gằn giọng:

- Tôi phải đợi đến bao giờ đây?

- Chiều nay mình đi phố chơi, biết đâu chẳng tình cờ gặp cô ta.

- Nhờ trời!

Nghi hớn hỏ thúc anh đi. Anh ậm ừ rồi vẫn nằm yên trên ghế xích đu lim dim mắt ngủ như quên bằng ý kiến vừa đưa ra.

Nghi nóng lòng ngồi đứng không yên, hết lay giạt anh lại lấy áo quần giúi vào người anh. Cuối cùng, Cần uê oải đứng dậy vươn vai ngáp và lững thững bước ra giếng múc nước tắm. Chùng như anh cố tình trễ nải giờ hẹn (?) nên cứ ngâm mình trong bồn nước, chốc chốc kêu lên khoan khoái:

- Mát quá. Nghi ra tắm cái chơi.
- Tội quá. Lẹ lên anh. Muốn tôi chết đuối luôn sao?

Mãi chiều, hai người mới ra phố. Cần sành sỏi:

- Giờ này là giờ hoàng đạo cho các cô dạo phố. Hồi nãy, có đi, mình chỉ dầm nắng cháy mặt, chẳng gặp ma nào đâu.
- Nhưng Hà Châu...
- Úy, cô ta kiêng cử nắng gió kỹ lắm. Thời tiết thay đổi bất thường làm cho cô ta lo sợ nhan sắc mình hư hao còn hơn người nông phu sợ bị mất mùa, đói kém.

Nghi nhìn lại mình, e ngại:

- Chắc tôi không xứng chút nào với Hà Châu?
- Yên tâm, cậu có phong thái của một nghệ sĩ, quyến rũ lắm.

Phố đã khuất nắng, bóng mát dịu ra đường những tà áo đủ màu lượn qua lượn lại như bướm bướm. Đi bên anh Cần, Nghi cứ thầm cầu mong trời xui đất khiến, định mệnh đưa đẩy anh gặp Hà Châu lúc này quả là duyên kỳ ngộ. Hắn đã chuẩn bị trong đầu những lời nói cử chỉ thật duyên dáng lịch sự để chốc nữa đây, diễn xuất trước một người quý-phái-thơ-mộng hằng mơ tưởng. Chao ơi, nghĩ tới lúc đó, hắn chỉ sợ mình mất bình tĩnh, líu ríu miệng lưỡi, lúng túng tay chân như một cậu học trò không thuộc bài.

Anh Cần cứ lơ đãng ngửa mặt trông trời nhả khói thuốc, chẳng có vẻ gì để mắt tìm kiếm Hà Châu trong đám con gái xuôi ngược hai bên đường cả. Nghi lẻo đẻo theo anh. Mỗi bước chân như vạch ra một khoảng đường dài thấp thỏm, náo nức. Thoáng thấy một thiếu nữ nào mang dáng dấp “quý-phái-thơ-mộng” hắn vội nghĩ ngay đến Hà Châu và níu tay anh Cần lại, hất cằm nháy mắt ra dấu hỏi. Anh ngơ ngác giây lâu rồi như sực nhớ anh vội trễ môi lắc đầu:

- Hà Châu không có thô vậy!

Hoặc:

- Hà Châu đẹp có thần sắc chứ không phải cái đẹp vô hồn của cô kia.

Vậy là mọi hình dung của Nghi về nàng đều sai lạc, điều này càng kích thích trí tưởng hẩn lẫn mờ về lại một chân dung Hà Châu toàn bích hơn, một vóc dáng phải là tiên nga mỹ nữ!

Suốt buổi chiều đi quanh quán từ phố mới qua phố cũ mỗi như hai chân, chen chúc giữa một thiên hạ con gái nườm nượp, anh Cẩn và Nghi vẫn không tình cờ gặp Hà Châu như mong ước. Mặt Nghi xẹp lép, thở không ra hơi. Cuối cùng, anh Cẩn đưa hẩn vào một quán giải khát uống nước trái cây. Nước chua miệng đắng lòng hẩn thôi. Hẩn nghĩ: chẳng lẽ anh định an ủi vỗ về sự thất vọng của mình bằng một ly nước rau má như thể trám miệng đứa bé đang chực khóc bằng cây kẹo ngọt? Chừng đoán được điều hẩn vừa tủi thân nghĩ nhảm, anh Cẩn cười ngượng ngập:

- Coi bộ cậu hờn tôi?
- Anh tưởng tôi là trẻ nít không bằng!
- Cứ tin tôi, rồi cậu sẽ gặp Hà Châu. Có điều, cái tính háo hức bột chộp của cậu làm tôi ngại. Yêu rày chán mai, tha thiết đó rồi lại hững hờ quên lãng liền đó.
- Nữa, anh vẫn xem tôi như đứa bé tham ăn và mau đói bụng. Thôi, cảm ơn anh, chừng đó đủ rồi.

Nghi ra về, chán nản còn hơn kẻ hồng thi. Bữa cơm tối hẩn bỏ mứa chén cơm vừa và mấy hột miệng đã nghẹn, bụng no nề hờn giận. Hờn Hà Châu và giận anh Cẩn. Hình như họ đồng tình âm mưu làm khổ hẩn? Hẩn cau có bức bối chỉ muốn gây hẩn với bà chị vô tội vạ. Hẩn đập đầu xuống gối, cố gắng đập nát cái hình bóng huyền hoặc của Hà Châu đeo đẳng hoài trong cân não, một cách tuyệt vọng...

Nhưng chỉ vài hôm, lòng Nghi nguôi ngoai dần. Hẩn tỉnh táo cười nhạo mình trẻ con trái chứng. Hẩn không còn hứng thú trò chơi thổi bọt xà phòng thành bong bóng đủ màu rực rỡ, từ lâu. Hà Châu khác chỉ đám bong bóng ảo tưởng ấy.

Có lần, gặp anh Cẩn dưới phố, Nghi cười cầu hòa:

- Lâu không thấy anh lại chơi?
- Cậu quên giấc mộng Hà Châu rồi chứ?
- Có gì đáng nhớ?
- Tốt, Hà Châu đi Hội An nay đã năm sáu bữa. Khi nghe tôi kể lại chuyện hôm trước, cô ta có vẻ tiếc đã không gặp cậu.
- Thôi mà anh, đừng gọi lại câu chuyện trẻ con ấy, tôi thẹn chết.

Nói vậy, nhưng Nghi vẫn khắp khởi vui thăm:

- Chùng nào cô ta về lại?
- Chắc không ra đây nữa, cô vào ở luôn với gia đình học trường Trần Quý Cáp. Ngoài này nhà ông cậu của cô ta sắp đổi đi.

Hà Châu đi khoảng một tháng mới viết thư về cho anh Cẩn. Anh vội vàng mang lại cho Nghi đọc. Lá thư vồn vện mười dòng. Dòng cuối hẳn đếm được bảy chữ: “Cho em gửi lời thăm anh Nghi”. Nghi nôn nao xao xuyến nhưng giả vờ tỉnh dưng:

- Khi nào anh viết thư cô ta, tôi gửi *ké* lời thăm.
- Cậu viết đi chứ.
- Thôi khỏi, tôi ngại lắm.

Nhưng đêm đó, Nghi thức thật khuya viết đi viết lại bốn lần mới xong lá thư gửi Hà Châu. Hẳn cẩn thận chép lại một bản để “lưu”. Sáng ra, Nghi cầm lá thư đã dán sẵn tem, trừ trừ do dự mãi mới đánh bạo chạy gấp đến ty bưu điện ném vào thùng thư, như chỉ sợ mình sẽ thay đổi ý kiến ngay nếu chậm chân một phút. Hẳn còn ghé mắt xem cái thư đã rút thẳng xuống đáy thùng chưa hay bị mắc nghen trên miệng? Xong xuôi, hẳn ra về, lòng không ngớt lo âu hồi hộp như một thí sinh chờ ngày treo bảng trúng tuyển.

Bảng đi một thời gian lâu, lúc Nghi không còn hy vọng gì ở lá thư mình hấp tấp gửi vào Hội An thì thư Hà Châu đến. Nó đến đúng lúc như cái phao cho người sắp chết đuối. Nhưng khôn nổi, cái phao bị xì hơi ngay. Thư nàng viết cộc lốc mấy dòng: “Thưa anh,

Dù đã cố gắng, H. Châu vẫn không hiểu nổi lá thư anh viết quá bóng bẩy. H. Châu vốn dốt, anh đừng phiền. Mong những lá thư dễ hiểu hơn.

Chào anh,
Hà Châu”

Giận thâm gan tím mặt, Nghi vò cái thư bất lịch sự ném mạnh xuống đất, dùng bàn chân chà đạp nát ra. Chập lâu, ân hận sao đó, hẳn lại nhặt lên mở ra đọc lại, lắc đầu ngao ngán. Hẳn hàm hăm ngời vào bàn, cố trút hết sự tức giận trong lòng ra trang giấy:

“Thưa cô Hà Châu,
Thư cô là gáo nước lạnh tạt vào mặt kẻ này, “mát mẻ” lắm,

thắm thía ghê! Đau quá đòn hần, rát như lửa bỏng. Tàn nhẫn độc ác chi vậy, hỡi cô? Kẻ này vốn chân thật khờ khạo, có gì cho cam...”

Lá thư còn dài, rứt một giọng thở than kẻ lẻ thảm thiết, trái hần ý định “trả đũa” quyết liệt trong đầu hần khi mới cầm lên cây bút. Nghi viết một mạch, không thèm đọc lại, xong, đi gởi ngay, *thư hỏa tốc!* Ra về, bụng dạ hần thanh thản nhẹ nhõm như vừa uống thuốc xổ tẩy độc.

Mười hôm sau, thư Hà Châu đến. Lá thư mềm mỏng dịu ngọt quá chừng. Đọc, Nghi nghiền ngẫm từng chữ, uống no từng câu vẫn chưa thỏa. Nét chữ bay bướm của Hà Châu cứ múa lượn mãi trong đầu hần những vũ khúc hoan ca. Và hần hớn hờ viết cho nàng một lá thư dài, nắn nót từng nét chữ, trau chuốt từng câu văn mãi vẫn chưa hài lòng. Phải dùng tới tờ giấy thứ ba thứ tư, Nghi mới khá dĩ hoàn tất lá thư ưng ý. Thư gởi đi rồi, sự trông chờ ở lại, canh cánh bên lòng. Lòng hần tha hồ dẹt gấm thêu hoa, vẽ hoa vẽ bướm, tạc hình đúc tượng cho Hà Châu, một Hà Châu dịu dàng khả ái, xinh xắn duyên dáng nhất nhất hết thảy.

Cứ thế, thư đi thư lại đều đặn mỗi tuần. Tất cả tâm trí Nghi dồn về một mối: Hà Châu. Hà Châu đánh bật bọn Xuân-A, Xuân-B... mà hần từng khổ công đeo đuổi lâu nay. Mỗi ngày hần mất một số lớn thì giờ để nghĩ ngợi mơ tưởng và viết thư cho nàng. Viết lu bù liên miên, chưa thấy thư hồi âm vẫn viết. Thư-nhật-ký, ngày vài trang, đôi ba hôm hần ghim lại thành một xấp dày đem ra bưu điện gởi bảo đảm. Hai tháng sau, Nghi tỏ tình với nàng bằng những lời lẽ kín đáo bóng gió. Bỗng nhiên, Hà Châu vắng thư. Hần bối rối viết tiếp một cái thư *để hiểu* hơn, cất nghĩa tấm tình dạt dào, mượn thơ Đinh Hùng để ca ngợi nàng: “*Chưa gặp em tôi vẫn nghĩ rằng. Có nàng thiếu nữ đẹp như trăng...*” hoặc thơ Tạ Hữu Thiện: “*Nếu biết em là người tôi chưa bao giờ gặp. Mới là người tôi áp ủ trong tim...*” Nhưng Hà Châu vẫn im hơi lặng tiếng một cách khó hiểu.

Như mọi lần, Nghi tìm đến anh Cẩn để vấn kế, nào ngờ anh đi Sài Gòn đã lâu. Lòng hần ê chề trăm nỗi buồn rầu lo lắng. Lẽ nào nàng ngoảnh mặt làm ngo? Giận dữ mình hấp tấp vội vã? Lời tỏ tình không khéo léo? Thư bị lạc? Những dấu hỏi mọc lên tua tủa như một chùm móc sắt cắm phập vào đầu hần treo

lên lơ lửng. Hấn ôm trán khổ sở, không biết than vãn cùng ai. Đợi lúc Nghi biếng ăn mất ngủ thật tình, thư Hà Châu mới lững thững đến:

“Anh Nghi,

Em đã đọc không biết bao nhiêu lần mấy lá thư sau này của anh. Khó nghĩ thật. Anh lãng mạn quá khiến em sợ. Sợ thực tế sẽ không đáp ứng được điều mình mơ ước. Anh sẽ thất vọng, em buồn khổ.

Nhưng dù sao, em tin anh đã nói thật lòng. Nhưng việc gì cũng từ từ chậm chậm, Đừng bắt em phải quyết định dứt khoát ngay,

Anh khen cái tên Hà Châu quá làm em ngượng, thật ra nó chỉ là cái “nhãn hiệu” do tụi bạn có mỹ ý đặt ra. Tên thật của em là Chu (đừng cười nhé), chắc anh Cần đã nói cho anh hay rồi? Từ nay, em muốn anh gọi cái tên thật ấy hơn. Anh hỏi xin ảnh nhưng hiện giờ em chẳng còn tấm nào “sáng sủa” ngắm được cả. Xin khất lại vậy...”

Lá thư còn dài, Nghi thì chưa vội đọc mau. Hấn ngừng lại, chu miệng thốt ra những tiếng “Chu, Chu, Chu” và mỉm cười thích thú. Suốt ngày hấn hân hoan ra mặt và không ngần ngại tỏ lộ cùng bà chị. Chị hấn đã qua cái tuổi đam mê mơ mộng nên chỉ cười hờ hững, không tin tưởng, không hiểu nổi mối tình lạ lùng của cậu em. Nghi cụt hứng, rút vào phòng, lấy ra tờ pelure màu xanh nhạt, nắn nót ba chữ *Chu yêu dấu*, cười hoan hỉ.

2

Nghi nhớ, cái thư đầu tiên gửi cho Hà Châu vào một ngày cuối hạ, thắm thoát thu đông đã qua, Tết đến và nay, mùa xuân cũng sắp tàn. Gần một năm trời bận rộn học hành, hấn chưa tìm được dịp nào thuận tiện vào Hôi An “yết kiến” nàng cho thỏa lòng mơ tưởng. đành cứ khất hẹn với mình với nàng. Và nàng vẫn khất hẹn với tấm ảnh Nghi yêu cầu xin xỏ mãi. Hai người đành gởi tâm sự vào những lá thư. Thư đi dồn dập, thư đến từ tốn chừng mực. Thế nhưng hấn đã lưu trữ được một gói lớn thư Hà Châu, thỉnh thoảng đem ra đọc lại vẫn thấy thích thú y như thư mới nhận.

Thi cử xong, đỗ đạt, Nghi sung sướng viết thư báo tin cho Hà Châu hay và hẹn sẽ vào thăm nàng. Hấn muốn đi ngay nếu có

sẵn tiền! Tiền mua quà, tiền lộ phí, tiền sắm sửa y phục diện mạo... Đủ thứ, nhưng kỳ kèo mãi bà chị vẫn khẳng khẳng không cho hần hơn ba ngàn đồng. Hần buồn xụ ngồi tính nhẩm những con số đồng thiếu trước hụt sau, rung rung muốn khóc.

Rồi, Nghi vẫn hăm hở ra đi. Một ngày nắng đẹp gió hiền, trời đất êm ả, lòng hần phơi phới, trí tưởng rộn ràng. Những câu nói điệu chào đã sẵn sàng trong đầu hần. Nón bài thơ, nhẩn lồng, thanh trà sẽ thơm tho ngọt bùi bàn tay người nhận. Như hưởng ứng sự nôn nao của Nghi, xe chạy bon bon, chỉ muốn bay bổng lên. Nghi say sưa theo tốc lực, thậm biết ơn người tài xế. Từng lúc, hần mừng tượng ra nơi mình sẽ đến: ngôi nhà cổ kính bên con đường lát đá xanh trông xuống dòng sông lặng lẽ nặng trĩu bóng mây theo thư Hà Châu mô tả. Hần tưởng tượng đến vẻ mặt nàng khi gặp mình: ngạc nhiên, e lệ, vui mừng? Hần hình dung ra những ngày đưa nàng đi dạo phố, ăn bún Quảng, bòn bon, xem xi-nê... Từng lúc, người khách ngồi cạnh lại thấy hần mỉm cười tươi tỉnh, gật gù đầu đắc ý hoặc lăm bắm nói thắm gì đó.

Xe xuống đèo Hải Vân, qua Nam Ô, vào Đà Nẵng hỏi nào Nghi không hay. Hần lật đật sang xe đi Hội An. Đường xấu, xe ngằn ngừ lăn bánh chậm nhưng hần vẫn bình thản nhủ lòng: chớ vội gì, không bao lâu nữa mình sẽ... Bỗng, hần bỗng chồn lo sợ vu vơ. Đây, cái bản tính thỏ đế nhút nhát báo hại rồi. Nghi thờ ơ mạnh, cổ trần tỉnh mình.

Xe tới bến, Nghi nhảy lên chiếc xích lô vừa trờ tới, không cần hỏi giá. Hần nhắc lại nhiều lần số nhà và tên đường cho người phu xe nhớ, cứ ngại ông ta lẫn lộn. Xích lô vòng ra bờ sông, lăn bánh khắp khênh trên con đường lát đá xanh, đi ngang những ngôi nhà lợp ngói âm dương cổ kính buồn rầu. Trái tim Nghi bắt đầu nhảy mạnh theo từng vòng bánh xe quay nhanh. Và khi xe đột ngột thắng lại, hần giật mình hốt hoảng, trái tim muốn rớt ra ngoài.

Đó là ngôi nhà trệt, mái thấp, ngói liệt, tường vôi hoen dẫu rêu, cửa khóa khép kín nom già nua ảm đạm. Nghi rón rén bước lên bậc tam cấp, đẩy nhẹ cánh cổng gỗ, ngoắc đứa bé đang ngồi chơi trong sân gạch lại:

- Phải đây là nhà cô Chu không?
- Dạ.

- Có cô Chu ở nhà?

Đứa bé không trả lời Nghi. Nó nhanh nhẩu chạy vụt vào trong, khuất bóng. Nghi hồi hộp từng giây chờ đợi. Chập lâu, đứa bé trở ra dẫn theo một thiếu nữ đang tần ngần chưa muốn bước tới. Chu? Hà Châu? Nghi bủn rủn đánh rớt cái nón bài thơ cầm trên tay. Tay hắn lạnh mồ hôi trộm. Hắn đứng trơ trơ như cây cột, cặp mắt mở to đờ đẫn như mắt giả, miệng há ra ngơ ngác. Cho tới khi cô gái tiến lại, e dè lên tiếng:

- Ông tìm ai?

Nghi sực tỉnh, ngần ngừ giây lát:

- Xin lỗi, cô là Chu?

Cô gái gật nhẹ đầu.

- Cô còn có tên là Hà Châu?

Cô gái lại gật đầu, nét mặt thoáng ngỡ ngàng như vừa đoán ra một sự thật nào đó.

- Anh là...

Nghi mau miệng cướp lời:

- *Tôi là bạn của Nghi.* Cô biết Nghi chứ?

- Dạ biết.

- Nghi rủ tôi vào đây nhưng... xui xẻo cho hắn vì giấy tờ quân dịch lòi thôi nên bị quân cảnh bắt giữ ở Đà Nẵng hôm qua. Chưa biết sao.

Cô gái tên Chu trố mắt ngạc nhiên, không rõ ngạc nhiên chuyện Nghi bị bắt hay câu nói dối vừa rồi của chính Nghi?

- Đây là những món quà Nghi mang theo tặng cô, tôi xin gởi lại.

Nghi mở xách tay lấy gói nhãn, mấy trái thanh trà kẹp với chiếc nón đưa cho Chu. Nàng đứng sững, không buồn gior tay ra.

- Có mấy dòng chữ Nghi viết vội vả gởi cô nhưng tôi bỏ quên ở Đà Nẵng rồi. Xin lỗi cô vậy.

Chu vẫn trân trối đứng im như chết giấc, không nghe không biết không nói không rằng.

- Cô có nhắn gì Nghi không? Tôi phải về Đà Nẵng ngay bây giờ tìm cách xin họ thả hắn ra. Cô nhận những thứ này... Nàng khẽ lúc lắc đầu. Nghi bối rối đặt những món quà vô duyên xuống chân. Bỗng, nàng đưa tay chặn ngực như dằn tiếng kêu ai oán? Mắt rung rung như sắp khóc, nàng nhìn Nghi cười buồn:

- Vì tôi cả!
- Đòi lắm chuyện oái ăm, thừa cô.
- Vâng.
- Cô đừng buồn. Thôi, chào cô.

Nghi nhặt cái xách tay nhảy xuống bậc tam cấp, đi hồi hả như chạy trốn, những bước chân cơ hồ hệt đất, lão đảo, chông chênh.

3

“Anh Cẩn,

Tôi đã vào Hội An gặp Chu.

Phải chăng lâu nay anh đã phỉnh phờ đùa tôi một cách tàn ác? Hay, theo anh, những tỉnh từ “quý phái, thơ mộng...” đều được hiểu ngược lại cái nghĩa thông thường ghi trong tự điển, in sâu trong ý niệm người đời? Nhưng tôi vẫn không giận dỗi trách móc anh. Bởi, anh đã giúp tôi một cơ hội lý thú nuôi lớn tình cảm, uơm giống sự mơ mộng tuyệt vời. Nay, dĩ nhiên tôi phải khôn ngoan hơn, phải biết ngờ vực so đo tính toán... chuyện đời. Buồn thật, vậy mà mình đánh mất lòng ngây thơ dễ tin dễ yêu và cái lãng mạn y như thi sĩ: vẽ vời ra một hình ảnh mộng ảo mà tương tư.

Đáng tiếc thay, tôi đã thất vọng vô cùng khi gặp Chu. Lỗi do mình. Chu cũng đẹp chứ anh, dù không được như lời anh tán tụng, thêm dệt thêm. Tôi nghĩ mình sẽ yêu cô ta ngay nếu như quen biết nhau theo lối bình thường: mặt gặp mặt từ buổi đầu. Đằng này, tôi lỡ vẽ ra một huyền tượng “tuyệt thế giai nhân” để nuôi nấng ấp ủ bao ngày tháng rồi, nó nhập tâm nhập trí mình rồi thì dẫu Chu có “quý phái thơ mộng” đến mức nào chẳng cũng không sánh kịp. Lý do của sự thất vọng thế đó. Tôi trót dại khờ nuôi Mộng, mà Mộng và Thực đời nào trùng hợp nhau?

Vậy nhưng tôi vẫn tiếp tục ôm ấp trong đầu hình ảnh Hà Châu. Anh nhớ, tôi chỉ mới gặp Chu như đã gặp bọn con Xuân-A, Xuân-B... Tôi vẫn chưa tìm thấy Hà Châu. Một ngày nào đó, ở đâu đó, hy vọng trời đất đưa đẩy cho tôi được gặp nàng. Tôi tin vậy. Hà Châu có thật trên cõi đời này.

Hôm kia, tôi ra ty bưu điện định đánh cho Chu cái điện tín thế này: “*Coi như Nghi chết rồi. Cô quên đi là hơn*” nhưng không nỡ, quay về. Thôi, cứ để cho cô ta giữ mãi trong đầu một hình

ảnh đẹp về một tên Nghi nào đó chưa hề gặp. Đừng nặng tay làm hồng giấc mộng của nhau, dù là mộng ảo. Tốt hơn, để tự nó dần dần tan biến thành sương khói, phải không anh?

Nghi”

“Anh Cần thân,

Tuần trước, Nghi vào đây tìm em. Chuyện xảy ra như một xen kịch bi hài. Gặp em, thất vọng (?), Nghi đã đóng kịch rất khéo rằng *anh ta chỉ là bạn của Nghi!* Trục giác giúp em biết ngay kẻ đang ngơ ngẩn đứng trước mặt mình là ai. Nhưng em im lặng, mặc cho Nghi diễn xuất. Em không giận Nghi nói dối, cũng hay, những lời dối trá của Nghi làm em yên tâm, hôm đó. Năm ngoái, khi bắt đầu trao đổi thư từ với Nghi, em biết rõ mình đang dự vào một trò chơi thú vị nhưng khá nguy hiểm. Vì anh ấy lảng mạn còn hơn thi sĩ. Những lá thư của Nghi là một bài thơ xuôi ca tụng *Hà Châu* hết lời, thiếu đường tôn thờ nó lên ngai nữ thần tuyệt sắc! Nhiều lần, em đã cảnh giác Nghi hãy tỉnh mộng lại, thực tế một chút nhưng anh ấy vẫn mê muội như một tín đồ cuồng tín. Đã mấy lần, em định chấm dứt viết thư nhưng rồi anh ta cứ gởi thư vào thôi thúc, hờn lầy, trách móc, than vãn. Vậy nên mình bị cuốn hút vào “vòng oan trái” không cách gì thoát khỏi.

Chắc chắn Nghi đã nguyên rũa nhieh mắng em thậm tệ. Em xin hứng chịu. Lỗi tại mình mạo danh Hà Châu (cái tên quý phái thơ mộng quá!) để du anh vào cơn mộng mị, đuổi bắt ảo ảnh. Bây giờ em sợ hãi cái tên Hà Châu đến độ nghe đứạ bạn nào nhắc đến, em rùng mình thất kinh... bỏ chạy!

Làm sao Nghi hiểu được nỗi oan ức của em trong sự tuyệt vọng của anh ta? Làm sao em quên Nghi được? Khi ngóat một trắm lá thư (!) em còn giữ trong ngăn tủ, chiếc nón bài thơ em vẫn treo trong phòng để... tưởng niệm. Nhãn và thanh trà mà “người bạn của Nghi” mang vào, em đã ném thử, không *chưa đắng* như em tưởng. Nhưng ghen ngào!

Anh Cần, chung quy, lỗi tại anh cả. Anh là nhà đạo diễn nghịch ngợm. Em đồng lõạ sắm vai trò một cách vô ý thức. Chỉ có Nghi là nạn nhân oan uống.

Nếu được, anh chuyển thư này đến Nghi, cùng đọc. Rồi thôi. Chu”

Anh Cẩn, người vừa kể cho tôi nghe câu chuyện trên, dừng lại đốt thuốc, chiêu một hớp trà, cười mỉm. Anh ngẩng lên nhìn tôi chờ ý kiến. Tôi chép miệng, kêu:

- Chuyện nghe có vẻ tiểu thuyết quá!

Anh cười lớn, vỗ vai tôi:

- Còn đoạn kết nữa bạn.

Anh rút một hơi thuốc, thở khói khoan khoái:

- Bôn ba mãi, Nghi vẫn không tìm thấy bóng dáng Hà Châu trên cõi đời này. Hắn tỉnh mộng: nàng chỉ là Khôi Sương Hư Ảo mà thôi! Năm sau, tỉnh cờ ghé lại Hội An, Nghi chợt nhớ cổ nhân bèn đến thăm Chu, không có chủ đích gì. Nhưng, Nghi bồi hồi nhìn thấy chiếc nón bài thơ ngày xưa treo trong phòng nàng, còn nguyên lớp giấy bọc đường chỉ buộc bên cạnh chùm nhãn, mấy trái thanh trà khô mốc meo teo tóp... Vâng, Nghi xúc động nghẹn ngào. Sau đó, hắn mượn lại xấp thư đã gởi cho Chu ngồi đọc lại cả buổi, rung rung ngậm ngùi. Ba tháng sau, Nghi cưới Chu. Tôi có dự đám cưới của họ, thật vui. Và nay, hai người đang sống đầm ấm bên nhau. Đứa con gái đầu lòng Nghi và Chu đồng ý đặt tên là Hà Châu. Với Nghi, Hà Châu là tên gọi của Hạnh Phúc mà hắn đã tìm thấy. Tôi thở ra nhẹ nhõm:

- Lại một chuyện tình có hậu.

Anh Cẩn cười hề hề:

- Họ đang ở gần đây. Bây giờ tôi đưa anh đến thăm. Đi không?

PHẠM NGỌC LƯ

(Giai phẩm Văn tháng 11-1972)

Phạm ngọc Lư

Huế, ngày về



tranh Đinh Cường

Ngày về - về Huế - Huế xưa
Về em xuân muộn anh vừa chớm thu

Đưa nhau ra bến sa mù
Lơ ngơ kỷ niệm chân chừ bước theo
Lòng em đầy nhẹ mái chèo
Trôi đi... trôi với bọt bèo lòng anh

Đưa nhau qua mấy cửa thành
Màu rêu bất tuyệt còn xanh nảo nùng
Xưa chờ em cửa Chính Đông
Anh in vào đá nổi lòng héo hon
Xưa tìm em cửa Hiền Nhon
Đá câm gạch lạnh rêu mòn dấu tay

Sao lòng ghen ghen nước mây

Trôi đi... trôi với thánh ngày mù sương
Đưa nhau qua những con đường
Thâm u lá rụng cuối vườn tịch liêu
Xưa em guốc mộc khua chiều
Giấu trong tà áo ít nhiều vu vơ
Anh qua cửa Phủ đứng chờ
Chiều em về muộn rêu mờ dấu chân

Sao lòng gợn sóng băng khuâng
Mây trôi, nước lại ngập ngừng chưa trôi
Trôi đi... bèo bọt một thời
Mái chèo tâm sự rã rời lòng nhau
Đưa anh lên ngọn giang đầu
Chia ly ngày ấy rầu rầu Huế mưa
Sông Hương no nước căng bờ
Tìm anh cuộn cuộn... lững lờ tình em
Tình ơi, không nặng sao chìm
Trăm năm rười rượi nằm im đáy lòng

Rời thôi ! Gió bụi mịt mù
Cuốn em ra khỏi khuê phòng đài trang
Rời thôi, nước mắt lỡ làng
Vùi trong vạt áo vô vàn tiếc thương

Ngày về lặng khói im sương
Về trong Huế mới buồn buồn Huế xưa
Về em ngán lệ chưa mờ
Về anh tay lạnh thẫn thờ nâng tay
Nhìn nhau lòng nghẹn nước mây
Hồng nhan em cạn anh đầy đa truân
Lòng như gợn sóng băng khuâng
Chuyến đò dĩ vãng tần ngần đang trôi
Trôi vô lòng Huế... Huế ơi !

Bụi đỏ

gởi con Quỳnh Thư, Quốc Tuấn

Đất khách lênh đênh tròn một giáp
Mười hai năm - mười hai bến đục ngầu
Mười hai mưa nắng nuôi hoa cỏ
Khô héo đời ta cây lá bạc màu

Quê người nường nấu kiếp lưu dân
Bụi ba-dan có phải hồng trần ?
Đỏ quạch mồ hôi chua cơm áo
Cơm áo bạc tình bán hết thanh xuân

Trời sinh chi đôi vai thêm khổ
Gánh gian nan như gánh tội đồ
Sinh chi kẻ sĩ đem đầy đoạ
Chôn vùi nơi nắng bỏng mưa dơ

Đi giữa rừng cao su trùng điệp
Lòng đau như vết cạo còn tươi
Mủ cứ chảy bám dày tâm sự
Tâm sự đùn cao như gò mối chôn người

Đi giữa hoang sơ ruộng bầu khe suối
Gai hồ người cào nát đôi chân
Nghĩ về quê cũ lòng thêm thẹn
Một ra đi là một lỡ lầm

Đi lơ ngơ vừa tròn một giáp
Mười hai năm lệ tủi đời cam
Rượu Nam phương uống cùng tứ xứ
Tứ xứ ly gia dễ mủi lòng
Cũng dễ quên nhau khi hết rượu
Cái ân tình có có không không

Gặp lắm phàm phu quen nhiều hào sĩ

Dẫm kẻ nhân từ vài tay ích kỷ
Quây quần, lều láo, say sưa...
Cũng lắm giai nhân quần nâu áo vải
Chia xẻ dung nhan ngọt tình cây trái
Mà lòng thì sáng nắng chiều mưa

Cứ hỏi mình : chưa chán ? chán chưa ?
Nhìn núi Chứa Chan mắt buồn chan chứa
Mười hai năm !
Bến nước mười hai đục ngầu bụi đỏ
Sao không quay về bến thứ mười ba :
Bến nước trong xanh soi bóng quê nhà !

chín năm sau ly tán 1994

TRÊN ĐÈO BÌNH ĐÊ

(Tặng Trần Hoài Thư & Phạm Văn Nhân



Đèo Bình Đê - 1968 (hình từ Internet)

Đứng trên đèo Bình Đê
Ngó về Trường Sơn xanh rờn bất trắc
Trường Sơn im lìm bí mật
Rừng sâu hiểm hóc mưu toan
Âm u triền núi cây đe dọa

Thăm thăm trường dài lá nguyệt trang
Khe suối quanh co nằm mai phục
Gò đồng lẫm le nuốt đồng bằng
Trời huyền náo bóng mây quần tụ
Mùa mưa đang rục rịch mở đường
Đâu đây những bước chân rần rộ
Reo hò vang ngõ ngách xuyên sơn

Tháng tư
Lửa bùng lên đầu chợ
Lửa cháy quanh sông
Lửa vây Hoài Đức
Lửa đốt Bồng Sơn
Người người tan xác giữa đồng
Người người ngã gục bên dòng Lại Giang
Người người bỏ thân trên đường chạy loạn
Đôi mắt trừng lên nổi kinh hoàng
Đôi mắt ngó về đâu chòng chọc
Bốn bề khói lửa mù giăng
Bốn bề binh đao cuồn cuộn
Bốn bề đổ nát tang hoang
Chạy mau chạy mau người mẹ Hoài Ân
Quang gánh trên vai chất đầy thống hận
Máu bầm vương vãi bàn chân
Chạy đi chạy đi người chị Hoài Nhơn
Sao cứ nằm ôm con thơ đùm trong tay nải
Máu khô đen khuôn mặt lạt thần
Pháo tràn lan xối xả
Lửa rần rạt trên lưng
Chạy về đâu?
Về đâu...ôi những bước chân vô hồn?

Đứng trên đèo Bình Đê
Ngó về Tam Quan tro than quần quai
Ngó lại Sa Huỳnh gỗ đá phơi thây
Lơ ngơ dăm ngọn cờ bay
Trên khung nhà cháy trên cây cụt đầu
Còn gì đâu? Chẳng thấy gì đâu!
Bên này bên kia nứ vai nhau xiêu ngã

Trông xuống trông lên đất trời man rợ
Núi vô tâm và biển lắm lì
Trông kia, tai ương lớn vờn
Sau lớp lớp mây chì
Rợn người nghe tiếng quạ
Xao xác bay về kiếm tử thi

Thôi chẳng còn chi...còn chi mà trông ngó
Quê em đâu rồi người em gái nhỏ Tam Quan?
Quê em nhà cháy hàng hàng
Rừng dừa cụt ngọn khóc oan hồn mình
Em thấy gì người em trai Sa Huỳnh lưu lạc?
Quê em bây giờ tan tác thê lương
Cờ treo ruộng muối chết uơn
Đua chen khẩu hiệu trên tường nhà xiêu !

Tôi đứng đây giữa chiều
Lặng nghe hơi gió
Như tiếng ai tí tê nước nở
Phải tiếng người thịt nát xương tan
Tiếng âm hồn gào thét kêu than
Đêm cô cút giữa đất trời hung bạo
Khuya rét mướt rừng già An Lão
Chiều sứt sùi hang núi Ba Tơ
Nương thân gò mối còn mờ
Về theo cát bụi bên bờ điều hiu...

Tôi đứng đây giữa chiều
Ngó về đâu không rợn màu tang tóc
Ngó Nam ngó Bắc nuốt tiếng thờ dài
Ai đến Tam Quan thương vậy
Ai về Sa Huỳnh khóc mướn ?
Có nghe những oan hồn vất vưởng
Than vang trên ngọc cờ bay
Kêu đòi thân thể hình hài
Trăm năm cát bụi miệt mài cơn đau...

1973

Bình Đê, là ngọn đèo thấp trên quốc lộ 1 chia ranh giới hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định. Các thị trấn Tam Quan và Bồng Sơn ở phía nam Bình Đê đã tan nát vì binh lửa trong mùa hè 1972. Còn cửa biển Sa Huỳnh ở phía bắc ngọn đèo này thì trở thành một " chiến trường ném binh như vãi đậu " để hai phe tranh dành chiếm đất cắm cờ ngay sau khi hiệp định Paris 1973 vừa ký kết. (Lời ghi của tác giả)

Bài thơ **Đứng tên Đèo Bình Đê** mà tác giả đề tặng PVN và THT như nhắc cho chúng tôi những năm tháng hành quân gian khổ của đời binh nghiệp vào những năm 1966-1967. Không có địa danh nào trong bài thơ mà tôi không đi qua. Hoài Ân. An Lão.Tam Quan. Kim Sơn. Nghĩa Điền...và dòng Lại Giang. Nơi nào cũng tan hoang, xóm nhà xiêu đổ.Trường học bỏ hoang. Dân quê sống như cái xác không hồn. Ôi ! chiến Tranh. Năm 1972, Bồng Sơn rơi vào tay địch. Khi ấy 4 đại đội thám kích sư đoàn 22 về thụ huấn ở Lam Sơn mà THT từng làm trung đội trưởng vào năm 1967-1970. Bị lộ tin ra giải cứu Bồng Sơn. Lính phá thị trấn Dục Mỹ một phen nhớ đời. (PVN)

Góp ý của THT nhân bài viết của PVN về việc thám kích phá Dục Mỹ:

Nhà văn PVN đã kể về việc 4 đại đội thám kích, trong số có đại đội 405 TK mà một thời tôi làm trung đội trưởng phá Dục Mỹ. Tôi thiết nghĩ nguyên do chính cũng vì cái lệnh “ném binh như vãi đậu” một cách tắc trách của cấp trên. Cho đi thụ huấn 6 tuần, nhưng chỉ mới 1 tuần là bóc về cho ra mặt trận, lại thêm có quân canh canh giữ cẩn mật xem họ như những quân phạm không hơn không kém!. Đối xử như vậy làm sao mà tinh thần người lính không hoang mang, giao động hay bất mãn ?

Việc phá phách này có thể do từ một vài phần tử xấu, chứ không phải do cả một tập thể Cuối cùng, họ vẫn tuân hành chỉ thị không bỏ ngũ. Bằng chứng là sau đó họ vẫn ra giải vây Bồng Sơn. Tôi nghe nói họ bị thiệt hại rất nặng...(THT)

Một bài thơ mới tìm được của Phạm Ngọc Lư
(quà của một bạn trẻ ở SG sưu tầm gửi về đóng góp)

bên vườn hương ngọc lan

Tặng Trần Huyền Ân

*Em về bóng nhỏ đường che
Cây nghiêng mấy lá chùng nghe rất chiều**

*Tôi về chân ngã hồn xiêu
Về đâu hồi bóng trắng treo cuối ngày
Hoa lan vừa nở đầu đây
Hương trinh không rượu mà say quá chùng*

*Ra về lòng có băng khuâng
Sao tay vịn giậu sao chân dùng dằng
Nhờ rồi quên áo quên khăn
E tình lãng đãng cầm bằng khói sương*

*Mai người đi dạo trong vườn
Hái hoa lan thả khói hương lên trời
Hương bay giạt đến phòng tôi
Nghiêng nghiêng mấy cánh, chao ơi bề bàng*

*Mai người tựa gốc hoàng lan
Vô tình hoa rụng xuống vàng áo hoa
Tình tôi mấy cánh xót xa
Rụng theo cánh bướm lạc qua vườn người.*

PHẠM NGỌC LƯ

(*) thơ Lương Trinh

(Trích từ tuần báo Tuổi Ngọc số 69, tuần lễ từ 21-9 đến 28-9-1972)

Di sản văn chương miền Nam

lê huy oanh

Thế Lữ

Vũ Hoàng Chương

Hàn Mặc Tử

qua các tác phẩm: *Mấy Vần Thơ*,
Thơ Say, *Thơ Hàn Mặc Tử*



**THẾ LỮ, VŨ HOÀNG CHƯƠNG
HÀN MẶC TỬ**



qua ba tác phẩm

**MẤY VẦN THƠ, THƠ
SAY, THƠ HÀN MẶC TỬ**

NGUYỄN THỊ THỤY VŨ
DU TỬ LÊ • TRẦN HOÀI THƯ
và thơ của nhiều nhà thơ trẻ

I

Vị trí của ba nhà thơ Thế Lữ, Hàn Mặc Tử và Vũ Hoàng Chương trong thi đàn Việt Nam

Là người Việt Nam, chúng ta có đủ chứng tích để tự hào về kho tàng thi ca của xứ ta, một trong những kho tàng phong phú quý giá nhất thế giới. Về các bộ môn triết học, biên khảo, tiểu thuyết, kịch phẩm... nước ta có thể còn thua kém nhiều nước khác, nhưng riêng về bộ môn thơ, nước ta đứng ngang hàng với bất cứ nước nào trên thế giới. Những nhà thơ như Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Gia Thiều, Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm, Tú Xương, Tản Đà, Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Huy Cận, Bích Khê, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Bùi Giáng, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Nguyễn Đức Sơn... đều là những nhà thơ có vóc dáng quốc tế, không những là nhà thơ lớn của xứ ta mà còn phải được coi như những thi sĩ của chung nhân loại. Chúng ta lại còn có cả một kho tàng ca dao phong phú, tuyệt vời của những tác giả vô danh, hay đẹp không kém gì những bài hay nhất trong *Kinh Thi* của người Trung Hoa.

Mục đích của chương này là nhận định về vị trí ba nhà thơ Thế Lữ, Hàn Mặc Tử và Vũ Hoàng Chương trong thi ca Việt qua các thời đại. Để làm công việc này, thiết tưởng cần phải:

- 1) Nhìn qua hàng ngũ các nhà thơ Việt qua các thời đại.
- 2) Những hình thức và khuynh hướng thơ qua các thời đại, đặc biệt của ba tác giả liên hệ.
- 3) Ảnh hưởng ngoại quốc đối với thơ Việt, và riêng đối với ba tác giả liên hệ.

Sau khi làm xong ba điều đó, chúng ta thấy rõ ràng vị trí của họ trong thơ Việt.

NHÌN QUA HÀNG NGŨ CÁC NHÀ THƠ VIỆT QUA CÁC THỜI ĐẠI – Không kể những áng thơ bằng chữ Hán, trước hết chúng ta phải nói đến những truyện thơ hoặc những áng thơ dài bất hủ bằng chữ Nôm như Truyện Kiều của Nguyễn Du, Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, Truyện Hoa Tiên của Nguyễn Huy Tự, Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm, Cung Oán Ngâm Khúc của Nguyễn Gia Thiều. Chúng ta còn có những nhà thơ Nôm khác tài nghệ lỗi lạc như Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Chu Mạnh Trinh, Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Trần Tế Xương...

Sang thế kỷ XX, chữ Quốc Ngữ thay thế chữ Nôm, Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Đông Hồ và Quách Tấn được coi như những cây cầu nối cho hai giai đoạn thi ca cũ và mới. Thời kỳ thơ Mới bắt đầu. Nhiều thi sĩ tài danh xuất hiện: Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Nhược Pháp, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Xuân Sanh, J. Leiba, Huy Thông, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Mộng Huyền, Anh Thơ, Vũ Hoàng Chương, Tế Hanh, Nguyễn Bính, Tú Mỡ, Đồ Phồn... Đó là thời Tiền Chiến.

Sang thời Hậu Chiến, chỉ kể riêng miền Nam Tự Do, hàng ngũ các nhà thơ Việt rất đông đảo, trong đó, người ta thấy có Đinh Hùng, Kiên Giang, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, Bùi Giáng, ..., Tô Thùy Yên, Nguyễn Đức Sơn, Tuệ Mai, Phạm Công Thiện, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Phạm Thiên Thư, Tú Khuê, Viên Linh, Nguyễn Tôn Nhan, Nguyễn Bắc Sơn, Du Tử Lê, Cung Trầm Tưởng, Hoàng Trúc Ly, Nguyễn Đạt, Phạm Ngọc Lư, Nguyễn Tất Nhiên, Luân Hoán, v.v...

Như vậy là chúng ta đã chia quá trình tiến triển của thơ Việt ra làm ba chặng. Chặng I, gồm thi ca truyền khẩu (ca dao) và thơ Nôm. Chặng II, từ Tân Đà cho đến 1945, kêu là thời Tiền Chiến. Chặng III, từ 1945 cho đến ngày nay, tạm kêu là thời Hậu Chiến. Ba nhà thơ Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương nằm trong thời kỳ thơ Tiền Chiến. Họ đã có công mở đường, củng cố và hiển dương cho phong trào thơ Mới của thời kỳ đó. Những tác phẩm quan trọng nhất của ba thi sĩ đó:

Thế Lữ: *Mấy Vần Thơ*; Hàn Mặc Tử: *Thơ Hàn Mặc Tử*; Vũ Hoàng Chương: *Thơ Say*. Trong những chương sau, chúng ta sẽ lần lượt xét tới ba nhà thơ ấy qua ba thi phẩm đó.

NHIỀU HÌNH THỨC VÀ KHUYNH HƯỚNG THƠ VIỆT QUA CÁC THỜI ĐẠI, VÀ QUA BA TÁC GIẢ LIÊN HỆ –
Thơ Thời kỳ I phần lớn mang hình thức lối thơ Đường luật; ngoài ra còn có nhiều hình thức phóng khoáng hơn, có nhiều tính chất Việt Nam hơn như hát nói, song thất lục bát và nhất là lục bát. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã hiển dương cho lối thơ lục bát. Thời xưa, các cụ ta ít khi đặt nặng về khuynh hướng thơ. Tùy trường hợp, tiện kiểu nào xài kiểu đó, chứ không chú ý đặc biệt về một lối đi riêng biệt nào cả về hình thức lẫn nội dung. Do đó trên thi đàn Việt Nam thời kỳ I, tức thời kỳ ca dao và thơ Nôm, không hề bao giờ có hiện tượng trường phái.

Sang thời Tiền Chiến, ngoài nhóm Xuân Thu Nhã Tập, quy tụ các ông Nguyễn Đỗ Cung, Phạm văn Hạnh, Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Lương Ngọc, Nguyễn Xuân Sanh và Đoàn Phú Tứ, định lòng nghệ thuật, nhất là thơ vào một trường phái riêng, người ta không còn thấy trường phái nào cả [1]. Mặc dầu thơ Tiền Chiến gần như không có trường phái nhưng lại có nhiều khuynh hướng rõ rệt. Một khuynh hướng phổ quát là làm mới thơ, thay thế thơ Đường luật bằng những kiểu thơ của Tây phương như thơ năm chân, bảy chân, tám chân liên tục hoặc phân đoạn, không còn bị chi phối bởi số câu có hạn định hoặc bởi lối văn biền ngẫu. Một vài nhà thơ táo bạo hơn nữa còn xài cả thơ hai chân, mười hai chân hoặc thơ phá thể, câu dài câu ngắn bất thường. Lục bát vẫn còn được giữ lại, nhưng đây là thứ lục bát mới, không có hiện tượng biền ngẫu, và mang những dụng ngữ, những hình ảnh thật mới. Những bài lục bát của Xuân Diệu, Huy Cận chẳng hạn đã có nhiều màu sắc mới lạ so với lục bát của Nguyễn Du khi xưa. Vài nhà thơ khác còn xài cả lối văn xuôi thi vị (prose poétique) hoặc thơ xuôi (poème en prose) là thứ thơ mà nhiều thi sĩ Âu châu đã xài từ thế kỷ 19. Thế Lữ là người có công lao rất lớn trong việc truyền bá và cổ xúy lối thơ Mới; Hàn Mặc Tử và Vũ Hoàng Chương tuy không trực tiếp cổ động cho thơ Mới

nhưng đã gián tiếp tán thành và củng cố mạnh mẽ cho thơ Mới bằng cách sáng tác những bài thơ mới rất có giá trị. Tập *Mấy Vần Thơ* của Thế Lữ có thể được coi như một tác phẩm mẫu mực điển hình cho thơ Mới cả về hai phương diện hình thức và tư tưởng. Hàn Mặc Tử mới đầu có vẻ vẫn còn thiết tha với lối thơ Đường luật, nhưng chỉ ít lâu sau ông ta đã không ngại ngần bỏ rơi thơ Đường luật để xài thơ Mới. Trong thi phẩm *Thơ Hàn Mặc Tử*, ở đầu người ta thấy có một ít bài thơ Đường luật, mặc dầu có vài bài đáng được coi như những tuyệt tác, nhưng trong bốn phần năm cuốn sách về sau, thơ Mới ngự trị hoàn toàn và gần như tất cả những bài thơ tiêu biểu nhất cho thiên tài Hàn Mặc Tử đều nằm trong phần thơ Mới.

Hình thức các bài thơ trong thi phẩm *Thơ Say* của Vũ Hoàng Chương đa số đều rất mới, để cùng với hai thi phẩm *Mấy Vần Thơ* của Thế Lữ, *Thơ Hàn Mặc Tử* của Hàn Mặc Tử và nhiều thi phẩm khác của nhiều thi sĩ khác, họ Vũ, cũng như Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, đã góp phần tạo thành thể rất mạnh mẽ cho thơ Mới.

Ngoài khuynh hướng phổ quát như vừa kể, còn có nhiều thứ khuynh hướng đặc thù. Trong thơ tiền chiến, có những khuynh hướng lãng mạn, thi sơn, tân lãng mạn và tượng trưng. Như đã nói ở trên, những khuynh hướng này mặc dầu không gây thành trường phái (écoles) nhưng đã hợp thành hiện tượng nổi bật. Các hiện tượng đó nằm bằng bạc nơi các thi phẩm. Thơ của Nam Trân, Đoàn Văn Cừ, Bằng Bá Lân hay Anh Thơ phẳng phát lối thơ Thi Sơn; thơ của J. Leiba, Tế Hanh, Thế Lữ, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Lưu Trọng Lư thường đầy chất lãng mạn; thơ của Yên Lan, Bích Khê, Mộng Huyền hay Chế Lan Viên đầy hương vị tượng trưng. Nguyễn Xuân Sanh hay Đoàn Phú Tứ còn đẩy thơ tượng trưng Việt Nam đi xa hơn nữa. Vài nhà thơ khác còn có cùng lúc hai ba khuynh hướng khác nhau. Thơ Chế Lan Viên có hai khuynh hướng: thi sơn và tượng trưng; thơ Xuân Diệu gồm ba khuynh hướng: lãng mạn, tân lãng mạn và tượng trưng. Thơ Hàn Mặc Tử ngoài chút ít hương vị thơ Đường, đã chứa đầy những hương vị tân lãng mạn, tượng trưng và còn có thêm hương vị tôn giáo cao độ. Trong khi đó, mặc dầu khuynh hướng chính của Vũ

Hoàng Chương trong *Thơ Say* là khuynh hướng lãng mạn cả về hình thức lẫn nội dung, nhưng đôi khi người ta cũng gặp những bài (như *Đà Giang*, *Chợ Chiều*, *Nghe Hát*) có thấp thoáng vẻ thơ tượng trưng, không phải thứ tượng trưng của Tây phương nhưng là thứ tượng trưng đầy màu sắc Á Đông. Thơ Tượng Trưng trong Thơ Hàn Mặc Tử cũng đầy màu sắc Á Đông. Điều này chứng tỏ tâm hồn người Đông Phương, vốn trầm lặng sâu sắc, đã có tiềm tàng khuynh hướng tượng trưng từ lâu, có lẽ còn có trước cả Tây Phương, nhưng sau, đến thời Tiền Chiến, riêng ở Việt Nam, khuynh hướng ấy đã được những ý hướng tượng trưng du nhập từ Tây Phương đánh thức dậy và sau khi thức dậy nó liền bành trướng thật mãnh liệt, nhất là trong thơ Hàn Mặc Tử hoặc thơ Bích Khê.

Nói tóm lại, cả ba người, Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương, đều là những thi sĩ đáng liệt vào hàng những kiện tướng của thơ Mới. Thơ Thế Lữ trong *Mấy Vần Thơ* mang khuynh hướng lãng mạn; thơ Hàn Mặc Tử, riêng trong tác phẩm liên hệ đã kể, mang ba khuynh hướng tân lãng mạn, tượng trưng và Thiên Chúa giáo; thơ Vũ Hoàng Chương trong *Thơ Say* gồm hai khuynh hướng, chính: lãng mạn; phụ: tượng trưng.

Tiểu đề này là "vị trí của ba nhà thơ Thế Lữ, Hàn Mặc Tử và Vũ Hoàng Chương trong thi đàn Việt Nam." Chữ "thi đàn" ở đây bao gồm thi ca Việt từ thời khởi đầu thơ bằng văn tự xa xưa cho tới ngày nay. Chúng ta đã xét qua giai đoạn trước thơ Tiền Chiến, rồi đến giai đoạn thơ Tiền Chiến tức là giai đoạn của Thế Lữ, Hàn Mặc Tử và cũng là giai đoạn chính (so với giai đoạn phụ) của Vũ Hoàng Chương.

Để có thể thấy rõ hơn nữa vị trí của ba nhà thơ này trong toàn thể thơ Việt, thiết tưởng cũng nên nhìn qua tình hình thi ca của miền Nam Tự Do trong vòng hai chục năm nay (1954 - 1974) là giai đoạn chính của thời kỳ thơ Hậu Chiến. Chúng ta đã điếm qua một số tên các thi sĩ của giai đoạn này. Bây giờ thử xét thơ Hậu Chiến có những điểm gì khác biệt với Thơ Tiền Chiến hay chẳng? Trước hết là một sự khác biệt rất quan trọng về tư tưởng. Các thi sĩ Tiền Chiến trong đó dĩ nhiên có Thế

Lữ, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương (của riêng tập *Thơ Say*), đã sống trong một thời yên bình và quốc gia mình bị đặt dưới sự thống trị của thực dân Pháp, vì thế phần lớn có những tư tưởng yếm thế, ủy mị. Còn giai đoạn Hậu Chiến có những đặc tính mới sau đây: 1) Chiến tranh miền viễn kéo dài hơn hai chục năm, tới nay vẫn chưa dứt, 2) Thực dân Pháp đã phải bỏ quốc gia này, trả lại nền độc lập tự chủ cho dân Việt, 3) Vì chiến tranh kéo quá dài nên tình trạng kinh tế mỗi lúc một thêm khó khăn và cho tới ngày nay, kinh tế Việt Nam đang lâm vào tình trạng rất khó khăn. Ba yếu tố đó đã khiến cho các nhà thơ Hậu Chiến có những tư tưởng khác biệt với tư tưởng các nhà thơ Tiền Chiến. Những tư tưởng ủy mị gần như không còn nữa. Nhà thơ Hậu Chiến sống trong một hoàn cảnh không phù hợp với tinh thần ủy mị. Vì đa số phải tham dự cuộc chiến tranh, dầu muốn hay không muốn. Họ phải thường xuyên chiến đấu để xứng đáng là một con dân một quốc gia độc lập đồng thời để bảo vệ chính mình và những người thân yêu của mình. Họ vừa cầm vũ khí chiến đấu ngoài mặt trận lại vừa phải cố gắng để lo cuộc mưu sinh giữa một tình trạng kinh tế khó khăn do một cuộc chiến tranh quá dài gây ra. Do vậy, họ không còn có thì giờ rảnh rỗi, không còn có hoàn cảnh thanh thoi nhàn hạ để mơ màng ủy mị. Ngày nay những cảnh mơ mộng, yêu đương hay ăn chơi mặc dầu vẫn còn nhưng chúng không thể nào da diết, đắm đuối cho bằng ở thời Tiền chiến. Nhà thơ ngày nay có nhiều việc phải làm, phải thiết thực lo âu hơn nhà thơ Tiền Chiến, nên họ không sao còn có thể nhõn nhõn làm "một khách bộ hành phiêu lãng" như Thế Lữ, làm một kẻ mơ mộng viễn vông như Hàn Mặc Tử hoặc làm một đấng tử hám chơi như Vũ Hoàng Chương. Ngày nay, do vậy, tinh thần lãng mạn, yếm thế, phiêu diêu thoát tục mặc dầu vẫn chưa hết hẳn nhưng quả thật chúng đã trở thành lạc lõng lỗi thời. Thơ ngày nay thường nói lên sự kiêu hãnh của một con người đã thường xuyên tranh đấu chống lại những trở ngại hoặc thực tế hoặc siêu hình do một hoàn cảnh đặc biệt của đất nước gây ra. Thơ Hậu Chiến vẫn có đề cập tới Ái Tình (một đề tài muôn thuở) nhưng quả thật đã không còn quá mơ màng đắm đuối với Ái Tình. Thơ Hậu Chiến gần như không còn bày tỏ những đam mê cuồng nhiệt đối với những thú chơi như khiêu vũ, hát ả đào, rượu mạnh, hay thuốc phiện. Thơ Hậu

Chiến ít khi bày tỏ những ý nghĩ viển vông phiêu diêu của một con "phượng hoàng, vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất" như của Hàn Mặc Tử. Phần lớn thơ Hậu Chiến nói lên những nỗi khó khăn của cuộc sống, khó khăn vì chiến tranh, khó khăn vì kinh tế, khó khăn của tình trạng một quốc gia nhược tiểu ham muốn tiến bộ cho bằng với năm châu bốn biển. Từ tâm trạng đó nảy ra những cảm khái, những bức dọc, những khắc khoải, đôi chút kiêu hãnh và rất nhiều xót xa...

Những ý tưởng đại loại như trong mấy câu thơ trên có rất nhiều trong thơ Hậu Chiến. Hoàn cảnh mới tạo ra những ý nghĩ mới, những ý nghĩ có thể coi như không hề có trong thơ Tiền Chiến nói chung, không hề thấy trong thơ của Thế Lữ của Hàn Mặc Tử cũng như của Vũ Hoàng Chương nói riêng. Trong thơ Hậu Chiến, Ái Tình vẫn còn thường được nhắc tới, nhưng ở đây Ái Tình đã mang những bộ mặt mới, không còn sôi nổi một cách hời hợt mà thường đượm vẻ xót xa ngậm ngùi của những tâm hồn thời đại này. Những tiếng yêu đương hôm nay không còn là những tiếng *"Anh nhớ tiếng, anh nhớ hình, anh nhớ ảnh – Anh nhớ em anh nhớ lắm em ơi"* (Xuân Diệu) hoặc *"Đôi lứa thân tiên suốt một ngày – Em ban hạnh phúc chứa đầy tay"* (Huy Cận) hoặc *"Bơ phờ tóc rối, vành khăn lệch – Ủ rũ hoa gầy má đỏ phai"* (J. Leiba). Nhà thơ ngày nay thường nhìn ái tình trong phạm vi thân phận của con người đang sống trong một tình thế khó khăn, nghẹt thở, vì thế Thanh Tâm Tuyền bảo người bạn tình: *"Anh đưa em đi trốn – những giày vò ngày mai"*, vì thế Phạm Công Thiện nức nở *"Tay gầy ôm chặt tình yêu – Anh về phố gục những chiều hư vô"*, vì thế Hoàng Hương Trang ngậm ngùi *"Tin yêu cũng thể hận thù – Người yêu cũng thể mịt mù cuối mây – Mai sau làm kiếp cỏ cây – Đừng thương yêu để dọa đầy xác thân"*. Tình yêu hôm nay vì chân thực nên đầy vẻ xót xa hờn tủi, nhưng cũng vì thế mà sâu lắng, chứ không xốc nổi như tình yêu thời Tiền Chiến. Khi Thanh Tâm Tuyền tuyên bố *"Trong thơ hôm nay không có tình yêu"* (*Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay*) tức thị anh muốn nói rằng: Trong thơ hôm nay không còn có những tình yêu như của thời Tiền Chiến. Trong thơ hôm nay, những quan niệm hường lạc phóng đãng của những người thanh niên trong thời bình cũng gần như không còn nữa.

Người ta không còn hoàn cảnh phù hợp, không còn đủ phương tiện, không còn đủ tâm hồn thư thái để mà ăn chơi lêu lổng, bạt mạng như Thế Lữ hay Vũ Hoàng Chương. Vì thế, trong thời đại này, bất cứ ai cố giữ tác phong và thái độ sống như Vũ, như Hàn, như Thế Lữ khi xưa tất sẽ chỉ là những kẻ lạc lõng, trong xã hội bây giờ. Ngày nay, những người thanh niên thời đại vẫn còn đọc *Mấy Vần Thơ*, *Thơ Hàn Mặc Tử* hay *Thơ Say* nhưng chắc chắn họ không thể có được những rung động thiết tha sôi nổi như thanh niên thời Tiền Chiến.

Về hình thức, mặc dầu vẫn còn giữ lại một số khuôn thước của thơ Tiền Chiến, nhưng thơ Hậu Chiến đã có thêm nhiều đặc tính mới lạ. Trước hết là hiện tượng "hình thức cũ nhưng ngôn ngữ mới", nghĩa là vẫn những lối năm chân, bảy chân hoặc lục bát, nhưng ngôn ngữ thơ thường có vẻ rời rạc, uyển chuyển với những dụng ngữ được coi như có những ý nghĩa mới hoặc được tạo cho những ý nghĩa mới cùng với những hình ảnh khác lạ, thường khi xuất hiện đột ngột. Thứ ngôn ngữ mới này do đây thường có vẻ băng khuâng, mờ ảo chứ không rõ ràng, chân thực như ngôn ngữ xưa cũ:

Qua đây từng giọt buồn phiền
Mắt em cổ thụ thâm xuyên gọi mời
Bãi hoang còn dựng bể khơi
Xuôi tay xin gởi miệng cười mộng du
HOÀNG TRÚC LY, Hành Trình

Uông đời tôi một hòn đá vụn
rớt vô tình xuống đáy sông tan
còn nghe tiếng hú hồn lầy bầy
bay trên bờ nước xiết mang mang

Tội tình tôi chờ hái bụi mưa
rửa vết thương sâu ngời lửa cháy
chiều nay ai đập vỡ chai bia
máu vọt lên giữa dòng nước xoáy
PHẠM NGỌC LƯ, Rừng Tim Người.

Chúng ta nhận thấy thể thơ vẫn là lục bát hay bảy chữ, nhưng

ngôn ngữ thơ hoàn toàn mới, mới vì những dụng ngữ được lồng cho những giá trị, những ý nghĩa khác lạ, mới vì những hình ảnh và ý tưởng xuất hiện một cách thật đột ngột và bất ngờ, tạo cho thơ một không khí mờ ảo có nhiều tính chất gợi cảm hơn là truyền cảm. Thứ ngôn ngữ như thế gần như không có trong thơ Tiền Chiến. Ngoài ra, thời Hậu Chiến còn có những khuynh hướng Thơ mà thời Tiền Chiến chưa hề có. Trước hết là khuynh hướng thơ Tự Do mà Thanh Tâm Tuyền, tác giả *Tôi Không Còn Cô Độc*, là người đi tiên phong, trong công việc khai phá. Trong khuynh hướng thơ Tự Do, hầu hết những thể thơ cổ truyền thời Thơ Mới đều bị bỏ rơi. Thay vào đây là một lối thơ các câu dài ngắn không đều được lồng vào một thứ văn phạm mới khác biệt hẳn với văn phạm cũ, và được phô diễn bằng những dụng ngữ có những khả năng mới. Một hình thức như thế được dùng để phát biểu những ý tưởng và hình ảnh rời rạc có nhiều công dụng gợi cảm, đòi hỏi người thưởng ngoạn khi thưởng thức thơ phải góp phần sáng tạo với tác giả. Thơ Thanh Tâm Tuyền đã gây ra cả một cuộc cách mạng trong thơ Việt và đã tạo được một ảnh hưởng thật sâu rộng trong giới thơ Việt. Kế tiếp rồi tiến song song với thơ Tự Do là khuynh hướng tạm gọi một cách nôm na là "thơ Đuôi Ưoi" mà có người gọi một cách rất sai lầm là "thơ Thiên" hoặc "thơ Viễn Mơ". Chẳng phải Thiên cũng chẳng phải Viễn Mơ, thơ Đuôi Ưoi do Bùi Giáng khởi xướng đã là cả một cuộc cách mạng cực kỳ mãnh liệt cả về tư tưởng lẫn hình thức, một cuộc cách mạng thoát nhìn có vẻ quái đản nhưng lại rất thực tế. Họ Bùi đã thành công một cách vẻ vang trong việc tạo ra những giá trị và khả năng rất mới cho ngôn ngữ, và thứ ngôn ngữ như thế đã được dùng để diễn tả rất nhiều sắc thái mới lạ của tâm hồn và tư tưởng con người. Nếu chúng ta đặt Thơ Mới bên cạnh thơ Tự Do hay thơ Đuôi Ưoi, chúng ta sẽ thấy thơ Mới của thời Tiền Chiến đã trở thành cũ mèm. Cũng thế, nếu đem so sánh *Mấy Vần Thơ*, *Thơ Hàn Mặc Tử* hay *Thơ Say* của Vũ Hoàng Chương với *Tôi Không Còn Cô Độc* hay *Bài Ca Quần Đảo*, chúng ta sẽ thấy thơ trong ba tập trên đã trở thành già nua quá đỗi. Nhưng già nua không có nghĩa là kém giá trị. *Thơ Say* và *Bài Ca Quần Đảo* là hai thứ thơ khác biệt hẳn nhau thể nhưng mỗi thi phẩm đều có giá trị riêng và sức hấp dẫn riêng của nó. Cái đẹp của thơ vốn có thiên hình vạn trạng.

ẢNH HƯỞNG NGOẠI QUỐC TRONG THƠ – Nước Việt vốn đã phải trải qua những thời kỳ đen tối, hoặc nô lệ người Tàu hoặc nô lệ người Pháp. Có điều đáng mừng và đáng hãnh diện là dân tộc ta đã không bị đồng hóa với người Tàu cũng như vẫn giữ được những sắc thái tinh thần và sinh hoạt riêng biệt của mình trong tám chục năm thuộc Pháp. Nhờ có tinh thần bất khuất đó nên mặc dầu phải trải qua biết bao nhiêu thời kỳ khó khăn, quốc gia của chúng ta vẫn còn tồn tại và dân tộc ta vẫn tiếp tục tiến hóa. Dĩ nhiên trong những thời kỳ bị trị đó, dân tộc Việt không thể nào không chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hóa của những quốc gia thống trị. Thi ca Việt do vậy đã chịu ảnh hưởng mãnh liệt của thi ca ngoại quốc. Các cụ chúng ta khi xưa học chữ Hán nên về hình thức thơ Việt chịu ảnh hưởng Đường Thi, về tư tưởng cũng chịu ảnh hưởng của Lão, Trang, ảnh hưởng Phật Giáo (tôn giáo này đã được truyền vào Việt Nam phần lớn qua ngã Trung Hoa), ảnh hưởng của những thi sĩ lớn của Trung Hoa như Đào Tiềm, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Lý Thương Ẩn, Bạch Cư Dị, Đỗ Mục, Tô Đông Pha, v.v...

Sang đến thời Pháp thuộc, bọn thống trị đã bắt thanh niên Việt phải học tiếng Pháp rất kỹ theo kiểu "nhồi sọ". Với số vốn ngôn ngữ Pháp khá giàu thâm thúy được, thanh niên Việt thời Tiền Chiến và cả một phần thời Hậu Chiến đã say sưa thưởng thức văn chương Pháp, đã mê man những thơ của Lamartine, Hugo, De Noailles, Musset, Gérard de Nerval, Baudelaire, Verlaine, Mallarmé, Valéry, Rimbaud, Lautréamont, Cendrars, Soupault, Breton, Aragon, Eluard Prévert, Isou, ... Dĩ nhiên các nhà thơ Pháp đó đều không thể không gây ảnh hưởng hoặc ít hoặc nhiều tùy trường hợp, tùy thời kỳ, tùy cá nhân, cho các nhà thơ Việt. Đa số những thể thơ của thơ Mới Việt Nam đều đã được du nhập từ Tây Phương, qua tiếng Pháp. Thơ Tự Do thời Hậu Chiến có rất nhiều điểm giống với thơ Rimbaud và thơ các thi sĩ siêu thực Pháp. Những khuynh hướng Lãng Mạn, Tân Lãng Mạn, Thi Sơn, Tượng Trưng, Đa Đa, Siêu Thực, Tự Do, Thuần Âm (sondisme), Thuần Tự (lettrisme) đều là những khuynh hướng phát xuất tại Tây Phương nhất là tại Pháp. Nếu như các nhà thơ Tiền Chiến và Hậu Chiến có chịu ảnh hưởng hoặc ít hoặc nhiều các nhà thơ Pháp thì điều đó cũng không có

gì lạ cả, bởi vì kho tàng thơ Pháp vốn là một kho tàng phong phú nhất thế giới. Thơ Pháp đã gây ảnh hưởng hoặc trực tiếp qua tiếng Pháp, hoặc gián tiếp qua các bản dịch không những vào Việt Nam mà còn vào rất nhiều quốc gia khác trên thế giới kể cả những nước lớn, rất phong phú về văn hóa.

Tuy nhiên, về ảnh hưởng của thi ca và tư tưởng Trung Hoa và Pháp đối với thi ca và tư tưởng Việt Nam, chúng ta cần phải đề ý tới vài điều sau đây:

1) Mặc dầu thời xưa, các nhà thơ tổ tiên của chúng ta chịu ảnh hưởng sâu đậm các nhà thơ Trung Hoa, nhưng các cụ vẫn tạo thêm được những sắc thái riêng biệt của thơ Việt cả về hình thức lẫn tư tưởng. Về hình thức, những thể lục bát, hát nói, song thất lục bát là những thể riêng biệt của Việt Nam, người Trung Hoa không hề có. Về tư tưởng, nội dung thơ của một số thi sĩ như Nguyễn Khuyến, Hồ Xuân Hương, Tú Xương... phần lớn chứa đựng những cảm nghĩ đầy dân tộc tính, những cảm nghĩ riêng biệt của người Việt.

2) Ảnh hưởng thơ Trung Hoa và thơ Pháp đối với thơ Việt là thứ ảnh hưởng cần được nhìn chung chứ không thể nhìn tách biệt. Trừ một vài trường hợp đặc biệt chẳng hạn bài *Huyền Diệu* trong tập *Thơ Thơ* của Xuân Diệu đã chịu ảnh hưởng trực tiếp bài thơ *Correspondances* của Baudelaire, chúng ta không nên và có lẽ không thể quyết đoán một nhà thơ Việt nào đó hoặc một tập thơ, một bài thơ Việt nào đó chịu ảnh hưởng của thi sĩ (hoặc thi phẩm hoặc bài thơ) ngoại quốc nào đó. Tôi đã gặp không hiếm những nhà phê bình khảo luận thơ Việt viện dẫn một bài (hoặc đoạn) thơ của một thi sĩ Việt Nam để nhận định một cách vô đoán rằng khi viết bài (hoặc đoạn) thơ ấy thi sĩ Việt nọ đã chịu ảnh hưởng của Lamartine, hoặc Baudelaire, hoặc Verlaine, hoặc Rimbaud, hoặc Eluard, v.v... Theo ý tôi, hầu hết những trường hợp quyết đoán như vậy thường chỉ là những hành động hàm hồ thiếu căn cứ. Chúng ta chỉ nên quyết đoán như vậy trong trường hợp thi sĩ liên hệ đã từng lên tiếng xác nhận một cách khẳng định rằng: khi viết áng (hoặc bài, hoặc đoạn) thơ đó tôi đã chịu ảnh hưởng của X... Y... hoặc Z... Nếu không có sự xác định đó, hoặc nếu

không có một dấu hiệu chứng minh thật rõ ràng đích xác, chúng ta không nên quyết đoán rằng nhà thơ này nhà thơ nọ của Việt chịu ảnh hưởng thi sĩ nào đó của ngoại quốc. Chẳng hạn không thể bảo rằng thi sĩ Bích Khê chịu ảnh hưởng của Mallarmé hay Rimbaud, nhưng chỉ có thể nói rằng: theo lời kể lại của Trần Thanh Mại (trong sách *Hàn Mặc Tử*) cho rằng "Bích Khê thì thuộc lòng thơ Valéry, đã từng nghiên cứu Verlaine và tự cho là mình hiểu Mallarmé lắm". Đồng khác thơ Bích Khê có nhiều điểm giống với thơ của các thi sĩ Tượng Trưng Pháp, như vậy có lẽ Bích Khê đã chịu ảnh hưởng các thi sĩ Tượng Trưng Pháp.

Cần áp dụng nguyên tắc đó vào việc nhận định ba thi sĩ liên hệ. Chúng ta có thể nhận định một cách tổng quát có tính cách loại suy như thế này:

- Thơ Mới phát sinh vào lúc Việt Nam tiếp xúc và thâm nhập văn hóa Pháp, ba thi sĩ liên hệ lại đều là những người có tây học và yêu văn chương Pháp, nên chắc hẳn họ đã chịu ảnh hưởng, hoặc ít hoặc nhiều, tùy người, thi ca của Pháp.

- Căn cứ vào tác phẩm cũng như các hoạt động của họ trong việc phát huy thơ Mới, chúng ta thấy Thế Lữ có lẽ chịu ảnh hưởng Pháp nhiều hơn Hàn Mặc Tử, còn Vũ Hoàng Chương là người chịu ảnh hưởng Pháp ít hơn cả.

3) Mặc dầu chịu ảnh hưởng thơ Pháp, nhưng một số thi sĩ nổi tiếng của thời Tiền Chiến và Hậu Chiến như Xuân Diệu, Huy Cận, Bích Khê, Thế Lữ, Vũ Hoàng Chương, Hàn Mặc Tử, Thanh Tâm Tuyền vẫn tạo được những sắc thái riêng biệt cho thơ của họ, những sắc thái đầy giá trị có khả năng tạo một sự phong phú riêng biệt và độc lập cho thơ Việt. Riêng trường hợp Bùi Giáng quả thật đặc biệt. Thi sĩ "Đười Ươi" này của Việt Nam đã lồng thơ vào một đôi hia bảy dặm, khiến cho thơ Việt có một sắc thái không tiền khoáng hậu, qua mặt luôn cả thơ của nước Pháp. Về cả nội dung lẫn hình thức, thơ Bùi Giáng vốn có những nét cực hay và những nét cực dở và cả hai điểm "cực" đó thường chỉ chênh nhau trong gang tấc; lại nữa, tùy theo khả năng lãnh hội của người đọc, cái "cực hay"

có thể biến thành cái "cực dờ" hoặc ngược lại. Tôi dám tưởng tượng rằng những thi sĩ thuộc loại quái kiệt của Pháp như Rimbaud, Breton, Prévert, René Char, Isidore Isou nếu còn sống đủ mặt và nếu đủ thông thạo Việt ngữ để đọc thơ Bùi Giáng chắc hẳn sẽ có nhiều chỗ họ phải kêu "merde" ầm ỹ nhưng cũng có không hiếm những lúc họ phải ngả mũ kính cẩn; không chừng còn có thể xảy ra trường hợp ông này thì ngả mũ còn ông kia lại vò đầu bứt tai, hoặc rùn vai nhú trán chê bai chửi rủa cũng nên. Tôi xin nhắc lại một ý mà tôi đã phát biểu: Bùi Giáng và Thanh Tâm Tuyền đã chứng minh rõ ràng hai chữ "Tiền Chiến" quả thật có đúng cái ý nghĩa ấy của nó. Thơ Hậu Chiến đã có đủ khả năng đặt thơ Mới vào quá khứ. Một số đông các nhà thơ Việt Hậu Chiến đã đương nhiên đẩy các thi sĩ Tiền chiến, trong số đó có ba ông Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương vào cảnh "kính nhi viễn chi". Bởi vì bên chữ "viễn" còn có chữ "kính", nên chúng tôi mới có dịp thuận tiện để đề cập tới ba nhà thơ đó. Nhìn vào vị trí của họ trên thi đàn, chúng ta đã thấy họ "viễn" như thế nào. Tiếp theo đây, chúng ta hãy tiếp tục bàn xem thơ của họ, mà tiêu biểu là ba tác phẩm *Mấy Vần Thơ*, *Thơ Hàn Mặc Tử*, *Thơ Say* có những điểm nào mà chúng ta phải kính mến và đáng cho chúng ta kính mến tới mức độ nào.

II

Thế Lữ qua "Mấy Vần Thơ"

Thơ là một phương tiện hữu hiệu nhất để diễn tả những cảm nghĩ và tư tưởng con người. Nhà nghệ sĩ thường dùng thơ để ký thác những ý nghĩ và cảm khái chân thành tha thiết của mình. Thi phẩm *Mấy Vần Thơ* của Thế Lữ là một trong những chứng tích minh thị điều đó. *Mấy Vần Thơ* (Tập Mới) do nhà xuất bản Đời Nay ấn hành lần I vào năm 1941, và do bà vợ của Thế Lữ, sống tại miền Nam, đứng ra tái bản vào năm 1962. [2] Tập thơ có tổng cộng 47 áng thơ, gồm 45 bài thơ dài, ngắn và 2 truyện ngắn bằng thơ (*Hoa Thủy Tiên* và *Áng Mây Chiều*). Trong *Mấy Vần Thơ*, Thế Lữ đã thành thật phô bày tất cả nhân sinh quan của chàng, nhân sinh quan của một thanh niên tự nhận mình là "cây đàn muôn điệu". Tập thơ đã thấu

góp những bài thơ mà chàng ta đã sáng tác từ khoảng năm 1930, nhiều bài đã được đăng rải rác trên các báo và tạp chí đương thời. Đọc tập thơ, chúng ta thấy Thế Lữ quả là một "cây đàn muôn điệu" bởi vì chàng có một nhân sinh quan rất phong phú; nhân sinh quan đó gồm có những đặc tính nổi bật như sau:

TỰ DO PHÓNG TÚNG – Mở đầu bài thơ Cây Đàn Muôn
Điệu (trang 36) Thế Lữ viết:

*Tôi là người bộ hành phiêu lãng
Đường trần gian xuôi ngược để vui chơi...*

Thật thế, kể từ khi bắt đầu lớn lên, cả cuộc đời Thế Lữ là một cuộc ngao du bất tận. Với một hồn thơ rộng mở, chàng ta đi, đi mãi trên đường đời để thưởng thức những cảnh đẹp của xứ sở, để tìm những cảm giác trong cuộc sống nay đây mai đó, và nhất là để thỏa mãn những ý thích của một con người yêu chuộng tự do, thích cuộc sống phóng túng, chứ không chịu để mình bị gò bó tại một địa điểm nào đó, trong một khoảng không gian nhỏ hẹp nào đó: Bài thơ *Con Người Vơ Vẩn* (trang 18) của Thế Lữ đã khiến người ta không thể không nhớ tới bài *Ma Bohème (Cuộc sống Lang Thang Của Tôi)* của nhà thi sĩ Pháp Arthur Rimbaud. Mặc dầu chỉ đi giang hồ vật chứ không có dịp làm những chuyến đi xa thật dữ dằn như Rimbaud, nhưng Thế Lữ vẫn xứng đáng được chúng ta coi như một khách giang hồ đích thực.

*Tiếng pháo rắc trong thành phố vắng,
Mưa phùn rải cùng ánh đèn yên lặng
Gọi lên mặt đường đen, loáng và xa,
Hai dãy nhà kín cửa đứng trơ trơ
Điềm nhiên, mặc kệ con người vơ vẩn,*

*Đó là một kẻ không nơi trú ẩn,
Bốn phương trời xuôi ngược bấy lâu nay,
Tối ba mươi theo bước tới nơi đây,
Giữa hoan lạc riêng thấy mình trơ trọi.*

*Chàng ta ấn hai tay vào đáy túi,
- Túi rỗng không mà lòng cũng rỗng không -
Lê gót mòn trên đá, ngừng đầu trông
Những ảo tưởng vô hình cho kẻ khác,
Con gió thổi. Lá bàng rơi lác đác,
Cùng rơi theo loạt nước đọng trên cành
Những cây khô đã chết cả màu xanh,
Trong giây phút lạnh lùng tê tái ấy...
(Con Người Vơ Vẩn)*

Tối ba mươi τέ. Trời rất lạnh. Đường xá vắng ngắt, Mọi người đều quy tụ trong nhà ấm áp để chờ đón Xuân sang. Vậy mà nhà thơ của chúng ta, vì không nhà không cửa nên đang phải lang thang một mình ngoài phố. Đói rét. Lạnh lùng. Cô độc. Buồn tui. Đã hết đầu, trong lúc đó, trong giây phút lạnh lùng tê tái ấy, những cảnh sống đậm ảm của những kẻ khác đã khiến cho chàng vốn đang buồn tui lại càng thêm buồn tui. Kìa, cửa nhà ai đang hé mở, chàng ta đưa mắt nhìn vào để thấy một cảnh bình yên, đậm ảm, êm đềm và đầy đủ với những khóm hoa đào nằm dưới ánh đèn lồng lầy, với bàn thờ tổ tiên khói hương nghi ngút, với tủ chè câu đối, chậu sứ cây xanh, cốc ngọc thủy tiên. Cảnh đó khiến cho khách giang hồ không nhà cửa phải xôn xao trong dạ, muốn dừng bước phiêu du để cố tạo cho mình một cảnh êm ả như thế. Thế nhưng giây phút chạnh lòng đó chỉ thoáng một chút mà thôi. Lãng tử ngoảnh mặt, rồi âm thầm bước đi trên con đường vô định.

Trên đường phiêu lưu, thỉnh thoảng chàng ta lại gặp một giai nhân, một thiếu nữ nào đó, yêu kiều, dịu dàng, cảm mến chàng và đã khiến cho lòng chàng cũng phải rung động. Chàng rất lưu luyến người đẹp, và đã thấy lòng mình mềm yếu hẳn đi. Thế nhưng, rốt cuộc, chàng đã không đến nỗi quá mềm yếu để phải dừng lại. Chàng cương quyết dứt áo ra đi bởi chàng nhận thấy mình không được phép ngừng nghỉ. Vì sao không được phép dừng bước? Vì chàng tự nhận thấy mình là một kẻ "chính phu":

*Ta là một khách chinh phu
Dấn bước truân chuyên khắp hải hồ*

*Mũ lượt bốn bề sương nắng gội,
Phong trần quen biết mặc âu lo.*

*Vất vả bao từng, chi sá kẻ?
Gian lao như lửa rèn tâm chí,
Bấy lâu non nước mãi xông pha,
Chưa phút dừng chân chưa lúc nghỉ*

*Trong thuở sinh bình đời mắt ta
Không hề cho đắm lệ bao giờ
Cười phen thất bại, khinh nguy hiểm,
Nặng gót vang đường nhịp khúc ca.*

*Đang độ nam nhi vui trẻ hoài
Sầu tư bi thiết gác bên tai,
Trái tim chỉ rộn khi cảm tức
Ghét lũ vô nhân, giận nổi đời...*

(Tiếng Gọi Bên Sông, trang 10)

Thật ra, Thế Lữ đã không đi giang hồ với hoàn cảnh một kẻ chinh phu. Tiếng "chinh phu" chỉ là một cái cớ nhỏ, hoặc chỉ là một lối nói mà thôi. Chàng đi giang hồ cốt để thỏa ý thích của mình, ý thích của một kẻ vì thấy cảnh phồn hoa đầy vẻ ô trọc giả dối nên không muốn sống mãi trong cảnh phồn hoa, của một kẻ yêu thích thiên nhiên khoáng ái những phong cảnh mới, những chân trời mới, của một kẻ không muốn mình bị giam hãm gò bó tại một nơi như một con hổ (cọp) bị nhốt trong sở Thú. Bài thơ *Nhớ Rừng* (*Lời con hổ ở vườn Bách Thú*) đã phơi bày rõ cái tâm trạng của một người ham cuộc sống phóng khoáng tự do, và ghê sợ cuộc sống trói buộc giữa cảnh nhàm chán bất biến. Bài *Nhớ Rừng*, mở đầu cho tập *Mấy Vần Thơ*, là một trong những bài danh tiếng nhất của Thế Lữ. Tác giả nhìn chúa sơn lâm bị nhốt trong chuồng sắt để mà chạnh lòng thương cảm ái ngại cho những kẻ có khí phách, có tài trí, giàu tâm huyết lỡ cơ bị sa vào cảnh mất tự do, bị lũ người ngạo mạn, ngốc nghếch coi như một thứ trò chơi, một thứ vật lạ mắt:

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt

*Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.
Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ
Giương mắt bé riều oai linh rừng thẳm,*

*Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm,
Để làm trò lạ mắt thứ đồ chơi.
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,
Vớ cặp báo chuồng bên vô tư lự...*

Con hổ quả có đủ tư cách để khinh miệt tất cả những người những vật khác chung quanh nó, bởi vì khi xưa, trước lúc bị sa cơ, nó vốn là chúa tể của rừng xanh, chúa tể của muôn loài, tất cả mọi sinh vật khác đều phải sợ nó:

*Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thừa tung hoành hống hách những ngày xưa.
Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già,
Vớ tiếng gió gào ngàn, vớ giọng nguồn hét núi,
Vớ khi thét khúc trường ca dữ dội,
Ta bước chân lên, đông dặc, đường hoàng,
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng
Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc.
Trong hang tối, mắt thần khi đã quắc,
Là khiến cho mọi vật đều im hơi,
Ta biết ta chúa tể muôn loài
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi...*

Một sinh vật oai nghi dũng liệt như vậy, vốn quen sống phóng túng ngang tàng như vậy mà nay bị giam hãm trong một chỗ nhốt bần, quá đông chật hẹp thì quả thật không còn gì đáng mỉa mai hơn, đáng chua xót hơn. Càng tưởng nhớ đến cái dĩ vãng oai hùng lộng lẫy ngày xưa, niềm uất hận của con hổ càng thêm sôi sục:

*Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu,
Ghét những cảnh không đời nào thay đổi,
Những cảnh sửa sang, tầm thường, giả dối;
Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng cây trồng;
Giải nước đen giả suối, chẳng thông dòng*

*Len dưới nách những mô gò thấp kém;
Dẫm vùng lá hiến lành không bí hiểm,
Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu
Của chốn ngàn năm cao cả, âm u...*

Trong lúc viết bài thơ *Nhớ Rừng*, chắc hẳn Thế Lữ có hai ý tưởng muốn phát biểu. Ý tưởng thứ nhất là dùng biểu tượng một chúa sơn lâm bị mất tự do để nói lên sự quý giá vô biên của cuộc sống tự do, nhất là sự tự do của những người vốn ham chuộng tự do. Suy luận một cách hẹp hơn, chúng ta thấy tác giả mượn chuyện con hổ (cọp) đó để nói rằng ông là người rất ưa sống tự do, phóng khoáng, vốn rất ghét những cảnh không đòi nào thay đổi, những cảnh nhân tạo, gò bó, thấp kém, trơ trẽn không có gì làm hấp dẫn đối với tác giả. Nếu con hổ là biểu tượng cho sự mất tự do, thì cái chuồng hổ là biểu tượng cho cuộc sống định vị tại một nơi nào đó, một nơi mà người ta phải chôn chân tại chỗ ấy, không còn có hoàn cảnh, có dịp thuận tiện để chuyển dịch ngõ hầu gặp những chân trời mới để có những cảm giác mới, những kiến thức mới, những rung động mới. Như vậy chúng ta không lạ gì khi thấy "con người vợ vắn" trong đêm ba mươi tết lang thang ngoài đường phố vắng vẻ lạnh lẽo, chợt nhìn thấy cảnh một gia đình ấm cúng, đã bồi hồi, đã man mác, nhưng vẫn có thể cương quyết quay mặt đi, không nhìn cảnh đó nữa. Tại sao chàng ta đã có thể ngoảnh mặt đi để tiếp tục bước trên đường sương gió? Tại sao những thiếu nữ xinh tươi, dịu dàng mà chàng đã gặp và đã có cảm tình lại không thể giữ chàng ở lại được? Bởi vì cuộc sống xô dịch, tự do phóng khoáng vốn có quá nhiều sức hấp dẫn của nó, và hình như chỉ trong một cuộc sinh hoạt như thế chàng ta mới thấy là mình đang sống thật với chính mình. Chàng ta phải xô dịch, phải xô dịch hoài hoài để tìm những vẻ đẹp của trần gian, để tìm những chất liệu cho sự sáng tạo. Chàng ta là một nghệ sĩ, và phải chăng mục đích chính, công việc chính của chàng là sáng tạo. Chàng ta muốn là một "cây đàn muôn điệu" nên chỉ một cuộc sống phóng khoáng như thế mới có thể cung cấp đủ "âm điệu" cho "tiếng đàn". Có đi mới biết mặt sơn hà; có đi mới thấy rõ mọi cảnh sống của đồng bào; có đi mới được hưởng tất cả những nỗi xô xao rung động, những hoài cảm man mác của một kẻ phiêu du; có đi

mới có dịp thấy mình cô đơn nhỏ bé trước cảnh trời nước bao la, núi cao, rừng rậm; có đi mới có nhiều dịp để mà thương nhớ, ngậm ngùi; có đi mới thấy mình được tự do. Đối với những kẻ giàu tâm hồn, thích hưởng mọi thứ cảm giác, dễ dàng rung động trước mọi cảnh trí của cuộc sinh hoạt chung, không thích bị trói buộc gò bó, thật không gì quý cho bằng sự Tự Do. Còn một lý do nữa đã khiến cho Thế Lữ ưa cuộc sống xê dịch: đi để khỏi phải nhìn thấy mãi những cái thấp hèn, đê tiện của rất nhiều những kẻ sống chung quanh mình, để khỏi thấy những cảnh bất công diễn ra trong những đô thị, nơi mà người ta chỉ đâm đầu chạy theo danh lợi, chạy theo những tiện nghi xa hoa phù phiếm, nơi mà kẻ mạnh hiếp kẻ yếu, người giàu bóc lột người nghèo khổ; nơi mà người ta quen đánh giá con người bằng tiền tài hôi tanh, bằng những danh vọng hào huyền, bằng nhà lầu, bằng xe hơi, là những cái mà nhà thơ của chúng ta thường khinh bỉ; nơi mà cuộc sống vốn có cái vẻ ồn ào phức tạp không hợp với tính tình trầm tĩnh giản dị của chàng.

LÒNG YÊU NƯỚC – Lúc bấy giờ Thế Lữ là một thanh niên nghệ sĩ giàu tâm huyết, giàu khí phách, nhưng lại đã trưởng thành giữa lúc đất nước thân yêu của chúng ta đang bị khổ đau nhục nhã dưới sự thống trị của bọn thực dân Pháp. Vì thế chàng đã không hiếm những lúc phẫn uất vì cảnh sống nô lệ. Bài thơ *Nhớ Rừng*, được đề tặng Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh) là kẻ cũng rất giàu lòng ái quốc, còn phát biểu tâm trạng của những kẻ đã cảm thấy mình nhục nhã vì bị bọn thống trị ngoại lai tước đoạt mất tự do. Con hổ kia còn là biểu tượng cho những nhà ái quốc, những nhà cách mạng (trong đó có Nhất Linh) đã bị thực dân Pháp giam giữ. Con hổ kia cũng là biểu tượng cho một dân tộc vốn có bốn ngàn năm văn hiến, vốn đã tạo được những trang sử cực kỳ vẻ vang liên quan tới những chiến công lừng lẫy trong những thời kỳ Trung Nữ Vương, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Quang Trung... mà nay bị lâm vào cảnh nô lệ. Bài *Nhớ Rừng* chứng tỏ Thế Lữ là một thanh niên Việt đầy khí phách có lòng ái quốc nhiệt thành. Bài đó cũng chứng tỏ chàng là một người can đảm. Dưới thời thực dân Pháp, bất cứ người Việt nào có thái độ, cử chỉ hoặc lời nói gì bày tỏ lòng ái quốc sẽ bị bọn chúng đề ý và tìm cách hãm

hại, vậy mà nhà thơ của chúng ta đã viết những bài thơ như bài *Nhớ Rừng* bày tỏ sự đấng cay, uất hận của những kẻ bị mất tự do, đã tự xưng là một khách "chinh phu" (*Ta là một khách chinh phu – Dấn bước truân chuyên khắp hải hồ.*) Chinh phu có nghĩa là một chiến sĩ. Thế Lữ đã chẳng bao giờ đi lính cho Pháp, chẳng bao giờ khoác áo quân nhân, như vậy cái tiếng chiến sĩ (chinh phu) mà chàng ta tự xưng đó ắt phải có nghĩa là một chiến sĩ cách mạng vậy.

YÊU THIÊN NHIÊN – Là một người vốn không ưa thích cuộc sống đô hội ồn ào phức tạp đầy những cảnh lừa lọc giả trá, Thế Lữ thường hay tới với những cảnh thiên nhiên có núi cao sông rộng, có cây xanh bóng mát, có bầu không khí êm tĩnh, khoáng khoát trong sạch. Bài *Nhớ Rừng* không những bày tỏ tâm trạng của một kẻ khí phách ngang tàng bị sa cơ nên nhớ cảnh sống tự do trong dĩ vãng, mà còn bày tỏ tâm trạng của kẻ yêu thích thiên nhiên. Phải là người đã từng sống nhiều với cảnh thiên nhiên, phải rất ưa thích thiên nhiên, người ta mới có thể tả cảnh thiên nhiên bằng những lời lẽ chính xác và đầy say mê như:

*Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả, cây già,
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi.*

.....
*Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng,
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật...*

Trong nhiều bài thơ khác, Thế Lữ cũng đã tỏ ra có một ngòi bút tài tình linh động khi ông tả cảnh thiên nhiên. Chẳng hạn như đoạn thơ dưới đây của bài *Lựa Tiếng Đàn* (trang 13):

Sáng hôm nay sương biếc tỏa mờ mờ

*Như hương khói đượm đầu cau, mái rạ.
Ánh hồng tía rắc ngọc châu trên lá,
Trời trong xanh, chân trời đỏ hây hây.
Tiếng chim xuân ca nhí nhảnh ở trên cây.
Cảnh vui thế sao tôi còn buồn nữa?*

Trong bài *Tiếng Trúc Tuyết Vời* (trang 15) cũng có những câu thơ tiết điệu êm đềm tả những tình cảm, những âm thanh trong sáng và tuyệt vời được lồng vào cảnh thiên nhiên đầy sức hấp dẫn:

*Tiếng địch thổi đâu đây
Có sao mà réo rắt ?
Lơ lửng cao đưa tận lưng trời xanh ngắt,
Mây bay... gió quuyền mây bay...
Tiếng vi vút như khuyển van, như diều dật
Như hắt hiu cùng hơi gió heo may.*

*Ánh chiều thu
Lướt mặt hồ thu,
Sương hồng lam nhẹ lan trên sóng biếc,
Rặng lau già xao xác tiếng reo khô,
Như khua động nổi nhớ nhung thương tiếc
Trong lòng người đứng bên hồ...*

Thê Lữ yêu mến thiên nhiên bởi vì chàng cho rằng thiên nhiên không lừa dối ai bao giờ cả, bởi vì cảnh thiên nhiên, rộng rãi phóng khoáng, vốn hợp với tâm hồn rộng rãi phóng khoáng của chàng, bởi vì cảnh thiên nhiên, với những đặc tính của nó, giúp cho chàng dễ dàng suy tưởng về ý nghĩa cuộc đời. Chẳng hạn cảnh cao rộng của bãi bẽ Đồ Sơn vào một buổi chiều đã gợi cho những mối suy tư thâm trầm, những cảm hoài đầy tính cách triết lý, những cảm hoài khiến cho tâm hồn con người trở thành cao quý, phong phú hơn.

TÔN THỜ NGHỆ THUẬT – Ở cuộc sống này, mỗi người có một nỗi đam mê chính. Những bác lái buôn mê tiền bạc, nhiều khi không từ cả những hành động gian xảo dè hèn, chỉ cốt kiếm sao cho ra nhiều tiền. Chính trị gia hoặc là mê danh vọng

hoặc là mê được dịp thuận tiện để có thể ra tay cứu dân cứu nước. Là một nghệ sĩ, dĩ nhiên nổi mê say nhất của Thế Lữ là Nghệ Thuật, mà thơ là tiêu biểu. Đối với chàng, thơ là phương tiện lợi hại nhất mà chàng có thể dùng phát biểu tâm sự của chàng, đề ca ngợi những vẻ đẹp của trời đất, đề đã kích những sự xâu xa đê hèn. Đối với chàng, Thơ giống như một cây đàn muôn điệu mà chàng dùng để ca ngợi mọi vẻ đẹp của trần gian. Trong bài thơ *Cây Đàn Muôn Điệu*, chàng viết:

*Tôi chỉ là một khách tình si
Ham vẽ Đẹp có muôn hình muôn thể.
Mượn lấy bút nàng Ly Tao tôi vẽ,
Và mượn cây đàn ngàn phím, tôi ca
Vẻ đẹp u trầm, đắm đuối, hay ngây thơ
Cũng như vẻ đẹp cao siêu hùng tráng
Của non nước, của thi văn, tư tưởng;
Dáng yêu kiều tha thướt khách giai nhân ;
Ánh tung bừng linh hoạt nắng trời xuân
Vẻ sâu muộn âm thầm ngày mưa gió;
Cánh vĩ đại, sóng nghiêng trời, thác ngàn đổ;
Nét mong manh thấp thoáng cánh hoa bay,
Cảnh cơ hàn nơi nước đọng, bùn lầy
Thú xán lạn mơ hồ trong ảo mộng
Chí hăng hái ganh đua đời náo động
Tôi đều yêu, đều kiếm, đều say mê*

.....
*Với Nàng Thơ, tôi có đàn muôn điệu
Với Nàng Thơ, tôi có bút muôn màu
Tôi muốn làm nhà nghệ sĩ nhiệm màu
Lấy thanh sắc trần gian làm tài liệu*

Thế Lữ mê say thơ đến độ coi Thơ như lẽ sống duy nhất của mình, và ông thường coi Nàng Thơ như người tình của mình vậy. Không có cảnh giàu sang nào có thể khiến ông bỏ được Thơ; không có người đàn bà nào có thể ngăn trở ông trên bước đường phục vụ cho Thơ. Đôi khi ông coi thơ như một thực thể có xác thịt, có linh hồn, biết đau đớn, biết đói lạnh, và lúc ấy ông nói tới Thơ như nói tới một con người thật sự bằng xương

bằng thịt:

NÀNG THƠ LẠNH

*Gió bắc giục về, Nương Tử rét
Bạn nghèo không sắm áo nhung tơ,
Sương thu gọi mãi trên vai giá,
Ta lấy gì đây, đắp dáng Thơ?
(trang 71)*

Trong bài *Giục Hồn Thơ* (trang 69), ông đã cất tiếng ní non tâm sự với Nàng Thơ của ông như tâm sự với chính một người đàn bà vậy:

*Nàng Thơ ơi, tâm hồn ta trống trải,
Ta đứng đây, lơ lảo, hững hờ trông
Cảnh vô duyên không gợn tiếng tơ lòng;
Ta đứng đây thần thờ mơ bóng bạn,
Trong giờ khắc lặng mang niềm ngao ngán,
Ly Tao ơi, nương tử của lòng ta!
Nỡ lòng ru, sơ lãng mối tình thơ?*

.....
*Nàng Thơ ơi! Nàng Thơ! – Ta buồn lắm
Đem lại đây ánh hương hoa say đắm,
Đem lại đây làn sương gió mơ màng
Đem lại đây cùng với điệu du dương,
Những tiếng khóc than hay lời cảm khái,
Để lòng ta thôi đừng khô héo mãi!
Để cho ta khi ngắm nắng, trông hoa,
Khi đứng bên hồ đón gió đưa qua,
Ta được thấy ánh lòng ta rung động,
Ta được thấy hồn thơ ta gợn sóng,
Thấy miệng cười bạn tiên tử yêu kiều
Và cùng ai chung giấc mộng cao siêu.*

Có một điều chúng ta cần phân biệt rõ ràng chứ không nên ngộ nhận: thông thường người ta hay coi một người đàn bà có thực nào đó, mà người ta yêu mến, như nàng Thơ của mình vậy. Riêng phần Thế Lữ ông coi Nghệ Thuật, được biểu hiện

qua thơ, như một người đàn bà mà ông yêu tha thiết. Như vậy nàng Thơ của Thế Lữ là chính Thơ chứ không phải một người đàn bà có thật nào đó được coi như Thơ. Đối với ông Thơ còn là một thứ mà ông thành kính tôn thờ, mà ông coi như lẽ sống chính yếu của ông vậy, thiếu thơ tức là hết thờ, thiếu thơ tức là chết. Ông đã mãi mê với thơ đến độ không còn quá tha thiết với nhiều người đàn bà khác mà ông đã từng được gặp và tỏ ra lưu luyến với họ. Họ đã không thể nào cầm chân ông lại được bởi vì "Nàng Thơ" của ông — Thượng đế của ông — đã ra lệnh cho ông phải luôn là một kẻ phiêu lãng để kiếm những chất liệu nuôi dưỡng cho nàng. Đối với Thế Lữ, thơ là một cái Đạo, là một thứ tôn giáo.

CHÂN DUNG NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG THƠ THẾ LỮ —
Chúng ta đã nhận định không một người đàn bà nào, dầu được ông yêu tới đâu, có thể ngăn cản nổi bước phiêu lãng của Thế Lữ, sự phiêu lãng cần thiết cho ông, phiêu lãng để thỏa ý thích được sống một cách giản dị, tự do và phóng khoáng, phiêu lãng để kiếm những chất liệu nuôi dưỡng cho "người yêu" chính của ông tức là Thơ. Nhưng nói như vậy không phải có ý nói rằng Thế Lữ thờ ơ lạnh lùng đối với các người đẹp. Đối với một người đa cảm, dễ xúc động như Thế Lữ, làm sao có thể thờ ơ đối với những mỹ nhân được chứ. Trong *Máy Vần Thơ*, chúng ta thấy Thế Lữ rất hay nói tới người đàn bà và cũng thường ca ngợi vẻ xinh đẹp duyên dáng của họ. Trong bài *Cây Đàn Muôn Điệu*, theo lời tâm sự của ông thì một trong những sự kiện khiến tâm hồn ông rung động là "dáng yêu kiều tha thướt khách giai nhân", lại nữa ông cũng đã thường "Tôi thờ than cùng thiếu nữ băng khuâng". Trong bài *Tiếng Gọi Bên Sông* (trang 10) khách "chính phủ" Thế Lữ đã gặp một cô thôn nữ và tiếng của cô gọi chàng hãy dừng bước để sống với cô đã khiến chàng cực kỳ xúc động. Tuy chàng ta không chịu dừng bước, không chịu bỏ dở chuyến đi, nhưng tiếng ái ân đó cũng đã khiến cho lòng chàng đau xót, "nước mắt đầu tiên lã chã rơi", để rồi từ bữa đó, tâm trí khách phiêu lưu "thêm bận nỗi thương ai".

*Tiếng ái ân kia réo rất hoài
Mà lời mây nước giục bên tai,*

*Đau lòng rút mối tơ vương vẫn,
Nước mắt đầu tiên lã chã rơi,*

.....

*Ta đi theo đuổi bước tương lai,
Để lại bên sông kẻ ngậm ngùi
Chí nặng bốn phương trời nước rộng
Từ nay thêm bận nỗi thương ai.*

Cái tâm sự, cái nỗi lòng, cái hoàn cảnh ngậm ngùi như thế của kẻ phiêu lãng đa tình còn đã tái diễn trong bài thơ khác của ông như *Khúc Ca Hoài Xuân* (trang 28), *Mấy Vần Ngây Thơ* (trang 20), *Khúc Hát Bên Sông* (trang 51), *Hồ Xuân Và Thiếu Nữ* (trang 53) và nhất là bài *Bên Sông Đưa Khách* (trang 33):

*Tôi tiễn đưa anh đến tận thuyền
Để dài thêm hạn cuộc tình duyên;
Thuyền đi tôi sẽ rời chân lại
Tôi nhớ tình ta anh vội quên*

*Thuyền khách đi rồi tôi vẫn cho
Lòng tôi theo lái tới phương mô?
Bâng khuâng trong mối sầu vô hạn
Không khóc, vì chùng mắt đã khô...*
(*Bên Sông Đưa Khách*)

Lại thêm một cảnh chia tay đau xót giữa một trang tài tử với một giai nhân kỹ nữ. Cũng giống như hoàn cảnh của Giang Châu Tư Mã với nữ cầm giả trên bến Tầm Dương khi xưa. Trong *Bên Sông Đưa Khách*, tiếng thở than là tiếng của người đàn bà, nhưng đó cũng là tiếng thở than của chính gã đàn ông. Người kỹ nữ đau đớn ngậm ngùi. Gã đàn ông tuy không thổ lộ một chút gì tâm trạng mình về cuộc chia tay dứt áo đó, thế nhưng chúng ta vẫn biết chắc gã ta không thể nào "vội quên" được, gã ghi lại lời của nàng, đã làm tâm hồn nàng để than thở hộ nàng, nếu như gã không đau đớn, gã không thể nào "nói hộ" nàng một cách thiết tha chân thực đến như thế. Tiếng lòng của nàng do đấy đã chính là tiếng lòng của gã.

Chân dung nàng kỹ nữ đó là thứ chân dung nội tại, một chân

dung thật dễ thương, dễ mến. Những chân dung phụ nữ tuyệt vời như thế có nhiều trong *Mấy Vần Thơ*. Đây là một chân dung khác, thật tuyệt vời:

HỒ XUÂN VÀ THIẾU NỮ

*Trên mặt hồ in màu ngọc biếc
Cô em đang chơi chiếc thuyền con
Lẳng lơ như cái chuồn chuồn,
Rồn đuôi trên nước chập chờn ghẹo hoa.*

*Chân gió nhẹ lướt qua làn sóng,
Nắng chiều xuân rung động trên cành,
Mấy hàng lau yếu nghiêng mình
Cô em bỗng ngẩn ngơ tình vì đâu?*

*Đặt mái chèo, ngả đầu trên gối,
Trông mây chiều phơi phới trên kia...
Hỏi xem mây có duyên gì,
Mà con chim én đi về lưng lơ...?*

Mặc dầu thường e ngại một cuộc tình quá mê man quá đắm đuối sẽ gây trở ngại cho tương lai của mình, nhưng Thế Lữ vẫn không thể nào không thiết tha ca ngợi Ái Tình. Hoặc ông nhập vào tâm trạng của các thiếu nữ để nói lên lòng thèm khát tình yêu, hoặc ông ca ngợi đáng vẻ họ và tâm hồn họ khi họ thèm khát tình yêu, hoặc đôi khi ông nói tới sự mau qua của tuổi xuân để kêu gọi họ hãy yêu đi:

*Nhưng em ơi, vẻ xanh tươi trong trời đất
Tuy đến hạn u tàn, song chẳng mất:
Đông qua, lại thấy xuân sang
Còn vẻ đẹp giai nhân, đắm đuối rõ ràng,
Gồm những áng tình hoa bao cảnh sắc,
Phải đâu cũng lâu bền như non nước?
Một ngày kia, em ngấm lại dung nhan,
Em sẽ cùng ta buồn trách thời gian,
Tiếc cảnh vui qua, tiếc màu rực rỡ*

Của xuân đời ngàn năm không về nữa.

*Vậy thì yêu đi, vui mãi, bạn lòng ơi!
Để khi ánh quang minh soi má hồng phai,
Thấy áng tóc điểm thưa màu sương bạc,
Thấy nét thắm miệng hoa dần đã nhạt,
Nước hồ thu đôi mắt đã mờ,
Em vẫn còn giữ được tấm lòng xưa.
Vì, em ơi, khi nặng mang tình ái.
Thì xuân sắc nắng sương tuy dầu dãi,
Ngày xuân xanh khe khát vô tình qua,
Nhưng lòng xuân muôn tuổi vẫn không già.*
(Nhan Sắc, trang 56)

Chúng ta tưởng như đang nghe thấy tiếng nói của Lamartine trong bài *Le Lac* hoặc của Ronsard trong bài *Mignonne, allons voir si la rose...*

Nhưng cũng có một sự khác biệt: tình yêu của Lamartine thường là một thảm kịch, còn tình yêu của Thế Lữ thường chỉ có một nỗi buồn. Đối với Lamartine, tình yêu giữa trai và gái là lẽ sống chính yếu của ông ta; còn đối với Thế Lữ, tình yêu thường khi cũng đẩy về da diết ngậm ngùi, thế nhưng nó vẫn chỉ là phụ thuộc. Cuộc sống phóng túng tự do và Nghệ Thuật, đó mới là những lẽ sống quan trọng nhất của Thế Lữ.

YÊU ĐỜI – Chính vì thế mà Thế Lữ đã không phải một kẻ chán đời như Lamartine. Thế Lữ nhận biết sự hiện hữu mỏng manh, phù phiếm của con người bé nhỏ giữa vũ trụ bao la đầy bí mật (*Trước Cảnh Cao Rộng*, trang 20); Thế Lữ cũng công nhận trong cuộc sống này có đầy những nỗi khổ đau, buồn bã, thế nhưng ông không hề có giọng yếm thế, bởi ông biết rằng dầu sao trong cuộc sống cũng có nhiều nỗi vui, đáng khác thường khi ông còn tìm thấy nỗi vui trong chính nỗi buồn:

*Tìm cảm giác hay trong tiếng khóc, câu cười,
Trong lúc gian lao, trong giờ sung sướng,
Khi phấn đấu cũng như hồi mơ tưởng,
Tôi yêu đời cùng với cảnh làm than,*

*Cảnh thương tâm, ghê gớm hay dịu dàng
Cảnh rực rỡ, ái ân, hay dữ dội...*
(Cây Đàn Muôn Điệu)

Những yếu tố nào đã giúp cho Thế Lữ có tinh thần yêu đời?

Đời vốn có nhiều thú vị, nhiều nguồn an ủi, như cảnh đẹp của thiên nhiên, như sự hấp dẫn của cuộc sống phiêu lãng phóng khoáng tự do, những tình yêu tuy thoáng qua nhưng mặn mà, nhất là ở cuộc sống này còn có nghệ thuật, có nàng thơ, có trí tưởng tượng của chính tác giả, một trí tưởng tượng đủ phong phú, đủ quyền lực tạo ra một cõi Mộng Áo để nhà thơ nướng nấu trong đó.

Thử nhìn vào những cõi Mộng trong thơ Thế Lữ:

Chính thi ca đã là một cõi mộng tuyệt vời bởi vì thi ca vốn có một giá trị vạn năng, có nhiều bộ mặt, mà một trong những bộ mặt chính yếu của nó là cõi Mộng Áo. Thi sĩ nướng nấu trong thơ, và trong thơ đó ông thường cảm thấy mình thoát tục.

Rồi đến cõi Mộng của trí tưởng tượng.

Quang cảnh trong những bài như *Tiếng Sáo Thiên Thai* (trang 17), *Mộng Ảnh* (trang 48), *Vẻ Đẹp Thoáng Qua* (trang 49), *Hoa Thủy Tiên* (trang 57) đều là những cõi Mộng Áo tuyệt vời có đầy sức an ủi giúp cho những kẻ ẩn nấu trong đó quên được những nỗi phiền muộn chán nản. Người ta sẽ quên hết buồn tủi khi lạc vào những cảnh cực kỳ êm đềm, trong sáng và kỳ ảo như thế.

Cho nên dù nhận thấy rõ ràng cả bề mặt lẫn bề trái của cuộc đời, cả cảnh tươi sáng lẫn cảnh đen tối của cuộc đời, nhưng với Thơ, với cuộc sống phóng khoáng, với những cõi mộng do Thơ cũng như do chính ông tạo ra, với những bổn phận và trách nhiệm của một thi nhân đối với nhân loại, với khí phách của một thanh niên vừa giàu tình cảm, vừa giàu tâm huyết, dầu trong bất cứ cảnh ngộ nào Thế Lữ vẫn luôn luôn giữ được một tâm hồn bình tĩnh, trong sáng, một tư tưởng lạc quan, một lòng

yêu đời tha thiết. Ông là một nhà thơ lãng mạn, nhưng lãng mạn một cách lành mạnh, một cách khoẻ khoắn, chứ không lãng mạn một cách mềm yếu và chán chường như Lamartine, như Alfred de Musset hoặc như Vũ Hoàng Chương.

Như chúng ta đã xét qua ở chương I, Thế Lữ là một trong những người đã có công lớn trong việc truyền bá, cổ động và phát huy thơ Mới thời Tiền Chiến. Tập *Mấy Vần Thơ* là một trong những thi phẩm tiêu biểu của thơ Mới, đồng thời cũng là chứng tích nói lên rõ ràng sự đắc thắng vẻ vang của phong trào Thơ Mới.

Các thể thơ trong tập này, ngoài lục bát là thể thơ cổ truyền của Việt Nam, tất cả các thể khác đều là những thể mới du nhập từ Tây Phương vào Việt Nam.

Ngôn ngữ trong thơ Thế Lữ rất bình dị, sáng sủa giống như ngôn ngữ trong thơ của phái Lãng Mạn Pháp. Đó là thứ ngôn ngữ có đầy khả năng truyền tải những cảm xúc, những tư tưởng, những hình ảnh trong thơ vào lòng độc giả khiến cho độc giả có thể lĩnh hội thơ một cách dễ dàng.

Với văn pháp tươi sáng gọn gàng, với những dụng ngữ phong phú nhưng chính xác, với những hình ảnh rất nổi bật lấy những ý tưởng vừa say mê vừa phóng khoáng, thơ của Thế Lữ đã tạo ra những rung động mạnh mẽ, những hoài cảm thiết tha trong tâm hồn người đọc.

Ngoài ra, lẫn với văn pháp và ngôn ngữ chân thực sáng sủa đó, thỉnh thoảng Thế Lữ còn xài thứ bút pháp hơi có vẻ mung lung phiêu diêu rất giàu sức gợi cảm của thơ Tượng Trưng. Bài *Nhớ Rừng* là một bài hơi thấp thoáng tính chất tượng trưng, cũng giống như bài thơ *L'Albatros* của Baudelaire. Cả hai ông đã dùng một con vật (Baudelaire dùng con chim albatros, Thế Lữ dùng con hổ) để biểu tượng cho nhà thi sĩ, cũng như cho tất cả những con người có khí phách, cao viễn hơn đời nhưng lỡ bị sa cơ.

Trong những bài như *Tiếng Trúc Tuyết Vời*, *Tiếng Sáo Thiên*

Thai, tính chất tượng trưng còn tăng thêm một mức độ nữa, do cái vẻ mơ hồ, phiêu diêu của những ý tưởng và hình ảnh, nhất là do cái nhạc điệu thật êm dịu trong thơ, đáp ứng được cái chủ trương “De la musique avant toute chose” (Thơ cần có nhạc tính trước hết mọi thứ) hoặc “De la musique encore et toujours!” (nhạc tính thêm nữa và luôn luôn phải có nhạc tính). Cần hiểu rằng nhạc điệu trong thơ Tượng Trưng không phải thứ nhạc điệu hùng hồn sôi nổi. Để có được cái ma lực trong việc gây rung động, nhạc điệu đó cần phải rất êm dịu để có thể thấm dần vào lòng người đọc, len lẩn và lê thê khiến cho người đọc băng khuâng ngây ngất. Đó là thứ nhạc điệu làm cho độc giả lả dần vào cõi mộng. Nó không bi ai nức nở cũng không kêu gọi trân tráo. Nó thường có một giá trị thần chú có thể mê hoặc độc giả khiến họ bàng hoàng say đắm. Vài bài thơ của Thế Lữ trong *Máy Vần Thơ*, mà tiêu biểu nhất là hai bài *Tiếng Trúc Tuyết Vời* và *Tiếng Sáo Thiên Thai*, đã có được cái nhạc tính cần thiết đó:

Ánh chiều thu

Lướt mặt hồ thu

Sương hồng lam nhẹ lan trên sóng biếc

Rặng lau già xao xác tiếng reo khô.

Như khua động nổi nhớ nhung thương tiếc

Trong lòng người đứng bên hồ.

Cô em đứng bên hồ

Nghiêng tựa mình cây, dáng thần thơ

Chừng cô tưởng đến ngày vui sẽ mất.

Mà sắc đẹp rờ ràng rồi sẽ tắt

Như bóng chiều dần khuất

Dưới chân trời...

(Tiếng Trúc Tuyết Vời)

Ánh xuân lướt cỏ xuân tươi

Bên rừng thổi sáo một hai Kim Đồng

Tiếng đưa hiu hắt bên lòng

Buồn ơi! Xa vắng, mệnh mông là buồn...

Tiên Nga tóc xoắn bên nguồn,

Hàng tùng rủ rủ trên cồn đầu hiu

*Mây hồng ngừng lại sau đèo
 Minh cây nắng nhuộm, bóng chiều không đi,
 Trời cao, xanh ngắt. – Ô kìa.
 Hai con hạc trắng bay về Bồng Lai...*
 (Tiếng Sáo Thiên Thai)

Những đoạn thơ trên – của bài *Tiếng Trúc Tuyết Vời* – đã có một nhạc điệu êm đềm đầy sức quyến rũ nhờ ở những câu thơ thuộc loại phá thể, dài ngắn thất thường nhưng lại được quy định cho hòa hợp với nhau rất vừa khố; nhờ ở những tiếng bằng, trắc (bằng nhiều, trắc ít) xen lẫn vào nhau một cách thật đúng chỗ; nhờ ở những dụng ngữ chính xác, những hình ảnh mờ ảo đầy sức gợi cảm. Những đoạn thơ trích trong *Tiếng Sáo Thiên Thai* cũng có rất nhiều nhạc tính, thật êm ái, thật dịu nhẹ mà vẫn du dương uyển chuyển nhờ ở thể thơ lục bát – vốn dĩ đã có nhiều nhạc tính – mang trong đó những hình ảnh phiêu diêu mơ màng (Kim Đồng thổi sáo bên rừng, Tiên Nga tóc xoắn bên nguồn, hàng cây tùng trên cồn vắng, mây hồng sau ngọn đèo, những thân cây tắm nắng chiều, đôi hạc trắng lững lờ bay trên trời cao xanh ngắt) được trợ lực bằng những dụng ngữ thật êm thật mơ hồ như *hiu hắt, xa vắng, mênh mông, rủ rủ, đầu hiu...*

Nhạc tính trong bài thơ trên của Thế Lữ do đấy có hai đặc điểm: 1) nhiều ma lực gợi cảm không kém gì những bài thơ có nhiều nhạc tính nhất của các thi sĩ Tượng Trưng Pháp chẳng hạn *L'Invitation au voyage* của Baudelaire, *Le ciel est, par-dessus le toit...* của Verlaine, *Apparition* của Mallarmé hoặc *Élégie* của Albert Samain... 2) nhạc tính trong thơ Thế Lữ lại có được một âm điệu Á Đông rất hợp với tâm hồn và cảm quan của người Việt.

Với thi phẩm *Mấy Vần Thơ* (tập mới), Thế Lữ đáng được coi là một trong những thi sĩ tài giỏi nhất của Việt Nam. Ông đã là một trong những kiện tướng văn học có công lớn trong việc truyền bá thơ Mới và tạo sự chiến thắng hiển hách cho lối thơ này thời Tiền Chiến. Nội dung *Mấy Vần Thơ* chứa đựng tư tưởng, khát vọng và nhân sinh quan của một thanh niên Việt giàu tình cảm, giàu khí phách, rất say mê Nghệ Thuật, ham

chuộng cuộc sống phóng khoáng tự do, lãng mạn một cách lành mạnh, thừa thông minh và khả năng để có thể dùng thơ truyền bá đắc lực những tư tưởng và tình cảm nồng nàn, trong sáng, tạo ra một sinh khí mới trong tâm hồn người thanh niên Việt dưới thời Pháp thuộc. Giá trị nội dung đó còn đã được nâng cao thêm bằng một hình thức thơ phù hợp, rất mới mẻ, rất giàu sức truyền cảm hoặc gọi cảm. Với tâm hồn đó, với tài năng đó, Thế Lữ đã thành công lớn trong việc truyền đạt những tư tưởng cao đẹp cho kẻ đồng loại, đồng thời đã khiến cho kho tàng thi ca Việt Nam thêm nhiều vẻ phong phú.

III

Hàn Mặc Tử qua "Thơ Hàn Mặc Tử"

Hàn Mặc Tử là một kẻ bất hạnh vì đã bị thần Bệnh tật hành hạ. Như chúng ta đã biết ông đã mắc phải bệnh cùi, chứng nan y, và chứng bệnh đó đã khiến cho ông rất đau khổ, buồn tủi. Tuy nhiên, nỗi đau khổ thường khi có vẻ tuyệt vọng đó của ông đã có hai mảnh lực mạnh mẽ ngang nhau nhưng lại gần như trái ngược với nhau: nếu căn bệnh ngặt nghèo đó đã tàn phá cơ thể ông, thì cùng lúc nó đã góp phần kiến tạo đắc lực tâm hồn ông khiến cho ông trở thành một thi sĩ trác tuyệt. Đã đành rằng tài năng về thơ của ông là thứ tài năng thiên bẩm, nếu như ông không mắc phải bệnh cùi ông vẫn có tài năng đó, thế nhưng khi đọc thơ ông, chúng ta phải nhìn nhận rằng, chứng bệnh nan y ấy, hoàn cảnh đau khổ ấy đã là động lực khiến cho tài năng sẵn có của ông phong phú thêm lên rất nhiều.

Hàn Mặc Tử đã để lại cho hậu thế những áng thơ bất hủ và trong số những thi phẩm của ông, tác phẩm tiêu biểu hơn cả vẫn là tập "Thơ Hàn Mặc Tử", qua nó người đọc có thể nhìn thấy đầy đủ thi tài và tâm trạng của Hàn. Thơ Hàn Mặc Tử đã do nhà xuất bản Đông Phương ấn hành lần đầu tiên vào năm 1942 và do nhà Tân Việt in lại vào năm 1959.

Cuốn thơ này đã là cả một thế giới rất phong phú cả về tư tưởng lẫn Nghệ Thuật. Tất cả những khách yêu thơ, tất cả những kẻ ham chuông văn chương tư tưởng đều không thể không mở một hoặc những chuyến đi vào thăm thế giới đó. Nếu bạn đã từng bước vào đó rồi, thiết tưởng bạn nên vào thăm trong đó thêm nhiều lần nữa, bởi vì thơ Hàn Mặc Tử rất cao diệu phong phú nên tôi dám tin rằng cứ thêm một lần bạn bước chân vào đó bạn sẽ lại thu đạt thêm được những rung cảm mới. Còn nếu như bạn chưa từng vào thăm trong đó bao giờ thì, thưa bạn, đây là một dịp rất tốt đẹp cho bạn.

Thế giới "Thơ Hàn Mặc Tử" có những gì đáng kể? Mời bạn bước vào...

Căn cứ theo tập in lần thứ hai (1959) của nhà Tân Việt thì thi phẩm *Thơ Hàn Mặc Tử* gồm có một bài tựa coi như bài tựa của chính tác giả và 51 bài thơ nằm trong bốn mục đề: 1) Thơ Đường Luật (7 bài). 2) Gái Quê (3 bài). 3) Đau Thương (29 bài). 4) Xuân Như Ý (12 bài). Chúng ta đã tính là 51 bài tất cả, nhưng nếu tính cho hợp lý hơn nữa thì tổng cộng phải là 52 bài, bởi vì chính bài "tựa" của tác giả cũng phải được coi là một bài thơ, vì nó đầy chất thơ.

TRĂNG – "Ai nói vườn trăng là vườn mơ". Ngay câu mở đầu bài "tựa" tập *Thơ Hàn Mặc Tử*, thi sĩ của chúng ta đã nói ngay tới trăng rồi. Và đề rồi, trong suốt tập thơ, Hàn Mặc Tử luôn luôn nói tới trăng. Ánh trăng bằng bạc khắp nơi tạo cho tập thơ một không khí huyền ảo nhiều khí âm và rất ít khí dương. Trong *Thơ Hàn Mặc Tử*, trăng thường hiện hiện một cách sống động, như có thể xác, có linh hồn, biết yêu biết ghét, biết hờn giận, biết đau khổ. Trong bài *Đêm Không Ngủ* (trang 14) [3] chúng ta thấy "Bóng Nguyệt leo song sờ sẫm gối". Trong bài *Bẽn Lẽn* (trang 22): "Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu, – Đợi gió đông về để lả lơi". Trong bài *Huyền Ảo* (trang 31): "Mối lớn lên trăng đã thẹn thò, – Thơm như tình ái của ni cô" hoặc "Không gian đầy đặc toàn trăng cả, – Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng." Trong bài *Hãy Nhập Hồn Em* (trang 43): "Bỗng đêm nay, trước cửa bóng trăng quỳ, – Sắp mặt xuống uốn mình theo dáng liễu." Trong *Phan Thiết! Phan Thiết!*

(trang 81): "Trăng tan tành rơi xuống một cù lao – Hóa đài điện đã rất nên trắng lệt." Hàn Mặc Tử thường tỏ ra mình có liên hệ rất chặt chẽ đến trăng. Đôi khi ông thấy chính ông là trăng (tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng), rồi có những lúc ông ôm ấp trăng, vuốt ve trăng, tâm sự với trăng, nhập vào ánh trăng, ngủ với trăng, miệng ông, mắt ông, môi ông, cũng như tâm hồn ông thường đầy trăng:

*Cả miệng ta trăng là trăng
Cả lòng ta vô số gái hồng nhan;
(Một Miệng Trăng, trang 51)*

*Tôi giả chết và no nê vô hạn
Cười như điên, sặc sụa cả mùi trăng.
Áo tôi là một thứ ngọc hơn vàng,
Hồn đã cầu, đã cào nhai ngấu nghiến!
Thịt da tôi sượng sần và tê điếng,
Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên,
Tôi chìm hồn xuống một vũng trăng êm,
Cho trăng ngập, trăng dồn lên tới ngực...*
(Hồn Là Ai, trang 53)

Vì sao mà trăng đã ám ảnh Hàn Mặc Tử dữ dội đến như thế? Có người viện y lý cho rằng trong trường hợp người mắc bệnh cùi, trăng càng sáng tỏ họ càng đau đớn nhức nhối, do đây tâm hồn họ càng thêm náo động. Hàn Mặc Tử bị bệnh cùi nên ông đã vì thế mà bị trăng ám ảnh thật mãnh liệt. Riêng tôi, tôi không tin cái lý do y học đó là xác thực. Theo ý tôi, sở dĩ Hàn Mặc Tử hay nói đến trăng là vì ông rất ưa thích trăng, bởi ánh trăng thường tạo cho cảnh vật một vẻ mơ hồ huyền ảo rất hợp với tâm hồn ông. Nếu trăng có khả năng tạo vẻ huyền hoặc cho vũ trụ thì nó cũng đã góp phần rất lớn vào việc tạo vẻ huyền hoặc cho thơ Hàn Mặc Tử. Không khí thơ ông vốn có vẻ mung lung phiêu diêu, mỗi khi có trăng nó càng mung lung phiêu diêu hơn. Lại nữa, Hàn Mặc Tử là người ưa sống trong cảnh mộng; ánh trăng đã thường hiển cho ông những cảnh mộng tuyệt vời. Còn gì mộng ảo hơn những cảnh như: "Ngã nghiêng đồi cao bọc trăng ngủ, – Đây mình lóm đóm những hào quang" (*Ngủ Với Trăng*, trang 49) hoặc cảnh *Đà Lạt*

Trăng Mơ:

*Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu
Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ!
Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt,
Như đón từ xa một ý thơ.*

*Ai hãy làm tỉnh chớ nói nhiều
Để nghe dưới nước đáy hồ reo
Để nghe tơ liễu run trong gió,
Và để xem trời giải nghĩa yêu...*

Hàn Mặc Tử là kẻ ưa thích những cảnh mơ màng ảo diệu. Ánh trăng dễ gây nên những cảnh như thế nên ông đã bị trăng ám ảnh một cách đặc biệt, và sự ám ảnh đó đã khiến cho thơ ông có đầy trăng. Như vậy trăng là một trong những yếu tố quan trọng nhất của thơ Hàn Mặc Tử.

ĐAU KHỔ – Thơ Hàn Mặc Tử có không hiếm những chỗ đầy giọng buồn thương. Trong bài *Sầu Vạn Cổ* (trang 44) ông than thở:

*Lòng ta sầu thảm hơn mùa lạnh,
Hơn hết u buồn của nước mây,
Của những tình duyên thương lỡ dở,
Của lời rên siết gió heo may...*

Trong bài *Cuối Thu* (trang 40), ông còn có giọng buồn thảm ghê gớm hơn thế nữa:

*Mây vẽ hăng hà sa số lệ.
Là nguồn ly biệt giữa cô đơn
Sao không tô điểm nên sương khói,
Trong cõi lòng tôi buổi chập chờn.*

*Đây bãi cô liêu lạnh hững hờ,
Với buồn phơn phớt, vắng trơ vơ,
Cây gù mảnh khảnh run cầm cập
Điềm báo thu vàng gây xác xơ...*

Vì sao thơ Hàn Mặc Tử hay có giọng buồn khổ áo não? Có lẽ vì mấy nguyên nhân chính sau đây. Trước hết tất cả, những người ham suy tưởng, dễ rung động đều dễ buồn. Càng ham suy tưởng càng dễ rung động người ta cảm thấy rõ những sự phi lý bất công của cuộc sống, càng thấy rõ cảnh trầm luân của con người trong cõi thế. Hàn Mặc Tử là một người ưa sống bằng nội tâm, giàu suy tư, giàu cảm xúc nên ông đa sầu đa cảm. Mối sầu của ông là thứ sầu cố hữu mà gần như tất cả những nhà nghệ sĩ, những tư tưởng gia đều có sẵn. Đó là mối sầu chung của những bậc tài tuần, những kẻ giàu tâm hồn như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Villon, Sartre, Baudelaire hoặc các thánh nhân như Jésus, Thích Ca hay Lão Tử,

Một nguyên do khác khiến cho Hàn Mặc Tử u sầu là bệnh hoạn. Một thanh niên mới lớn lên, yêu nghệ thuật, thèm khát tình yêu, dễ rung động trước những người đàn bà đẹp, nhưng lại bị mắc chứng bệnh cùi, thứ bệnh mà tất cả mọi người chung quanh mình đều ghê tởm hãi hùng, tất phải đau buồn, tủi hổ, buồn tủi vì bị bệnh tật đó hành hạ, tàn phá thể xác mình, vì thấy mọi người chung quanh xa lánh mình, coi mình như một thứ quái vật gớm ghiếc, buồn tủi vì thèm khát yêu đương, nhưng chính mình lại phải xóa bỏ tình yêu, không dám nghĩ tới một cuộc sum họp vì e rằng nếu có sự sum họp ấy mình sẽ gây lụy cho kẻ mình yêu, sẽ trở thành một gánh nặng khủng khiếp cho người bạn đời. Trường hợp của Hàn Mặc Tử tương tự với trường hợp của nhà thi sĩ lãng mạn Anh John Keats. Chàng này yêu một thiếu nữ trẻ trung, xinh đẹp, hiền dịu tên Fanny Brawne và cũng được nàng yêu lại, thế nhưng một hôm chàng biết mình mắc phải bệnh ho lao, cũng là một chứng nan y mà thời đó bị coi như bất trị. Không muốn gây lụy cho người yêu, Keats đã tự ý xa lánh Brawne, tự đặt tình yêu của chàng vào một tình trạng tuyệt vọng, và do đấy, thơ của chàng ta đầy vẻ u sầu, thâm thiết. Hàn Mặc Tử cũng thế, chàng ta đã từng yêu những thiếu nữ xinh đẹp và cũng đã có được cảm tình nồng nhiệt của họ, thế nhưng chứng bệnh cùi đã khiến cho Hàn không còn dám nghĩ tới chuyện sum họp với ai cả, chỉ đành chuyên những mối tình của chàng thành những tình lý tưởng; tất cả những thiếu nữ mà chàng yêu đương tôn thờ đều biến

thành những người yêu trong mộng ảo. Trong sách *Hàn Mặc Tử*, Trần Thanh Mai có nói tới một thiếu nữ được Nguyễn Trọng Trí (tên thật của Hàn) say mê và chính cô cũng có chút cảm tình với Hàn; từ khi nhận thấy trên mặt Trí có triệu chứng của bệnh cùi, cô ta đành phải nhạt tình với chàng bởi lẽ tự nhiên là không một cô nào muốn sống đời với một người chồng bị cùi. Có một cô khác, hình như là vũ nữ ở Sài Gòn, hay làm thơ và rất yêu thơ Hàn, đã mất công lặn lội tìm đến chỗ Hàn nấu náu dưỡng bệnh để xin gặp chàng. Mới đầu vì mặc cảm bệnh tật, Hàn nhất định không chịu cho nàng nhìn thấy mặt. Sau cô ta năn nỉ mãi, năn nỉ tới mấy phen, Hàn mới chịu đối diện với Mai Đình (tên hiệu của cô). Cô gái "phi thường" đó đã có lần lưu lại ở với Hàn vài tuần lễ để săn sóc cho chàng, nhưng rồi, kết quả cuộc gặp gỡ ấy: Mai Đình đã ra đi, để lại Hàn bơ vơ một mình, chắc hẳn còn bơ vơ cô quạnh hơn cả lúc chàng chưa gặp nàng.

Như vậy nguyên nhân tật bệnh đã còn là yếu tố chính tạo ra một nguyên do khác nữa: Hàn Mặc Tử buồn tủi vì thèm khát yêu đương, nhưng nỗi thèm khát đó của chàng chẳng bao giờ được thỏa. Chàng thường yêu một cách rất mãnh liệt, tình của chàng như nung như nấu, thường như điên dại vậy mà chàng đã chỉ luôn luôn yêu trong tuyệt vọng, Càng tuyệt vọng, thơ chàng càng lâm ly thảm thiết:

*Họ đã ra rồi khôn nín lại
Lòng thương chưa đã, mền chưa bưa...
Người đi một nửa hồn tôi mất,
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ,*

*Tôi vẫn còn đây hay ở đâu?
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu?
Sao bông phượng nở trong màu huyết,
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu?*
(Những Giọt Lệ, trang 38)

Trong *Thơ Hàn Mặc Tử*, người ta thường gặp những lời thơ đau đớn tuyệt vọng khủng khiếp đến như thế.

TÌNH YÊU ĐAM MÊ – Hàn Mặc Tử sống trong sự buồn tủi, sống trong tuyệt vọng, nhưng dầu buồn tủi đến mấy, dầu tuyệt vọng đến đâu chàng vẫn cứ tha thiết với tình yêu. Tuyệt vọng nhưng vẫn cứ thương, cứ nhớ, cứ thèm khát yêu đương. Tâm trạng rắc rối phức tạp gần như mâu thuẫn đó đã khiến cho tình yêu của chàng càng thêm sôi nổi. Nhận được bài thơ của người yêu (Mai Đình chẳng?) chàng đã:

*Anh đã ngâm và đã thuộc lâu
Cả người rung động bởi thương đau,
Bởi vì mê mẩn vì khoan khoái
Anh cắn lời thơ để máu trào...*

*Lời thơ ngâm cứng không rền rĩ,
Mà máu tim anh vọt láng lai.
Thơ ở trong lòng reo chẳng ngớt,
Tiếng vang tha thiết dội khắp nơi*
(Lưu Luyến, trang 42)

Mặc dầu tuyệt vọng nhưng không phải không có những lúc cuộc đời chàng được hưởng tình yêu. Chẳng hạn chàng đã từng sống chung với Mai Đình trong ít lâu. Trong những dịp sum họp ngắn ngủi như thế, chàng đã cố gắng tận hưởng tình yêu, nên tình của chàng rất thiết tha và mãnh liệt:

*Cứ nhắm mắt, cứ yêu nhau như chết,
Cứ sáng sớm, tê mê và rũ liệt,
Đừng nghe chi âm hưởng địa cầu đang
Vỡ toang ra từng mảnh, cả không gian.
Cả thời gian, từ tạo thiên lập địa
Đều trộn trạo, điều hòa và xí xóa
Thành hư không như tình ái đôi ta...*
(Đôi Ta, trang 35)

Nhưng càng yêu nhau mãnh liệt, nồng cháy bao nhiêu thì lại càng đau đớn, bi thương khi phải xa nhau. Xa nhau nhưng tình của chàng vẫn còn, sự cô đơn, nỗi thất vọng càng làm cho tình đó thêm da diết. Tình cảm của Hàn Mặc Tử đã luôn luôn bị

hành hạ, giầy vò trong hoàn cảnh ngang trái như thế, nên những bài thơ tình của chàng luôn luôn có cái giọng đắm đuối, ngậm ngùi và ham hố đến cực độ, bày tỏ một tâm hồn luôn luôn thèm khát và say mê.

MỘNG ẢO – Thực tế phũ phàng. Bệnh tật, sự nghèo túng, thói khinh thị của người đời đã khiến cho Hàn Mặc Tử thấy rõ trong cuộc sống này có đầy rẫy những thực tế phũ phàng. Chàng đã không sao chịu đựng nổi những thực tế đó. Chàng tìm phương thể trốn lánh chúng. Làm sao có thể trốn lánh được chúng? Có hai cách. Cách thứ nhất: xa lánh những đám đông, tìm đến những nơi cô tịch để tìm sự an ủi của thiên nhiên. Cách này đã được rất nhiều người áp dụng. Thế Lữ khi cảm thấy những sự độc ác, tàn nhẫn và giả dối của những người sống chung quanh mình đã đi tìm sự khuây khỏa trong những cảnh sắc thiên nhiên hoặc mơ màng hoặc hùng vĩ và luôn đây về trong sạch. Chateaubriand mỗi khi buồn vì tình đời đã mở những chuyến đi vào những miền rừng núi đầy vẻ hoang dã tịch liêu. Hàn Mặc Tử cũng thế, những lúc đau khổ vì tình đời và hoàn cảnh, chàng thường tìm đến những nơi vắng vẻ mong cho nỗi đau của chàng dịu lại. Khi bệnh trạng của chàng trở nặng, chàng đã xa lánh hẳn loài người bằng cách tới ở một túp lều tranh ở giữa một nơi hoang vắng khuất nẻo. Sống ở những nơi như thế, người ta sẽ cảm thấy cô đơn ghê gớm thế nhưng người ta cũng sẽ tìm thấy sự yên tĩnh trong cảnh vắng lặng. Sống ở những nơi như thế, người ta sẽ còn thấy tư tưởng mình phiêu diêu thanh thoát và cao quý thêm lên rất nhiều và chính sự phiêu diêu thanh thoát đó, chính những tư tưởng cao đẹp đó đã là những nguồn an ủi rất công hiệu cho những kẻ đang đau khổ bức dọc.

Còn một cách nữa là tự mình tạo cho mình một thế giới mộng ảo riêng để mình ẩn náu trong đó. Hàn Mặc Tử đã thường vận dụng Nghệ Thuật và trí tưởng tượng của mình để tạo ra một cõi mộng ảo như thế, trong đó không còn có những vẻ thấp hèn, tẻ nhạt, buồn thảm, nghèo nàn, tàn nhẫn của thực tại. Nếu không thỏa mãn được những đam mê của mình trong cõi Thực thì vẫn còn có thể thỏa mãn được chúng trong cõi Mộng, chứ sao. Trong cõi Mộng, tình sẽ không còn ngang trái, không

còn đau thương, không còn tan vỡ, không còn "chết yểu".
Trong cõi Mộng đó:

*Anh đã thoát hồn anh ngoài xác thịt,
Để chấp chờn trong ánh sáng mờ lung,
Để tìm em đưa hai tay ràng rịt
Mảnh tình thiêng ngả ngón giữa không trung.*

*Anh đã gặp hồn em đương chơi vơi,
Bến Mê Hà trên giải nước mênh mang,
Anh đã đón tình em bay phát phới,
Như hương trắng đầm thắm cõi không gian.*

*Chúng ta biến, em ơi làm thanh khí.
Cho tan ra hòa hợp với tình anh
Của trời đất của muôn vạn ý nhị,
Và tình ta sáng lóng như trắng thanh.*
(Sáng Láng, trang 55)

Trong cõi Mộng đó, không còn những cảnh bệnh tật, nghèo nàn, không còn những cảnh tranh sống kèn cựa lẫn nhau, không còn những mùa hè nắng cháy, những mùa đông buốt giá, nhưng lúc nào cũng chỉ có một mùa Xuân tươi đẹp, một mùa Xuân vĩnh cửu:

*Tứ thời xuân! Tứ thời xuân non nước!
Phút thiêng liêng nhuần gội ánh thiền quang
Thiên hạ bình và trời tuôn ơn phước,
Như triều thiên vờn lượn khắp không gian,*
(Nguồn Thơm, trang 70)

Trong cảnh mộng ấy, thi sĩ của chúng ta tự thấy những nỗi khổ đau của mình tan biến hoặc dịu đi, bởi vì trong đó chàng cảm thấy cuộc sống của mình thanh quý hơn gấp bội, tâm hồn của mình được tự do cõi mở, tự do vươn tới những cảnh cao sang mầu nhiệm, được thương yêu một cách thoải mái bằng những cuộc tình phong phú, đẹp đẽ tuyệt vời mà trong cõi Thực không thể nào có được. Đến đây chúng ta không còn lạ gì khi thấy chàng ham thích ánh trăng, ham thích những cảnh cô tịch,

bao la, bởi vì ánh trắng và những cảnh đó vốn là những môi trường thuận tiện để khả năng Nghệ Thuật và trí tưởng tượng của chàng có thể tạo ra những cõi Mộng Ảo riêng cho chàng.

ẢNH HƯỞNG VÀ MÀU SẮC TÔN GIÁO – Thi sĩ Hàn Mặc Tử vốn là một tín đồ Thiên Chúa Giáo. Nhờ có tinh thần tôn giáo này mà tâm hồn chàng phong phú thêm rất nhiều, đồng thời những nỗi khổ đau của chàng cũng giảm bớt cường độ. Như chúng ta đều biết, vị lãnh đạo tối cao của đạo Thiên Chúa là Chúa Jésus. Khi còn sống, đáng thánh nhân đó đã đứng về phía những người nghèo khổ, những kẻ bị áp bức. Ngài truyền bá cho nhân loại tinh thần bác ái. Ngài yên ủi những kẻ đau khổ bằng cách nâng đỡ tinh thần họ, đồng thời chính Ngài cũng vui lòng hứng chịu những nỗi khổ cực về cả tinh thần lẫn thể xác. Về tinh thần, Chúa Jésus luôn luôn đau đớn vì thương xót chúng sinh, thương xót vì họ lầm lạc tội lỗi, thương xót vì họ không biết thương yêu nhau; về thể xác, Ngài đã sinh ra vào nhà nghèo, phải làm việc tay chân vất vả, phải trốn lánh những vụ khủng bố, ruồng bỏ của các vua chúa độc tài ích kỷ, rồi Ngài lại sẵn lòng chịu chết vì chính nghĩa yêu thương, chịu chết để chuộc tội cho nhân loại. Ngài bị tra khảo, bị đánh đập, bị đội vòng gai sắt, vác cây thập giá nặng nề đi lên đỉnh núi Ca-la-va-ri-ô rồi bị đóng đinh và chết trên núi đó. Ngài bị đau đớn đến cùng cực nhưng Ngài đã nghiêng rằng chịu mọi cực hình không hề kêu ca gì cả, bởi Ngài muốn nêu gương nhẫn nhục cho những kẻ đau khổ, muốn cùng được chịu sự đau khổ với họ, để an ủi họ. Chúa Jésus cũng đã từng tuyên bố đại ý: Phước cho những kẻ đau khổ, bởi vì họ sẽ được hưởng nước Thiên Đường, sẽ được sống vinh hiển đời đời!

Thánh nữ Maria, mẹ Ngài, cũng là một kẻ đau khổ. Vâng theo ý muốn của Thượng Đế, trinh nữ đó đã vui lòng mang nặng đẻ đau, đã vất vả nuôi con cho khôn lớn để rồi phải chứng kiến con trai mình chết một cách rất đau đớn rùng rợn trên thập giá. Trước cái chết đó của người con trai yêu dấu, Đức Mẹ đã cảm thấy như "bị dao sắc đâm xuyên qua trái tim mình vậy". Tuy nhiên Đức Mẹ vẫn vui lòng chịu đựng mọi nỗi đau khổ, bởi Bà hiểu rằng con Bà đã chết để cứu chuộc cho nhân loại, để cảnh tỉnh những kẻ tội lỗi lầm lạc. Cả hai Đấng đã đau khổ nhưng

hai Đấng đã can đảm nhẫn nhục chịu đựng sự đau khổ ấy để hiển dương cho chính nghĩa, để phát huy lòng bác ái vị tha, để tạo một giá trị cao quý cho sự đau khổ.

Hàn Mặc Tử cũng là một người rất đau khổ – như chúng ta đã thấy – nhưng, là một tín đồ ngoan đạo, chắc chắn ông đã tìm được nhiều sự an ủi từ tấm gương chịu đựng đau khổ của Chúa Giêsu và của Thánh Nữ Đồng Trinh Maria. Càng đau khổ bao nhiêu ông càng trông cậy vào sự an ủi đó của Chúa và Đức Mẹ. Đức tin Thiên Chúa Giáo đã là một trong những lẽ sống chính yếu của ông, cho nên thơ ông, nhất là trong tập *Thơ Hàn Mặc Tử*, chúng ta thấy có rất nhiều ảnh hưởng và màu sắc Thiên Chúa Giáo. Phần lớn những bài thơ trong tiết mục "Xuân Như Ý" đều弥漫 hương vị tôn giáo. Ông tin tưởng mãnh liệt vào tinh thần Đạo, bởi ông biết rằng tinh thần đó nâng cao tâm hồn bằng phát huy mạnh mẽ những tình cảm trong sạch và cao quý của con người. Ông tin rằng nhờ tình thương của Chúa, nhờ ơn sủng của Chúa, tư tưởng ông sẽ thanh cao, nhân đức của ông sẽ được phát huy, tài hoa của ông sẽ tinh tiến và nhờ đó cuộc đời ông sẽ có một lý tưởng tốt đẹp, một nguồn cảm hứng sung mãn, một ý nghĩa đích thực, một sự an ủi thật sự, một nỗi vui không bờ bến, vui với nhân đức cao sang, vui với sức chịu đựng những đau khổ, vui với một tinh thần bác ái, vị tha, vui với hy vọng mình sẽ được hưởng thụ sự sung sướng đích thực trên Thiên Cung, và nhất là vui với một khả năng sáng tạo tuyệt vời của Đức Tin đã tạo ra cho ông. Ở bài mở đầu tiết mục "Xuân Như Ý" (trang 65) ông viết:

*Cho mau lên! Đón ánh nguyệt vào đây... Lời thơ ta sẽ sáng
trung thất bảo. Tình cảm ta sẽ nóng ran như mặt trời. Ý tứ ta
sẽ cao cường hơn ngọn núi.*

*Lạy Chúa Trời tôi! Hãy ban cho tôi hằng hà sa số là ơn lành,
ơn cả. Thơ tôi sẽ rất no, rất ớn, rất nư, trọng vọng như tài
hoa, cao sang như nhân đức, chói chang vô văn phước lộc...*

*Ôi! Trời hạo nhiên đây không phải là công trình châu báu của
Ngài sao!*

Như chúng ta đã xét, đối với Hàn Mặc Tử, trăng có thể biểu dương cho đủ thứ: là tuyệt vọng, là vui sướng, là đau khổ, là bình yên, là điên loạn... Ở mấy câu thơ trên, chắc hẳn ánh nguyệt biểu dương cho tinh thần và đức tin Thiên Chúa Giáo. *Cho mau lên! Đón ánh nguyệt vào đây...* Cho mau lên đón Đức Tin vào đây... *Lời thơ ta sẽ sáng trưng thất bảo...* Lạy Chúa Trời tôi! Phải có ân sủng của Ngài tôi mới có thể sống xứng đáng và đầy đủ. Tất cả những vẻ đẹp của vũ trụ, của tâm hồn há chẳng phải đã từ công trình của Ngài mà phát xuất hay sao! Hàn Mặc Tử coi Thượng Đế là một vẻ Đẹp hoàn hảo, một Chân Lý chính xác vì thế ông tin tưởng Chúa, trông cậy cả ở Chúa, coi Chúa như một nguồn Sống kỳ diệu.

Chính vì có Đức Tin vững mạnh, chính vì coi Chúa Jésus và Thánh Nữ Maria là một nguồn an ủi mạnh mẽ, một nguồn sống vô biên, chính vì ý thức tinh thần Thiên Chúa Giáo là một sự hứng khởi tuyệt vời, nên thơ Hàn Mặc Tử có nhiều màu sắc và hương vị tôn giáo. Và chính bởi ông có Đức Tin thật sự, có cảm hứng cực kỳ mạnh mẽ từ Tôn Giáo, cũng như từ tấm gương bác ái cao cả và đầy hy sinh của Chúa Jésus, nên phần lớn những bài thơ "tôn giáo" của ông như *Ra Đời* (trang 69), *Nguồn Thom* (trang 73), *Thánh Nữ Đồng Trinh Maria* (trang 95) là những bài tuyệt hay đầy những ý tưởng vừa chân thành vừa cao diệu. Ông đau khổ vì không may mắn phải chứng bệnh nan y; ông cũng biết ông là một nghệ sĩ vốn có tâm hồn mềm yếu, thường có khuynh hướng tội lỗi. Nhưng ông hiểu rằng nếu ông trông cậy vào Chúa Jésus, nỗi đau khổ của ông sẽ dịu đi, tội lỗi của ông sẽ được gột rửa, tâm hồn ông sẽ được tinh lọc và sẽ cực kỳ giàu sang phong phú. Vì thế, trong bài *Đêm Xuân Cầu Nguyện* ông đã vừa thú nhận tội lỗi, vừa ca ngợi Chúa Jésus và xin Ngài ban cho ông những ân sủng cần thiết:

*Trên chín tầng, điều động cả trần châu
Đường sống lại muôn ngàn hoa phẩm tiết,
Nhịp song đôi này đây cung cầm nguyệt
Uớp lời thơ thành phước lộc đường tu
Tôi van lơn thăm nguyện Chúa Giê-su
Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối,*

*Xin thứ tha những câu thơ tội lỗi
Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng
Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hằng.*

Bài thơ *Thánh Nữ Đồng Trinh Maria* có thể được coi là bài thơ tôn giáo hay nhất và đặc sắc nhất của Hàn Mặc Tử. Trong bài này, một Đức Tin cực kỳ mạnh mẽ, một lòng thành kính đầy sốt mến đối với Nữ Thánh Maria, những tình cảm và tư tưởng cao đẹp nhất của một nghệ sĩ đã được phát biểu bằng những câu thơ đầy nhịp tiết sôi nổi, những dụng ngữ phong phú và những hình ảnh độc đáo, tân kỳ:

*Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh!
Run như run thần tử thấy long nhan,
Run như run hơi thở chạm tơ vàng...
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trời mến.*

*Lạy Bà là Đấng tinh truyền thánh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi,
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Con lâm lụy vừa trải qua dưới thế,*

*Tôi cảm động rung rung hai hàng lệ:
Giòng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ,
Bút tôi reo như châu ngọc đến vua;
Trí tôi hóp bao nhiêu là khí vị...
Và trong miệng ngâm câu ca huyền bí,
Và trong tay nắm một nạm hào quang...*

Bài *Thánh Nữ Đồng Trinh Maria*, cũng như bài *Đêm Xuân Cầu Nguyên* đáng được coi là áng thơ có giá trị siêu đẳng bất cảm hứng từ tinh thần Thiên Chúa Giáo. Tôi tin rằng bất cứ khách yêu thơ nào, dầu có hay không có tinh thần Thiên Chúa Giáo, cũng đều phải rung động mãnh liệt khi thưởng thức những áng thơ như thế.

Về hình thức, khi khởi sự bước vào nghiệp thơ, Hàn Mặc Tử rất hay xài lối thơ Đường Luật. Trong tiết mục "Thơ Đường Luật" ở đầu tập *Thơ Hàn Mặc Tử* chúng ta thấy có 7 bài thơ

của ông được làm theo thể Đường Luật. Điểm đặc biệt là thơ Đường Luật của Hàn khá đặc sắc với những cảm xúc nồng nàn, những dụng ngữ phù hợp và những hình ảnh khá mới. Các bài *Đàn Nguyệt*, *Buồn Thu* và *Đêm Không Ngủ* là những bài tuyệt hay. Với những bài như thế, Hàn Mặc Tử có thể được sánh ngang hàng với những thi sĩ danh tiếng nhất của thời xưa như Nguyễn Khuyến hay Tú Xương.

BUỒN THU

*Áp úng không ra được nửa lời
Tình thu bi thiết lắm thu ơi!
Vội vàng cánh nhạn bay đi trót,
Hiu hắt hơi may thoảng lại rồi...
Năm găng đã không thành mộng được,
Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi.
Ngàn trùng bóng liễu trông xanh ngắt,
Cảnh sắp về đông mắt lệ rơi.*

Dầu làm thơ Đường Luật rất hay, nhưng có lẽ vì thấy phong trào thơ Mới bột phát mạnh mẽ, và chẳng cũng nhận ra những nét đặc biệt của thơ Mới, nên chỉ ít lâu sau, Hàn Mặc Tử đã từ bỏ thể Đường Luật để sử dụng những thể thơ Mới từ Tây Phương du nhập vào Việt Nam. Hàn là bạn thân của Bích Khê, cả hai đều ưa đọc thơ Pháp và rất thích thơ của những nhà thơ Tượng Trưng Pháp. Do vậy cả thơ Bích Khê lẫn thơ Hàn đều nặng khuynh hướng Tượng Trưng. Có điều thơ Tượng Trưng của Bích Khê nhiều hương vị tây phương hơn thơ Hàn. Thơ Tượng Trưng của Hàn như trong những bài *Đà Lạt Trăng Mờ*, *Huyền Áo*, *Thời Gian*, *Đàn Ngọc*, *Tương Tư*, *Cô Liêu*, *Ra Đồi*, v.v... có rất nhiều màu sắc Á Đông.

Đôi khi, Hàn còn sử dụng lối văn xuôi thi vị (prose poétique), như trong bài *Ai nói vườn trắng là vườn mơ...* (trang 7) hoặc *Cho mau lên! Đón ánh nguyệt vào đây...* (trang 65)

Thơ Tượng Trưng là lối thơ vừa giàu nhạc tính lại vừa giàu chất gợi cảm nên nó rất phù hợp trong việc diễn tả những tình cảm, những tư tưởng của một con người có nhiều tình cảm

phức tạp và ư ả náu trong mộng ảo cũng như trong các nguồn cảm siêu hình như Hàn. Trong thơ Việt Nam, Hàn là một trong số những nhà thơ có khuynh hướng tượng trưng cao độ.

Với một khả năng sáng tạo phong phú, với những tình cảm nồng nàn sôi nổi, với nỗi đau khổ đặc biệt của một người bị mắc chứng bệnh nan y, với những cảm hứng tuyệt vời bắt nguồn từ tinh thần Thiên Chúa Giáo, với những đam mê cao độ trong tình yêu, Hàn Mặc Tử đã là một trong những thi sĩ độc đáo và tài giỏi nhất trong thi đàn Việt Nam.

IV

Vũ Hoàng Chương qua "Thơ Say"

Trong thi giới Việt Nam tại miền Nam Tự Do hiện nay, Vũ Hoàng Chương xứng đáng được coi như nhà thơ đại diện cho thơ Tiền Chiến. Từ 1940 tới nay, họ Vũ đã cho xuất bản trên mười tập thơ. Tôi chưa được đọc hết các thi phẩm của ông, mới chỉ đọc có 5 cuốn là *Thơ Say* (1910), *Mây* (1943), *Rừng Phong* (1954), *Hoa Dã* (1959) và *Cành Mai Trắng Mộng* (1938), và tôi nhận thấy trong số 5 thi phẩm đó, tập thơ đầu tay, tức *Thơ Say* vẫn là tác phẩm đặc sắc nhất và tiêu biểu nhất của ông. Căn cứ vào tập tái bản (1971) của nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng, thì tập *Thơ Say* có tổng cộng 32 bài thơ nằm trong 5 tiểu mục: SAY (6 bài). MÙA (2 bài). YÊU (8 bài). LỖ LÀNG (8 bài). LẠI SAY (8 bài).

CHÀNG SẦU – Vũ Hoàng Chương vốn có một tâm sự buồn, buồn đến độ sầu, và sầu cao chất ngất hóa nên cả một thành sầu:

*Nhưng em ơi
Đất trời nghiêng ngửa
Mà trước mắt thành Sầu chưa sụp đổ...*

Đó là mấy câu thơ nằm trong bài Say Đi Em, bài mở đầu cho

tập *Thơ Say*.

Những nguyên do nào đã gây ra mối sầu đó? Có một nguyên do phổ quát và vài nguyên do cá biệt. Nguyên do phổ quát: người Nghệ Sĩ thường thích một Lý Tưởng, nhưng Lý Tưởng tìm không thấy, hoặc có thấy nhưng nó chưa đúng với ý muốn của mình: đó là một nỗi sầu. Nghệ sĩ thường mơ tưởng và ham chuộng những sự thanh cao trong sạch, nhưng trong xã hội quanh mình có biết bao nhiêu sự dơ tiện, nhơ nhớp: đó cũng là một nỗi sầu. Nghệ sĩ, tâm hồn vốn giản dị, nhưng đời lại kiêu bạc không dung tâm hồn giản dị đó: lại thêm một nỗi sầu, sầu vì cảm thấy mình cô đơn, cảm thấy mình “u uất nỗi chờ vơ”, vì nghĩ rằng mình đã “đầu thai làm thế kỷ.”

*Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đũa
Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh
Bể vô tận sá gì phương hướng nữa
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lên đênh*

*Lũ chúng ta đầu thai làm thế kỷ
Một đôi người u uất nỗi chờ vơ
Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị
Thuyền ơi thuyền xin ghé bến hoang sơ...*
(Phương Xa, trang 21-22)

Cái tâm sự đau buồn đó của Vũ Hoàng Chương phải chăng cũng là cái tâm sự chung của nhiều nghệ sĩ, những người tính tình quen phóng khoáng, thích sống thực với lòng mình. Mình thực thà nhưng đời thường giả dối, mình hồn nhiên nhưng đời hay điệu bộ, mình giản dị nhưng đời phức tạp rắc rối, bởi thế mà mình đâm ra bơ vơ, cô độc, lạc lõng trong xã hội loài người. Sự cô độc ấy là nguyên do của nỗi sầu.

Một nguyên do nữa: thất vọng vì tình. Làm sao biết chàng thanh niên đó đã thất tình? Câu trả lời chường ra rõ ràng trong những câu thơ đó. Nếu không thật sự thất tình hoặc nói cách khác nếu chàng ta không thật sự ôm trong lòng một mối u tình, giống như Arvers chẳng hạn, thì làm sao chàng ta lại có thể viết được những câu thơ chân thật và thê thiết đến thế chứ:

*Hôm qua tình đã chết
Anh đã chôn nó rồi
Anh khóc vì chôn nó
Là chôn cả một đời*

*Nhưng anh không đào huyệt
Không vùi đất như ai
Cũng không mua vải liệm
Cũng không mua quan tài*

*Anh chỉ đem chôn nó
Với nỗi niềm chua cay
Từng mảnh từng mảnh một
Trong mấy vần thơ đây*
(U Tình, trang 60)

Nhưng thật ra, đối với những con người đa tình đa cảm như họ Vũ, chẳng cần phải có cả một khối u tình mới thành một sự thất vọng. Nguyên nhân có thể giản dị hơn thế nữa, không do một sự tan vỡ mà có thể do một cuộc sum họp, chẳng hạn như một cuộc hôn nhân. Đã có một đám cưới tất phải có một tội tân hôn. Trời ơi, trong tội tân hôn đó, ái tình đã bị giết chết cùng với những tình cảm trong sạch ngây thơ. Ái tình đã bị xác thịt thủ tiêu một cách thật tàn nhẫn:

*Hai xác thịt lẫn vào nhau mê mải
Chút ngây thơ còn lại cũng vừa chôn
Khi tình dậy bùn như nơi hạ giới
Đã dâng lên ngập quá nửa linh hồn*
(Tội Tân Hôn, trang 40)

Ở đây, trong tâm hồn họ Vũ, cái chết của tình yêu thật dễ hiểu. Ái tình chỉ có thể sống trong cõi Mộng, mang nó tới bên Tục ắt nó phải chết, cũng như con cá quen sống dưới nước bị vớt lên bờ khô nắng cháy. Chiếc giường mới của đêm động phòng hoa chúc có khác gì mảnh đất nóng rẫy, khô nứt nẻ:

Thôi hết nhé thỏa đi niềm rạo rức

*Từ cung Trăng rơi ngã xuống trần gian
Ta sắp uống bùn nhơ và Sự Thực
Sẽ mai đây giày xéo Giấc Mơ tàn
(Động Phòng Hoa Chúc)*

Nhưng sự thực còn bi đát hơn thế nữa: nếu ái tình không bị xác thịt giết chết thì rồi tự nó nó cũng phải chết dần dần. Tình yêu vốn mỏng manh. Với thời gian nó sẽ tàn dần để đi tới chỗ tự hủy diệt. Hạnh phúc và niềm vui mà tình yêu cung ứng cho chúng ta vốn dĩ thấp thoáng mong manh như một cánh bướm trắng lững lờ trôi trên sông đêm:

*Dưới chân sóng nước nở
Ta ngồi nghe buổi chiều
Bên ta gió nước nở
Ta ngồi mong người yêu*

*Một cánh bướm vải trắng
Trôi theo nước lững lờ
Từ khoang thuyền lạnh lạnh
Tiếng hát bổng cao đưa*

Cánh bướm trắng đó là hình ảnh của hạnh phúc, tiếng hát cao đưa ấy là sự phát biểu một niềm vui. Nhưng than ôi, cánh bướm trắng vừa xuất hiện nó đã chực biến mất, tiếng hát vừa vang lên nó đã muốn tắt đi:

*Cánh bướm ngày một nhỏ
Tiếng hát ngày thêm xa
Ta nhìn theo không chớp
Ta lắng mãi lời ca*

*Phải đương đầu với gió
Phải bơi ngược dòng sông
Tiếng ca dần đuối sức
Còn thoi thóp nào nùng*

*Rồi sau chìm tắt hẳn
Như ánh nắng chiều đông*

*Đã tắt trên đầu núi
Đã chìm trên mặt sông*

Tiếng ca đã tắt. Còn cánh buồm trắng. Cánh buồm trắng tượng trưng cho hạnh phúc, tượng trưng cho “những điều mơ ước của tuổi trẻ yêu đời.” Nó ra sao? Nó... “Xa xa cánh buồm nhỏ - Màu trắng vẫn chưa phai”. Nó... “Chỉ còn một điểm trắng - Hấp hối trong đêm sâu”.

*Em ơi ta trần trọc
Khắc khoải đã bao đêm
Nhớ mong rồi ngờ vực
Đến cả tấm tình em*

*Vì những điều mơ ước
Của tuổi trẻ yêu đời
Thắm tươi như ánh nắng
Đã phai rồi em ơi*

.....

*Ta đâu còn giữ được
Lòng em yêu như xưa
Em ơi cánh buồm trắng
Sắp biến trong đêm mờ*
(Cánh buồm trắng, trang 68-71)

Tiếng ca đã tắt, cánh buồm trắng biến mất, hy vọng và niềm vui cũng biến theo. Thất vọng nhô ra, mỗi lúc một thêm lớn. Từ sự thất vọng, từ nỗi cô đơn, từ sự bơ vơ nảy sinh ra mối sầu; mối sầu đó, như chúng ta đã thấy, trải ra bát ngát và dựng cao như một bức thành. Vì thế chàng họ Vũ, cũng như Lý Bạch, Byron, Edgar Poe hay Paul Verlaine, đã trở thành một chàng Sầu.

CHÀNG SAY – Từ lâu lắm rồi vốn có một con đường mòn chạy từ Sầu tới Say. Tản Đà đã đi qua con đường ấy, Baudelaire, Thomas de Quincey hay Đinh Hùng cũng đã đi qua con đường ấy. Có vị say thứ này, có vị say thứ khác; riêng họ Vũ chúc đến ba bốn thứ say.

*Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ
Hãy say thêm rượu còn đó rượu chờ ta
Cổ chưa khô đầu chưa nặng mắt chưa hoa
Tay mềm mại bước còn chưa chuyển choáng
Chưa cuối xứ Mê Ly chưa cùng trời Phóng Đãng
Còn chưa say hồn khát vẫn thêm men...*

(Say Đi Em, trang 8)

*Hãy buông lại gần đây làn tóc rối
Sát gần đây gần nữa cặp môi điên
Rồi em sẽ dịu anh trên cánh khói
Đưa hồn say về tận cuối trời quên*

(Quên, trang 19)

Thì ra chàng ta say sưa là cốt để quên. Quên gì? Quên nỗi Sầu; quên hoàn cảnh cô đơn, cay đắng; quên những niềm hờn tủi; quên những cảnh tàn nhẫn phũ phàng của cuộc sống. Có điều, một điều rất phiền, Sầu và Say vốn là một cái vòng luẩn quẩn. Càng sầu lại càng muốn say mong quên sầu, thế nhưng hình như khi cơn say nhạt đi, nỗi sầu lại tăng hơn, thành sầu càng cao hơn. Thường khi, những cơn say còn bất lực không sao phá vỡ được nỗi sầu:

*Ta quá say rồi
Sắc ngã màu trôi
Gian phòng không đứng vững
Có ai ghì hư ảnh sát kề môi
Chân rã rời
Quay cuồng chỉ được nửa
Gối môi gần rơi
Trong men cháy giác quan vừa bén lửa
Say không còn biết chi đời
Nhưng em ơi
Đất trời nghiêng ngửa
Mà trước mắt thành Sầu chưa sụp đổ
Đất trời nghiêng ngửa
Thành Sầu không sụp đổ em ơi*

(Say Đi Em)

Nhưng nếu như cái say đã bắt lực không sao phá vỡ được mỗi sâu thì nó cũng vẫn có cái hay và ích lợi riêng của nó. Nói cho đúng hơn và rõ ràng hơn, những cơn say của tác giả vốn có ích lợi cho người thưởng ngoạn thơ. Nếu Lý Bạch không say làm sao mà hậu thế được thưởng thức những bài thơ tuyệt vời như bài thơ *Tương Tiến Tửu*. Nếu Vũ Hoàng Chương không say (và mê nữa chứ) đủ thứ như thế làm sao chúng ta có tập *Thơ Say* quý giá này, làm sao chúng ta có được những áng thơ đặc sắc như *Say Đi Em*, *Đà Giang*, *Quên*, *Phương xa*, *Nghe Hát* hoặc *Hơi Tàn*, *Đông Á* để mà rung động.

CON NGƯỜI LÃNG MẠN – Có những chứng cứ nào chứng tỏ rằng họ Vũ là một con người lãng mạn. Chứng cứ thì nhiều lắm. Dám chuốc một lúc cả ba bốn cái thú chơi, toàn là thứ dữ dẫn cả, riêng điều đó cũng đã đủ để chứng tỏ họ Vũ là một con người lãng mạn. Vào thời Tiền Chiến, các tác phẩm thuộc loại lãng mạn khá nhiều. Về tiểu thuyết có cả mấy chục cuốn thuộc loại lãng mạn. Về thơ, màu sắc lãng mạn nằm bành bạc trong thơ của các thi sĩ như Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, J. Leiba, Mộng Huyền... Những tác phẩm của ba thi sĩ liên hệ (Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng chương) đều cũng có hoặc ít hoặc nhiều vẻ lãng mạn. Trong thời Hậu Chiến, tinh thần lãng mạn đích thực gần như là không có, còn vào thời Tiền Chiến, tinh thần đó lên rất cao. Cũng dễ hiểu, sống giữa thời bình, đất nước nằm dưới sự thống trị của ngoại bang, cuộc sống nhọc nhằn, nghèo nàn buồn tẻ diễn ra đều đều, người thanh niên dễ chán nản, đâm ra ủy mị yếu ớt hoặc thích những đam mê mạnh, những cơn say để mà quên đời, quên cái thân phận của mình giữa một cuộc sống đìu hiu buồn bã. Lại thêm những ảnh hưởng của văn chương Tây Phương. Những nhà thơ Pháp được thanh niên ta lúc bấy giờ ưa đọc đều là những vị lãng mạn cùng mình cả: những nhà thơ nhà văn như Lamartine, Hugo, Alfred de Musset, Chateaubriand, những tay lãng mạn chính cống, một trăm phần trăm, cả tác phẩm lẫn cách sống đều sắc mùi lãng mạn. Rồi đến những Baudelaire Verlaine, Rimbaud... mặc dầu không chủ trương nguyên tắc lãng mạn trong hình thức thơ, nhưng những tư tưởng, nhân sinh quan và lối sống còn có vẻ lãng mạn cao độ hơn thế nữa, lãng mạn đến

độ thác loạn... Những văn chương tư tưởng cũng như nhân sinh quan của họ đã thâm nhập sâu đậm vào tâm hồn thanh niên Tiền Chiến khiến cho cái tâm hồn vốn dĩ lãng mạn của họ lại càng thêm lãng mạn. Do đấy, trong thời Tiền Chiến, tại Việt Nam tư tưởng lãng mạn đã lên cao hơn bao giờ hết.

Chúng ta đã thấy cả ba ông Thế Lữ, Hàn Mặc Tử và Vũ Hoàng Chương đều thuộc loại lãng mạn, hoặc ít hoặc nhiều. Thế Lữ lãng mạn một cách lành mạnh hơn cả, lãng mạn ở chỗ thích sống tự do, phóng túng, nhưng ông ta ít bị lệ thuộc vào những đam mê thông thường như rượu mạnh. Hàn Mặc Tử lãng mạn về tâm tưởng nhiều hơn là trong cuộc sống. Những tình cảm, những rung động và trí tưởng tượng của Hàn thường được mở rộng nên nó thường lan tràn bát ngát. Riêng Vũ Hoàng Chương đã là một thứ lãng mạn điển hình nhất. Lãng mạn trong tác phẩm, lãng mạn trong lối sống, trong cách sinh hoạt hàng ngày. Thơ của ông chứng tỏ ông có rất nhiều đam mê, với rượu, với khói, với đàn bà, với những thú chơi như khiêu vũ, hát ả đào... Ông có nhiều đam mê thế nhưng ông đã không chịu trốn tránh hoặc hạn chế những đam mê đó. Ông đã tự đề cho các đam mê chế ngự ông, các ý thích của ông được buông thả, các tình cảm cả tốt lẫn xấu được tự do phát triển lan tràn. Những con người lãng mạn vốn như thế đó: nhiều đam mê, thích những cảm giác mạnh, yếu đuối và ham hố. Họ tự buông thả. Họ thêm khát tình yêu, thứ tình yêu nặng về tâm hồn hơn là về xác thịt. Vì tâm hồn nhạy cảm họ dễ vui dễ buồn, và thực trạng cuộc sống đã khiến cho họ vui ít, buồn nhiều. Họ than vãn, họ thở dài, họ đi kiếm những cảm giác mạnh, những sự kích thích dữ dội để mà quên thực tế. Họ cần cõi Mộng Ảo hơn là thực tế. Chỉ trong những cõi Mộng, họ mới cảm thấy mình được sống một cách thỏa ý, chỉ trong cõi Mộng mới có tình yêu thực sự, chỉ trong cõi Mộng mới có nỗi vui. Cả ba ông Vũ Hoàng Chương, Thế Lữ và Hàn Mặc Tử đều ưa thích những cõi mộng ảo. Tuy nhiên những cõi mộng ảo của họ không giống nhau. Cảnh mộng của Thế Lữ chỉ thoáng như một ảo giác mau qua. Cõi Mộng của Hàn Mặc Tử vốn khác thường kỳ ảo giống như những hành tinh xa lạ nào đó. Cõi mộng của Vũ Hoàng Chương là cõi Mộng thông thường, cõi Mộng của rượu, của khói, của trí tưởng tượng, của

thơ, của cung đàn, tiếng hát...

Vũ Hoàng Chương, Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, cả ba đều lãng mạn, cả ba đều ưa thích mộng mơ, thế nhưng tương đối tâm hồn Thế Lữ có vẻ khô khan, tâm hồn Hàn Mặc Tử có vẻ siêu thoát, chỉ có tâm hồn Vũ Hoàng Chương là ướt át và gần với tâm hồn chung của thể nhân hơn cả, do vậy có nhiều nhân tính hơn cả.

Điều đáng lưu ý nhất: cái tâm hồn lãng mạn của Vũ Hoàng Chương, ở bất cứ hoàn cảnh nào, bất cứ trường hợp nào, cũng vẫn giữ được cái vẻ ngây thơ trong sáng. Khi mới lớn lên, khi tuổi trẻ đang còn nhiều niềm vui hồn nhiên tâm hồn ông trong sạch đã đành, thế nhưng ngay cả về sau này, những lúc sầu, những lúc say, những lúc than vãn, những lúc cảm thấy mình đã già cỗi cả về linh hồn lẫn thể xác, Vũ Hoàng Chương vẫn luôn luôn giữ được những tình cảm ngây thơ, trong sáng, chân thật, những tình cảm khiến cho cả con người lẫn thơ của ông trong bất cứ trường hợp nào cũng vẫn có vẻ thanh quý.

Về hình thức, trong Thơ Say, họ Vũ đã sử dụng nhiều thể thơ khác nhau. Trước hết là thể thất ngôn bát cú phá cách (không theo nguyên tắc biến ngẫu). Lối này ông xài rất ít, trong Thơ Say ông chỉ xài có một lần, nhưng lần ấy ông đã tạo ra được một bài thơ thật đặc sắc: mặc dầu thể thơ phảng phất về cổ kính, mặc dầu có những dụng ngữ và hình ảnh đã trở thành sáo, nhưng ở bài thơ, cái vẻ cổ kính và cái giọng sáo đó lại rất đặc dụng bởi chúng gợi ra được không khí mơ màng, hoài cổ đầy sức hấp dẫn. Bài Nghe Hát là một trong những bài thơ tuyệt tác của họ Vũ:

NGHE HÁT

*Phách ngọt đàn say nệm khói êm
Tiếng ca buồn nổi giữa chừng đêm
Canh khuya đưa khách lời gieo ngọc
Mơ gái Tầm Dương thoảng áo xiêm
Ai lạ nghìn thu xa tám cõi
Sen vàng như động phía châu liêm*

*Nao nao khói biếc hùi thương nữ
Trở gối hoa lê rụng trắng thêm.*

Mặc dầu có thể sáng tác được những bài thơ hình thức cổ có giá trị như thế, họ Vũ, cũng như Hàn, đã say mê rung động với những thể thơ Mới hơn, vì thế ông đã không ngần ngại sử dụng những lối thơ mới, năm chân, bảy, tám chân. Đôi khi ông còn sử dụng lối thơ “phá thể” như trong các bài *Say Đi Em*, *Hồn Dối* (trang 34), *Tối Tân Hôn* (trang 40), *Tình Si* (trang 56) là lối thơ gồm những câu dài ngắn không chừng, có công dụng tạo ra những âm điệu mới lạ cho thơ. Trong bài *Say Đi Em* chẳng hạn, lối thơ phá thể của ông rất đặc dụng, bởi nó đã tạo được một tiết điệu rất du dương hợp với cái hoạt cảnh được trình bày trong bài thơ, khiến bài thơ có một vẻ uyển chuyển đặc biệt, một sức hấp dẫn kỳ lạ. Với những bài thơ như vậy, Vũ Hoàng Chương quả thực đã góp một phần công lao rất lớn vào việc hiện dương và tạo một sự chiến thắng vinh quang cho thơ Mới.

Trong đa số các bài thơ ở tập *Thơ Say*, ngôn ngữ của ông thường sáng sủa, rất dễ lãnh hội. Tuy nhiên, trong vài bài như *Đà Giang*, *Chợ Chiều*, *Nghe Hát*, ngôn ngữ có vẻ mơ hồ, uyển chuyển hơn, có những chỗ tương tự với lối thơ Tượng Trưng, mang nhiều sức gợi cảm hơn là truyền cảm. Bài *Cánh Buồm Trắng*, một trong những bài thơ tuyệt tác của họ Vũ trong *Thơ Say*, mặc dầu có một ngôn ngữ sáng sủa dễ hiểu, nhưng vẫn thấp thoáng cái màu sắc tượng trưng, với những biểu tượng (symboles) như cánh buồm trắng hoặc tiếng hát được lồng vào những lời tâm sự phảng phất giọng triết lý, Những bài thơ “tượng trưng” đó, một vẻ tượng trưng có rất nhiều màu sắc Á Đông, đã khiến cho tập *Thơ Say* thêm nhiều vẻ phong phú.

Với tập *Thơ Say*, Vũ Hoàng Chương đã là một trong những ngôi sao sáng trên thi đàn Tiền Chiến. Với tập *Thơ Say*, ông đáng được coi như một trong những thi sĩ lãng mạn đích thực của thời Tiền Chiến. Với tập *Thơ Say*, ông đã chứng tỏ mình là một nghệ sĩ có tài nghệ rất cao, có khả năng gây rung động mãnh liệt không những cho các độc giả thời Tiền Chiến mà cả cho các độc giả thời Hậu Chiến, cũng như – hẳn thế – mọi

thời đại sẽ tới trong tương lai.

Thơ Say của Vũ Hoàng Chương, cũng như *Mấy Vần Thơ* của Thế Lữ và *Thơ Hàn Mặc Tử* của Hàn Mặc Tử, đáng được coi như viên ngọc quý trong kho tàng văn chương của xứ sở chúng ta.

8-8-1974

Lê Huy Oanh

[1] *Nhóm Xuân Thu Nhã Tập* mặc dầu ra tuyên ngôn gây ồn ào nhưng không tạo được tiếng vang và ảnh hưởng gì lắm. Công trình của nhóm này, riêng về thi ca, hình như ngày nay chỉ còn lại có bài *Màu Thời Gian* của Đoàn Phú Tứ.

[2] Đúng ra, có lẽ do nhà Khai Trí đứng ra tái bản với sự ủy quyền của bà vợ Thế Lữ, nhưng trong sách chỉ thấy ghi là nhà sách Khai Trí phát hành. Tất cả những số trang sẽ trưng dẫn trong bài này đều căn cứ theo tập tái bản của nhà Khai Trí.

[3] Tất cả những số trang trong bài khảo luận này được căn cứ theo tập in lần thứ hai của nhà Tân Việt. Cần lưu ý: trong bản này của nhà Tân Việt, số trang chỉ được ghi trong mục lục mà thôi. Vậy nếu hiện bạn đang có tập *Thơ Hàn Mặc Tử* (in lần hai) trước mặt, bạn có thể chiếu theo “mục lục” để ghi số trang cho mỗi bài thơ.

(Nguồn: Tạp chí Văn năm 1974)

(THT & NM đánh máy)

PHẠM VĂN NHÀN

GIỚI THIỆU SÁCH

Trong tháng 5 năm 2016, TQBT chúng tôi có nhận sách của các nhà văn, nhà thơ gửi đến tặng TQBT. Xin thành thật cảm ơn các tác giả và xin ân cần giới thiệu đến các bạn đọc.

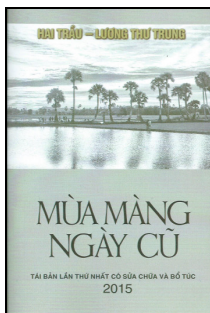
1) NHỮNG BẠN VĂN NGHỆ NGANG QUA ĐỜI TÔI



Tác giả **Lê Cần Thơ**. Do Thư Ấn Quán in vào năm 2010. Tái bản 2015. Sách dày 488 trang. Loại sách viết như : "tâm bút" của tác giả Lê Cần Thơ , ghi lại những người bạn văn thơ của tác giả ở miền tây Nam Bộ. Trong đó cũng có những bài viết về những cuộc gặp với những nhà thơ, nhà văn tên tuổi từ nơi khác đến.

Với một lối hành văn dễ đọc, và gây nhiều cảm xúc, *Những Bạn Văn Nghệ Ngang Qua Đời Tôi* của Lê Cần Thơ là một tập sách cần đọc để hiểu thêm tình bạn bè qua Tâm Bút mà Lê Cần Thơ truyền tải đến các nhà văn, nhà thơ một thời tên tuổi trên văn đàn miền Nam. Không thấy ghi giá bán. Độc Giả TQBT cần xin liên lạc với Lê Cần Thơ qua địa chỉ email: **vienhoangle@yahoo.com** để có sách

MÙA MÀNG NGÀY CŨ



Tác giả: Hai **Triều - Lương Thu Trung** . Sách tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa và bổ sung năm 2015. Sách dày 375 trang. Tựa: Tô Thắm Huy. bặt: Phan Xuân Sinh. Phụ bản: Dương Văn Chung. Thái Lý. Vũ Thất.

Mùa Màng Ngày Cũ. Tác giả Hai Triều - Lương Thu Trung viết lại những sinh hoạt của người Nam Bộ. Nơi tác giả sinh ra và lớn lên. Với ngòi bút bình dị của người Nam bộ, Hai Triều đã đưa người đọc đến với những công việc bình thường hằng ngày của người nông dân như ngày gieo mạ. Cây lúa. Đặt lờ đặt nỏp. Trồng cây... với lối hành văn dễ đọc, bình dị hấp dẫn người đọc ...và biết thêm cảnh sinh hoạt rất Nam Bộ của người dân quê. Không thấy ghi giá bán. Độc giả TQBT cần sách liên lạc với Hai Triều- Lương Thu Trung qua địa chỉ email: haitrau7@yahoo.com

TRỐN VÀO GIÁC MƠ EM (tập thơ) CUỐI ĐÊM DÀI (tập truyện ngắn)



1/ Tập Thơ **Trốn Vào Giác Mơ Em** của tác giả nữ Nguyễn Thị Thanh Bình. Do nhà xuất bản Thanh Văn Los Angeles phát hành năm 1997. Thụy Khuê lời tựa. Hai phụ bản nhạc Thuyền Say và Lời Cuối do Phạm Duy phổ nhạc. Sách dày 137 trang. Giá bán 10 US.

Nguyễn Thị Thanh Bình, độc giả thường biết tên cô là một nhà văn nổi tiếng ở hải ngoại. Nhưng qua tập thơ *Trốn Vào Giác Mơ Em* của nhà văn nữ này, độc giả lại biết thêm một nhà thơ nữ có tài. Thơ của Nguyễn Thị Thanh Bình trong thi tập man mác một cõi đời mệnh mông, một nỗi buồn vô tận, có không, không có, lãng đãng. Một tập thơ hay. Xin giới thiệu với độc giả TQBT.

2/ **Cuối Đêm Dài**. Tập truyện ngắn do An Tiêm xuất bản. Sách dày 208 trang gồm 15 truyện ngắn. Giá bán 10 US. Lối dựng truyện của nhà văn nữ Nguyễn Thị Thanh Bình hấp dẫn, lôi kéo người đọc trong mỗi truyện ngắn của cô. Như *Truyện ngắn Cuối Đêm Dài* mà tác giả chọn làm tựa cho tuyển tập. Văn phong bình dị nhưng cũng cay đắng đời thường. Phải nói văn của Nguyễn Thị Thanh Bình hay. Xin giới thiệu với độc giả TQBT.

GIỮA TÒA SOẠN VÀ THÂN HỮU

Một số bạn hỏi về việc giúp đỡ nhà thơ Phạm Ngọc Lư

Vì tòa soạn TQBT không có nhân lực cũng như nơi chúng tôi không có chỗ chuyển tiền nên chúng tôi không thể đảm trách việc này.

Quý bạn nào muốn đóng góp trợ giúp có thể chọn một trong hai cách:

1. Gởi thẳng về địa chỉ người con của PNL:

PHẠM HÀ GIAO

35 đường K 20,

quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng Tel. 0935 038 438

Hoặc

2. Gởi về địa chỉ nhà văn Phạm văn Nhân:

(xin vui lòng gởi cash, không check)

Mr. Nhan Pham

13535 Laurel River

Houston, TX 77083

Tưởng cần nói rõ thêm là sau khi nghe tin nhà thơ Phạm Ngọc Lư bị bệnh nan y, nhà thơ nữ Lâm Thúy (VA) và nhà văn Phạm văn Nhân (TX) đã tự động đứng ra quyên góp từ bạn bè văn nghệ và bạn đọc TQBT một số hiện kim gởi về gia đình anh PNL trong thời gian anh nằm tại bệnh viện Ung Bướ Đà Nẵng.

Cáo lỗi:

Vì chủ đề PNL là chủ đề đột xuất nên một số bài vở đã lên khuôn đành phải rút ra. Xin thành thật cáo lỗi quý thân hữu. Rất mong nhận những sáng tác mới - đề tài tự do cũng được. Trân trọng.

Nhắn tin:

Nhà xb Thư Án Quán dự trù sẽ xuất bản một tập truyện của PNL. Hiện tại chúng tôi chỉ sưu tầm được 9 truyện. Rất mong quý bạn nào còn có những truyện khác, xin chụp gửi về tòa soạn TQBT để chúng tôi đánh máy. Chân thành cảm ơn trước.